

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

MÔN

KHOA HỌC XÃ HỘI

LỚP 9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Thay cho sách giáo khoa hiện hành, học sinh học theo mô hình Trường học mới sử dụng sách *Hướng dẫn học*, được thiết kế dựa trên chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới. Bộ sách gồm 8 môn học: Toán, Ngữ văn, Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hoá học, Sinh học), Khoa học xã hội (Lịch sử và Địa lí), Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học, Hoạt động giáo dục (Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật). Mỗi bài học trong sách *Hướng dẫn học* được biên soạn trên cơ sở sắp xếp lại nội dung sách giáo khoa hiện hành, giải quyết tương đối trọn vẹn một vấn đề để có thể tổ chức dạy học theo tiến trình sư phạm của các phương pháp dạy học tích cực. Từ vấn đề cần giải quyết đặt ra ở hoạt động "Khởi động", học sinh có nhu cầu "Hình thành kiến thức" để giải quyết vấn đề; "Luyện tập" để thông hiểu và phát triển các kỹ năng; "Vận dụng" vào thực tiễn và "Tìm tòi mở rộng". Mỗi hoạt động học của học sinh được thiết kế theo một kĩ thuật dạy học tích cực.

Khi tổ chức dạy học trên thực tế, căn cứ vào điều kiện thực tiễn, giáo viên cần vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo: Cần linh hoạt, chủ động thay đổi tình huống/câu hỏi/lệnh/nhiệm vụ học tập trong hoạt động "Khởi động" phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tiễn của nhà trường, đảm bảo gần gũi với kinh nghiệm sống của học sinh (*kết thúc hoạt động này, giáo viên không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp học sinh phát biểu được vấn đề để học sinh chuyển sang các hoạt động tiếp theo*); Giúp học sinh chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành trong hoạt động "Hình thành kiến thức" (*kết thúc hoạt động này, trên cơ sở kết quả hoạt động học của học sinh thể hiện ở các sản phẩm học tập mà học sinh hoàn thành, giáo viên cần chốt kiến thức mới để học sinh chính thức ghi nhận và vận dụng*); Giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được trong hoạt động "Luyện tập" (*kết thúc hoạt động này, nếu cần, giáo viên có thể lựa chọn những vấn đề cơ bản về phương pháp, cách thức giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề để học sinh ghi nhận và vận dụng*); Đối với hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi mở rộng", cần tập trung giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để phát hiện và giải quyết các tình huống/vấn đề trong cuộc sống ở gia đình, địa phương...; khuyến khích học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học (*các hoạt động này không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả học sinh phải tham gia. Tuy nhiên, giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện; khuyến khích những học sinh có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp*).

Khi tổ chức dạy học, cần lưu ý rằng việc chia nhóm phải linh hoạt, tuỳ theo nội dung bài học, điều kiện lớp học và cơ sở vật chất, đảm bảo tất cả học sinh được hoạt động học tích cực, tự lực, hiệu quả; không nhất thiết phải chia nhóm ở tất cả các bài học. Trong trường hợp phòng học không đủ diện tích để bố trí cho học sinh ngồi học theo nhóm, có thể bố trí học sinh ngồi như lớp học truyền thống để thực hiện các bài học với các hình thức hoạt động học cá nhân, cặp đôi, toàn lớp.

Trong quá trình biên soạn và triển khai thử nghiệm, các tác giả đã tiếp thu nhiều ý kiến phản hồi và đã hết sức cố gắng chỉnh sửa, hoàn thiện. Tuy nhiên, bộ sách chắc chắn không thể tránh khỏi những điểm còn hạn chế, thiếu sót cần được tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung. Các tác giả bộ sách trân trọng cảm ơn và mong nhận được những ý kiến đóng góp của đông đảo giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và những người quan tâm để bộ sách ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo./.

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN THỨ NHẤT

HƯỚNG DẪN VẬN DỤNG PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC LỚP 9 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

1. Bối cảnh thực hiện

Thực hiện NQ29, hiện nay không chỉ các trường thụ hưởng Dự án mà tất cả các nhà trường phổ thông nước ta đang đổi mới về tổ chức và hoạt động. Có thể tiếp cận sự đổi mới từ các thành tố dựa theo chủ thể hoạt động giáo dục (xã hội, nhà trường, GV, HS) và hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục:

- Xã hội hoá giáo dục, phối hợp tốt giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục cộng đồng;
- Nhà trường tự chủ, nhất là tự chủ về tổ chức thực hiện chương trình giáo dục và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;
- Tập thể GV phát triển nghề nghiệp liên tục, là đội ngũ biết học hỏi và học tập suốt đời;
- Phương pháp giáo dục lấy hoạt động học là trung tâm, tập thể HS tự quản, tự học dưới sự theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn của GV;
- Đánh giá vì sự tiến bộ của HS, đánh giá để tạo động lực học, phối hợp đánh giá quá trình và đánh giá kết quả, tự đánh giá của HS với đánh giá của nhà trường, của gia đình và xã hội.

Những đổi mới này bảo đảm môi trường giáo dục dân chủ, phát huy khả năng sáng tạo của tất cả các chủ thể giáo dục, bảo đảm tính hiệu quả của các nguồn đầu tư và các hoạt động giáo dục. Mỗi thành tố trong 5 thành tố có những giá trị riêng nhưng liên quan mật thiết với các thành tố khác. Không thể đổi mới thành công nếu không đổi mới đồng bộ các thành tố, nhưng tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường mà trong từng giai đoạn sẽ có những ưu tiên khác nhau đối với từng thành tố đó; lựa chọn ưu tiên và cách làm cụ thể sẽ thể hiện tính sáng tạo của tập thể lãnh đạo và các thành viên trong nhà trường.

Phương pháp giáo dục nói chung, phương pháp dạy học nói riêng của MH THM đã theo đúng xu hướng chung của các lý thuyết giáo dục tiên tiến trên thế giới, cần được tiếp tục nghiên cứu, áp dụng trong các nhà trường phổ thông Việt Nam. Theo chủ trương “một chương trình nhiều sách giáo khoa” trong Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông thì GV có thể sử dụng một SGK nhưng cần tham khảo nhiều sách, tài liệu khác trong quá trình dạy học. Thực tế những năm vừa qua, căn cứ chương trình và SGK hiện hành, Bộ GD&ĐT đã tổ chức biên soạn Tài liệu hướng dẫn dạy học theo MH THM ở TH và các lớp 6, 7, 8 ở THCS đã thành công trong điều kiện bước đầu đổi mới của các nhà trường như đã nêu trên.

2. Những đặc điểm cần lưu ý trong việc thiết kế loại bài học kiến thức mới theo MH THM

– Tài liệu hướng dẫn học (TLHDH) thiết kế bài học theo từng chủ đề học tập, thời gian cần cho mỗi bài không nhất thiết là 45 phút như tác giả dự kiến mà do GV quyết định, phụ thuộc vào đặc điểm của chủ đề học tập. Vận dụng lôgic quá trình nhận thức khoa học, từng bài học đều theo quy trình chung, gồm 5 nhóm hoạt động: khởi động (xác định nhiệm vụ học tập); hình thành kiến thức; luyện tập; vận dụng (ứng dụng); tìm tòi mở rộng. GV cần phải biết sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực để hỗ trợ/ hướng dẫn HS thực hiện chuỗi hoạt động học tập theo sách. SGK truyền thống cũng đã thiết kế nội dung bài học theo từng chủ đề/vấn đề, nhưng dù các vấn đề có độ khó dễ, dài ngắn khác nhau vẫn được dành thời lượng tương ứng với từng tiết học (35 phút ở TH, 45 phút ở THCS) nên không thể áp dụng lôgic hoạt động nhận thức khoa học cho tất cả các bài và cũng không thiết kế rõ các bước hoạt động phù hợp.

– SGK truyền thống tập trung trình bày nội dung học tập, TLHDH hướng dẫn hoạt động học để tìm tòi kiến thức, đặc biệt coi trọng hoạt động học cá nhân và học tương tác giữa các HS và giữa HS với GV. GV dựa theo TLHDH để có thể hướng dẫn bổ sung, hỗ trợ HS tự học thông qua các hoạt động chủ yếu sau đây: tạo tình huống học tập/tình huống có vấn đề; tổ chức và hướng dẫn hoạt động học nhóm; "chốt"/chính thức hoá kiến thức (do HS tự làm nhưng nếu gặp phải vấn đề khó, đa số HS không tự tìm tòi được kiến thức thì GV phải hướng dẫn nhóm hoặc cả lớp HS cùng hoạt động để suy nghĩ đúng hướng và giải quyết được vấn đề); đánh giá/hướng dẫn hoạt động học dựa trên quan sát hành vi của HS; hướng dẫn ghi bài; hướng dẫn trình bày/báo cáo kết quả học tập; kiểm tra kết quả học tập thường xuyên, kiểm tra đánh giá định kì...

– Theo TLHDH, khi kết thúc hoạt động luyện tập tất cả HS phải đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu (mục tiêu) của bài học; HS nào có năng lực hơn thì trao đổi, hướng dẫn bạn. Nếu hầu hết HS trong lớp đã đạt được mục tiêu thì sẽ chuyển sang hoạt động tiếp theo; một vài em chưa đạt thì sẽ được GV hoặc bạn ngồi bên hướng dẫn bổ sung để đạt chuẩn (dù phải chậm hơn tiến độ chung của lớp).

Hai hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng thường được giao cho HS thực hiện ngoài giờ học trên lớp; cần động viên để tất cả HS đều tích cực thực hiện nhưng kết quả sẽ thể hiện sự phân hóa giữa các HS, tức là không yêu cầu tất cả HS phải đạt được kết quả như nhau; HS sẽ được GV tạo điều kiện để trưng bày hoặc báo cáo kết quả học tập; đó cũng là hình thức kiểm tra, đánh giá HS.

– Sử dụng TLHDH, GV không phải soạn giáo án như truyền thống nhưng cần phải có Sổ tay nhật ký giảng dạy (Sổ tay lên lớp) để ghi lại những dự định, khó khăn, kinh nghiệm,... của hoạt động dạy học để chủ động và thường xuyên nâng cao chất lượng trong hoạt động dạy học.

– TLHDH được dùng chủ yếu cho lớp HS cùng trình độ nhưng cũng có thể sử dụng để dạy lớp ghép dựa trên hoạt động tự học của HS và hướng dẫn của GV.

– Tập thể HS biết tự quản và phụ huynh biết hỗ trợ con em học tập là điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu quả sử dụng sách.

– Dạy học theo TLHDH có thể áp dụng trong tất cả các lớp học thông thường hiện nay nếu GV có khả năng vận dụng linh hoạt các biện pháp trong quá trình dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể nhưng điều kiện tốt nhất để áp dụng bài học theo TLHDH là GV thành thạo các kĩ thuật dạy học; phòng học đủ rộng để HS được ngồi học theo nhóm (4 – 6 em), có góc học tập (nơi để các học liệu cho HS sử dụng trong khi học trên lớp và cũng là nơi trưng bày các sản phẩm học tập của HS), có góc thư viện/tủ sách lớp học để sách và các tư liệu tham khảo cho HS dùng trong hoặc ngoài giờ học,...

3. Đặc điểm của từng nhóm hoạt động theo TLHDH

Thứ tự của 5 nhóm hoạt động là theo đúng lôgic hoạt động nghiên cứu khoa học và cũng là lôgic chung của các phương pháp dạy học tích cực áp dụng cho bài học kiến thức mới. Trong khi bảo đảm lôgic chung đó, tùy theo phương pháp dạy học cụ thể và đặc điểm cụ thể của nội dung học tập mà có thể ưu tiên nhiều hơn cho những hoạt động nhất định, hoặc có thể lồng ghép các nhóm hoạt động. Sau đây trình bày riêng đặc điểm từng nhóm hoạt động.

a) Hoạt động khởi động (xác định nhiệm vụ học tập)

– Mục đích: làm bộc lộ những hiểu biết, quan niệm sẵn có của HS, tạo mối liên tưởng giữa kiến thức đã có với kiến thức mới cần/sẽ lĩnh hội trong bài học mới; giúp HS huy động những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân, kích thích sự tò mò, mong muốn tìm hiểu bài học mới; rèn luyện cho HS năng lực cảm nhận, hình thành những biểu tượng ban đầu về các khái niệm, sự hiểu biết, khả năng biểu đạt, đề xuất chiến lược, năng lực tư duy; xác định nhiệm vụ học bài học mới; đồng thời giúp GV tìm hiểu xem HS có hiểu biết như thế nào về những vấn đề trong cuộc sống có liên quan đến nội dung bài học.

– Nội dung, phương thức hoạt động: thông qua các câu hỏi/tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (băn khoăn, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...).

GV hướng dẫn tiến trình hoạt động của HS. Các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm được tổ chức linh hoạt sao cho vừa giúp HS huy động được kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân, vừa xây dựng được ý thức hợp tác, tinh thần học tập lẫn nhau. Việc trao đổi với GV có thể thực hiện trong hoặc sau khi đã kết thúc hoạt động nhóm.

– Sản phẩm: các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo,... của HS. (Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn trong TLHDH và của GV).

b) Hoạt động hình thành kiến thức

– Mục đích: HS khám phá (hình thành) kiến thức, phát triển kĩ năng mới. Thông qua tìm hiểu nội dung kiến thức của chủ đề/bài học; thông qua các hoạt động học tập, HS thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ, phát hiện được kiến thức, kĩ năng mới theo yêu cầu được đề cập đến trong bài học.

– Nội dung, phương thức thực hiện: HS đọc TLHDH, làm việc với tư liệu giáo dục, sử dụng học liệu (vật thật, mô hình, tài liệu,...); tự nghiên cứu, trải nghiệm, khám phá, hình thành kiến thức của riêng mình; chia sẻ, trao đổi với bạn ngồi cạnh, bạn trong nhóm, GV những lập luận khoa học; tìm tòi, phát hiện các đặc điểm, dấu hiệu của đối tượng cần chiêm lĩnh (công thức toán, giá trị bài văn, đặc điểm của các sự vật, hiện tượng,...); hình thành kiến thức, kĩ năng cần lĩnh hội trong chủ đề. HS có thể phải trả lời trực tiếp về nội dung kiến thức hoặc phải lập luận, giải thích về những khái niệm khoa học trong chủ đề.

GV quan sát hoạt động của HS (nhất là những HS có hạn chế trong học tập, HS giỏi) để hỗ trợ, hướng dẫn hoạt động cá nhân, khuyến khích các hoạt động tương tác giữa các HS hoặc theo nhóm HS, giúp các em ý thức được từng nhiệm vụ, từng bước giải quyết nhiệm vụ học tập; chốt lại những kiến thức, kĩ năng cơ bản, cốt lõi; khuyến khích HS tìm tòi, sáng tạo; phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác, trình bày,... Kết thúc hoạt động nhóm, HS được trình bày kết quả với bạn, với GV.

– Sản phẩm: HS ghi được công thức, khái niệm, nhận xét, bài giải,... cần lĩnh hội trong vở ghi. Những sản phẩm này do HS tự học, sau đó thông qua các hoạt động tương tác với bạn, với GV để hoàn thiện (sửa, bổ sung,...), từ đó HS có thêm kĩ năng mới.

c) Hoạt động luyện tập

– Mục đích: chính xác hoá kiến thức, thông qua thực hành vận dụng trực tiếp những kiến thức vừa học được ở phần trên vào giải quyết những nhiệm vụ cụ thể (câu hỏi, bài tập, thực hành, thí nghiệm), HS hoàn thiện hiểu biết, củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức đã lĩnh hội, đặt kiến thức, kĩ năng mới lĩnh hội vào hệ thống kiến thức, kĩ năng trước đó của bản thân; GV biết được mức độ hiểu biết/lĩnh hội kiến thức của HS.

– Nội dung, phương thức hoạt động: HS phải vận dụng những hiểu biết đã học vào giải quyết các bài tập/tình huống cụ thể và tương tự các bài tập/tình huống đã học nhưng có thay đổi các dữ liệu ban đầu.

HS có thể được hướng dẫn hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập, bài thực hành,... Đầu tiên, nên cho HS hoạt động cá nhân để các em hiểu và biết được mình hiểu kiến thức như thế nào, có đóng góp gì vào hoạt động nhóm và xây dựng các hoạt động của tập thể lớp. Sau đó cho HS hoạt động nhóm để trao đổi, chia sẻ kết quả mình làm được, thông qua đó HS có thể học tập lẫn nhau, tự sửa hoặc sửa lỗi cho nhau. Kết thúc hoạt động này HS sẽ trao đổi với GV để được GV hướng dẫn bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm học tập.

– Sản phẩm: lời giải và kết quả giải các bài tập/tình huống cụ thể được ghi lại trong vở của từng HS, được sửa chữa, bổ sung (nếu cần).

d) Hoạt động ứng dụng (vận dụng)

– Mục đích: củng cố kiến thức, kĩ năng, tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học được để giải quyết các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống; "hợp thức hoá" kiến thức vừa hình thành vào hệ thống tri thức, kĩ năng của bản thân thông qua giải quyết các tình huống phong phú; góp phần hình thành năng lực học tập và hoạt động thực tiễn; giúp GV đánh giá được mức độ nắm vững kiến thức của HS.

(Lưu ý: Nếu "kiến thức là những điều hiểu biết do tìm hiểu, học tập mà có được" và "tri thức là những hiểu biết có hệ thống về sự vật, hiện tượng tự nhiên hoặc xã hội" thì trong hoạt động luyện tập HS có thể chỉ cần vận dụng kiến thức mới được lĩnh hội, nhưng trong hoạt động ứng dụng bắt buộc HS phải vận dụng tri thức, định hướng vào những kiến thức mới được lĩnh hội).

– Nội dung, phương thức thực hiện: HS vận dụng tri thức của bản thân, bao gồm: những kiến thức, kĩ năng (vừa được lĩnh hội), kinh nghiệm của bản thân trong nhiều tình huống khác nhau và tương tự. Tri thức này liên quan với các tình huống vừa học, cần thiết để làm các bài tập lí thuyết, bài tập thực hành, giải các bài tập/tình huống mô phỏng thực tế cuộc sống trong và ngoài nhà trường hoặc nêu phương án giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

TLHDH nêu yêu cầu, GV hướng dẫn để HS ý thức được nhiệm vụ đặt ra, sau đó HS suy nghĩ, tự giải quyết vấn đề, từng bước hoàn thành việc giải bài tập; trong quá trình đó có thể trao đổi với bạn bên cạnh, bạn trong nhóm; cuối cùng, HS trong từng nhóm trao đổi để thống nhất một cách hoặc nhiều cách giải khác nhau nhưng cùng đạt kết quả. GV theo dõi các cá nhân và từng nhóm HS, gợi ý, điều chỉnh, hướng dẫn HS hoạt động (nếu cần).

– Sản phẩm: sản phẩm thực hành, câu trả lời, lời giải và kết quả giải các bài tập/tình huống được ghi trong vở, được sửa chữa, bổ sung (nếu cần) của HS.

e) Hoạt động tìm tòi mở rộng

– Mục đích: tăng cường ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng; hứng thú với các hoạt động tìm hiểu tự nhiên và xã hội, hình thành ý thức không bao giờ được hài lòng vì ngoài những kiến thức học được trong nhà trường, còn rất nhiều điều cần phải tiếp tục học.

– Nội dung và phương thức hoạt động: HS tìm hiểu thông qua các nguồn tài liệu ngoài lớp học (sách/tài liệu tham khảo hoặc trên Internet, trao đổi với bạn bè, người thân, các bản báo cáo, thuyết trình,...) để mở rộng hiểu biết; hoạt động trải nghiệm hoặc làm bài tập nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, hợp tác với các bạn trong nhóm, trong lớp, với GV, các thành viên trong gia đình và những người khác trong cộng đồng để giải quyết vấn đề, ứng dụng các kiến thức đã học. HS có thể tự đưa ra những tình huống, bài tập và giải quyết theo cách riêng của mình hoặc trao đổi trong cặp đôi, trong nhóm, thống nhất cách làm chung, tìm giải pháp, kết quả chung; báo cáo kết quả trước lớp hoặc trước GV.

TLHDH, GV nêu các vấn đề và gợi ý, hướng dẫn về các nhiệm vụ cần phải giải quyết và yêu cầu HS phải tìm ra các cách giải quyết vấn đề khác nhau ở thư viện, ở nhà hay trong cộng đồng.

– Sản phẩm: các tư liệu, sản phẩm được HS sưu tầm, trích dẫn; bản báo cáo, sản phẩm nghiên cứu của HS,... được trưng bày, báo cáo, thuyết trình.

4. Những đổi mới cần quan tâm khi dạy học theo MH THM

a) Thay đổi vai trò của GV, HS

– TLHDH của THM hướng dẫn hoạt động tự học (học cá nhân và học tương tác) để tìm tòi kiến thức. Vai trò của GV chuyển từ truyền thụ (giảng bài) sang căn cứ TLHDH để hướng dẫn bổ sung, hỗ trợ HS hoạt động học. Nếu dùng SGK truyền thống (hầu như không có hướng dẫn hoạt động học) thì GV phải đảm nhận toàn bộ việc hướng dẫn hoạt động học dựa theo nội dung của SGK đã được tái cấu trúc, bao gồm: học cá nhân, học tương tác (trao đổi với bạn, học theo nhóm, trao đổi với GV,...).

– Vai trò của HS chuyển từ tiếp thu kiến thức sang chủ động hoạt động học cá nhân, học tương tác theo hướng dẫn SGK và của GV để tìm tòi, khám phá, lĩnh hội kiến thức.

b) Hình thức hoạt động dạy học

– HS học cá nhân (đọc, quan sát, thí nghiệm..., ghi vở), trao đổi với bạn, với GV để hoàn thiện nội dung ghi chép theo cách riêng của bản thân (chính thức hoá kiến thức). Với mỗi hoạt động học (trong 5 nhóm hoạt động học đã nêu) sẽ hình thành được một sản phẩm học và nói chung HS phải trải qua 4 hành động sau: (1) HS nhận biết vấn đề cần giải quyết (yêu cầu, câu hỏi trong SGK hoặc do GV đặt ra), tiếp nhận nhiệm vụ học tập; (2) HS học cá nhân (suy nghĩ, quan sát, thí nghiệm,...) để giải quyết vấn đề, ghi kết quả vào vở theo cách riêng của cá nhân; (3) HS trao đổi kết quả với nhau hoặc với GV; (4) HS hoàn thiện sản phẩm học.

– GV đánh giá HS chủ yếu thông qua việc quan sát hành vi và vở ghi để đưa ra những lời nhận xét, khuyến khích hoặc hướng dẫn bổ sung (nếu cần). Nếu hầu hết HS không thể "đi đến" được kiến thức cần lĩnh hội thì GV phải hướng dẫn hoạt động theo nhóm hoặc theo lớp để "chốt"/chính thức hoá kiến thức.

c) Thay đổi cách ghi vở

Chuyển từ cách thức truyền thống là chỉ ghi lại các nội dung được GV chính thức hoá/"chốt" lại sang ghi diễn biến từng bước kết quả hoạt động tư duy qua học cá nhân và học tương tác, sửa chữa, bổ sung để từ chưa đúng thành đúng, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Do đó không thể có "vở sạch, chữ đẹp" như trước đây.

Với hoạt động dạy học được diễn ra như vậy, HS sẽ chủ động, tích cực hoạt động trong môi trường tương tác với bạn, với GV, quen với quy trình bài học ổn định dựa theo phương pháp nghiên cứu khoa học, qua đó hình thành phương pháp tự học. Nhưng để giúp HS hình thành năng lực tự học thì GV cũng cần quan tâm hướng dẫn các em biết tự rút kinh nghiệm, rèn luyện một số kỹ năng chủ yếu khác như: xác định mục tiêu học tập cá nhân, lập kế hoạch thực hiện và tự đánh giá, điều chỉnh việc học của cá nhân sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

5. Xây dựng các bài học kiến thức mới theo MH THM dựa trên SGK hiện hành

Vận dụng tinh thần Công văn số 791/HĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ GD&ĐT về thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông; phát huy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ GV, cán bộ quản lý các nhà trường; khắc phục những nhược điểm của chương trình và SGK hiện hành trên cơ sở đảm bảo mục tiêu dạy học, tính lôgic của mạch kiến thức và tính thống nhất giữa các môn học và các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng dạy học và hoạt động giáo dục khác. Cần lưu ý các hoạt động sau:

a) Thiết kế các bài học mới, mỗi bài học thiết kế theo lôgic 5 nhóm hoạt động trong TLHDH của MH THM

– Cấu trúc, sắp xếp lại nội dung dạy học của các môn học trong chương trình hiện hành theo định hướng phát triển năng lực HS thành những bài học mới, mỗi bài học mới sẽ giải quyết trọng tâm nội dung của một chủ đề tương đối hoàn chỉnh; có thể chuyển một số nội dung dạy học thành nội dung các hoạt động giáo dục và bổ sung các hoạt động giáo dục khác vào TLHDH; xây dựng kế hoạch dạy học, phân phối chương trình mới của các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với đối tượng HS và điều kiện thực tế nhà trường.

– Xây dựng các chủ đề liên môn, bao gồm các nội dung dạy học chưa được xây dựng trong chương trình các môn học hiện hành, gồm 2 loại chính sau:

+ Chủ đề liên môn bao gồm các nội dung dạy học gần giống nhau, có liên quan chặt chẽ với nhau (có thể đang trùng nhau) trong các môn học của chương trình hiện hành, có thể là chủ đề liên môn thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên hoặc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Xét nội dung của chủ đề liên môn, điều kiện về GV,..., mỗi chủ đề liên môn được đưa bổ sung vào kế hoạch dạy học của một môn học nào đó, do nhà trường quyết định.

+ Chủ đề liên môn với nội dung giáo dục liên quan đến các vấn đề thời sự của địa phương, đất nước, ví dụ: học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ, bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn nước, biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống, giới và bình đẳng giới, an toàn giao thông, sử dụng năng lượng hiệu quả,... Các chủ đề liên môn này được bổ sung vào kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

– Cách thức tiến hành: Nhà trường tổ chức cho các tổ/nhóm chuyên môn triển khai thực hiện các nội dung trên; hoàn thiện và ban hành chính thức văn bản kế hoạch giáo dục làm cơ sở để tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường, đồng thời xác định các biện pháp cần thiết để thực hiện kế hoạch. Hoạt động này có thể thực hiện với toàn bộ các môn học hoặc từng môn học, toàn bộ chương trình giáo dục hoặc chỉ một số nội dung của chương trình; có thể lồng ghép các môn Vật lí, Hóa học và Sinh học thành môn Khoa học tự nhiên; hai môn Lịch sử và Địa lí thành một môn Lịch sử và Địa lí theo tinh thần của chương trình giáo dục phổ thông mới.

b) Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo định hướng phát triển năng lực HS

– Vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục tích cực: coi trọng dạy học trên lớp, đồng thời coi trọng tổ chức các hoạt động xã hội. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong hoặc ngoài giờ lên lớp, ở trong hay ngoài phòng học. Ngoài việc tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập ở trên lớp, cần coi trọng giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS học tập ở nhà, ở ngoài nhà trường.

– Trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục nhà trường, nên thành lập các câu lạc bộ với các kế hoạch, nội dung học tập khác nhau, phù hợp với sở thích riêng của các nhóm HS (như câu lạc bộ mĩ thuật, câu lạc bộ robotic, câu lạc bộ xanh, câu lạc bộ sáo trúc,...) rất có ý nghĩa trong việc bồi dưỡng năng khiếu và hướng nghiệp HS, đồng thời là cơ hội để thu hút sự tham gia hỗ trợ (về chuyên môn, kinh phí,...) từ bên ngoài, trước hết là từ các phụ huynh có điều kiện.

– Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục: Kiểm tra, đánh giá không chỉ tập trung vào việc xem HS học cái gì mà quan trọng hơn là kiểm tra xem HS học như thế nào, có biết vận dụng kiến thức không; kết hợp đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối học kì, cuối năm học.

c) Đổi mới quản lí hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả phát triển chương trình giáo dục nhà trường

– Chú trọng các biện pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, kinh phí (ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí và dạy học, giảm thiểu các loại hồ sơ sổ sách của GV, giảm hội họp hành chính,...), khuyến khích, tạo động lực cho GV tích cực, chủ động, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch, đề xuất điều chỉnh, báo cáo kết quả và kinh nghiệm các hoạt động thí điểm. Các hoạt động chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra của cấp trên đều phải tôn trọng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhằm động viên tính chủ động, mạnh dạn đổi mới, sáng tạo của GV trong giai đoạn bước đầu, các cấp quản lí chưa nên xếp loại giờ dạy nếu GV không có nguyện vọng được xếp loại.

– Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ, nhóm chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học (Bộ GD&ĐT đã có hướng dẫn, tập huấn). Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, phân phối chương trình các môn học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS theo định hướng phát triển năng lực. Ghi hình các tiết dạy và các cuộc họp, thảo luận, rút kinh nghiệm để làm tư liệu chia sẻ cho đồng đảo GV trong và ngoài nhà trường tham khảo.

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC MINH HOẠ

BÀI 1. DÂN CƯ

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Nêu được một số đặc điểm về các dân tộc và sự phân bố các dân tộc ở Việt Nam.
- Trình bày được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta.
- Phân biệt được hai loại hình quần cư thành thị và nông thôn.
- Trình bày được quá trình đô thị hóa ở nước ta.
- Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, lược đồ để biết được một số đặc điểm dân số, phân bố dân cư ở nước ta.
- Có được tinh thần, ý thức tôn trọng, đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng), thông qua việc tìm hiểu, phân tích kiến thức, kĩ năng, áp dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực, giúp HS hiểu biết được một số đặc điểm cơ bản về dân cư nước ta.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Ngoài một số phương pháp được sử dụng trong bài học như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, phương pháp trực quan (bản đồ, phân tích tranh ảnh, biểu đồ, hình vẽ,...),... GV có thể sử dụng các phương pháp khác sao cho phù hợp để đạt được mục tiêu của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Nêu được những hiểu biết của bản thân về dân tộc mình (số dân, địa bàn cư trú, phong tục tập quán, trình độ phát triển kinh tế,...) và nhận xét được quy mô dân số nước ta qua bảng số liệu đã cho sẵn.

2. Phương thức hoạt động

- Cá nhân HS tự nêu những hiểu biết về dân tộc mình, sau đó có thể trao đổi với bạn bên cạnh (cùng dân tộc) để bổ sung cho nhau.
- Với câu hỏi 2, cá nhân HS dựa vào bảng số liệu rút ra nhận xét.
- GV gọi vài HS báo cáo kết quả trước lớp.
- Hoạt động này không phải chốt kiến thức. Trên cơ sở những hiểu biết của HS, GV dẫn dắt vào bài.
- Lưu ý: GV không nhất thiết phải theo cách khởi động như trong tài liệu HDH KHXH9, tập một, có thể khởi động theo một cách khác. Nhưng việc đưa ra các câu hỏi khởi động phải dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS, làm bộc lộ cái HS đã biết, bồi khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra cái chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm của hoạt động này có thể rất khác nhau, thậm chí không như mong muốn, nhưng thông qua đó cũng giúp HS có được những ý niệm ban đầu về bài học sắp tới; đồng thời cũng là cơ sở để GV biết cách tổ chức các hoạt động sao cho phù hợp.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu các dân tộc ở Việt Nam

*** Mục tiêu**

Nêu được một số đặc điểm về các dân tộc ở Việt Nam (số lượng, phong tục tập quán, kinh nghiệm sản xuất,...).

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS trao đổi, bổ sung cho nhau, báo cáo kết quả trước lớp.
- Lưu ý: GV có thể yêu cầu HS liên hệ thực tế với dân tộc mình.

*** Gợi ý sản phẩm**

– Cho biết số lượng các dân tộc ở Việt Nam và những nét văn hoá riêng của từng dân tộc được thể hiện như thế nào.

- + Việt Nam có 54 dân tộc cùng chung sống.
- + Những nét văn hoá riêng, thể hiện trong ngôn ngữ, trang phục, quần cư, phong tục, tập quán,... (dẫn chứng).

- Nêu kinh nghiệm sản xuất và trình độ phát triển giữa các dân tộc. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- Nêu vai trò của người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

2. Tìm hiểu sự phân bố các dân tộc

* Mục tiêu

Nêu được sự phân bố các dân tộc ở Việt Nam.

* Phương thức hoạt động

– GV hướng dẫn HS quan sát hình 1 và thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một rồi đặt câu hỏi: Cho biết đặc điểm phân bố của dân tộc Kinh và các dân tộc ít người ở nước ta.

– HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi, báo cáo, góp ý, bổ sung và chỉnh sửa sản phẩm.

* Gợi ý sản phẩm

Đặc điểm phân bố của dân tộc Kinh và các dân tộc ít người ở nước ta:

– Người Việt (Kinh) phân bố rộng khắp cả nước song tập trung hơn ở các vùng đồng bằng, trung du và duyên hải.

– Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du. (Lưu ý: có thể dựa vào hình 1 và thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một để xác định địa bàn cư trú của các dân tộc: Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn cư trú chủ yếu của người Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Mông; khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên: người Ê-đê ở Đăk Lăk, người Gia-rai ở Kon Tum và Gia Lai, người Cơ-ho chủ yếu ở Lâm Đồng,...; các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ: có các dân tộc Chăm, Khơ-me, Hoa).

3. Tìm hiểu về dân số và gia tăng dân số

* Mục tiêu

Trình bày được một số đặc điểm về dân số và gia tăng dân số nước ta.

* Phương thức hoạt động

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– Lưu ý: HS dựa vào bảng 1, trả lời câu hỏi: Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh? Đây là câu hỏi khó, GV có thể gợi mở về quy mô dân số nước ta lớn, mặc dù tỉ lệ gia tăng có giảm nhưng dân số vẫn tăng.

– Hậu quả của dân số đông và tăng nhanh: nội dung này đòi hỏi HS phải suy nghĩ, GV có thể gợi ý một số áp lực của dân số đông và tăng nhanh tới phát triển kinh tế, xã hội (nhất là giải quyết việc làm, môi trường).

– HS báo cáo kết quả; GV nhận xét, đánh giá và có thể chốt lại một số ý chính, những nội dung mà nhiều HS chưa hiểu.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Nhận xét về tình hình tăng dân số của nước ta: Dân số nước ta đông và còn tăng nhanh.

– Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng nhanh? Do quy mô dân số nước ta đông, cho nên tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên có giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh.

– Cho biết hậu quả của dân số đông và tăng nhanh: gây áp lực tới giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống, tài nguyên và môi trường.

4. Tìm hiểu cơ cấu dân số

* **Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm cơ cấu dân số và sự thay đổi cơ cấu dân số nước ta.

* **Phương thức hoạt động**

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một, chú ý quan sát và hỗ trợ HS nếu cần.

– Gợi ý để HS so sánh, nhận xét về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi, sau đó mới phân tích cơ cấu dân số theo giới tính.

– Lưu ý HS đọc kỹ để hiểu rõ về tỉ số giới tính, liên hệ với thực tế hiện nay.

– HS báo cáo, nhận xét, bổ sung.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Nhận xét cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và theo giới tính của nước ta giai đoạn 1979 – 2014.

+ Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi: Nước ta có cơ cấu dân số trẻ, nhóm tuổi 0 – 14 và 15 – 59 chiếm tỉ trọng cao. Tuy nhiên, cơ cấu dân số nước ta đang có xu hướng già đi, thể hiện: tỉ trọng dân số ở nhóm 0 – 14 tuổi giảm; tỉ trọng dân số ở nhóm 15 – 59 tuổi và nhóm trên 60 tuổi tăng.

+ Cơ cấu dân số theo giới: nữ cao hơn nam, nhưng đang có xu hướng giảm đi một cách đáng kể.

– Cho biết tại sao lại có sự thay đổi về tỉ số giới tính?

+ Chiến tranh kéo dài, tỉ số giới tính nữ cao hơn nam.

+ Cuộc sống hoà bình đang kéo tỉ số giới tính cân bằng hơn.

- + Tâm lí muôn sinh con trai ảnh hưởng tới tỉ số giới tính trẻ em mới sinh, số bé trai hiện nay cao hơn so với bé gái.
- + Chuyển cư cũng có ảnh hưởng tới tỉ số giới tính.

5. Tìm hiểu mật độ dân số và phân bố dân cư

* Mục tiêu

Biết được mật độ dân số và trình bày được đặc điểm phân bố dân cư nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một để biết được mật độ dân số nước ta ngày càng tăng.
- Sau đó kết hợp với hình 2: nhận xét (xác định những nơi có mật độ dân số cao, những nơi có mật độ dân số thấp) và giải thích sự phân bố dân cư nước ta.

– Lưu ý:

- + Sự phân bố các đô thị trong quan hệ với các vùng có mật độ dân số cao.
- + Gợi ý HS căn cứ vào chú giải ở hình 2 để xác định những nơi có mật độ dân số cao, nơi có mật độ dân số thấp.

* Gợi ý sản phẩm

Nhận xét và giải thích sự phân bố dân cư nước ta (Dựa vào hình 2 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một, xác định những nơi có mật độ dân số cao, những nơi có mật độ dân số thấp).

– Dân số nước ta phân bố không đều: Vùng đồng bằng, ven biển và các đô thị có mật độ dân số rất cao, do có điều kiện sống thuận lợi. Ở trung du và miền núi, mật độ dân số thấp, do điều kiện sống còn nhiều khó khăn.

– Có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. Khoảng 66,9% dân số sinh sống ở nông thôn, 33,1% dân số sống ở thành thị (năm 2014). Nguyên nhân do trình độ phát triển kinh tế và quá trình đô thị hóa nước ta còn thấp.

6. Tìm hiểu các loại hình quần cư và đô thị hóa

a) *Quần cư nông thôn và thành thị*

* Mục tiêu

Phân biệt được hai loại hình quần cư nông thôn và thành thị theo chức năng và hình thái quần cư.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và hỗ trợ (nếu cần).
- GV cần chú ý tới hoạt động kinh tế của hai loại hình quần cư, từ đó nó có ảnh hưởng tới mức độ tập trung dân cư và cách thức bố trí nhà ở giữa thành thị và nông thôn.
- HS quan sát các hình để thấy được mức độ tập trung dân cư, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng ở loại hình quần cư nông thôn và thành thị.
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, chỉnh sửa; GV bổ sung, đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

| Đặc điểm | Quần cư nông thôn | Quần cư thành thị |
|---------------------------|--|--|
| Tên gọi | Làng, ấp, bản, buôn, plây, phum, sóc. | Phố, phường. |
| Mức độ tập trung dân cư | Phân phố trải rộng, các điểm quần cư cách xa nhau. | Phân bố tập trung. |
| Chức năng kinh tế chủ yếu | Hoạt động sản xuất nông nghiệp. | Hoạt động sản xuất phi nông nghiệp (chủ yếu là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật quan trọng). |

b) Đô thị hóa

* Mục tiêu

Trình bày được quá trình và đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

- *Nhận xét về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị:* Dân số thành thị và tỉ lệ dân thành thị tăng liên tục.
- *Tỉ lệ dân thành thị tăng* chứng tỏ quá trình đô thị hóa ở nước ta ngày càng phát triển, tuy nhiên vẫn còn thấp so với khu vực và thế giới.
- *Kể tên các đô thị đặc biệt, các đô thị có số dân trên 1 triệu:* Dựa vào hình 2 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và những hiểu biết của bản thân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng phân tích bảng số liệu, lược đồ, vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn, hỏi GV những điều chưa hiểu.
- Sau mỗi bài, GV gọi HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung và hoàn thiện sản phẩm.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1. *Hoàn thành sơ đồ Cộng đồng các dân tộc Việt Nam:* bài này không khó, HS dựa vào kiến thức đã học để điền thông tin vào chỗ trống.

Câu 2.

- *Vẽ biểu đồ:* Yêu cầu chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.
- *Rút ra nhận xét từ biểu đồ đã vẽ:*
 - + Tỉ trọng dân nông thôn lớn hơn tỉ trọng dân thành thị.
 - + Có sự thay đổi về tỉ trọng dân số thành thị và nông thôn:
 - Giảm dần tỉ trọng dân nông thôn (dẫn chứng).
 - Tăng dần tỉ trọng dân thành thị (dẫn chứng).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống thông qua việc tìm hiểu một số nét văn hoá tiêu biểu của dân tộc mình; đưa ra một số giải pháp góp phần hạn chế mất cân bằng tỉ số giới tính trẻ em mới sinh trong giai đoạn hiện nay.

2. Phương thức hoạt động

- Đọc thông tin trong tài liệu hoặc tìm hiểu từ những nguồn thông tin khác.
- Khuyến khích HS trao đổi sản phẩm để cùng tham khảo.
- Lưu ý: GV có thể thay đổi nội dung này bằng một nội dung khác cho phù hợp với thực tế.

3. Gợi ý sản phẩm

- Báo cáo, tranh ảnh minh họa cho những nét văn hóa tiêu biểu của của dân tộc mình.
- Sản phẩm có thể được trưng bày ở một nơi nào đó của nhà trường.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS có hứng thú tìm tòi thêm những nội dung liên quan đến bài học.

2. Phương thức hoạt động

Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ; GV cũng có thể gợi ý những nội dung khác để HS thấy hứng thú và tự tìm tòi thêm.

BÀI 2. LAO ĐỘNG VIỆC LÀM VÀ CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được đặc điểm về nguồn lao động và việc sử dụng lao động.
- Nêu được sức ép của dân số đối với giải quyết việc làm ở nước ta.
- Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam.
- Phân tích được biểu đồ, bảng số liệu về cơ cấu sử dụng lao động ở nước ta.
- Có ý thức định hướng nghề nghiệp của bản thân trong tương lai.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành 4 hoạt động (hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng được tích hợp lại); thông qua việc tìm hiểu, phân tích kiến thức, kĩ năng, áp dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực giúp HS: trình bày được đặc điểm về nguồn lao động và việc sử dụng lao động; nêu được sức ép của dân số đối với giải quyết việc làm ở nước ta; trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập để đảm bảo mục tiêu bài học, góp phần phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV có thể sử dụng cách khởi động như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một hoặc thay thế bằng cách khởi động khác.
- GV gọi một vài HS phát biểu, tự bày tỏ chứng kiến của mình theo các câu hỏi gợi ý trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một hoặc theo cách khác mà GV đưa ra.

3. Gợi ý sản phẩm

Sẽ có nhiều ý kiến khác nhau, GV gợi mở và dẫn dắt vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu nguồn lao động

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm về nguồn lao động nước ta.

*** Phương thức hoạt động**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV lưu ý HS những mặt mạnh và những hạn chế của nguồn lao động (dựa vào biểu đồ cơ cấu lao động theo trình độ đào tạo và cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn).
- Đưa ra được các giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn lao động. Nội dung này không có trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một, bằng hiểu biết thực tế, HS liên hệ kiến thức đã học để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động.
- Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát và hỗ trợ (nếu cần). GV có thể sử dụng những nhóm/HS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đi hỗ trợ các nhóm/HS khác; hoặc chuẩn bị những câu hỏi nâng cao cho những nhóm/HS hoàn thành nhiệm vụ sớm.
- Đại diện HS báo cáo kết quả; GV nhận xét, chỉnh sửa, đánh giá.

* **Gợi ý sản phẩm**

- *Trình bày những đặc điểm cơ bản về nguồn lao động nước ta.*
- + Số lượng: Nguồn lao động nước ta dồi dào và tăng nhanh.
- + Chất lượng lao động: đang ngày càng được nâng cao.
- + Hạn chế: Lao động ở nông thôn và lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỉ trọng cao.
- *Các giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn lao động.*
- + Cần đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Trao đổi, học hỏi kinh nghiệm,...

2. Tìm hiểu việc sử dụng lao động

* **Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm về việc sử dụng lao động ở nước ta.

* **Phương thức hoạt động**

- GV giao việc như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một để biết về tình hình sử dụng lao động và sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế ở nước ta.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả; GV nhận xét, chỉnh sửa, bổ sung, đánh giá.

* **Gợi ý sản phẩm**

- *Nhận xét về tình hình sử dụng lao động.*
- + Việc sử dụng lao động ngày càng có hiệu quả.
- + Số lao động có việc làm ngày càng tăng.
- *Nhận xét về sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta:* Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế đang thay đổi theo hướng tích cực:

- + Giảm tỉ trọng lao động ngành nông, lâm, thuỷ sản.
- + Tăng tỉ trọng lao động ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

3. Tìm hiểu vấn đề việc làm

* **Mục tiêu**

Nêu được sức ép của dân số đối với giải quyết việc làm ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- Đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm. Nội dung này không có trong tài liệu, HS dựa vào kiến thức đã có, liên hệ thực tế để đề xuất các giải pháp.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- Đại diện HS báo cáo kết quả; GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

- *Trình bày thực trạng vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay:* Việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta vì tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm còn cao.
- *Đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề việc làm:*
 - + Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.
 - + Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế ở nông thôn.
 - + Phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị.
 - + Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm.
 - + Đẩy mạnh xuất khẩu lao động,...

4. Tìm hiểu chất lượng cuộc sống

* Mục tiêu

Trình bày được hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- Nêu những dẫn chứng nói lên chất lượng cuộc sống của nhân dân ở nước ta đang được cải thiện.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi, báo cáo kết quả; GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

- *Nêu những thành tựu đáng kể và hạn chế trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân ở nước ta trong những năm qua.*

+ Thành tựu:

- Tỉ lệ người lớn biết chữ đạt 94,7% (năm 2014).
- Thu nhập bình quân trên đầu người gia tăng.
- Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.

- Tuổi thọ bình quân tăng; tỉ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng giảm; nhiều dịch bệnh đã bị đẩy lùi.
- + Hạn chế: còn chênh lệch về chất lượng cuộc sống giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội.
- *Bằng vốn hiểu biết thực tế, liên hệ thực tế những thay đổi về chất lượng cuộc sống ở địa phương mình.* Những thay đổi về mức sống, thu nhập, điều kiện học hành, chăm sóc sức khoẻ, hưởng thụ văn hoá,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Củng cố những kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê.

2. Phương thức hoạt động

- Cá nhân dựa vào kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân trả lời các câu hỏi.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả làm việc, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1. *Tại sao giải quyết việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta? Giải quyết tốt vấn đề việc làm sẽ có những tác động tích cực như thế nào tới phát triển kinh tế – xã hội?*

– Giải quyết việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta vì tình trạng lao động thất nghiệp và thiếu việc làm còn nhiều.

– Giải quyết tốt vấn đề việc làm sẽ có những tác động tích cực tới phát triển kinh tế – xã hội:

- + Tạo ra một khối lượng lớn về của cải vật chất cho xã hội.
- + Chất lượng cuộc sống của người dân được nâng cao.
- + Hạn chế các tệ nạn xã hội,...

Câu 2.

– *Nhận xét sự thay đổi về cơ cấu lao động phân theo thành phần kinh tế nước ta giai đoạn 2000 – 2014:*

- + Tỉ trọng lao động ở thành phần kinh tế Nhà nước và ngoài Nhà nước giảm chậm.

+ Lao động ở thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng rất nhỏ nhưng đang tăng.

– *Nêu ý nghĩa của sự thay đổi đó:*

+ Thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường.

+ Đa dạng hóa các thành phần kinh tế,...

D-E . HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu thêm những hiểu biết của bản thân về lao động việc làm và chất lượng cuộc sống của nước ta.

2. Phương thức hoạt động

Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ, chia sẻ sản phẩm với các bạn trong lớp để qua bài học, HS có định hướng cho tương lai, nghề nghiệp của mình.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là ý kiến, bài viết,... chia sẻ những suy nghĩ ban đầu về nghề nghiệp tương lai của mình.

BÀI 3. SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta trong thời kì Đổi mới.
- Phân tích được một số thành tựu và thách thức đối với nền kinh tế nước ta.
- Sử dụng lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh để nhận xét sự phát triển kinh tế.
- Có trách nhiệm, tích cực học tập và lao động xây dựng đất nước.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng), thông qua việc tìm hiểu sơ lược về cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế; phân tích một số thành tựu và thách thức đối với nền kinh tế nước ta trong thời kì Đổi mới, HS sẽ hiểu một cách khái quát về sự phát triển của nền kinh tế nước ta.

Để đạt được các mục tiêu của bài học, GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập (có thể hoạt động cá nhân, cặp, nhóm).

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS làm việc cá nhân, sau đó có thể trao đổi với bạn bên cạnh.
- Đại diện một vài HS báo cáo kết quả làm việc.
- Lưu ý: GV cũng có thể sử dụng cách khởi động khác với cách khởi động trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

Sẽ có sự khác nhau về kết quả trả lời. Trên cơ sở của hoạt động khởi động, GV sẽ dẫn dắt vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế

*** Mục tiêu**

Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta trong thời kì Đổi mới.

*** Phương thức hoạt động**

- GV cho HS hiểu thuật ngữ chuyển dịch cơ cấu kinh tế⁽¹⁾ trước khi HS tìm hiểu xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta.

(1) Chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế là thuật ngữ trong lĩnh vực kinh tế học, mới xuất hiện trong những năm gần đây để chỉ sự thay đổi dần dần, từng bước cơ cấu của nền kinh tế trong phạm vi các ngành và các vùng lãnh thổ nhằm thích nghi với hoàn cảnh phát triển của đất nước.

Sự chuyển dịch cơ cấu ngành thể hiện ở sự thay đổi tỉ trọng giữa các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và cả giữa các ngành nhỏ trong nội bộ các ngành kinh tế như: giữa trồng trọt với chăn nuôi trong nông nghiệp, giữa khai thác với chế biến trong công nghiệp,...

Sự chuyển dịch cơ cấu vùng lãnh thổ thể hiện ở sự thay đổi các địa bàn sản xuất tương ứng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành. Thí dụ: việc hình thành các vùng sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên, ở Đông Nam Bộ, việc hình thành và xây dựng khu công nghiệp dầu khí ở Vũng Tàu,...

– GV yêu cầu HS dựa vào thông tin, kết hợp quan sát hình 2 và hình 3 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và đặt câu hỏi: cho biết xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta. Nêu tên các vùng kinh tế của nước ta và cho biết vùng kinh tế nào giáp biển, vùng nào không giáp biển. Kể tên các vùng kinh tế trọng điểm.

– HS thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần); ghi vào hồ sơ (nhật ký) về ý thức làm việc của cá nhân/nhóm để có biện pháp giáo dục kịp thời.

– HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Cho biết xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta.*

+ Chuyển dịch cơ cấu ngành: giảm dần tỉ trọng khu vực nông, lâm, thuỷ sản và công nghiệp – xây dựng; tăng dần và chiếm tỉ trọng cao nhất là khu vực dịch vụ.

+ Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: chuyển dần từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần.

+ Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ: hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp, các lãnh thổ tập trung công nghiệp, dịch vụ, tạo nên các vùng kinh tế phát triển năng động.

– *Nêu tên các vùng kinh tế của nước ta và cho biết vùng kinh tế nào giáp biển, vùng nào không giáp biển.* (Dựa vào hình 3 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

2. Tìm hiểu những thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế

* **Mục tiêu**

Nhận biết được một số thành tựu và thách thức đối với nền kinh tế nước ta.

* **Phương thức hoạt động**

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– Những thành tựu và thách thức trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay đã được thể hiện khá nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng và được thể hiện trong nội dung của bài học. GV cần định hướng để HS nêu được bức tranh chung về những thành tựu và thách thức của nền kinh tế nước ta.

– HS thực hiện nhiệm vụ; GV quan sát, hỗ trợ.

– Đại diện HS báo cáo kết quả làm việc, nhận xét, bổ sung,...; GV đánh giá.

* **Gợi ý sản phẩm**

Một số thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế của nước ta.

| Thành tựu | Thách thức |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> – Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc. – Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. – Nước ta đang trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu. | <ul style="list-style-type: none"> – Phân hoá giàu nghèo, vẫn còn các xã nghèo. – Vấn đề việc làm, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, xoá đói giảm nghèo,... vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu xã hội. – Nhiều loại tài nguyên đang bị khai thác quá mức, môi trường bị ô nhiễm. – Khó khăn trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới. |

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội được; rèn luyện kỹ năng tính toán, phân tích số liệu và vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện/làm các câu hỏi và bài tập như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả.
- GV có thể điều chuyển những HS/nhóm thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ những HS/nhóm thực hiện nhiệm vụ còn gặp khó khăn.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1.

- *Tính tỉ trọng (%) các ngành kinh tế trong tổng GDP nước ta, các năm 2002 và 2014.*

| Ngành | Năm | 2002 | 2014* |
|------------------------|--------------|--------------|--------------|
| Nông, lâm, thuỷ sản | 23,0 | 19,7 | |
| Công nghiệp – xây dựng | 38,5 | 36,9 | |
| Dịch vụ | 38,5 | 43,4 | |
| Tổng | 100,0 | 100,0 | |

(*: Năm 2014 không tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm)

- Nhận xét sự thay đổi về quy mô và cơ cấu ngành kinh tế hai năm trên:

+ Quy mô: năm 2014 gấp 6,6 lần năm 2002.

+ Cơ cấu:

- Ngành nông, lâm, thuỷ sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất, có xu hướng giảm.
- Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất, có xu hướng tăng.
- Ngành công nghiệp – xây dựng có xu hướng giảm về tỉ trọng.

Câu 2.

– Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế nước ta năm 2002 và 2014. Yêu cầu: vẽ chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.

– Nhận xét về cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế nước ta hai năm trên.

+ Có sự khác nhau về cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế giữa hai năm (dẫn chứng).

+ Có sự thay đổi về cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế:

- Giảm tỉ trọng thành phần kinh tế Nhà nước.
- Tăng tỉ trọng thành phần kinh tế ngoài Nhà nước và thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống/vấn đề mới.

2. Phương thức hoạt động

- Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ, chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV có thể yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ khác với nhiệm vụ trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

- Một báo cáo ngắn gọn về những thay đổi kinh tế tại địa phương mình hoặc ở một nơi mà em biết.
- Chia sẻ những khó khăn trở ngại đối với phát triển kinh tế địa phương mình.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS không bao giờ bằng lòng dừng lại với những gì đã được học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong bài còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học.

2. Phương thức hoạt động

- Khuyến khích HS thực hiện hoạt động này.
- Nhiệm vụ có thể như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một hoặc GV có thể thay thế bằng nhiệm vụ khác (nếu thấy hợp lí).

BÀI 4. ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành trồng trọt và chăn nuôi.
- Nêu được một số đặc điểm của ngành lâm nghiệp.
- Trình bày được các điều kiện phát triển ngành thuỷ sản; sự phát triển và phân bố ngành thuỷ sản.
- Nhận xét được lược đồ, bảng số liệu về tình hình phát triển và phân bố nông, lâm nghiệp và thuỷ sản.
- Có ý thức, thái độ và trách nhiệm đối với việc phát triển nền nông nghiệp sạch.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động, sử dụng các phương pháp như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, sử dụng các phương pháp trực quan (bản đồ, sơ đồ, phân tích tranh ảnh, số liệu,...) nhằm giúp HS phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp; trình bày được tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Có thể vận dụng các phương pháp khác với những phương pháp đã nêu ở trên cho phù hợp với thực tế để đảm bảo mục tiêu bài học, góp phần hình thành năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV có thể cho HS khởi động như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV cũng có thể khởi động theo cách khác, không như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ, một vài HS báo cáo kết quả.

3. Gợi ý sản phẩm

Bằng những hiểu biết thực tế, HS sẽ có thể biết được nơi phân bố một số cây trồng và vật nuôi, nhưng việc giải thích lí do về sự phân bố cây trồng và vật nuôi sẽ khó. Đây là tình huống có vấn đề, muốn biết được cặn kẽ cần phải tìm hiểu ở bài học sắp tới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

1. Tìm hiểu các nhân tố tự nhiên

a) Tài nguyên đất

*** Mục tiêu**

Phân tích được đất là tài nguyên vô cùng quan trọng, là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp. Trình bày được đặc điểm, sự phân bố và ý nghĩa của tài nguyên đất ở nước ta.

*** Phương thức hoạt động**

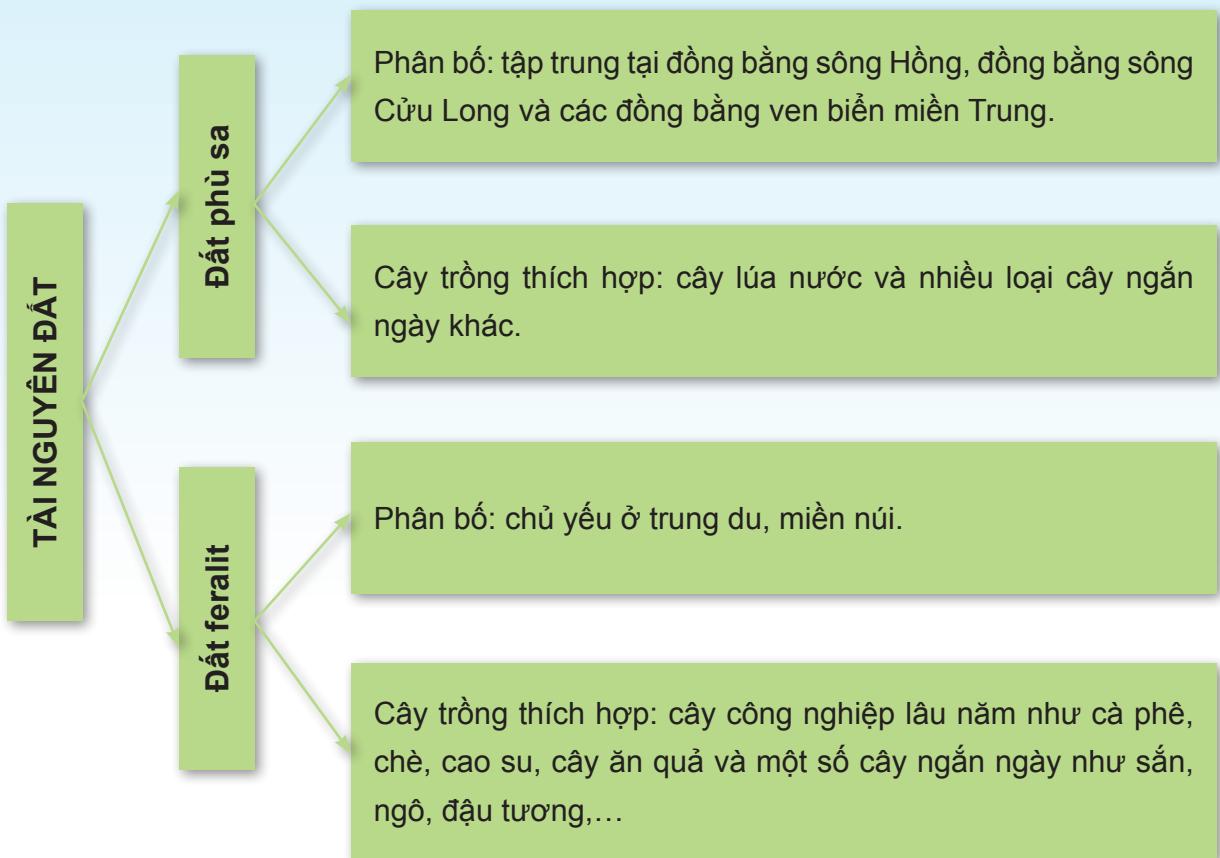
– GV yêu cầu HS đọc kỹ thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một, hoàn thành sơ đồ về tài nguyên đất.

– Lưu ý: GV cũng có thể lập bảng hoặc bằng một cách khác để HS phân tích được vai trò của tài nguyên đất đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

– HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

– HS báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, bổ sung; GV đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm



b) Tài nguyên khí hậu

* Mục tiêu

Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ; GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần), có thể ghi chép vào sổ (nhật ký) thái độ học tập của HS.
- HS báo cáo kết quả làm việc, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

Trình bày những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp.

- Thuận lợi: Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa; có sự phân hoá rất rõ rệt theo chiều bắc – nam, theo mùa và theo độ cao. Vì vậy, ở nước ta có thể trồng được từ các loại cây nhiệt đới cho đến một số cây cận nhiệt và ôn đới. Cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng cũng khác nhau giữa các vùng.

– Khó khăn: thiên tai như bão, gió Tây khô nóng, sương muối, rét hại,... gây tổn thất không nhỏ cho nông nghiệp.

c) **Tài nguyên nước và tài nguyên sinh vật**

* Mục tiêu

Phân tích được vai trò của tài nguyên nước và sinh vật đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV cũng có thể điều chỉnh cách thức tổ chức ở nội dung này nếu thấy hợp lý hơn.
- HS thực hiện nhiệm vụ; GV quan sát, hỗ trợ.
- Đại diện HS báo cáo kết quả, nhận xét; GV đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

– *Trình bày những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên nước đối với phát triển và phân bố nông nghiệp.*

+ Nước ta có mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc, nước ngầm khá dồi dào. Đây là nguồn nước tưới rất quan trọng, nhất là vào mùa khô.

+ Khó khăn: lũ lụt gây thiệt hại lớn về mùa màng, tính mạng và tài sản của nhân dân; mùa khô thiếu nước tưới.

– *Cho biết tài nguyên sinh vật có ý nghĩa như thế nào đối với nông nghiệp:* Là cơ sở để thuần dưỡng, tạo nên các cây trồng, vật nuôi có chất lượng tốt, thích nghi với các điều kiện sinh thái của từng địa phương.

2. Tìm hiểu các nhân tố kinh tế – xã hội

* Mục tiêu

Phân tích được vai trò của các nhân tố kinh tế – xã hội đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- Có thể GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một, bằng cách yêu cầu HS đọc các thông tin và điền vào sơ đồ.
- GV cũng có thể làm theo cách khác, chẳng hạn yêu cầu HS lần lượt tìm hiểu từng nhân tố kinh tế – xã hội.
- HS thực hiện nhiệm vụ; GV quan sát, hỗ trợ.
- Đại diện HS báo cáo kết quả làm việc; nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

Sơ đồ tác động của các nhân tố kinh tế – xã hội đến phát triển và phân bố nông nghiệp.



II. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

1. Tìm hiểu ngành trồng trọt

a) Cây lương thực

* Mục tiêu

Trình bày được tình hình phát triển cây lương thực (chủ yếu là cây lúa) ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– Gợi ý cho HS:

+ Phân tích bảng số liệu (bảng 1), chặng hạn từ năm 1990 đến năm 2014, diện tích tăng bao nhiêu nghìn ha, tăng gấp mấy lần; tương tự với năng suất, sản lượng cả năm và sản lượng bình quân đầu người.

+ Dựa vào hình 1 xác định những vùng trồng lúa chủ yếu ở nước ta.

– HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ; GV có thể chuẩn bị sẵn câu hỏi dành cho HS hoàn thành trước nhiệm vụ, chẳng hạn như câu hỏi *tại sao năng suất và sản lượng lúa ở nước ta tăng?*

– HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Trình bày các thành tựu chủ yếu trong sản xuất lúa giai đoạn 1990 – 2014:* diện tích, năng suất, sản lượng và sản lượng lúa bình quân đầu người tăng (dẫn chứng).

– *Xác định những vùng trồng lúa chủ yếu ở nước ta.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

– *Nguyên nhân:* Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng là 2 vùng trồng lúa chủ yếu của nước ta vì có điều kiện thuận lợi về tự nhiên và kinh tế – xã hội để trồng lúa (dẫn chứng).

b) **Cây công nghiệp**

* **Mục tiêu**

Trình bày được ý nghĩa, tình hình phát triển và phân bố cây công nghiệp ở nước ta.

* **Phương thức hoạt động**

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– Lưu ý HS khi đọc bảng cây công nghiệp chủ yếu và các vùng phân bố chính. Nếu đọc theo hàng ngang sẽ biết được vùng phân bố chính của cây công nghiệp nào đó. Còn nếu đọc theo hàng dọc sẽ biết một vùng có các cây công nghiệp chính nào được trồng. HS có thể rút ra được nhận xét: cây công nghiệp hàng năm phân bố chủ yếu ở các đồng bằng; cây công nghiệp lâu năm phân bố chủ yếu ở trung du và miền núi.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Trình bày tình hình phân bố một số cây công nghiệp ở nước ta.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

– *Nêu ý nghĩa của phát triển cây công nghiệp:*

+ Tạo ra các sản phẩm có giá trị xuất khẩu.

+ Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

+ Tận dụng tài nguyên, phá thế độc canh trong nông nghiệp.

+ Góp phần bảo vệ môi trường.

c) Cây ăn quả

* Mục tiêu

Trình bày được tình hình phát triển và phân bố cây ăn quả ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi, báo cáo kết quả.
- Với những địa phương có nhiều cây ăn quả, GV có thể yêu cầu HS liên hệ thực tế (điều kiện, thực trạng).

* Gợi ý sản phẩm

- *Kể tên một số cây ăn quả và vùng trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- *Cho biết tại sao nước ta có điều kiện để trồng nhiều loại cây ăn quả.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

2. Tìm hiểu ngành chăn nuôi

* Mục tiêu

Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành chăn nuôi ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV lưu ý HS:
 - + Dựa vào bảng số liệu (bảng 3) nhận xét tình hình phát triển ngành chăn nuôi.
 - + Dựa vào hình 1, xác định nơi phân bố chủ yếu của đàn gia súc và gia cầm.
 - + Việc phát triển của ngành chăn nuôi dựa trên sự đảm bảo của cơ sở thức ăn, thị trường tiêu thụ,...
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

- *Nhận xét về tình hình phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta.*
- + Ngành chăn nuôi ở nước ta đang ngày càng phát triển (dẫn chứng).
- + Riêng đàn trâu giảm là do cơ giới hóa thay thế sức kéo của trâu, thiên tai: rét đậm rét hại,...

- Xác định nơi phân bố chủ yếu đàn trâu, bò, lợn và gia cầm:
- + Trâu, bò: nuôi nhiều ở trung du và miền núi.
- + Lợn và gia cầm: nuôi nhiều ở đồng bằng.
- + Giải thích nguyên nhân: phụ thuộc vào nguồn thức ăn, thị trường tiêu thụ,...

III. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP, THUỶ SẢN

1. Tìm hiểu ngành lâm nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm tài nguyên rừng, ý nghĩa của các loại rừng và sự phát triển của ngành lâm nghiệp nước ta.

*** Phương thức hoạt động**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi, báo cáo kết quả.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Ý nghĩa của các loại rừng:

| Loại rừng (theo mục đích sử dụng) | Ý nghĩa |
|-----------------------------------|---|
| Rừng phòng hộ | Phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường. |
| Rừng đặc dụng | Bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ các giống loài quý hiếm. |
| Rừng sản xuất | Cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến gỗ và cho xuất khẩu. |

– Cho biết tại sao diện tích rừng ở nước ta đang có xu hướng tăng. Việc trồng rừng đem lại lợi ích gì?

- + Diện tích rừng nước ta có xu hướng tăng chủ yếu là do đẩy mạnh việc trồng và bảo vệ rừng,...
- + Lợi ích của trồng rừng: bảo vệ môi trường sinh thái, mang lại hiệu quả kinh tế – xã hội,...

2. Tìm hiểu ngành thuỷ sản

*** Mục tiêu**

Trình bày được nguồn lợi, tình hình phát triển và phân bố ngành thuỷ sản của nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS trao đổi kết quả làm việc, báo cáo trước lớp; GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

– *Trình bày những điều kiện để phát triển ngành thuỷ sản ở nước ta. GV có thể gợi ý HS thể hiện bằng sơ đồ sau:*



– Nhận xét về sự phát triển ngành thuỷ sản nước ta:

- + Sản lượng thuỷ sản tăng nhanh.
- + Sản lượng nuôi trồng chiếm tỉ trọng ngày càng lớn.
- Cho biết các tỉnh dẫn đầu nước ta về đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội được; rèn luyện kỹ năng tính toán, phân tích số liệu, vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu cá nhân HS làm bài tập trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS trao đổi, nhận xét chéo nhau/báo cáo kết quả.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1.

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thuỷ sản của nước ta năm 2002 và 2014.

(Đơn vị: %)

| Ngành | Năm 2002 | 2014 |
|----------------|--------------|--------------|
| Nông nghiệp | 79,0 | 72,4 |
| Lâm nghiệp | 4,7 | 3,2 |
| Thuỷ sản | 16,3 | 24,4 |
| Tổng số | 100,0 | 100,0 |

- Nhận xét sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thuỷ sản của nước ta hai năm trên.

+ Ngành nông và lâm nghiệp có tỉ trọng giảm.

+ Ngành thuỷ sản có tỉ trọng tăng.

Câu 2.

- Vẽ biểu đồ (đường biểu diễn) thể hiện chỉ số tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm nước ta giai đoạn 2000 – 2014: Yêu cầu: vẽ chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.

- Nhận xét tình hình tăng trưởng đàn gia súc, gia cầm nói trên trong giai đoạn 2000 – 2014. Giải thích nguyên nhân.

+ Đàn lợn và đàn gia cầm tăng. Nguyên nhân:

- Do giải quyết tốt nguồn thức ăn cho chăn nuôi.
- Do nhu cầu về thịt, trứng tăng nhanh. Đây là nguồn cung cấp thịt chủ yếu.
- Hình thức chăn nuôi đa dạng.

+ Đàn trâu: không tăng do cơ giới hoá nông nghiệp nên nhu cầu sử dụng sức kéo của trâu giảm, ngoài ra còn do ảnh hưởng của thời tiết khí hậu (rét đậm, rét hại làm chết trâu).

+ Đàn bò: tăng do nhu cầu thị trường (thịt, sữa) ngày càng lớn.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để giải thích sự khác nhau về sản phẩm nông nghiệp giữa các vùng miền; viết báo cáo ngắn gọn về những thay đổi trong hoạt động sản xuất nông nghiệp ở địa phương.

2. Phương thức hoạt động

– GV khuyến khích HS thực hiện hoạt động này ở nhà; trao đổi, chia sẻ sản phẩm với cả lớp.

– GV có thể thay đổi nội dung của hoạt động này bằng nội dung khác nếu thấy hợp lí.

3. Gợi ý sản phẩm

Báo cáo thu hoạch.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS có ý thức muốn tìm hiểu thêm những nội dung liên quan đến bài học.

2. Phương thức hoạt động

– Khuyến khích HS thực hiện và chia sẻ với cả lớp về những thông tin tư liệu tìm kiếm được.

– GV có thể thay thế nội dung này bằng nội dung khác với tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

BÀI 5. ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.
- Biết được cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đa dạng và khái niệm ngành công nghiệp trọng điểm.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp trọng điểm.
- Nêu được các trung tâm công nghiệp lớn ở nước ta.
- Nhận xét được lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu về sự phát triển và phân bố công nghiệp.
- Tích cực học tập để xây dựng quê hương, đất nước.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng), thông qua việc phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp; trình bày tình hình phát triển và phân bố công nghiệp, HS sẽ hiểu được một cách khái quát về địa lí công nghiệp Việt Nam.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của bài học và góp phần phát triển năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV có thể cho HS khởi động như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV cũng có thể khởi động theo cách khác, không như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ, một vài HS báo cáo kết quả.

3. Gợi ý sản phẩm

Có nhiều cách trả lời khác nhau, trên cơ sở đó GV dẫn dắt HS vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỚNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

1. Tìm hiểu các nhân tố tự nhiên

*** Mục tiêu**

Phân tích được các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.

*** Phương thức hoạt động**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, làm việc cá nhân, trao đổi, báo cáo kết quả.

– Lưu ý:

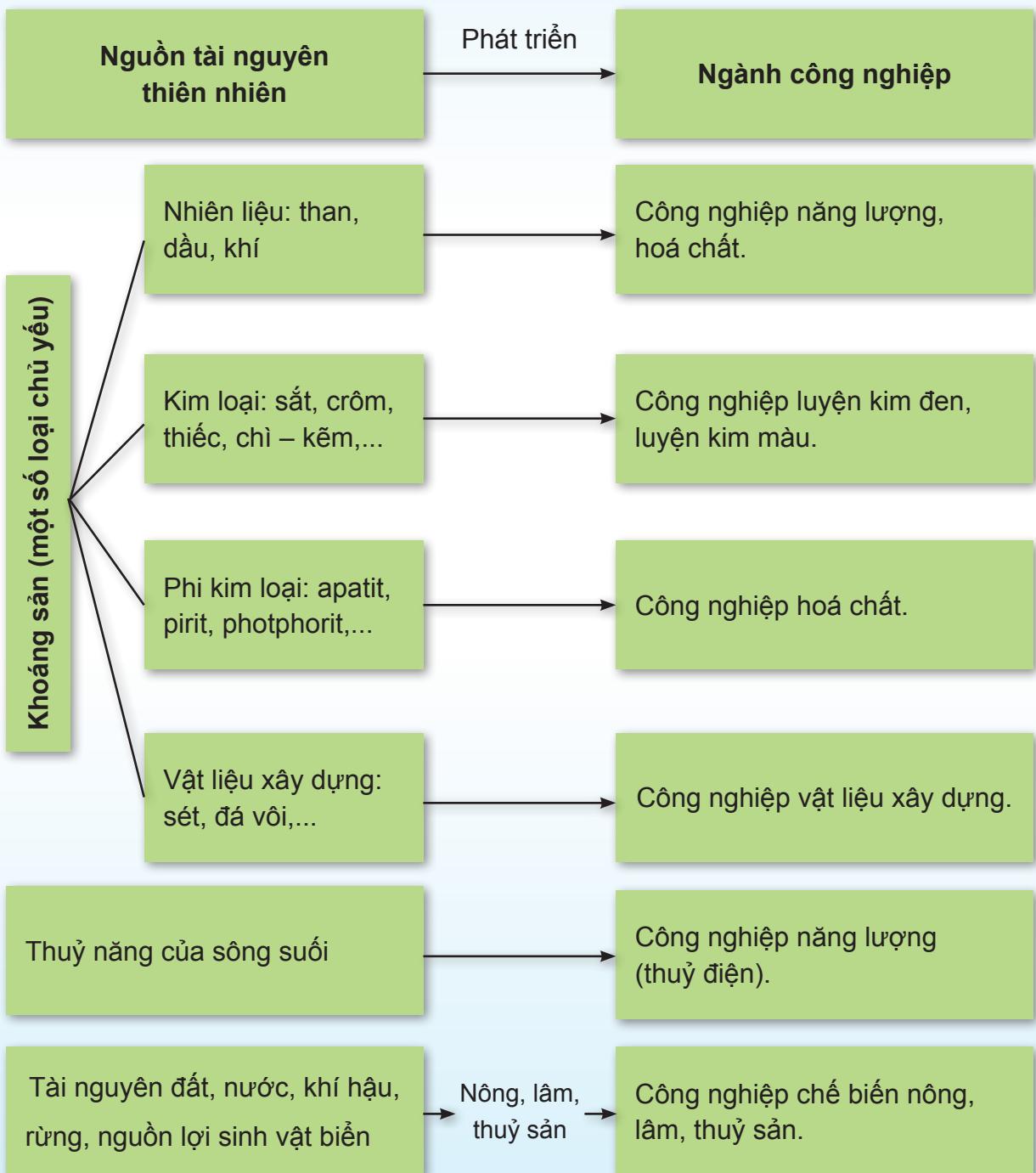
+ Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

+ Đây là nội dung khó, GV có thể gợi ý để HS thấy được mối quan hệ giữa các thế mạnh về tự nhiên và khả năng phát triển các ngành công nghiệp.

+ GV cho HS biết tài nguyên thiên nhiên rất quan trọng nhưng không phải là nhân tố quyết định đối với phát triển và phân bố công nghiệp.

c) Gợi ý sản phẩm

Sơ đồ các nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển các ngành công nghiệp tương ứng.



2. Tìm hiểu về các nhân tố kinh tế – xã hội

* Mục tiêu

Phân tích được các nhân tố kinh tế – xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

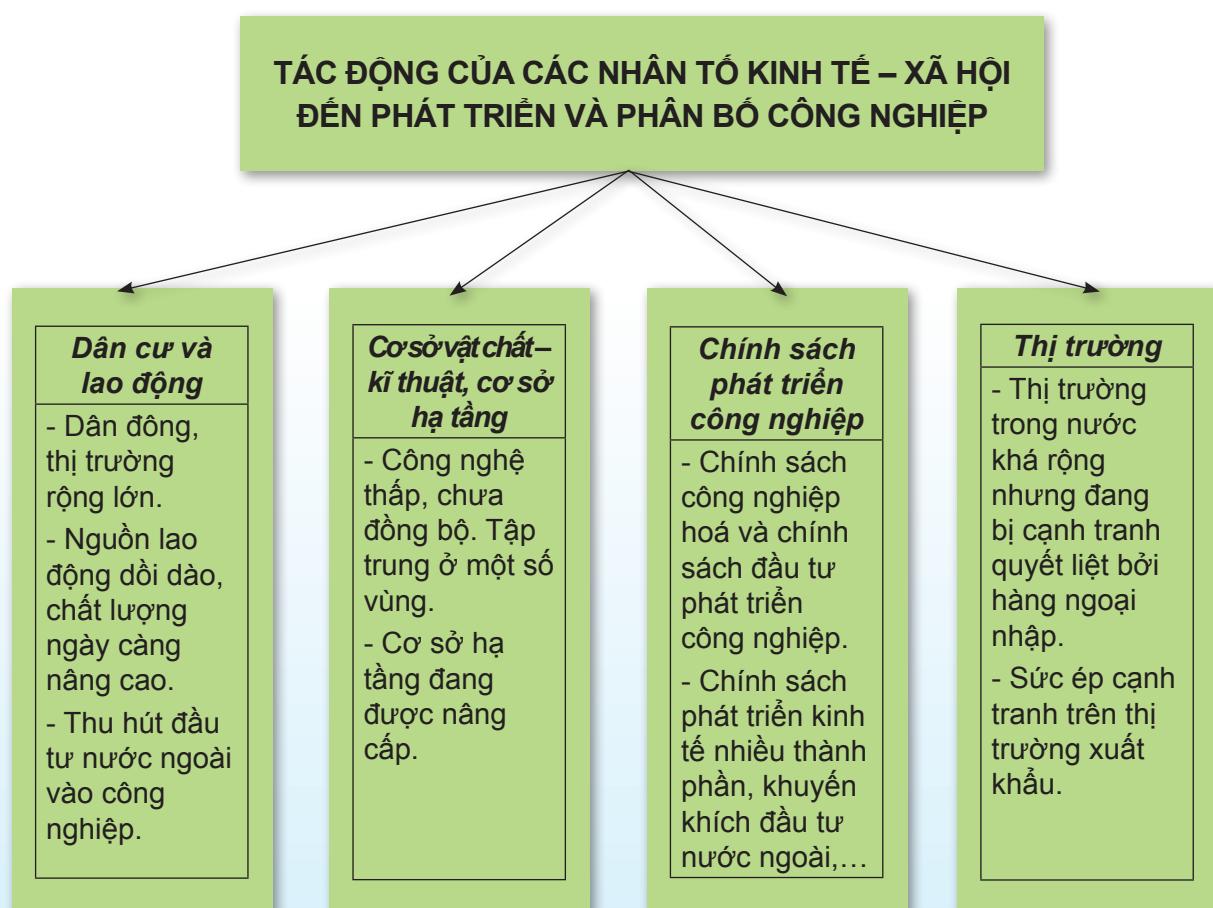
- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc, báo cáo; GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.

– Lưu ý:

- + GV có thể cho HS tìm hiểu từng nhân tố kinh tế – xã hội.
- + GV nhấn mạnh: sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp chịu sự tác động mạnh mẽ của nhân tố kinh tế – xã hội, nhất là ngành công nghiệp chế biến.

* Gợi ý sản phẩm

GV có thể sử dụng sơ đồ sau để phân tích tác động của các nhân tố kinh tế – xã hội đối với sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.



II. SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

1. Tìm hiểu cơ cấu ngành công nghiệp

*** Mục tiêu**

Biết được cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đa dạng và đặc điểm của các ngành công nghiệp trọng điểm.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS dựa vào thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một, hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện nhiệm vụ.
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.
- Lưu ý: GV làm rõ khái niệm/đặc điểm ngành công nghiệp trọng điểm; dựa vào biểu đồ, nêu một số ngành công nghiệp trọng điểm để HS biết.

*** Gợi ý sản phẩm**

- *Chứng minh ngành công nghiệp nước ta đa dạng.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- *Sắp xếp tỉ trọng các ngành công nghiệp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- *Trình bày đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

2. Tìm hiểu một số ngành công nghiệp trọng điểm

a) Công nghiệp khai thác nhiên liệu

*** Mục tiêu**

Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu ở nước ta.

*** Phương thức hoạt động**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát.
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

*** Gợi ý sản phẩm**

- *Trình bày tình hình phát triển của ngành công nghiệp khai thác nhiên liệu.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

– Kể tên một số mỏ than, mỏ dầu và khí tự nhiên đang được khai thác. (Dựa vào hình 2 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

b) Công nghiệp điện

* Mục tiêu

Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp điện ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.
- Lưu ý: HS sẽ khó rút ra được đặc điểm chung của việc phân bố các nhà máy điện, GV gợi ý HS dựa vào hình 2, cho biết các nhà máy thuỷ điện phân bố chủ yếu ở đâu; nhiệt điện phân bố chủ yếu ở đâu (chú ý tới các mỏ than, mỏ dầu và khí tự nhiên). Từ đó, HS có thể biết sự phân bố của các nhà máy điện gần với những nơi có nguồn năng lượng.

* Gợi ý sản phẩm

– Kể tên các nhà máy nhiệt điện, thuỷ điện có công suất trên 1000MW. (Dựa vào hình 2 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một, xác định vị trí và thậm chí quy mô của các nhà máy điện).

– Cho biết đặc điểm chung của phân bố các nhà máy điện:

+ Gần ở những nơi có nguồn năng lượng (các dòng sông có trữ năng thuỷ điện lớn, các mỏ than, mỏ dầu khí).

+ Nơi có ngành công nghiệp phát triển mạnh.

c) Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm

* Mục tiêu

Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ.
- HS báo cáo kết quả làm việc, nhận xét, bổ sung.
- Lưu ý: GV có thể sử dụng lược đồ/bản đồ để HS nhận biết được sự phân bố chủ yếu của ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

* Gợi ý sản phẩm

- Sơ đồ cơ cấu các ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.



- Cho biết sự phân bố của ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm. Phân bố rộng khắp cả nước, tập trung nhất là ở các thành phố lớn.

d) Công nghiệp dệt may

* Mục tiêu

Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp dệt may ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.

* Gợi ý sản phẩm

- Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp dệt may:

- + Sử dụng nhiều lao động, không đòi hỏi trình độ cao.
- + Thị trường tiêu thụ rộng rãi,...

- Nêu các trung tâm dệt may lớn của nước ta: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng,...

3. Tìm hiểu các trung tâm công nghiệp lớn

* Mục tiêu

Nêu được các trung tâm công nghiệp lớn ở nước ta.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– HS thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả.

* **Gợi ý sản phẩm**

Nhiệm vụ này không khó, HS chỉ dựa vào hình 6 là có thể nêu được tên các trung tâm công nghiệp ở Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

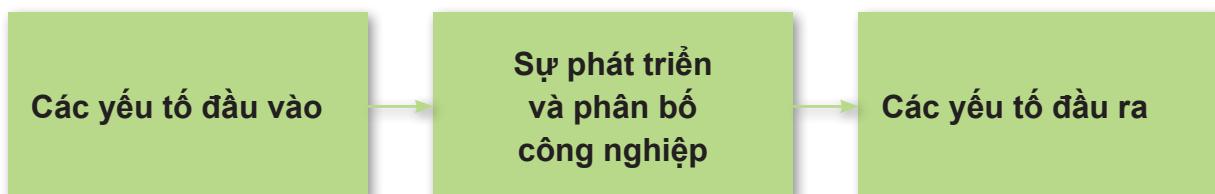
Củng cố lại những kiến thức đã học; rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ và phân tích số liệu thống kê.

2. Phương thức hoạt động

- Cá nhân HS tự trả lời các câu hỏi và bài tập trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả khi làm xong từng bài.
- GV có thể yêu cầu HS hoàn thành bài tập trước hỗ trợ các HS khác.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1. Hãy sắp xếp các nhân tố tự nhiên và kinh tế – xã hội (được nêu trong bài) tương ứng với các yếu tố đầu vào và đầu ra ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.



– Các yếu tố đầu vào:

+ Nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng (có thể là tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu từ nông, lâm, thuỷ sản,... từ các ngành công nghiệp khác, các cơ sở công nghiệp khác).

+ Lao động.

+ Cơ sở vật chất – kĩ thuật.

– Các yếu tố đầu ra:

+ Thị trường trong nước (tiêu dùng của nhân dân, của các ngành công nghiệp, các cơ sở có liên quan).

+ Thị trường ngoài nước.

– Chính sách có tác động đến cả đầu vào, đầu ra, vì vậy chính sách có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

Câu 2.

- Vẽ biểu đồ kết hợp cột và đường thể hiện sản lượng dầu mỏ và điện ở nước ta giai đoạn 2000 – 2014. Yêu cầu: vẽ chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.
- Nhận xét về tình hình sản xuất dầu mỏ và điện ở nước ta.
 - + Sản lượng điện tăng liên tục.
 - + Sản lượng dầu mỏ tăng không ổn định.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

- GV gợi ý HS vận dụng kiến thức đã học ở mục các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố công nghiệp để liên hệ với thực tế địa phương HS có điều kiện phát triển ngành công nghiệp nào đó.

– Lưu ý: GV cũng có thể thay thế bằng nội dung khác sao cho phù hợp với thực tế.

3. Gợi ý sản phẩm

Bài viết (câu trả lời).

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS có ý thức tìm hiểu thêm những kiến thức có liên quan đến nội dung bài học.

2. Phương thức hoạt động

- GV khuyến khích HS thực hiện.
- Có thể để HS tự tìm hiểu về một vấn đề có liên quan mà HS thấy hứng thú, không nhất thiết tất cả HS phải thực hiện một nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

BÀI 6. ĐỊA LÍ DỊCH VỤ

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được khái niệm, vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố dịch vụ ở nước ta.
- Phân biệt được 3 nhóm ngành dịch vụ cơ bản.
- Nêu được tình hình phát triển và phân bố giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch; một số xu hướng mới trong phát triển các ngành dịch vụ.
- Sử dụng được Atlat Địa lí Việt Nam, bản đồ giáo khoa treo tường và trong SGK; các sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu và các thông tin địa lí cần thiết để nhận xét sự phát triển của các ngành dịch vụ.
- Vận dụng kiến thức và kỹ năng để nhận xét và giải thích sự phát triển các ngành dịch vụ ở địa phương.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức thành 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng) thông qua việc tìm hiểu khái niệm, vai trò, đặc điểm phát triển và phân bố một số ngành dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch), HS sẽ hiểu được một cách khái quát về ngành dịch vụ nước ta.

Trong quá trình tổ chức dạy học, GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập sao cho phù hợp với thực tế để đạt được mục tiêu của bài học, góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Nêu được những hiểu biết của bản thân về những ngành dịch vụ cụ thể, ý nghĩa của các ngành dịch vụ đó.

2. Phương thức hoạt động

- Cá nhân HS quan sát hình ảnh trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một để nhận biết hình ảnh tương ứng với từng ngành dịch.
- GV mời 1 HS báo cáo kết quả trước lớp. Các HS khác lắng nghe, bổ sung, đổi chiều với sản phẩm của mình và tham gia thảo luận với cả lớp.

– Hoạt động này không phải chốt kiến thức. Trên cơ sở những hiểu biết của HS, GV dẫn dắt vào bài.

– Lưu ý: GV không nhất thiết phải khởi động như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một, có thể khởi động theo cách khác. Việc đưa ra các câu hỏi khởi động dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS, làm bộc lộ cái HS đã biết, bỗ khuyết những gì HS còn thiếu. Thông qua hoạt động này, HS sẽ có những ý niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể rất khác nhau, thậm chí không như mong muốn. Đây là cơ sở để GV tổ chức các hoạt động học tập sao cho phù hợp để đạt được mục tiêu của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu khái niệm, cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ

*** Mục tiêu**

Trình bày được khái niệm, cơ cấu và vai trò của ngành dịch vụ ở nước ta; rèn luyện kỹ năng đọc biểu đồ.

*** Phương thức hoạt động**

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn thêm để HS rõ hơn, trong cơ cấu ngành dịch vụ được chia thành các nhóm và các ngành trong mỗi nhóm.

– HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần). Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV có thể gợi ý HS dựa vào thông tin và biểu đồ (hình 2), nêu vai trò của ngành dịch vụ; xác định các nhóm ngành và các ngành dịch vụ, tỉ trọng của từng ngành; nêu vai trò (lấy ví dụ) của ngành dịch vụ.

– HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.

– GV đánh giá (có thể để HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau).

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Trình bày cơ cấu của các ngành dịch vụ.* (Dựa vào biểu đồ trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

– *Nêu rõ vai trò của ngành dịch vụ trong sản xuất và đời sống.* (Dựa vào hộp thông tin tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

2. Trình bày đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta

a) Đặc điểm phát triển

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm phát triển ngành dịch vụ ở nước ta; rèn luyện kĩ năng đọc biểu đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả làm việc, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Nhận xét tỉ trọng của khu vực dịch vụ trong cơ cấu GDP ở nước ta năm 2002 và 2014.*
Dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng lớn (dẫn chứng).

– *So sánh tỉ trọng của các nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất và dịch vụ công cộng năm 2002 và 2014.*

+ Có sự khác nhau về tỉ trọng của các nhóm ngành dịch vụ năm 2002 và 2014 (dẫn chứng).

+ Có sự thay đổi về tỉ trọng giữa các nhóm ngành dịch vụ năm 2014 so với năm 2002 (dẫn chứng).

+ Giải thích (đối với HS khá giỏi): do yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội, nhóm ngành dịch vụ sản xuất phát triển với tốc độ nhanh, tỉ trọng tăng; nhóm dịch vụ tiêu dùng và công cộng phát triển chậm hơn, tỉ trọng giảm.

b) Đặc điểm phân bố

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm phân bố của ngành dịch vụ nước ta.

*** Phương thức hoạt động**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
 - HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
 - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.
- Lưu ý: Đây là nội dung khó, HS dựa vào những hiểu biết thực tế để nêu ví dụ về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố ngành dịch vụ (từ sơ đồ đã cho) và giải thích tại sao Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta? HS sẽ đưa ra những ví dụ và cách giải thích khác nhau, GV cần chốt lại những nội dung cơ bản.

* Gợi ý sản phẩm

- *Nêu ví dụ cụ thể về các nhân tố ảnh hưởng tới sự phân bố các ngành dịch vụ.*
 - + Trình độ phát triển kinh tế: ảnh hưởng căn bản đến sự phát triển của ngành dịch vụ. Kinh tế phát triển, dịch vụ sẽ phát triển (liên hệ kiến thức lịch sử để lấy ví dụ).
 - + Đặc điểm dân cư: quy mô, cơ cấu, phân bố dân cư, sức mua, thói quen tiêu dùng,... có ảnh hưởng tới quy mô, cơ cấu ngành dịch vụ.
 - + Các đô thị và các cơ sở kinh tế: là các trung tâm kinh tế, chính trị, thương mại,... nơi có nhiều điều kiện để phát triển các ngành dịch vụ.
 - + Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên: có ảnh hưởng nhiều tới ngành du lịch.
- *Tại sao Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất và đa dạng nhất nước ta?*
 - + Là hai đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn nhất cả nước.
 - + Là hai trung tâm thương mại, tài chính, ngân hàng lớn nhất nước ta.
 - + Là hai trung tâm tập trung nhiều trường đại học lớn, các bệnh viện chuyên khoa hàng đầu,...
 - + Các dịch vụ khác như: quảng cáo, bảo hiểm, tư vấn, văn hoá, nghệ thuật, ăn uống,... đều phát triển mạnh.

3. Tìm hiểu tình hình phát triển và phân bố mạng lưới giao thông vận tải ở nước ta

* Mục tiêu

Nêu được tình hình phát triển và phân bố giao thông vận tải ở nước ta; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả làm việc; GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Lưu ý:
 - + Mặc dù tài liệu HDH KHXH 9, tập một không yêu cầu nhưng GV cũng nên định hướng để HS đọc thông tin trong tài liệu để biết được khái quát về vai trò của ngành giao thông vận tải.
 - + GV nhấn mạnh đến vai trò của quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh, đường sắt Thống Nhất.

* Gợi ý sản phẩm

- Xác định loại hình vận tải tương ứng với hình đã cho (a – đường bộ; b – đường sắt; c – đường hàng không; d – đường biển).
- Vai trò của ngành giao thông vận tải. Cho biết loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá. Vì sao?
 - + Vai trò của ngành giao thông vận tải. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
 - + Đường bộ có vai trò quan trọng nhất. Vì chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu hàng hoá vận chuyển.
 - Xác định các tuyến đường bộ và đường sắt xuất phát từ thủ đô Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; tên một số sân bay và cảng biển. (Dựa vào hình 5 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

4. Tìm hiểu về bưu chính viễn thông

* Mục tiêu

Nêu được tình hình phát triển của ngành bưu chính viễn thông ở nước ta; rèn luyện kỹ năng đọc biểu đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả; GV nhận xét, bổ sung, đánh giá.
- Lưu ý: GV yêu cầu HS phân tích kĩ hình 6 để thấy được sự phát triển của điện thoại và Internet.

* Gợi ý sản phẩm

- Nêu những dịch vụ cơ bản của bưu chính và viễn thông: chuyển phát nhanh bưu kiện, bưu phẩm (bưu chính); điện thoại, Internet (viễn thông),...
- Cho biết tác động của việc phát triển dịch vụ điện thoại và Internet đến đời sống kinh tế – xã hội ở nước ta.
 - + Dịch vụ điện thoại và Internet phát triển với tốc độ rất nhanh (dẫn chứng số liệu).
 - + Cung cấp thông tin nhanh chóng kịp thời, góp phần đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp, nhanh chóng hội nhập với nền kinh tế thế giới.
 - Những dịch vụ mới có chất lượng cao của ngành bưu chính viễn thông: chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, thư điện tử, báo điện tử, học qua mạng internet,...

5. Tìm hiểu các hoạt động và tình hình phát triển của ngành thương mại

a) Hoạt động nội thương

*** Mục tiêu**

Nêu được hoạt động và tình hình phát triển của ngành nội thương ở nước ta; rèn luyện kĩ năng quan sát, mô tả tranh ảnh, kĩ năng đọc biểu đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả làm việc, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.
- Lưu ý:
 - + HS dựa vào biểu đồ hình 9 để rút ra sự chênh lệch về hoạt động nội thương giữa các vùng.

+ Khi quan sát HS làm việc, nếu thấy các nhóm/HS trả lời đúng, xong trước câu hỏi *Chỉ ra những vùng có hoạt động nội thương phát triển. Giải thích vì sao.* GV có thể yêu cầu thêm bằng câu hỏi khác, chẳng hạn như *vùng nào có hoạt động ngoại thương kém phát triển, tại sao?*

*** Gợi ý sản phẩm**

- *Quan niệm về nội thương.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- *Cho biết các hình thức tổ chức bán hàng chủ yếu ở nước ta.* Hình thức tổ chức bán hàng ở nước ta ngày càng phát triển: hệ thống chợ hoạt động tấp nập cả thành thị và nông thôn; các siêu thị, trung tâm thương mại ngày càng nhiều.
- *Chỉ ra những vùng có hoạt động nội thương phát triển. Giải thích vì sao.*
 - + Vùng Đông Nam Bộ có hoạt động nội thương phát triển nhất cả nước, tiếp đến là vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
 - + Đây là những vùng có kinh tế phát triển, dân số tập trung đông đúc.
 - *Thử nêu những hoạt động buôn bán mới trong hoạt động nội thương* (đối với HS khá, giỏi).

b) Hoạt động ngoại thương

*** Mục tiêu**

Nêu được hoạt động và tình hình phát triển của ngành ngoại thương ở nước ta; rèn luyện kĩ năng đọc biểu đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ; GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, bổ sung; GV đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

- *Ngoại thương là gì?* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- *Nêu tên các thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam:* các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU,...
- *Nhận xét sự thay đổi tỉ trọng cơ cấu hàng xuất khẩu.*
- + Tăng tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.
- + Giảm tỉ trọng hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp; hàng nông, lâm, thuỷ sản.
- *Nêu tên một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta:* gạo, thuỷ sản đông lạnh, cà phê, dầu thô, hàng điện tử,...

6. Khám phá du lịch đất nước

* Mục tiêu

Nêu và có khả năng giới thiệu về một số điểm du lịch ở nước ta; rèn luyện kĩ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, nhận xét, bổ sung; GV đánh giá.
- Lưu ý: với nội dung này, GV có thể tổ chức hoạt động theo phương pháp đóng vai làm hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về một điểm du lịch nào đó.

GV có thể chuẩn bị một số thông tin, hình ảnh để HS biết thêm về tiềm năng du lịch của nước ta. Từ đó góp phần giáo dục ý thức cho HS biết trân trọng, giữ gìn và bảo vệ giá trị tài nguyên du lịch.

* Gợi ý sản phẩm

- *Nêu các tài nguyên du lịch của nước ta* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một). Đối với HS khác, giới có thể hỏi thêm về các di sản thế giới ở Việt Nam.
- *Giới thiệu các điểm du lịch nổi tiếng ở nước ta.* (HS tùy chọn, có thể là những điểm HS đã đến hoặc đã đọc, đã xem,...).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để chứng minh được sự phong phú của tài nguyên du lịch nước ta.

2. Phương thức hoạt động

- Về nhà HS dựa vào lược đồ Du lịch Việt Nam và Atlat Địa lí Việt Nam trang 25 (nếu có), chứng minh nước ta có tài nguyên du lịch phong phú theo gợi ý như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ kết quả với cả lớp.
- Lưu ý: GV cũng có thể thay thế nội dung của hoạt động này bằng một nội dung khác nếu thấy hợp lý.

3. Gợi ý sản phẩm

| Nhóm tài nguyên | Tài nguyên | Tên, địa điểm |
|-----------------------------|---|---|
| Tài nguyên du lịch tự nhiên | <ul style="list-style-type: none">– Địa hình<ul style="list-style-type: none">+ Núi cao+ Bãi biển đẹp+ Đảo+ Hang động– Sông, hồ– Vườn quốc gia | <p>Phan-xi-phăng (dãy Hoàng Liên Sơn), Bà Nà (Đà Nẵng), Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Lang Bi-ang (Đà Lạt),....</p> <p>Nha Trang (Khánh Hòa), Bãi Cháy (Quảng Ninh), Sầm Sơn (Thanh Hoá), Đồ Sơn (Hải Phòng),....</p> <p>Phú Quốc (Kiên Giang), Cát Bà (Hải Phòng), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu),....</p> <p>Phong Nha (Quảng Bình), Hương Tích (Hà Nội), Tam Thanh – Nhị Thanh (Lạng Sơn), Tam Cốc – Bích Động (Ninh Bình),....</p> <p>Sông Hương (Thừa Thiên Huế), sông Hàn (Đà Nẵng),...; hồ Ba Bể (Bắc Kạn), hồ Tây (Hà Nội), hồ Xuân Hương (Đà Lạt – Lâm Đồng),...</p> <p>Cúc Phương (Ninh Bình), Ba Vì (Hà Nội), Tràm Chim (Đồng Tháp),...</p> |

| | | |
|--------------------------------|---|---|
| Tài nguyên du lịch nhân văn | <ul style="list-style-type: none"> – Di sản văn hoá thế giới – Di tích lịch sử – văn hoá – Lễ hội – Làng nghề truyền thống – Văn hoá dân tộc | <p>Cố đô Huế, phố cổ Hội An (Quảng Nam), thành nhà Hồ (Thanh Hoá),...</p> <p>Nhà tù Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu), địa đạo Củ Chi (TP Hồ Chí Minh), Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội),...</p> <p>Lễ hội chùa Hương (Hà Nội), lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ),...</p> <p>Làng gốm Bát Tràng (Hà Nội), lụa Vạn Phúc (Hà Nội), tạc tượng đá Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng),...</p> <p>Trang phục, lễ hội, ẩm thực,...</p> |
|--------------------------------|---|---|

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để tìm hiểu các loại hình vận tải ở địa phương mình; kể tên được một số tuyến đường chạy qua tỉnh, huyện mình; tìm hiểu và kể tên được một số mặt hàng xuất khẩu ở địa phương (nếu có).

2. Phương thức hoạt động

- Về nhà HS dựa vào kiến thức đã học và sưu tầm tư liệu, hỏi người thân để thực hiện nhiệm vụ học tập.
- GV khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ và chia sẻ kết quả với cả lớp.
- Lưu ý: GV cũng có thể thay thế nội dung của hoạt động này bằng một nội dung khác nếu thấy hợp lý.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS không bao giờ bằng lòng dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong bài còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục tìm hiểu thêm.

2. Phương thức hoạt động

- GV cần khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một yêu cầu.
- GV cũng có thể gợi mở những vấn đề khác, không nhất thiết phải như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một để HS tìm tòi, bổ sung, mở rộng thêm kiến thức.

BÀI 7. TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa đối với việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.
- Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; sự phân bố của các ngành đó.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn của vùng.
- Phân tích số liệu thống kê, lược đồ để thấy được đặc điểm tự nhiên, dân cư, và sự phát triển kinh tế của vùng.
- Có ý thức xây dựng và bảo vệ quê hương.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động, sử dụng các phương pháp như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, sử dụng các phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh,...) nhằm giúp HS nhận biết được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với việc phát triển kinh tế – xã hội; trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nêu được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nhận biết thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; sự phân bố của các ngành đó; nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Có thể vận dụng các phương pháp khác với những phương pháp đã nêu ở trên cho phù hợp với thực tế để đảm bảo mục tiêu bài học, góp phần hình thành những năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Gợi lại những kiến thức đã có liên quan tới vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với học bài mới.

2. Phương thức hoạt động

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình theo yêu cầu của câu hỏi trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một. Song song với thời gian các HS thực hiện nhiệm vụ, GV mời 2 HS thực hiện nhiệm vụ học tập trên bảng.

– GV sử dụng kết quả của 2 HS để tổ chức thảo luận chung cả lớp và từ đó dẫn dắt vào nội dung của bài học mới.

3. Gợi ý sản phẩm

– Kể tên: Hoà Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bai, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Giang.

– Hiểu biết của HS về cảnh quan thiên nhiên hoặc đặc điểm văn hoá có thể rất khác nhau, nhưng nó giúp HS có những ý niệm ban đầu về vấn đề sắp được tìm hiểu trong bài học. Từ đó, GV hệ thống lại và dẫn dắt HS vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

*** Mục tiêu**

Nhận biết được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa đối với việc phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

– Xác định vị trí địa lí:

+ Là vùng có diện tích lãnh thổ rộng lớn nhất nước ta, chia 2 tiểu vùng: Đông Bắc và Tây Bắc.

+ Giáp Trung Quốc (phía bắc), Lào (phía tây), vịnh Bắc Bộ (phía đông), Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng (phía nam).

– *Nêu ý nghĩa vị trí địa lý:*

+ Ảnh hưởng tới địa hình, địa chất, tài nguyên và khí hậu.

+ Có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng.

+ Có điều kiện giao lưu kinh tế với các nước trong khu vực và các vùng kinh tế trong nước.

+ Phát triển kinh tế cả đất liền và kinh tế biển.

– *Lưu ý:*

+ GV cần làm cho HS nắm vững đường biên giới quốc gia của Việt Nam với Trung Quốc (các tỉnh Vân Nam, Quảng Tây) và Lào (vùng Thượng Lào). Lũng Cú (huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang) là địa đầu phía bắc đất nước, gần như sát với chí tuyến Bắc ($23^{\circ}27' B$), A-pa-chải – địa đầu phía tây đất nước (xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên). Phía đông nam là vịnh Bắc Bộ với các vịnh Hạ Long, Bá Tứ Long. Phía nam giáp với vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Bắc Trung Bộ.

+ Qua mục này HS cần hiểu rõ vị trí địa lý của vùng núi Bắc Bộ là liền kề chí tuyến Bắc và một số điều kiện tự nhiên chủ yếu: cấu trúc địa chất phức tạp, địa hình chia cắt sâu sắc, giàu tài nguyên khoáng sản, nguồn thuỷ điện; khí hậu phân hoá có mùa đông lạnh làm cho tài nguyên sinh vật trở nên đa dạng. Đây là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc có bản sắc văn hoá đa dạng, nhưng trình độ phát triển khá chênh lệch. Vùng này có điều kiện giao lưu kinh tế và văn hoá với Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

2. Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

* **Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả; GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– Điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

| Điều kiện tự nhiên | Thế mạnh kinh tế |
|--|--|
| Địa hình, đất đai – Đông Bắc núi trung bình và núi thấp. – Tây Bắc núi cao, địa hình hiểm trở. – Khu vực giáp đồng bằng là vùng trung du có địa hình thấp, đồi bát úp, xen kẽ những cánh đồng thung lũng bằng phẳng. – Đất feralit trên các loại đá khác và feralit trên đá vôi, với các cao nguyên đá vôi rộng lớn như Sơn La, Mộc Châu,... | – Chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn, xây dựng các khu công nghiệp, đô thị. – Nhiều cảnh đẹp thuận lợi phát triển du lịch sinh thái. – Thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp. – Chăn nuôi gia súc quy mô lớn. |
| Khí hậu – Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. – Vùng núi cao có khí hậu cận nhiệt và ôn đới núi cao. | Phát triển cây công nghiệp (chè), trồng các cây dược liệu (tam thất, hồi, đương quy,...), rau quả đặc sản (lê, táo, mận, su hào, bắp cải,...). |
| Sông, hồ: có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Lô, sông Chảy, tiềm năng thuỷ điện lớn. | Phát triển thuỷ điện. |
| Khoáng sản: giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta (than ở Quảng Ninh với trữ lượng lớn; sắt ở Thái Nguyên; apatit ở Lào Cai; đồng ở Sơn La, Yên Bái; thiếc, mangan ở Cao Bằng; đá vôi, đất hiếm có ở nhiều nơi trong vùng). | – Phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, luyện kim, chế tạo máy, công nghiệp hoá chất. – Nhiên liệu cho nhiệt điện. – Mặt hàng xuất khẩu. |
| Rừng: các vườn quốc gia và kết hợp với các cảnh quan địa hình núi đá vôi, hồ, thác ghềnh. | Phát triển du lịch. |
| Biển: vùng biển giàu tiềm năng. | Phát triển kinh tế biển: nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản, du lịch vịnh Hạ Long, cảng biển. |

– Nếu những hạn chế về tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

3. Tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở, trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

– So sánh các tiêu chí trong bảng số liệu giữa vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với cả nước.

- + Các tiêu chí thấp hơn mức trung bình cả nước: mật độ dân số, thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ người 15 tuổi trở lên biết chữ.
- + Các tiêu chí cao hơn mức trung bình cả nước: tỉ lệ tăng dân số tự nhiên, tỉ lệ hộ nghèo.
- *Đặc điểm dân cư và xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*
- + Đây là địa bàn cư trú xen kẽ của nhiều dân tộc ít người (kể tên).
- + Người Việt (Kinh) cư trú ở hầu hết các địa phương.
- + Trình độ dân cư, xã hội có sự chênh lệch giữa Đông Bắc và Tây Bắc (dẫn chứng).
- + Đời sống đồng bào các dân tộc bước đầu được cải thiện nhờ công cuộc Đổi mới.
- Lưu ý:
 - + Thuận lợi của đặc điểm dân cư: Đồng bào dân tộc có kinh nghiệm săn xuất (canh tác trên đất dốc, trồng cây công nghiệp, dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới,...), đa dạng về văn hoá.
 - + Khó khăn: trình độ văn hoá, kỹ thuật của người lao động còn hạn chế; đời sống người dân còn nhiều khó khăn.

4. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

a) Công nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, sự phân bố của các ngành đó; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- Các nhà máy thuỷ điện, nhiệt điện trong vùng:
 - + Thuỷ điện Hoà Bình (tỉnh Hòa Bình) trên sông Đà.
 - + Thuỷ điện Sơn La (tỉnh Sơn La) trên sông Đà.
 - + Thuỷ điện Thác Bà (tỉnh Yên Bái) trên sông Chảy.
 - + Thuỷ điện Nậm Mu (tỉnh Hà Giang) trên sông Lô.
 - + Thuỷ điện Tuyên Quang trên sông Gâm.
 - + Nhiệt điện Na Dương (tỉnh Lạng Sơn).
 - + Nhiệt điện Uông Bí (tỉnh Quảng Ninh),...
- Dựa vào điều kiện nào để vùng phát triển mạnh cả nhiệt điện và thuỷ điện.
 - + Thuỷ điện: Sông suối có trữ năng thuỷ điện lớn (nhiều thác ghềnh, lượng nước sông lớn).
 - + Nhiệt điện: trong vùng có bể than Đông Bắc cung cấp nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện.
- Kể tên và nêu sự phân bố của các ngành công nghiệp trong vùng.

| Ngành công nghiệp | Phân bố |
|-------------------------------|--|
| Luyện kim | Thái Nguyên. |
| Cơ khí | Hạ Long (Quảng Ninh). |
| Hoá chất | Việt Trì (Phú Thọ). |
| Sản xuất vật liệu xây dựng | Thái Nguyên, Việt Trì, Sơn La, Lạng Sơn. |
| Chế biến lâm sản | Bắc Kạn. |
| Chế biến lương thực thực phẩm | Việt Trì, Thái Nguyên, Hà Giang. |
| Sản xuất hàng tiêu dùng | Việt Trì, Lào Cai, Yên Bái. |

b) Nông nghiệp

* Mục tiêu

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành nông nghiệp, sự phân bố của các ngành đó; rèn kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– *Trình bày những thuận lợi và khó khăn để phát triển nông, lâm, thuỷ sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.*

+ Thuận lợi:

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hoá theo độ cao, tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hoá cơ cấu nông nghiệp.
- Đất đai chủ yếu là đất feralit thích hợp phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả,... Đất đai khu vực trung du, cao nguyên thuận lợi phát triển các vùng chuyên canh, đồng cỏ chăn nuôi gia súc.
- Vùng biển đông bắc rộng lớn, giàu tiềm năng phát triển nuôi tôm, cá ở ao, hồ, đầm và vùng nước lợ, nước mặn ven biển tỉnh Quảng Ninh.
- Có nguồn lao động dồi dào cho việc sản xuất nông nghiệp, các dân tộc ít người có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- Cơ sở vật chất – kĩ thuật phục vụ nông nghiệp có nhiều tiến bộ, hệ thống giao thông vận tải được nâng cấp,...
- Chính sách giao đất giao rừng lâu dài cho hộ nông dân phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp.
- Thị trường tiêu thụ rộng lớn (trong vùng, ngoài vùng và xuất khẩu ra nước ngoài).

+ Khó khăn:

- Khí hậu khô hạn, rét đậm, rét hại về mùa đông.
- Thiếu quy hoạch, chưa chủ động thị trường.
- *Xác định địa bàn phân bố của cây ngô, chè, hồi, cây ăn quả và chăn nuôi trâu:*

- + Ngô: Bắc Hà, Hà Giang, Phú Thọ,...
- + Chè: Sơn La, Hà Giang, Yên Bái, Thái Nguyên,...
- + Hồi: Lạng Sơn,...
- + Cây ăn quả: Lạng Sơn, Bắc Hà, Sơn La, Bắc Giang,...
- + Chăn nuôi trâu: Lạng Sơn, Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang,...

c) Dịch vụ và các trung tâm kinh tế

*** Mục tiêu**

- Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành dịch vụ, sự phân bố của các ngành đó.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

- *Trình bày đặc điểm phát triển và phân bố ngành dịch vụ ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.*
 - + Thương mại: có mối giao lưu thương mại lâu đời với Đồng bằng sông Hồng.
 - + Các tỉnh biên giới trao đổi hàng hoá với Vân Nam, Quảng Tây (Trung Quốc) và Thượng Lào qua các cửa khẩu.
 - + Giao thông: vùng trung du giao thông phát triển. Đường sắt (Hà Nội – Lào Cai, Hà Nội – Lạng Sơn), đường bộ (QL1A, 2, 3, 5, 6), đường biển (cảng Quảng Ninh).
 - + Du lịch: là thế mạnh của vùng. Di sản thiên nhiên thế giới (vịnh Hạ Long), du lịch hướng về cội nguồn (Cao Bằng, Thái Nguyên), du lịch sinh thái nghỉ dưỡng (Bắc Hà, Hà Giang).
 - *Xác định các trung tâm kinh tế của vùng:*
 - + Trung tâm kinh tế quan trọng: Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn.
 - + Trung tâm kinh tế mới: Yên Bái, Điện Biên Phủ, Lào Cai, Sơn La.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế của vùng.

2. Phương thức hoạt động

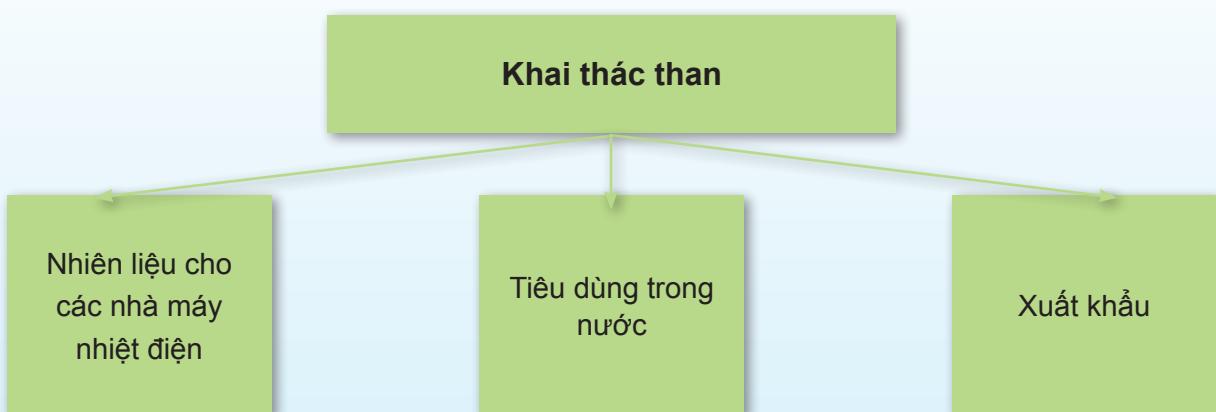
- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện; GV quan sát trợ giúp và điều chỉnh; nếu trường hợp không đủ thời gian, GV hướng dẫn HS làm việc ở nhà.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1. So sánh sự khác biệt về điều kiện tự nhiên giữa tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc.

| | Đông Bắc | Tây Bắc |
|------------|---|--|
| Địa hình | <ul style="list-style-type: none">– Núi trung bình và núi thấp. Các dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều).– Vùng biển rộng lớn phát triển nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản, du lịch biển – đảo, giao thông vận tải biển. | <ul style="list-style-type: none">– Núi cao (dãy Hoàng Liên Sơn cao nhất nước), địa hình hiểm trở, các dãy núi chạy theo hướng tây bắc – đông nam.– Cao nguyên đá vôi đồ sộ phát triển chăn nuôi gia súc lớn. |
| Khí hậu | Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh nhất nước ta. | Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông ít lạnh hơn Đông Bắc. |
| Khoáng sản | Giàu tài nguyên khoáng sản như: than, chì, sắt, kẽm, thiếc,... | Nguồn thuỷ năng lớn. |

Câu 2. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu thụ than theo mục đích:



D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài để nêu ý nghĩa của việc phát triển các nhà máy thuỷ điện, việc phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1. Nêu ý nghĩa của việc phát triển các nhà máy thuỷ điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

– Thúc đẩy nhiều ngành kinh tế phát triển (đặc biệt là việc khai thác và chế biến khoáng sản,...).

– Tạo việc làm, phát triển kinh tế – xã hội miền núi,...

Câu 2. Trình bày ý nghĩa của việc phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

– Nghề rừng phát triển đã làm tăng độ che phủ rừng, có tác dụng hạn chế xói mòn đất, cải thiện điều kiện sinh thuỷ cho các dòng sông, điều tiết nguồn nước các hồ thuỷ điện, thuỷ lợi, là cơ sở nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất giấy, chế biến gỗ,...

– Nghề rừng góp phần sử dụng nguồn lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp, do đó, thu nhập của người dân tăng lên, đời sống cho đồng bào các dân tộc từng bước được cải thiện.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về thiên nhiên, con người, kinh tế của một địa điểm du lịch; trang phục, phong tục, tập quán sản xuất của một dân tộc ít người ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

2. Phương thức hoạt động

– GV cho HS chọn một trong hai nội dung để tìm hiểu.

- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 8. ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn của vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành kinh tế của vùng.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn. Nhận biết được vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- Phân tích biểu đồ, số liệu thống kê, lược đồ để thấy được đặc điểm tự nhiên, dân cư và sự phát triển kinh tế của vùng.
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong các hoạt động kinh tế.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động, sử dụng các phương pháp như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, sử dụng các phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh,...) nhằm giúp HS nhận biết được vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa của vị trí địa lý đối với việc phát triển kinh tế – xã hội; trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nêu được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nhận biết

thể mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; sự phân bố của các ngành đó; nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Có thể vận dụng các phương pháp khác với những phương pháp đã nêu ở trên cho phù hợp với thực tế để đảm bảo mục tiêu bài học, góp phần hình thành những năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Gợi lại những kiến thức đã có liên quan tới vùng Đồng bằng sông Hồng, tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình theo yêu cầu của câu hỏi trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV có thể mời 2 HS báo cáo, chia sẻ những hiểu biết của mình về thiên nhiên, tình hình kinh tế – xã hội của một tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng.
- Các HS khác nghe và thảo luận bổ sung.
- GV dắt dẫn vào nội dung bài học.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể rất khác nhau, nhưng nó giúp HS có những ý niệm ban đầu về vấn đề sắp được tìm hiểu trong bài học. Từ đó, GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

*** Mục tiêu**

Nhận biết được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa đối với việc phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kĩ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn thêm HS khi xác định vị trí địa lí vùng cần xác định được: diện tích; vị trí về tự nhiên; vị trí về kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng.
- HS thực hiện nhiệm vụ, tuỳ theo đặc điểm lớp học và trình độ HS, GV có thể tổ chức hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.
- GV tổ chức cho HS báo cáo, thảo luận kết quả học tập.
- GV chốt kiến thức và đánh giá hoạt động.

* Gợi ý sản phẩm

- Xác định vị trí địa lí của vùng Đồng bằng sông Hồng:
 - + Lãnh thổ: vùng có diện tích nhỏ, có thủ đô Hà Nội.
 - + Giáp Trung du và miền núi Bắc Bộ (phía đông bắc, bắc, tây bắc), Bắc Trung Bộ (phía tây nam) và vịnh Bắc Bộ (phía đông nam).
- Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế – xã hội: thuận lợi trong giao lưu với các vùng trong nước và thế giới.
 - Lưu ý:
 - + Đồng bằng sông Hồng giữ vị trí trung tâm kinh tế, khoa học – công nghệ và nhiều mặt khác của đất nước.
 - + Đồng bằng sông Hồng là một vùng kinh tế không trùng khớp với châu thổ sông Hồng là sản phẩm bồi đắp của dòng sông cùng tên. Do đó, GV cần hướng dẫn cho HS phân biệt châu thổ sông Hồng có diện tích nhỏ hơn vùng Đồng bằng sông Hồng do có vùng đất giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và ranh giới phía bắc vùng Bắc Trung Bộ (địa giới hành chính tỉnh Thanh Hoá).
 - + Trên vùng biển vịnh Bắc Bộ còn có đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ là các đảo lớn và quan trọng của vùng.

2. Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; rèn kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn thêm để điền được đặc điểm địa hình, khí hậu, thuỷ văn và biển. HS cần đọc trên lược đồ và hộp thông tin; riêng đối với tài nguyên khoáng sản, HS đọc trên lược đồ. Cột ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, HS cần huy động hiểu biết của bản thân để suy luận và đánh giá.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả. GV có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng.

| Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên | Đặc điểm | Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế |
|---|---|---|
| Địa hình, đất đai | Địa hình bằng phẳng, đất phù sa màu mỡ. | Phát triển nông nghiệp. |
| Khí hậu, thuỷ văn | <ul style="list-style-type: none"> – Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh. – Nguồn nước mặt phong phú nhờ hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình. Nguồn nước ngầm dồi dào, chất lượng tốt. Một số nơi có nước khoáng, nước nóng. | Thuận lợi thâm canh, xen canh, tăng vụ và đưa vụ đông lên thành vụ chính. |
| Khoáng sản | <ul style="list-style-type: none"> – Mỏ đá ở Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình. – Sét cao lanh ở Hải Dương. – Than nâu ở Hưng Yên. – Khí thiên nhiên ở Thái Bình. | Phát triển công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng. |
| Tài nguyên biển | Đường bờ biển dài, vùng biển rộng. | Thuận lợi phát triển kinh tế biển (nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản, du lịch). |
| Tài nguyên du lịch | Nhiều cảnh đẹp, vườn quốc gia, bãi biển. | Phát triển du lịch. |

3. Tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê và đọc biểu đồ.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. Nội dung này giống như ở bài Trung du và miền núi Bắc Bộ nên HS có thể thực hiện dễ dàng.

– HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả.

– GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

– Dân cư đông đúc nhất cả nước, mật độ dân số cao.

– So với cả nước: các tiêu chí của vùng Đồng bằng sông Hồng đều cao hơn, trừ tiêu chí tỉ lệ hộ nghèo.

– Lưu ý:

+ Thuận lợi của đặc điểm dân cư:

- Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- Đội ngũ trí thức, lao động kỹ thuật và công nghệ cao đông đảo.

+ Khó khăn:

- Bình quân đất nông nghiệp thấp.
- Nhu cầu lớn về việc làm, y tế, văn hóa, giáo dục.

4. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

a) Công nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, sự phân bố của các ngành đó; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn thêm:

+ Câu 1. Đọc biểu đồ để xem xét tỉ trọng công nghiệp – xây dựng so với các khu vực khác tăng hay giảm, chiếm tỉ trọng như thế nào?

+ Câu 2. HS cần nêu được các ngành công nghiệp trọng điểm trong vùng dựa vào hộp thông tin. Sau đó trình bày sự phân bố của từng ngành công nghiệp trọng điểm.

– HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.

– GV đánh giá và chốt kiến thức.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Nhận xét về tỉ trọng và sự thay đổi tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng so với các khu vực khác trong cơ cấu GDP ở Đồng bằng sông Hồng:* Tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng có xu hướng tăng và hiện đã chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP của vùng.

– *Trình bày các ngành công nghiệp trọng điểm ở vùng Đồng bằng sông Hồng và sự phân bố của chúng.*

+ Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định.

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình.

+ Công nghiệp cơ khí: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình.

b) Nông nghiệp

* **Mục tiêu**

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành nông nghiệp, sự phân bố của các ngành đó; rèn kỹ năng đọc lược đồ và phân tích số liệu thống kê.

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một và hướng dẫn thêm:

+ So sánh sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người giữa Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long.

+ So sánh sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người giữa Đồng bằng sông Hồng với cả nước.

+ Nhận xét tình hình sản xuất và phân bố lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng:

- Về sản xuất lương thực;

- Về chăn nuôi;
 - Về trồng cây rau, cây ăn quả.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *So sánh sản lượng lương thực, bình quân lương thực đầu người của Đồng bằng sông Hồng với cả nước và Đồng bằng sông Cửu Long năm 2014.*

+ Sản lượng lương thực Đồng bằng sông Hồng giảm, Đồng bằng sông Cửu Long tăng. Sản lượng lương thực Đồng bằng sông Hồng bằng khoảng 30% Đồng bằng sông Cửu Long.

+ Bình quân lương thực đầu người Đồng bằng sông Hồng giảm, Đồng bằng sông Cửu Long tăng và thấp hơn nhiều so với Đồng bằng sông Hồng.

+ Sản lượng lương thực Đồng bằng sông Hồng chiếm khoảng 14% cả nước (2014). Bình quân lương thực đầu người Đồng bằng sông Hồng thấp hơn mức trung bình cả nước.

– *Nhận xét tình hình sản xuất và phân bố lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng.*

+ Lương thực: đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực, trình độ thâm canh cao, tập trung ở Thái Bình, Nam Định, Hà Nam,...

+ Thực phẩm: phát triển một số cây ưa lạnh như khoai tây, su hào, bắp cải, hoa,... đem lại hiệu quả kinh tế cao; phân bố ở hầu khắp các tỉnh.

+ Chăn nuôi: đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước, chăn nuôi bò, gia cầm và thuỷ sản đang được chú ý phát triển.

c) Dịch vụ

* **Mục tiêu**

Chứng minh được ngành dịch vụ của vùng rất phát triển.

* **Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- Dịch vụ vận tải sôi động. Hai đầu mối giao thông vận tải quan trọng là Hà Nội, Hải Phòng.
- Hai trung tâm du lịch lớn: Hà Nội, Hải Phòng. Các địa danh du lịch nổi tiếng: Chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động, Côn Sơn, Cúc Phương,...
- Bưu chính viễn thông phát triển mạnh.
- Hà Nội là trung tâm lớn nhất cả nước về thông tin, tư vấn, chuyển giao công nghệ, đồng thời là một trong hai trung tâm tài chính, ngân hàng lớn nhất nước ta.

5. Tim hiểu các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

* Mục tiêu

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm.
- Nhận biết được vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp. Tuỳ theo đặc điểm và trình độ HS, GV tổ chức hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- Các trung tâm kinh tế lớn ở vùng Đồng bằng sông Hồng. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- Kể tên các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đối với phát triển kinh tế – xã hội. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm tự nhiên và đặc điểm kinh tế – xã hội của vùng, rèn kỹ năng xử lý số liệu và vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1.

– *Tỉ trọng sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước năm 2010 và 2014.*

(Đơn vị: %)

| Vùng | Năm 2010 | Năm 2014 |
|-------------------------|----------|----------|
| Đồng bằng sông Hồng | 16 | 14 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 49 | 51 |
| Các vùng khác | 35 | 35 |

– Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và các vùng còn lại trong tổng sản lượng lương thực cả nước năm 2010 và 2014. Yêu cầu: vẽ biểu đồ tròn, tương đối chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.

Câu 2. Giải thích vì sao ở Đồng bằng sông Hồng có sản lượng lương thực đứng thứ hai cả nước, nhưng bình quân lương thực theo đầu người lại thấp hơn mức bình quân của cả nước.

- Số dân quá đông.
- Bình quân đất canh tác theo đầu người rất thấp, thấp hơn mức bình quân cả nước, trong khi khả năng thâm canh là có giới hạn.
- Khả năng mở rộng diện tích đất hầu như không còn. Tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa nhanh dẫn đến diện tích đất canh tác ngày càng giảm,...

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài về vai trò của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng trong lịch sử và hiện tại.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu với các ý chính:

- Tránh được nguy cơ phá hoại của lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão.

- Làm cho địa bàn phân bố dân cư được phủ khắp châu thổ, làng mạc trù phú, dân cư đông đúc.
- Giúp cho nông nghiệp thâm canh, tăng vụ; công nghiệp, dịch vụ phát triển sôi động. Nhiều di tích lịch sử, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được lưu giữ và phát triển.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về một nghề truyền thống nào đó ở Đồng bằng sông Hồng.

2. Phương thức hoạt động

- GV cho HS chọn một trong hai nội dung để tìm hiểu.
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 9. BẮC TRUNG BỘ

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển của vùng.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất chủ yếu: trồng rừng và cây công nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản; khai thác khoáng sản; dịch vụ du lịch.
- Nêu được tên các Trung tâm kinh tế lớn và chức năng chủ yếu của từng trung tâm.
- Sử dụng bản đồ và số liệu thống kê để phân tích và trình bày được vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, dân cư, sự phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của vùng Bắc Trung Bộ.
- Có ý thức, trách nhiệm trong bảo vệ, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tinh thần khắc phục khó khăn khi thiên tai xảy ra.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động, sử dụng các phương pháp như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, sử dụng các phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh,...) nhằm giúp HS nhận biết được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với việc phát triển kinh tế – xã hội; trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nêu được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nhận biết thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch; sự phân bố của các ngành đó; nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Có thể vận dụng các phương pháp khác với những phương pháp đã nêu ở trên cho phù hợp với thực tế để đảm bảo mục tiêu bài học, góp phần hình thành những năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Gợi lại những kiến thức đã có liên quan tới vùng Bắc Trung Bộ, tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình theo yêu cầu của câu hỏi trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV gọi vài HS báo cáo, chia sẻ những hiểu biết của mình về thiên nhiên, con người ở vùng Bắc Trung Bộ.
- Thông qua báo cáo của HS, GV dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể rất khác nhau, nhưng nó giúp HS có những ý niệm ban đầu về vấn đề sắp được tìm hiểu trong bài học, từ đó, GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

* Mục tiêu

Nhận biết được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa đối với việc phát triển kinh tế – xã hội; rèn kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. HS đã quen với dạng câu hỏi này ở các vùng kinh tế trước, nên việc trả lời câu hỏi đối với HS sẽ dễ dàng hơn.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả.
- GV chốt và đánh giá.

* Gợi ý sản phẩm

- *Kể tên các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- *Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ:*
 - + Lãnh thổ: hẹp ngang, kéo dài từ dãy Tam ĐHITE đến dãy Bạch Mã.
 - + Giáp Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng (phía bắc), Duyên hải Nam Trung Bộ (phía nam), Lào (phía tây), Biển Đông (phía đông).
- *Ý nghĩa vị trí địa lí của vùng:*
 - + Cầu nối giữa các vùng lãnh thổ phía bắc và phía nam nước ta.
 - + Cửa ngõ ra Biển Đông của các nước thuộc Tiểu vùng Mê Công.
 - + Có điều kiện phát triển kinh tế biển.

2. Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; rèn kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn HS kết hợp quan sát lược đồ và đọc tài liệu để thu thập thông tin điền vào bảng.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả. GV có thể cho HS hoạt động nhóm.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội vùng Bắc Trung Bộ

| Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên | Đặc điểm | Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội |
|---|--|--|
| Địa hình, đất đai | Từ tây sang đông là miền núi, gò đồi, dải đồng bằng hẹp, biển, hải đảo. | Từ tây sang đông phát triển nghề rừng, chăn nuôi gia súc lớn, sản xuất lương thực, nuôi trồng thuỷ sản, đánh bắt hải sản. |
| Khoáng sản | Có một số tài nguyên có giá trị như crôm Cổ Định (Thanh Hoá), thiếc Quỳ Hợp (Nghệ An), sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh), đá vôi (Thanh Hoá), sét, cao lanh (Quảng Bình), đá quý Quỳ Châu (Nghệ An). | Phát triển công nghiệp khai khoáng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. |
| Rừng | Có diện tích lớn, độ che phủ rừng cao. Nhiều vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên; có vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình) là di sản thiên nhiên thế giới. | Phát triển du lịch, hoạt động nông – lâm kết hợp. |
| Biển | <ul style="list-style-type: none"> – Nguồn hải sản phong phú, có nhiều bãi tôm, bãi cá. Ven biển có nhiều vũng, vịnh, đầm phá,... – Có các bãi tắm nổi tiếng như Sầm Sơn (Thanh Hoá), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Thuận An, Lăng Cô (Thừa Thiên Huế). | <ul style="list-style-type: none"> – Thuận lợi cho đánh bắt hải sản và nuôi trồng thuỷ sản. – Phát triển du lịch biển – đảo. |

– Nếu những thiên tai thường xảy ra ở vùng Bắc Trung Bộ. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

3. Tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích bảng số liệu thống kê.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn thêm:
 - + So sánh các tiêu chí để thấy được những tiêu chí nào cao hơn và thấp hơn cả nước, từ đó suy ra bức tranh về dân cư, xã hội của vùng.
 - + Để trình bày được đặc điểm phân bố dân cư, sự khác biệt về cư trú và hoạt động kinh tế giữa phía đông và phía tây, HS cần đọc thông tin trong hộp thông tin.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả. GV có thể tổ chức hoạt động nhóm để HS tìm hiểu kiến thức.
- GV chốt và đánh giá.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Nhận xét sự chênh lệch các tiêu chí của vùng so với cả nước:
 - + Tiêu chí thấp hơn mức trung bình cả nước: mật độ dân số, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên, thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình.
 - + Tiêu chí cao hơn mức trung bình cả nước: tỉ lệ hộ nghèo, tỉ lệ người 15 tuổi trở lên biết chữ.
 - Đời sống dân cư gặp nhiều khó khăn, người dân giàu nghị lực, ham học hỏi.
 - Cho biết phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ có đặc điểm gì:
 - + Phân bố dân cư không đều giữa các khu vực.
 - + Dân cư tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, ven biển; vùng gò đồi phía tây mật độ dân số thấp.
 - + Dân cư tập trung chủ yếu ở nông thôn.
 - Những khác biệt về cư trú và hoạt động kinh tế giữa phía đông và phía tây của Bắc Trung Bộ.
 - + Phía đông (các đồng bằng ven biển): chủ yếu là người Kinh, hoạt động kinh tế: sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản; sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.
 - + Phía tây (miền núi, gò đồi): chủ yếu là các dân tộc ít người (Thái, Mường, Tày, Mông, Rru - Vân Kiều,...). Hoạt động kinh tế: nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, canh tác trên nương rẫy, chăn nuôi trâu, bò đàm.

4. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

a) Nông nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành nông nghiệp, sự phân bố của các ngành đó; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo.
- GV chốt kiến thức và đánh giá.

*** Gợi ý sản phẩm**

– Nhận xét về sản lượng thuỷ sản, số lượng đàn bò và năng suất lúa vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 1995 – 2014.

- + Sản lượng thuỷ sản, số lượng đàn bò, năng suất lúa tăng đều.
- + Sản lượng thuỷ sản tăng đều, năm 2014 gấp 4,28 lần so với năm 1995.
- + Số lượng đàn bò năm 2014 gấp 1,12 lần so với năm 1995.
- + Năng suất lúa năm 2014 gấp 1,76 lần so với năm 1995.
- Xác định các vùng nông – lâm kết hợp: vùng đồi núi phía tây Thanh Hoá, Nghệ An, Quảng Trị.
- Ý nghĩa của việc trồng rừng và hệ thống thuỷ lợi ở Bắc Trung Bộ. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

b) Công nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, sự phân bố của các ngành đó, nêu được tên và cơ cấu ngành của các trung tâm công nghiệp trong vùng; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn thêm:

+ Nhận xét chỉ số *giá tăng giá trị sản xuất công nghiệp* của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ tăng như thế nào, tỉnh nào tăng nhanh, tăng chậm.

+ Để chỉ ra sự phân bố các cơ sở khai khoáng và cơ cấu ngành công nghiệp ở một số trung tâm công nghiệp, HS cần đọc trên lược đồ.

- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp. GV có thể tổ chức HS hoạt động cá nhân.
- GV chốt kiến thức và đánh giá hoạt động.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Nhận xét sự tăng giá trị sản xuất công nghiệp của các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 2012 – 2014:* Giá trị sản xuất công nghiệp của tất cả các tỉnh đều tăng và tăng tương đối đều, tăng cao và ổn định nhất là tỉnh Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế.

– *Xác định các cơ sở khai thác khoáng sản thiếc, crôm, titan, đá vôi, sét cao lanh ở Bắc Trung Bộ:* crôm Cỗ Định (Thanh Hoá), thiếc Quỳ Hợp (Nghệ An), sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh), đá vôi (Thanh Hoá), sét, cao lanh (Quảng Bình).

– *Cơ cấu ngành công nghiệp của các trung tâm công nghiệp:*

- + Thanh Hoá: cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến lương thực thực phẩm.
- + Vinh: cơ khí, chế biến lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực, thực phẩm.
- + Huế: cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến lương thực thực phẩm.

c) **Dịch vụ**

* **Mục tiêu**

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành dịch vụ, sự phân bố của các ngành dịch vụ.

* **Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- + HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- + GV đánh giá và chốt kiến thức.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Xác định một số tuyến đường giao thông, cảng biển, cửa khẩu, sân bay quan trọng trong vùng:*

- + Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường sắt Thống Nhất.
- + Đường 7 nối thành phố Vinh với cửa khẩu Nậm Cắn, đường 8 nối thành phố Vinh với cửa khẩu Cầu Treo, đường 9 nối thị xã Quảng Trị với cửa khẩu Lao Bảo, đường 14 nối với Tây Nguyên.

- + Cảng biển: Cửa Lò, Nhật Lệ, Chân Mây.
- + Cửa khẩu: Nậm Cắn, Cầu Treo, Cha Lo, Lao Bảo.
- + Sân bay: Vinh, Huế.
- *Kể tên một số điểm du lịch ở Bắc Trung Bộ:*
 - + Du lịch biển: Sầm Sơn (Thanh Hoá), Cửa Lò (Nghệ An), Thiên Cầm (Hà Tĩnh), Đá Nhảy (Quảng Bình), Thuận An, Cảnh Dương, Lăng Cô (Thừa Thiên Huế),...
 - + Di sản thiên nhiên thế giới: Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình),...
 - + Di sản văn hoá thế giới: Cố Đô Huế, Thành nhà Hồ, Nhã nhạc cung đình Huế, Ví giặc Nghệ Tĩnh.
 - + Vườn quốc gia: Bến En (Thanh Hoá), Pù Mát (Nghệ An), Vũ Quang (Hà Tĩnh), Bạch Mã (Thừa Thiên Huế).
 - + Di tích lịch sử văn hoá cách mạng: Quê hương Bác Hồ, Địa đạo VĨnh Mốc,...

5. Tìm hiểu các trung tâm kinh tế

*** Mục tiêu**

Nêu được tên các trung tâm kinh tế quan trọng và chức năng chủ yếu của từng trung tâm.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm tự nhiên và đặc điểm kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kỹ năng xử lý số liệu và vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1.

– Tốc độ tăng trưởng sản lượng thuỷ sản, số lượng đàn bò và năng suất lúa vùng Bắc Trung Bộ giai đoạn 1995 – 2014 (lấy năm 1995 = 100%).

(Đơn vị: %)

| Năm | 1995 | 2000 | 2010 | 2014 |
|--------------------|------|------|------|------|
| Sản lượng thuỷ sản | 100 | 152 | 311 | 429 |
| Số lượng đàn bò | 100 | 150 | 301 | 426 |
| Năng suất lúa | 100 | 150 | 302 | 426 |

– Vẽ biểu đồ: yêu cầu vẽ biểu đồ đường, tương đối chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.

Câu 2. Tại sao nói du lịch là thế mạnh kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ: Do Bắc Trung Bộ có tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú:

- Bãi biển: kể tên.
- Vườn quốc gia: kể tên.
- Di tích lịch sử văn hoá: kể tên.
- Nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn: Kim Liên, Phong Nha – Kẻ Bàng, Cố đô Huế,...
- Số lượng khách du lịch đến Bắc Trung Bộ ngày càng đông.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề quan trọng của vùng là giữ vững diện tích rừng và đẩy mạnh công tác trồng rừng.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về Khu di tích Kim Liên hoặc vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

2. Phương thức hoạt động

- GV cho HS chọn một trong hai nội dung để tìm hiểu.
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 10. DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên tự nhiên của vùng; những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội: những thuận lợi và khó khăn của dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.
- Trình bày được một số ngành kinh tế tiêu biểu của vùng: chăn nuôi bò, khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản; du lịch, vận tải biển; cơ khí, chế biến lương thực thực phẩm.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế chính. Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- Sử dụng được lược đồ để xác định được vị trí, giới hạn của vùng, nhận biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế. Phân tích số liệu thống kê, biểu đồ kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Có ý thức sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hợp lý.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo một chuỗi các hoạt động, sử dụng các phương pháp như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, sử dụng các phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh,...) nhằm giúp HS nhận biết được vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa của vị trí địa lý đối với việc phát triển kinh tế

– xã hội; trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nêu được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; nhận biết thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, nông nghiệp, thuỷ sản; sự phân bố của các ngành đó; nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm.

GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập. Có thể vận dụng các phương pháp khác với những phương pháp đã nêu ở trên cho phù hợp với thực tế để đảm bảo mục tiêu bài học, góp phần hình thành những năng lực và phẩm chất cần thiết cho HS.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Gợi lại những kiến thức đã có liên quan tới vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình theo yêu cầu của câu hỏi trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- Gọi vài HS báo cáo, chia sẻ những hiểu biết của mình về thiên nhiên, con người ở một tỉnh nào đó của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- GV tổng hợp các ý kiến của HS và kết nối vào bài mới.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể rất khác nhau, nhưng nó giúp HS có những ý niệm ban đầu về vấn đề sắp được tìm hiểu trong bài học, từ đó GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

*** Mục tiêu**

Nhận biết được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa đối với việc phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kĩ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- *Kể tên các tỉnh, thành phố và các quần đảo lớn thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:*
 - + Các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.
 - + Các quần đảo lớn: Hoàng Sa, Trường Sa,...
- *Xác định vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ:*
 - + Phần đất liền: hẹp ngang, kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận.
 - + Quần đảo: gồm các đảo ven bờ và hai quần đảo xa bờ là Hoàng Sa, Trường Sa.
 - + Giáp Bắc Trung Bộ (phía bắc), Đông Nam Bộ (phía nam), Biển Đông (phía đông).
- *Nêu ý nghĩa vị trí địa lý của vùng:*
 - + Cửa ngõ thông ra biển của Tây Nguyên. Cầu nối giữa Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ.
 - + Thuận lợi cho lưu thông và trao đổi hàng hoá.
 - + Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có ý nghĩa lớn về kinh tế, an ninh, quốc phòng.

2. Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn thêm HS có thể trình bày đặc điểm tự nhiên theo cấu trúc: địa hình; đất nông nghiệp; biển; rừng; khoáng sản.
- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả. HS có thể thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- *Những đặc điểm nổi bật về tự nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.*

+ Địa hình: đều có núi, gò đồi ở phía tây, dải đồng bằng hẹp phía đông bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đâm ngang sát biển, bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng vịnh. Có nhiều đảo và quần đảo.

+ Đất nông nghiệp: đất đồng bằng và đất đồi núi.

+ Biển: rộng, sâu, nguồn lợi hải sản phong phú, có nhiều đặc sản biển.

+ Rừng: có nhiều lâm sản quý.

+ Khoáng sản: cát thuỷ tinh, titan, vàng.

– *Phân tích những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên để phát triển kinh tế – xã hội của vùng.*

+ Thuận lợi:

- Núi cao lan sát biển, đồng bằng nhỏ hẹp, bờ biển nhiều vũng, vịnh tạo thế mạnh đặc biệt về kinh tế biển và du lịch.

- Biển có nhiều hải sản, nhiều vũng vịnh → nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản.

- Nhiều vũng vịnh để xây dựng cảng nước sâu: Đà Nẵng, Dung Quất, Cam Ranh,...

- Bãi biển đẹp phát triển du lịch. Đặc biệt ngoài đảo có nhiều tổ chim yến phát triển nghề khai thác tổ chim yến.

- Đất nông nghiệp ở các đồng bằng thuận lợi cho trồng lúa, vùng đồi thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn và cây công nghiệp, cây ăn quả.

- Một số khoáng sản cho phép phát triển công nghiệp ở địa phương.

+ Khó khăn:

- Thiên tai: hạn hán, bão lũ,...

- Diện tích rừng còn ít, nguy cơ hoang mạc hoá.

- Nghèo khoáng sản.

3. Tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV có thể hướng dẫn thêm như vùng Bắc Trung Bộ để HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi và báo cáo kết quả. HS có thể thực hiện nhiệm vụ cặp đôi.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Nhận xét một số tiêu chí dân cư và xã hội của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ so với cả nước năm 2014.

+ Tiêu chí cao hơn mức trung bình cả nước: tỉ lệ hộ nghèo.

+ Tiêu chí thấp hơn mức trung bình cả nước: mật độ dân số, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên, thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ trung bình, tỉ lệ người 15 tuổi trở lên biết chữ.

- Những khác biệt về cư trú và hoạt động kinh tế giữa phía đông và phía tây của Duyên hải Nam Trung Bộ. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

- Đặc điểm nổi bật về nguồn lao động của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

4. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

a) Nông nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành nông nghiệp, sự phát triển và phân bố của các ngành nông nghiệp trong vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV hướng dẫn:

+ Câu 1. Đề nêu được thành tựu của chăn nuôi, ngư nghiệp và trồng rừng, HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và kết hợp phân tích số liệu thống kê, xem đàn bò, sản lượng thuỷ sản của vùng chiếm bao nhiêu phần trăm cả nước.

+ Ý 2 câu 2. GV có thể chỉ giao nhiệm vụ này cho HS khá, giỏi.

- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp. GV cho HS thực hiện cá nhân.

- GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Nêu các thành tựu trong sản xuất nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ: chăn nuôi, ngư nghiệp, trồng rừng (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

– Xác định các bãi tôm, bãi cá và giải thích tại sao vùng ven biển Nam Trung Bộ nổi tiếng về nghề làm muối và đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản:

+ Xác định các bãi tôm, cá. (Dựa vào hình 2 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

+ Giải thích: Vùng biển Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi cho nghề làm muối, đánh bắt, nuôi trồng hải sản vì:

- Có nhiều nắng, nhiệt độ trung bình năm cao, độ mặn của nước biển cao, ít có sông lớn đổ ra biển,... rất thuận lợi cho việc sản xuất muối.

- Có nhiều tôm, cá và các hải sản khác. Tỉnh nào cũng có bãi tôm, bãi cá, nhưng lớn nhất là ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ và ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, thuận lợi cho khai thác hải sản.

- Bờ biển có nhiều vịnh, đầm phá thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản.

- Dân cư có truyền thống, nhiều kinh nghiệm trong sản xuất muối, nuôi trồng và đánh bắt thuỷ sản.

- Cơ sở vật chất – kĩ thuật phục vụ ngành đánh bắt và nuôi trồng hải sản được chú trọng: đội tàu đánh cá, cảng cá dịch vụ hải sản, cơ sở chế biến hải sản.

– Khó khăn trong sản xuất lương thực ở Duyên hải Nam Trung Bộ:

- + Đồng bằng nhỏ hẹp ven biển, đất xẤU.

- + Các dòng sông có lũ lên nhanh, nhưng về mùa khô lại rất cạn.

- + Mùa hạ có gió phơn Tây Nam, phía nam Duyên hải Nam Trung Bộ thường là ít mưa, khô hạn kéo dài.

- + Thiên tai thường xảy ra: bão, lũ lụt, hạn hán,...

b) Công nghiệp

* Mục tiêu

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành công nghiệp, sự phân bố của các ngành đó; rèn luyện kĩ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một. GV gợi ý cho HS giống như bài Bắc Trung Bộ.

– HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.

– GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– Nhận xét chỉ số phát triển công nghiệp của các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2012 – 2014.

- + Các tỉnh, thành phố có chỉ số năm sau tăng hơn năm trước: Đà Nẵng, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận.
- + Các tỉnh có chỉ số năm sau giảm hơn năm trước: Quảng Ngãi, Bình Thuận.
- Chỉ số phát triển công nghiệp tăng, các tỉnh có sự phát triển chênh lệch.
- *Kể tên các ngành công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ*: cơ khí, chế biến lương thực thực phẩm, chế biến lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng, khai thác khoáng sản.

c) **Dịch vụ**

* Mục tiêu

Trình bày được thế mạnh kinh tế của vùng để phát triển ngành dịch vụ, sự phân bố của các ngành đó.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm:

Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

5. Tìm hiểu các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

* Mục tiêu

- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm.
- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện như tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ, ghi ngắn gọn kết quả làm việc vào vở; trao đổi và báo cáo trước lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- *Xác định vị trí các trung tâm kinh tế Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang*: (Dựa vào hình 2 trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- *Vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đối với sự phát triển kinh tế ở Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên*. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện những kiến thức đã lĩnh hội được về đặc điểm tự nhiên và đặc điểm kinh tế – xã hội của vùng, rèn kỹ năng xử lý số liệu và vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1.

– *Biểu đồ cột thể hiện diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản ở các tỉnh, thành phố năm 2014.* Yêu cầu: chính xác, đẹp, có tên biểu đồ.

– *Nhận xét về diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản và sản lượng thuỷ sản nuôi trồng ở các tỉnh, thành phố thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ năm 2014.*

+ Các tỉnh có diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản lớn thì sản lượng thuỷ sản cao.

+ Ninh Thuận, Bình Thuận có diện tích mặt nước nuôi trồng nhỏ nhưng sản lượng thuỷ sản lớn. Đây là 2 tỉnh có nghề nuôi trồng thuỷ sản rất phát triển.

Câu 2.

– *So sánh sản lượng thuỷ sản nuôi trồng và khai thác ở hai vùng trên năm 2014.*

+ Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng của Bắc Trung Bộ lớn hơn 1,6 lần Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Sản lượng thuỷ sản khai thác của Bắc Trung Bộ nhỏ hơn 2,6 lần Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Bắc Trung Bộ sản lượng khai thác lớn hơn nuôi trồng 2,4 lần; Duyên hải Nam Trung Bộ sản lượng khai thác lớn hơn nuôi trồng 9,8 lần.

– *Vì sao có sự chênh lệch về sản lượng thuỷ sản nuôi trồng và khai thác ở hai vùng:*

+ Bắc Trung Bộ có nhiều đầm phá, cửa sông, mặt nước nuôi trồng thuỷ sản lớn.

+ Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi cho khai thác thuỷ sản, đặc biệt gần các ngư trường lớn.

+ Sản lượng thuỷ sản khai thác lớn hơn nuôi trồng là do cả hai vùng điều kiện đánh bắt thuỷ sản thuận lợi hơn, đặc biệt là đánh bắt xa bờ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để nêu tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ và phát triển rừng ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một. HS thực hiện ở nhà.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là bài viết, tư liệu, video clip về nội dung tìm hiểu với các ý chính:

- Diện tích rừng đang có nguy cơ suy giảm.
- Khí hậu hai tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận khô hạn nhất trong cả nước.
- Hiện tượng sa mạc hóa đang có xu thế mở rộng.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở nước ta.

2. Phương thức hoạt động

- GV hướng dẫn HS thu thập thông tin qua các trang website hoặc sách báo,....
- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 11. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991)

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Tóm tắt được các giai đoạn phát triển của Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.
- Trình bày và nhận xét được những thành tựu chính của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1945 đến đầu những năm 70.
- Nhận được những biểu hiện cơ bản về sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa.
- Đánh giá đúng những tác động về sự sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu.
- Rèn luyện các kỹ năng: đọc hiểu thông tin, tranh luận và giải quyết vấn đề, sử dụng kênh hình, hợp tác theo nhóm và rút ra bài học lịch sử.
- Khâm phục tinh thần, ý chí của nhân dân Liên Xô và các nước Đông Âu trong công cuộc khôi phục đất nước, xây dựng CNXH; chống lại các luận điệu xuyên tạc và có thái độ khách quan khi đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử; tự bồi dưỡng ý thức học tập.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học này được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa gợi lại những kiến thức đã biết và tạo mẫu thuẫn nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học, đó là: các giai đoạn phát triển của Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991, những thành tựu chính của Liên Xô trong công cuộc khôi phục kinh tế từ năm 1945 đến đầu những năm 70, những biểu hiện cơ bản về sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa, những tác động về sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu. Trong bài học, GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt mục tiêu được đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Với việc quan sát các hình ảnh trong bài học: “Hình 1. Nữ cười chiến thắng của một nữ Hồng quân Liên Xô trên đường phố Mát-xcơ-va bị đỗ nát do chiến tranh tàn phá; Hình 2. Thứ tự các quốc gia phong vương tinh nhân tạo lên khoảng không vũ trụ (đến năm

1988); Hình 3. I.Ga-ga-rin, nhà du hành vũ trụ đầu tiên trên thế giới (1934 – 1968)... HS có thể có những hiểu biết ban đầu về các nấc thang phát triển của Liên Xô (1945 – 1991), những biến đổi, tác động của Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến tình hình thế giới. Từ đó kích thích mong muốn, khát khao tìm hiểu những nội dung đó và đi vào giải quyết những nhiệm vụ của bài học ở các hoạt động tiếp theo.

2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS (theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một). Cụ thể như sau:

Quan sát kênh hình, kết hợp với hiểu biết của bản thân, hãy cho biết:

- + Những suy nghĩ về các giai đoạn phát triển của Liên Xô (1945 – 1991).
- + Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô và các nước Đông Âu đã có những biến đổi như thế nào?

– Tuỳ theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

3. Gợi ý sản phẩm

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về Liên Xô từ năm 1945 đến đầu những năm 70

* Mục tiêu

Nêu được lí do vì sao Liên Xô phải tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1950); nêu và đánh giá được những thành tựu chính của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 70.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

+ Lí giải vì sao Liên Xô phải tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1950). Những thành tựu nhân dân Liên Xô đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế nói lên điều gì ?

+ Tóm tắt và đánh giá về những thành tựu chính của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến đầu những năm 70.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

* Gợi ý sản phẩm

– Liên Xô phải tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 – 1950) vì:

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô phải chịu tổn thất nặng nề nhất, kinh tế Liên Xô phát triển chậm lại tới 10 năm. Trong hoàn cảnh trên, Đảng và Nhà nước Liên Xô đã đề ra kế hoạch 5 năm (1946 – 1950) nhằm khôi phục và phát triển đất nước.

– *Những thành tựu nhân dân Liên Xô đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế nói lên điều gì ?*

+ Thành tựu trong khôi phục kinh tế (1946 – 1950): Liên Xô đã hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế trước thời hạn 9 tháng. Các chỉ tiêu chính đều vượt mức kế hoạch dự kiến: Năm 1950, tổng sản lượng công nghiệp tăng 73% so với mức trước chiến tranh (kế hoạch dự kiến là 48%), hơn 6 000 nhà máy được khôi phục và xây dựng mới đi vào hoạt động.

+ Liên Xô có sự phát triển vượt bậc về khoa học – kỹ thuật, đã chế tạo thành công bom nguyên tử (1949), phá thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mĩ.

+ Về đối ngoại, Liên Xô thực hiện chính sách duy trì hoà bình thế giới, tích cực ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa. Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc của hoà bình và cách mạng thế giới.

– *Đánh giá về những thành tựu của Liên Xô từ năm 1945 đến đầu những năm 70.*

+ Liên Xô đạt thành tựu toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, khoa học – kỹ thuật, đối ngoại,...

+ Liên Xô đi đầu trong một số lĩnh vực như về công nghiệp vũ trụ và công nghiệp điện hạt nhân.

+ Khẳng định tính ưu việt của chế độ chủ nghĩa xã hội và tinh thần lao động của mọi tầng lớp nhân dân Liên Xô...

2. Tìm hiểu về sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu

* Mục tiêu

Trình bày được sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

+ Xác định trên lược đồ những nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- + Nêu hoàn cảnh ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.
- + Làm sáng tỏ nhận định : Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu đã góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị ở châu Âu.
 - Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng kĩ thuật "khăn trải bàn", cho HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi để xác định trên lược đồ những nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nêu hoàn cảnh ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, đồng thời làm sáng tỏ nhận định: Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu đã góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị ở châu Âu.

* **Gợi ý sản phẩm**

- Xác định trên lược đồ những nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

HS xác định được trên lược đồ: vị trí, ranh giới và tên của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

– *Hoàn cảnh ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu:*

Trong những năm 1944 – 1945, kết hợp với cuộc tiến công truy kích quân đội phát xít của Hồng quân Liên Xô, nhân dân các nước Đông Âu đã nổi dậy khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, thành lập nhà nước dân chủ nhân dân.

- *Làm sáng tỏ nhận định: Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu đã góp phần làm thay đổi bản đồ chính trị ở châu Âu.*

+ Trước khi các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời trên bản đồ chính trị thế giới chỉ có duy nhất nhà nước xã hội chủ nghĩa là Liên Xô.

+ Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu ra đời, thế giới không chỉ có duy nhất một nước xã hội chủ nghĩa nữa mà có hàng loạt các nước ở Đông Âu, đối trọng lại với các nước tư bản chủ nghĩa. Như vậy, trên bản đồ chính trị thế giới lúc đó có sự thay đổi to lớn đó là: các nước xã hội chủ nghĩa trở thành hệ thống thế giới gồm Liên Xô, các nước Đông Âu.

3. Tìm hiểu về quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu

* **Mục tiêu**

Nêu được những biểu hiện về sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu; mục đích và vai trò của Hội đồng tương trợ kinh tế (viết tắt là SEV) và Tổ chức hiệp ước Vácsava.

* **Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy:

- + Nêu những biểu hiện về sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.
- + Trình bày mục đích thành lập, vai trò của Hội đồng tương trợ kinh tế và Tổ chức Hiệp ước Vácsava.
 - Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và các kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân và trao đổi cặp đôi hoặc nhóm sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
 - Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.
 - GV có thể tổ chức cho HS tìm hiểu thêm về mối quan hệ và sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước Đông Âu đối với Việt Nam.

* **Gợi ý sản phẩm**

- *Những biểu hiện về sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu.*
- + Ngày 8–1–1949, Hội đồng tương trợ kinh tế được thành lập với sự tham gia của 7 nước: Liên Xô, An-ba-ni, Ba Lan, Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, Tiệp Khắc.
 - + Cơ sở của sự hợp tác này là: Liên Xô và các nước Đông Âu đều có chung mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đều đặt dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và cùng chung hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.
 - *Mục đích thành lập và vai trò của Hội đồng tương trợ kinh tế và Tổ chức Hiệp ước Vácsava:*
 - + Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô và các nước Đông Âu đã thiết lập các mối quan hệ về kinh tế, khoa học – kỹ thuật, chính trị và quân sự để cùng hỗ trợ, giúp đỡ và bảo vệ lẫn nhau.
 - + Hội đồng tương trợ kinh tế ra đời nhằm đẩy mạnh sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa.
 - + Trước tình hình thế giới ngày càng căng thẳng do chính sách hiếu chiến, xâm lược của Mĩ, nhất là sự ra đời của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) của các nước phương Tây, Liên Xô và các nước Đông Âu cùng nhau thành lập Tổ chức Hiệp ước Vácsava, nhằm bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của các nước này, góp phần to lớn vào việc duy trì hoà bình, an ninh của châu Âu và thế giới.

4. Tìm hiểu về cuộc khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết

* **Mục tiêu**

Trình bày được quá trình khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy: Tóm tắt quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.
- Trong hoạt động này, GV tổ chức hoạt động học tập cá nhân, rồi trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.
- GV có thể sử dụng các phương pháp dạy học trao đổi đàm thoại và sử dụng đồ dùng trực quan để khai thác tranh ảnh trong hoạt động này.
- GV giải thích rõ khái niệm: “cải tổ”.

* Gợi ý sản phẩm

- Quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô:
 - + Vào những năm 80, Liên Xô đã lâm vào khủng hoảng toàn diện, tháng 3 – 1985, Goóc-ba-chốp lén nắm quyền lãnh đạo Đảng, đề ra đường lối cải tổ nhằm khắc phục những sai lầm, thiếu sót trước đây.
 - + Hậu quả của công cuộc cải tổ là đất nước bị lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn, cùng với cuộc đảo chính đòi lật đổ Tổng thống Goócbachốp không thành, dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng: Đảng Cộng sản bị đình chỉ hoạt động, Nhà nước Liên bang hầu như bị tê liệt, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết tan rã.
- Phát biểu ý kiến về sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô:
 - + Đây là hậu quả của đường lối lãnh đạo cứng nhắc, không linh hoạt sáng tạo của Ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô.
 - + Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, các nước Đông Âu là đáng tiếc và ảnh hưởng lớn đến cục diện chính trị thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

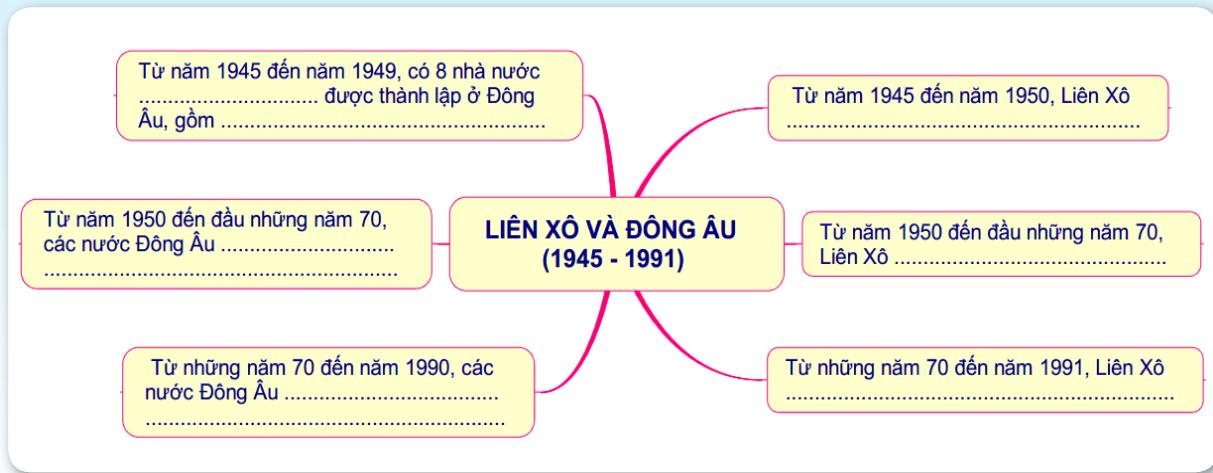
1. Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Vẽ và hoàn thành nội dung sơ đồ dưới đây.



– Vì sao vào năm 1949 trên lãnh thổ nước Đức lại có hai nhà nước ra đời với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau?

– Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1988 – 1991) có tác động như thế nào đến tình hình quan hệ quốc tế?

3. Gợi ý sản phẩm

- Vẽ và hoàn thành nội dung sơ đồ:

HS phải điền vào chỗ chấm (...) nội dung hợp lý.

Ví dụ: Từ năm 1945 đến năm 1949, có 8 nhà nước dân chủ nhân dân được thành lập ở Đông Âu, gồm: Ba Lan, Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Tiệp Khắc, Nam Tư, An-ba-ni, Bun-ga-ri và Cộng hoà Dân chủ Đức.

– Năm 1949, trên lãnh thổ nước Đức có hai nhà nước ra đời đó là Tây Đức và Đông Đức với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau là vì: Tây Đức chịu ảnh hưởng của Mĩ, Anh, Pháp – những nước tư bản chủ nghĩa, nên theo chế độ tư bản chủ nghĩa; Đông Đức được Liên Xô – nhà nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ nên theo chế độ xã hội chủ nghĩa.

– *Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1988 – 1991) tác động đến tình hình quan hệ quốc tế:*

+ Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã đã làm cho phe xã hội chủ nghĩa không còn hệ thống đối trọng với Mĩ và các nước tư bản.

+ Quan hệ quốc tế sau khi Liên Xô và Đông Âu tan rã không còn xoay quanh mối quan hệ giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

+ Một số vấn đề quốc tế bị Mĩ chi phối.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

– Từ những thành tựu khôi phục đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu (từ năm 1945 đến đầu những năm 70), Việt Nam có thể học hỏi được gì? Lí giải.

– Vì sao công cuộc cải tổ của Tổng thống Goóc-ba-chốp thất bại? Theo em, Việt Nam đã rút ra được bài học kinh nghiệm gì từ công cuộc cải tổ của Liên Xô?

– Sự sụp đổ của chế độ xã hội của nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1988 – 1991) có tác động đến Việt Nam như thế nào?

3. Gợi ý sản phẩm

– Từ những thành tựu khôi phục đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu (từ năm 1945 đến đầu những năm 70), Việt Nam có thể học hỏi được:

+ Tính kế hoạch hóa trong việc thực hiện các kế hoạch nhà nước 5 năm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

+ Tập trung phát triển công nghiệp để thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

– Công cuộc cải tổ của Tổng thống Goóc-ba-chốp thất bại là vì:

+ Cuộc cải tổ không có sự chuẩn bị đầy đủ các điều kiện.

+ Thiếu một đường lối chiến lược toàn diện, nhất quán nên Liên Xô càng lâm vào tình trạng bị động, lúng túng, đầy khó khăn.

– Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1988 – 1991) có tác động đến Việt Nam như sau:

+ Ảnh hưởng đến tâm lí và tư tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

+ Việt Nam mất chỗ dựa cả về tư tưởng và vật chất.

+ Xem xét đánh giá lại mô hình chủ nghĩa xã hội để có những điều chỉnh phù hợp.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung lịch sử có liên quan đến bài học.

Hãy sưu tầm tranh ảnh, mẫu chuyện về :

– Công cuộc khôi phục đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70.

– Sự giúp đỡ của Liên Xô đối với nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

– Nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

GV hướng dẫn các em lựa chọn một trong số các nội dung trên để tìm hiểu.

HS có thể viết báo cáo (đoạn văn, trình chiếu, bộ sưu tập ảnh...). Sau đó chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử...

GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

BÀI 12. CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LATINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

– Khái quát được tình hình các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Trình bày được sự ra đời và các giai đoạn phát triển chính của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa từ năm 1949 đến nay; tình hình Đông Nam Á trước và từ năm 1945 đến nay; tình hình chung của các nước châu Phi và Mĩ Latinh từ năm 1945 đến nay.

– Hiểu được sự ra đời và vai trò của tổ chức ASEAN đối với sự phát triển của các nước trong khu vực Đông Nam Á; cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi; cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Cu-ba và những thành tựu mà nhân dân Cu-ba đạt được trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

– Rèn luyện kỹ năng sử dụng, khai thác bản đồ, khai thác kênh hình trong học tập lịch sử, kỹ năng phân tích, so sánh, khái quát vấn đề lịch sử.

– Tự hào về những thành tựu đạt được của nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ Latinh; bồi dưỡng tình đoàn kết, hữu nghị, ủng hộ các dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập và hợp tác phát triển giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động nhằm gợi lại những kiến thức đã biết hoặc cả những vấn đề mà HS chưa biết, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào nội dung kiến thức

cần tìm hiểu của bài học: tình hình các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai; sự ra đời và các giai đoạn phát triển chính của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa từ năm 1949 đến nay; tình hình Đông Nam Á từ trước và sau năm 1945 đến nay; sự ra đời và vai trò của tổ chức ASEAN đối với sự phát triển của các nước trong khu vực Đông Nam Á; tình hình chung của các nước châu Phi và khu vực Mĩ Latinh từ năm 1945 đến nay; cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở Cộng hoà Nam Phi; cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Cu-ba và những thành tựu mà nhân dân Cu-ba đạt được trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết về các sự kiện lịch sử được đề cập đến ở khu vực Á, Phi, Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một số tình hình nổi bật về các nước trong các khu vực này từ sau khi giành được độc lập đến nay, từ đó kích thích sự hứng thú, khát khao tìm hiểu những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc nội dung đoạn thông tin và quan sát kênh hình (tài liệu HDH KHXH 9, tập một). GV có thể gợi mở cho HS: Đoạn thông tin nói về sự kiện nào? Diễn ra ở đâu? Vì mục tiêu gì? (dựa vào những từ khoá như: *liên kết, tê phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân*,... Từ đó, HS nêu hiểu biết của mình về:

- Tình hình chung của khu vực trong thời gian đó.
- Hình 1, 2 liên quan đến sự kiện lịch sử thế giới nào (cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời và sự kiện thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á); các sự kiện đó có tác động gì đối với lịch sử Việt Nam.

Tuỳ theo tình hình của lớp học, GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp đôi hoặc nhóm để tạo ra những sản phẩm riêng của nhóm/cá nhân.

3. Gợi ý sản phẩm

Mỗi HS/nhóm HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau (cũng có thể có HS không biết). Những hiểu biết đó có thể chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu

bé biết ban đầu. HS muốn biết được đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học. GV lựa chọn một sản phẩm nào đó của HS/nhóm HS để làm tinh huống kết nối vào bài học. GV gợi ý để HS biết thông tin và những hình ảnh đó liên quan đến phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai,...

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. CÁC NƯỚC CHÂU Á

1. Tìm hiểu tình hình chung của các nước châu Á

* Mục tiêu

Biết được những thay đổi to lớn, sâu sắc nhất của tình hình châu Á từ sau năm 1945 đến nay. Đánh giá được thay đổi nào là quan trọng nhất đối với châu lục và giải thích.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- Với câu hỏi 1, HS dựa vào đoạn thông tin để tóm lược những nội dung cơ bản trả lời cho câu hỏi.
- Với câu hỏi 2, HS lựa chọn một biến đổi mà các em cho là có ý nghĩa quan trọng nhất. Các em cần giải thích vì sao lựa chọn biến đổi đó (dựa vào mức độ quan trọng và chi phối tình hình chung của vấn đề lựa chọn).
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, hoặc thảo luận theo cặp/nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Trong quá trình HS làm việc, GV cần bao quát chú ý đến tất cả các nhóm/HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- *Hãy cho biết những thay đổi của tình hình châu Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.*
 - + Một cao trào giải phóng dân tộc đã lan nhanh, đến cuối những năm 50, phần lớn các nước châu Á đã giành được độc lập, trong đó có nhiều nước lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a,...
 - + Sau đó, tình hình châu Á lại không ổn định bởi các cuộc chiến tranh xâm lược của các nước đế quốc (Đông Nam Á, Trung Đông), bởi những cuộc xung đột tranh chấp biên giới, lãnh thổ, hoặc các phong trào li khai, khủng bố dã man.

+ Một số nước châu Á đạt được sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, tiêu biểu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Xin-ga-po,... Ấn Độ là một trường hợp tiêu biểu với cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, phát triển mạnh ngành công nghiệp phần mềm, thép, xe hơi,...

– *Theo em, thay đổi nào có ý nghĩa quan trọng nhất đối với các nước châu Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Vì sao?*

Đây là một câu hỏi mở, mỗi HS sẽ có một lựa chọn cho riêng mình, điều quan trọng là các em cần lí giải tại sao em lựa chọn nội dung đó. Ví dụ: Biến đổi có ý nghĩa quan trọng nhất là hầu hết các nước đều giành được độc lập. Vì đây là điều kiện tiên quyết, quan trọng nhất để các nước châu Á đạt được các bước phát triển nhảy vọt về kinh tế – xã hội trong giai đoạn sau.

2. Tìm hiểu về Trung Quốc

* Mục tiêu

Biết được sự kiện nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời và hiểu được ý nghĩa lịch sử của sự kiện đó. Nêu được những nét nổi bật của tình hình Trung Quốc qua các giai đoạn phát triển từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, đặc biệt là một số thành tựu chính của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– Yêu cầu của câu hỏi 1 và 2 không khó, HS có thể hoạt động cá nhân, dựa vào nội dung đoạn thông tin là có thể trả lời được. Riêng về ý nghĩa quốc tế sự kiện (thuộc câu hỏi 1), GV có thể gợi ý để HS mở rộng liên hệ đến lịch sử Việt Nam cùng giai đoạn, qua đó nhận thức được tác động của sự kiện này đến lịch sử nước ta (đang trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược).

– Với yêu cầu của câu hỏi 3, GV có thể tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm về nội dung hình 3, 4, 5 (chú ý quan sát hình và đọc kỹ cả nội dung chú thích vì trong đó chứa đựng nội dung kiến thức cơ bản về các thành tựu kì diệu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc).

Gợi ý một số phương pháp, kĩ thuật dạy học khác:

Về các thành tựu của Trung Quốc khi thực hiện công cuộc cải cách – mở cửa (câu hỏi 3), GV có thể vận dụng linh hoạt kĩ thuật “phòng tranh”, xây dựng lớp học thành một cuộc triển lãm nhỏ về những thành tựu của Trung Quốc như kiosk hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một (có thể bổ sung bằng việc sưu tầm thêm hình ảnh cho phong phú, sinh động). GV nêu yêu cầu đối với các nhóm HS, sau đó tổ chức lớp học với những hướng dẫn viên

(đại diện nhóm) tại phòng tranh giới thiệu về các hình ảnh, cùng trao đổi, đàm thoại với khách tham quan về các thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội ở Trung Quốc.

Với hoạt động này, GV có thể kết hợp với quá trình tự đánh giá bằng cách vận dụng kỹ thuật đánh giá 3 – 2 – 1. Ví dụ: Sau khi đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét về báo cáo của nhóm bạn bằng 3 lời khen, 2 lời góp ý và 1 nhận xét.

* **Gợi ý sản phẩm**

- *Cho biết nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời có ý nghĩa lịch sử như thế nào.*
 - + Kết thúc hơn 100 năm nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và hàng nghìn năm của chế độ phong kiến.
 - + Đưa Trung Quốc bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do.
 - + Nối liền hệ thống xã hội chủ nghĩa từ châu Âu sang châu Á.
 - + Có tác động tích cực đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta, mở đường liên lạc giữa cách mạng nước ta với cách mạng thế giới,...).
 - *Trình bày những nét nổi bật của tình hình Trung Quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.*
 - + 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959).
 - + Thời kì khủng hoảng, biến động kéo dài (1959 – 1978).
 - + Từ tháng 12–1978 đến nay, đề ra đường lối đổi mới, thực hiện công cuộc cải cách – mở cửa đất nước.
 - *Cho biết các hình 3, 4, 5 chứng tỏ điều gì về công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc.*
 - + Là minh chứng sống động chứng tỏ sự phát triển vượt bậc của Trung Quốc trong công cuộc cải cách – mở cửa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá,...
 - + Chứng tỏ đường lối cải cách – mở cửa ở Trung Quốc là đúng đắn.

3. Tìm hiểu về các nước Đông Nam Á từ trước và sau năm 1945 đến nay

a) **Tình hình Đông Nam Á trước và sau năm 1945**

* **Mục tiêu**

Biết được nét chính về tình hình các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945.

* **Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– Trong hoạt động này, trước tiên GV có thể yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 6 để xác định các nước Đông Nam Á hiện nay.

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, đàm thoại theo các cặp đôi/nhóm để tìm hiểu về những nét nổi bật của tình hình các nước Đông Nam Á trước và sau năm 1945.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á bị biến thành thuộc địa của quân phiệt Nhật Bản. Giữa tháng 8–1945, nhân dân một số nước Đông Nam Á đã nhanh chóng chớp thời cơ nổi dậy giành chính quyền, như In-đô-nê-xi-a (17–8), Việt Nam (2–9), Lào (12–10).

– Ngay sau đó, nhiều nước Đông Nam Á lại bị tái chiếm bởi các nước thực dân Âu – Mĩ. Nhân dân các nước này lại phải trải qua quá trình đấu tranh kiên cường, gian khổ chống xâm lược. Đến cuối những năm 50, hầu hết các nước đã giành được độc lập.

– Tuy nhiên, trong bối cảnh của Chiến tranh lạnh, tình hình Đông Nam Á trở nên căng thẳng do chính sách can thiệp của Mĩ. Mĩ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 – 1975), sau đó mở rộng sang Lào và Cam-pu-chia và thành lập khối quân sự ở Đông Nam Á gồm 5 nước (SEATO) vào năm 1954, nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc trong khu vực.

b) Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

* **Mục tiêu**

Nêu được hoàn cảnh ra đời và mục tiêu hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Biết được nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN, quá trình phát triển từ ASEAN 5 thành ASEAN 10.

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

– Yêu cầu của câu hỏi 1 không khó, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc thảo luận cặp đôi, dựa vào nội dung trong đoạn thông tin là có thể trả lời được.

– Với yêu cầu của câu hỏi 2, GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân rồi trao đổi, đàm thoại theo các nhóm, sau đó báo cáo trước lớp về quá trình phát triển từ ASEAN 5 (5 nước sáng lập ban đầu) thành ASEAN 10 (với 10 nước thành viên).

– GV có thể gợi ý HS kết hợp quan sát kinh hình để có ấn tượng về 5 nước sáng lập ban đầu (Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan, Xin-ga-po) và quá trình mở rộng thành viên của ASEAN lên thành 10 nước trong khu vực qua các giai đoạn.

- GV lưu ý HS về sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (năm 1995) và đóng góp của Việt Nam trong sự phát triển của ASEAN.
- Trong quá trình HS làm việc, GV cần bao quát chú ý đến tất cả các nhóm/HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em khi cần.

* Gợi ý sản phẩm

- *Nêu hoàn cảnh ra đời và mục tiêu hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước ASEAN được thể hiện thông qua văn kiện nào và nội dung cụ thể là gì?*

+ Sau khi giành được độc lập, nhiều nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ sự cần thiết phải cùng nhau hợp tác để phát triển đất nước và hạn chế sự ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

+ Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan). Mục tiêu của ASEAN là tiến hành sự hợp tác về kinh tế, văn hoá giữa các nước thành viên trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực

+ Nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước thành viên là: tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không sử dụng vũ lực hoặc đe doạ bằng vũ lực đối với nhau; giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hoà bình; hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội.

+ Được thể hiện thông qua Hiệp ước Ba-li (2-1976).

– *Nêu các mốc chính trong quá trình phát triển từ ASEAN 5 thành ASEAN 10.*

+ Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với 5 nước sáng lập là Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan, Xin-ga-po.

+ Năm 1984, kết nạp thêm Bru-nây.

+ Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN.

+ Năm 1997, kết nạp Mi-an-ma và Lào.

+ Năm 1999, kết nạp Cam-pu-chia.

+ ASEAN đã chuyển trọng tâm sang hoạt động kinh tế, đồng thời xây dựng một khu vực Đông Nam Á hoà bình, ổn định, cùng phát triển.

+ Năm 2007, các nước thành viên đã ký bản Hiến chương ASEAN nhằm xây dựng hiệp hội thành một cộng đồng vững mạnh.

+ Tháng 12-2015, Cộng đồng ASEAN chính thức được thành lập.

II. CÁC NƯỚC CHÂU PHI

1. Tìm hiểu tình hình chung của châu Phi

* Mục tiêu

Biết được nét chính về phong trào chống chủ nghĩa thực dân, đòi độc lập ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai và những khó khăn trong công cuộc phát triển kinh tế – xã hội mà các nước châu Phi đang gặp phải. Hiểu được tại sao năm 1960 được ghi nhận là “Năm châu Phi”.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- Với yêu cầu của câu hỏi 1, HS có thể hoạt động cá nhân, sau đó thảo luận nhóm, báo cáo kết quả làm việc trước lớp. GV có thể gợi ý cho HS: Đây là vùng có trình độ kinh tế – xã hội phát triển nhất ở châu Phi – điều kiện thuận lợi cho phong trào giải phóng dân tộc nổ ra sớm và giành được thắng lợi như ở Ai Cập, An-giê-ri,...
- Với yêu cầu của câu hỏi 2, GV tổ chức cho HS dựa vào nội dung đoạn thông tin và quan sát lược đồ sau đó trao đổi, đàm thoại theo các nhóm để giải thích lí do năm 1960 được gọi là “Năm châu Phi” và xác định tên các nước châu Phi được trao trả độc lập trong năm 1960 (GV có thể gợi ý HS lập bảng hệ thống các nước châu Phi được trao trả độc lập theo trình tự) và báo cáo kết quả trước lớp.
- Với câu hỏi 3, yêu cầu không khó, HS dựa vào nội dung trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một là có thể trả lời được.

* Gợi ý sản phẩm

– *Nguyên nhân dẫn đến phong trào chống chủ nghĩa thực dân, đòi độc lập ở châu Phi nổ ra sớm nhất ở vùng Bắc Phi:* Bắc Phi là vùng có điều kiện kinh tế – xã hội phát triển hơn cả so với các vùng khác ở châu Phi.

– *Tại sao năm 1960 được ghi nhận là “Năm châu Phi”? Dựa vào lược đồ hình 10, hãy kể tên các nước giành được độc lập trong năm 1960.*

+ Giải thích: vì trong năm này có 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.

+ Kể tên các nước giành được độc lập trong năm 1960:

| TT | Tên nước | TT | Tên nước |
|----|-------------|----|-------------|
| 1 | Ma-li | 10 | Ca-mo-run |
| 2 | Mô-ri-ta-ni | 11 | Trung Phi |
| 3 | Ni-giê | 12 | Ni-giê-ri-a |

| | | | |
|---|-------------------|----|--------------|
| 4 | Sát | 13 | CHDC Công-gô |
| 5 | Xô-ma-li | 14 | Công-gô |
| 6 | Buốc-ki-na-pha-xô | 15 | Ga-bông |
| 7 | Cốt-đi-voa | 16 | Ma-đa-ga-xca |
| 8 | Tô-gô | 17 | Xê-nê-gan |
| 9 | Bê-nanh | | |

– Cho biết hiện nay các nước châu Phi đang gặp phải những khó khăn gì trong công cuộc phát triển kinh tế – xã hội đất nước.

+ Nhiều nước vẫn còn trong tình trạng lạc hậu, không ổn định và khó khăn do xung đột về sắc tộc, tôn giáo, nội chiến liên miên (Ru-an-đa).

+ Bệnh dịch, sự bùng nổ dân số, nợ nần và phụ thuộc nước ngoài,...

+ Với sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, các nước châu Phi đang tích cực tìm kiếm giải pháp để giải quyết các cuộc xung đột, khắc phục khó khăn về kinh tế. Tổ chức thống nhất châu Phi, nay gọi là Liên minh châu Phi (AU) đã được thành lập.

2. Tìm hiểu về nước Cộng hòa Nam Phi

* Mục tiêu

Biết được chế độ phân biệt chủng tộc (Apáctha) ở Nam Phi. Đánh giá được vai trò của Nen-xơn Man-đê-la trong công cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ Apáctha ở Nam Phi và ý nghĩa của sự kiện chế độ Apáctha bị xoá bỏ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV có thể tổ chức cho HS trao đổi thảo luận nhóm để thực hiện nhiệm vụ.
- Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ khi các em gặp khó khăn.
- Lưu ý HS: Với câu hỏi 1, HS quan sát hình 11 và 12, đọc kỹ các thông tin đi kèm (đối với HS khác, giỏi môn Tiếng Anh thì có thể chú ý khai thác cả những dòng chữ bằng tiếng Anh kèm theo kenh hình), sau đó thảo luận nhóm rút ra nhận xét về chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Gợi ý thêm phương pháp, kĩ thuật dạy học khác:

GV có thể tổ chức HS hoạt động theo kĩ thuật *khăn trải bàn*.

- Chuẩn bị: giấy A0/A1, bút dạ.

– Nhiệm vụ nhóm:

- + Nhận xét về chế độ Apácthai ở Nam Phi thông qua hình 11, 12.
- + Đánh giá ý nghĩa của sự kiện chế độ Apácthai bị xoá bỏ.
- + Đánh giá vai trò của Nen-xơn Man-đê-la.

– Nhiệm vụ cá nhân: Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và viết ra những suy nghĩ, ý kiến của mình.

Sau khi HS làm việc cá nhân, từng nhóm sẽ trao đổi về yêu cầu đặt ra cho nhóm, HS hỗ trợ lẫn nhau để tạo ra sản phẩm chung của nhóm. Sau đó, GV có thể mời đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung và hoàn thiện sản phẩm cuối cùng.

* Gợi ý sản phẩm

– *Thông qua hình 11 và 12, em có suy nghĩ gì về chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.*

+ Chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi không chỉ thể hiện trong suy nghĩ mà còn được cụ thể hóa trong cuộc sống và được pháp luật bảo vệ (qua các biển báo quy định cụ thể như: Bãi biển chỉ dành cho người da trắng, tức là cấm người da đen và da màu, hay: Nhà vệ sinh dành cho người da đen, da màu và người gốc Á, tức là chỉ ở những địa điểm ghi rõ như vậy thì người da đen, da màu và người gốc Á mới được sử dụng,...).

+ Thể hiện sự phân biệt đối xử cực kì tàn bạo của chính quyền do người da trắng thống trị với những người da đen và da màu ở Nam Phi,... Người da đen và người da màu hoàn toàn không có các quyền tự do dân chủ, phải sống trong một khu biệt lập, cách biệt với người da trắng.

– *Sự kiện chế độ Apacthai bị xoá bỏ ở Nam Phi có ý nghĩa như thế nào?*

Chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xoá bỏ ngay tại sào huyệt cuối cùng của nó sau hơn 3 thế kỷ tồn tại.

– *Đánh giá vai trò của Nen-xơn Man-đê-la trong công cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.*

+ Là lãnh tụ của tổ chức Đại hội dân tộc Phi (ANC) – tổ chức lãnh đạo người da đen ở Nam Phi bền bỉ đấu tranh nhằm thủ tiêu chế độ Apácthai, đã buộc chính quyền của người da trắng phải tuyên bố xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (năm 1993) và tổ chức một cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên (năm 1994).

+ Nen-xơn Man-đê-la được bầu là Tổng thống và trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên ở Cộng hoà Nam Phi.

III. CÁC NƯỚC MĨ LATINH

1. Tìm hiểu khái quát về các nước Mĩ Latinh từ sau năm 1945

* Mục tiêu

Giải thích được vì sao trong những năm 60 – 80 của thế kỉ XX, Mĩ Latinh được ví như "Lục địa bùng cháy"; nêu được các giai đoạn phát triển chính và kết quả của phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài ở Mĩ Latinh.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- HS thực hiện nhiệm vụ. GV có thể tổ chức cho HS trao đổi thảo luận nhóm và quan sát, hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.
- Lưu ý HS: Với câu hỏi 1, HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, kết hợp quan sát kĩ lược đồ (hình 14), sau đó thảo luận nhóm, rút ra kết luận theo yêu cầu của câu hỏi.

* Gợi ý sản phẩm

– *Giải thích tại sao trong những năm 60 – 80 của thế kỉ XX, Mĩ Latinh được ví như "Lục địa bùng cháy":* Một cao trào đấu tranh vũ trang đã bùng nổ ở nhiều nước như Bô-li-vi-a, Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a, Ni-ca-ra-goa,... lật đổ chính quyền độc tài phản động ở nhiều nước, chính phủ dân tộc, dân chủ được thiết lập và tiến hành nhiều cuộc cải cách tiến bộ.

– *Nêu các giai đoạn phát triển chính của phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài ở Mĩ Latinh và kết quả của mỗi giai đoạn.*

+ Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là từ cuối những năm 50 – đầu những năm 60 của thế kỉ XX, một cao trào đấu tranh đã diễn ra ở nhiều nước trong khu vực với mục tiêu là lật đổ chế độ độc tài phản động thành lập các chính phủ dân tộc dân chủ và tiến hành các cải cách tiến bộ, nâng cao đời sống cho nhân dân. Đặc biệt là cuộc cách mạng của nhân dân Cu-ba (năm 1959).

+ Từ đầu những năm 60 đến những năm 80 của thế kỉ XX, Mĩ La-tinh được ví như "Lục địa bùng cháy", chính quyền dân tộc, dân chủ được thiết lập ở nhiều nước, tiến hành nhiều cuộc cải cách tiến bộ.

2. Tìm hiểu về Cu-ba – hòn đảo anh hùng

* Mục tiêu

Biết được các mốc chính trong cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ của nhân dân Cu-ba; đánh giá được các thành tựu mà nhân dân Cu-ba đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; đánh giá được vai trò của Phi-den Cát-xtơ-rô đối với cách mạng Cu-ba.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một.
- GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, hoặc thảo luận cặp đôi/nhóm.

- Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).
- Lưu ý HS: Với câu hỏi 1, HS quan sát kĩ kênh hình 15, 16, 17 để có ấn tượng về đất nước Cu-ba cũng như những nhân vật lịch sử tiêu biểu gắn liền với cuộc cách mạng nhằm lật đổ chế độ độc tài ở nước này trong những năm 1953 – 1959. Kết hợp đọc thông tin, làm việc cá nhân để giải quyết nhiệm vụ học tập.

Với câu hỏi 2, HS dựa vào thông tin và kênh hình trong tài liệu là có thể trả lời được. Hình 18 là những hình ảnh sinh động về đất nước – con người Cu-ba, về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, cũng như ý nghĩa to lớn của các thành tựu đó trong bối cảnh bị Mĩ bao vây cấm vận suốt hàng chục năm.

* Gợi ý sản phẩm

- *Trình bày nét chính về cuộc cách mạng Cu-ba (1953 – 1959):*
 - + Ngày 26-7-1953, 135 thanh niên yêu nước, dưới sự chỉ huy của vị luật sư trẻ tuổi Phi-den Cát-xtô-rô đã mở cuộc tấn công vào pháo đài Môn-ca-đa (thuộc tỉnh Xan-chi-a-gô).
 - + Từ cuối năm 1958, các binh đoàn cách mạng do Phi-den làm Tổng chỉ huy đã liên tiếp mở các cuộc tiến công. Ngày 1-1-1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ, cách mạng giành thắng lợi. Chính phủ cách mạng lâm thời do Phi-den Cát-xtô-rô đứng đầu được thành lập.
 - *Nêu những thành tựu mà nhân dân Cu-ba đạt được trong công cuộc xây dựng CNXH và suy nghĩ của em khi quan sát hình 18.*
 - + Chính phủ cách mạng lâm thời đã tiến hành cuộc cải cách dân chủ triệt để: cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá các xí nghiệp của tư bản nước ngoài, xây dựng chính quyền cách mạng các cấp, thanh toán nạn mù chữ, phát triển giáo dục,...
 - + Tháng 4-1961, nhân dân Cu-ba đã đánh tan đội quân đánh thuê của Mĩ tại bãi biển Hi-rôn. Chủ tịch Phi-den Cát-xtô-rô tuyên bố Cu-ba tiến lên CNXH.
 - + Mặc dù bị Mĩ bao vây cấm vận, nhưng nhân dân Cu-ba vẫn giành được nhiều thành tựu to lớn: xây dựng được một nền công nghiệp với hệ thống cơ cấu ngành hợp lí, một nền nông nghiệp đa dạng; giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao đều phát triển mạnh mẽ, đạt trình độ cao của thế giới. Hiện nay, nền kinh tế Cu-ba cũng đang có những biến chuyển tích cực, mức tăng trưởng ngày càng gia tăng, năm 1994 đạt 0,4%, năm 1996 đạt 7,8%, đến năm 2006 đạt 12,1%.
 - + Suy nghĩ của em khi quan sát hình 18: Mặc dù bị Mĩ bao vây cấm vận nhưng nhân dân Cu-ba vẫn đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực (về kinh tế – xã hội, văn hoá,...), làm thay đổi diện mạo của đất nước, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố bản sắc văn hoá dân tộc,...

- Đánh giá vai trò của Phi-đen Cát-xto-rô đối với cách mạng Cu-ba.
- + Là linh hồn của cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mĩ ở Cu-ba, lãnh đạo nhân dân Cu-ba làm cuộc cách mạng lật đổ chế độ độc tài thành công, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân.
- + Lãnh đạo, đưa đất nước Cu-ba tiến lên xây dựng CNXH đạt nhiều thành tựu rực rỡ trong bối cảnh cuộc cấm vận của Mĩ, nâng cao vị thế của đất nước Cu-ba trên bình diện quốc tế.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các nước Á, Phi, Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo.

- Lập bảng và điền nội dung phù hợp về các nước Đông Nam Á theo những nội dung sau:

| TT | Tên nước | Thủ đô | Năm giành được độc lập | Thời gian gia nhập ASEAN |
|----|----------|--------|---------------------------|-----------------------------|
| | | | | |

– Trong quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10, em ấn tượng với sự kiện nào nhất? Vì sao?

Đây là một câu hỏi mở, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc thảo luận theo nhóm để giải quyết vấn đề. HS có thể lựa chọn bất cứ một sự kiện mà các em ấn tượng nhất trong quá trình phát triển của tổ chức ASEAN. Vấn đề đặt ra là HS biết giải thích vì sao các em lựa chọn sự kiện đó. GV có thể định hướng, gợi mở cho HS (về ý nghĩa, tầm vóc của sự kiện,...).

– Hoàn thành bảng so sánh giữa các phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và phong trào đấu tranh của nhân dân khu vực Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

| Nội dung so sánh | Châu Á | Châu Phi | Khu vực Mĩ Latinh |
|-----------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Đối tượng đấu tranh | | | |
| Mục tiêu đấu tranh | | | |
| Phương pháp đấu tranh | | | |
| Kết quả | | | |

Đây là một bài tập mang tính khái quát cao. GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân dựa vào nội dung kiến thức đã được học tự hoàn thành bảng. Sau đó thảo luận, thống nhất ý kiến trong nhóm và hoàn thiện bảng so sánh của nhóm mình. Nếu có thời gian, GV gọi đại diện một số nhóm lên báo cáo kết quả làm việc. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu có).

3. Gợi ý sản phẩm

– *Hoàn thành bảng:*

| TT | Tên nước | Thủ đô | Năm giành được độc lập | Thời gian gia nhập ASEAN |
|----|---------------|----------------|------------------------|--------------------------|
| 1 | In-đô-nê-xi-a | Gia-các-ta | 1945 | 1967 |
| 2 | Ma-lai-xi-a | Cua-la Lăm-po' | 1957 | 1967 |
| 3 | Phi-líp-pin | Ma-ni-la | 1946 | 1967 |

| | | | | |
|----|-------------|------------------------|------|---------------|
| 4 | Thái Lan | Băng Cốc | | 1967 |
| 5 | Xin-ga-po | Xin-ga-po | 1965 | 1967 |
| 6 | Bru-nây | Ban-đa Xê-ri Bê-ga-oan | 1984 | 1984 |
| 7 | Việt Nam | Hà Nội | 1945 | 1995 |
| 8 | Lào | Viêng Chăn | 1945 | 1997 |
| 9 | Mi-an-ma | Nây-pi-tô | 1948 | 1997 |
| 10 | Cam-pu-chia | Phnôm Pênh | 1953 | 1999 |
| 11 | Đông Ti-mo | Đi-li | 2002 | Chưa gia nhập |

– Trong quá trình phát triển từ ASEAN 5 lên ASEAN 10, em ấn tượng với sự kiện nào nhất? Vì sao?

Ví dụ: HS/nhóm HS chọn sự kiện Hội nghị cấp cao lần thứ nhất của tổ chức ASEAN họp tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a) tháng 2–1976.

Giải thích: Đây là hội nghị rất quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của ASEAN với việc ký kết Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (Hiệp ước Ba-li). Nội dung hiệp ước đã xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước, mở ra một chương mới trong quá trình phát triển, cũng như quan hệ giữa các nước ASEAN với các nước khác trong khu vực...

– Hoàn thành bảng so sánh giữa các phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và phong trào đấu tranh của nhân dân khu vực Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

| Nội dung so sánh | Châu Á | Châu Phi | Khu vực Mĩ Latinh |
|-----------------------|--|--|--|
| Đối tượng đấu tranh | Thực dân phương Tây. | Thực dân phương Tây. | Chế độ độc tài thám Mĩ. |
| Mục tiêu đấu tranh | Giành độc lập dân tộc. | Giành độc lập dân tộc. | Lật đổ chế độ độc tài, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân. |
| Phương pháp đấu tranh | Khởi nghĩa vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị. | Khởi nghĩa vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị. | Khởi nghĩa vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị. |
| Kết quả | Giành được độc lập. | Giành được độc lập. | Lật đổ chế độ độc tài, thành lập chính quyền mới tiến bộ hơn. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

– Tại sao cách mạng Trung Quốc thành công (10–1949) có tác động lớn đến cách mạng Việt Nam?

– Theo em, việc Việt Nam gia nhập ASEAN đã tạo ra thời cơ và thách thức gì?

– Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc (Apácthai) của nhân dân Nam Phi có điểm gì giống và khác so với cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975)?

– Câu khẩu hiệu nào dưới đây là đúng, thể hiện tinh thần đoàn kết, sẵn sàng hi sinh của nhân dân Cu-ba vì cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược của nhân dân Việt Nam?

- A. "Việt Nam, chúng tôi luôn bên cạnh các bạn."
- B. "Vì Việt Nam, Cu-ba sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình."
- C. "Kiên quyết ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Mĩ, cứu nước thành công."
- D. "Đêm thức vì hòa bình ở Việt Nam."

3. Gợi ý sản phẩm

Đây là những câu hỏi tương đối khó nhầm liên hệ thực tiễn, tìm hiểu sự tác động của các sự kiện đã học đến lịch sử Việt Nam, hoặc so sánh để tìm ra sự tương đồng cũng như khác biệt giữa các sự kiện,... Vì vậy, GV nên định hướng, gợi ý để HS giải quyết vấn đề.

Lưu ý:

– Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

– HS chia sẻ với bạn bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, gửi thư điện tử,...

– GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.

– Sưu tầm tư liệu về các nước Á, Phi, Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, chú trọng đi sâu tìm hiểu thêm về đóng góp của Việt Nam trong sự phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, về chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, về tình cảm và sự giúp đỡ của nhân dân Cu-ba đối với nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước,...

BÀI 13. MĨ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Biết được những thành tựu tiêu biểu về kinh tế, khoa học – kĩ thuật của nước Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay. Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự phát triển đó.
- Biết được chính sách đối ngoại của Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu trong và sau thời kì “Chiến tranh lạnh”. Đánh giá tác động của những chính sách đó đối với thế giới.
- Trình bày được những sự kiện chính trong quá trình hình thành và phát triển của Liên minh châu Âu (EU). Giải thích được vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau.
- Biết xử lí, lựa chọn các nguồn tư liệu để xác định đúng các sự kiện cơ bản, bản chất của các sự kiện đó.
- Biết liên hệ một số sự kiện, hiện tượng của lịch sử thế giới với lịch sử dân tộc cùng thời kì.
- Có thái độ trân trọng, khâm phục tài năng, trí tuệ của nhân loại trong việc phát minh những thành tựu khoa học – kĩ thuật để phát triển kinh tế, xã hội.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học này được tổ chức dạy học trong 3 tiết với 3 nội dung tương đối độc lập với nhau, đó là những nét chính về lịch sử Mĩ, Nhật Bản và các nước Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Vì vậy có thể bố trí mỗi tiết dạy một nước hay khu vực. Mặc dù 3 tiết học với nội dung lịch sử ở các nước, các châu lục khác nhau song đều giúp cho HS lĩnh hội được những nét lớn về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về sự phát triển kinh tế, khoa học – kĩ thuật cũng như chính sách đối nội, đối ngoại của các nước Mĩ, Nhật Bản và các nước Tây Âu.

Mỗi tiết học nên có đủ các hoạt động theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

GV có thể tổ chức hoạt động khởi động bằng những câu hỏi gợi mở trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một hoặc có cách khởi động khác phù hợp với khả năng nhận thức của HS, với điều kiện, môi trường cụ thể của lớp học. Song dù khởi động bằng cách nào cũng phải hướng HS vào nội dung cơ bản của bài, phải tạo được tình huống học tập, kích thích được nhu cầu, mong muốn học tập bài mới của các em.

2. Phương thức hoạt động

Vào đầu giờ, sau khi ôn định lớp, có thể kiểm tra hay không kiểm tra bài cũ, GV định hướng sự chú ý của HS bằng những câu hỏi hoặc nội dung cơ bản để khởi động. GV cũng có thể gợi ý cho HS vài nét về nước Mỹ, Nhật Bản và các nước Tây Âu, hoặc tạo tình huống có vấn đề: Chúng ta đã biết những nét chính về lịch sử Liên Xô (lịch sử nước Nga từ năm 1991) và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, sự tan rã của hệ thống thuộc địa trên thế giới. Vậy các nước tư bản chủ nghĩa, tiêu biểu là Mỹ, Nhật Bản, Tây Âu thì như thế nào? Các em hãy tích cực tham gia vào bài học để trả lời các câu hỏi sau:

- Vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giới cầm quyền Mỹ lại theo đuổi mưu đồ thống trị thế giới và nô dịch các quốc gia dân tộc trên khắp hành tinh.
- Làm thế nào mà Nhật Bản là nước bại trận bị tàn phá nặng nề trong Chiến tranh thế giới thứ hai lại nhanh chóng vươn lên, trở thành nước có nền kinh tế lớn thứ hai thế giới?
- Các nước Tây Âu đã có bước phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật như thế nào sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
- Vì sao các nước Tây Âu có xu hướng liên kết với nhau?

3. Gợi ý sản phẩm

– Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau (cũng có thể có HS không biết). Những hiểu biết đó có thể chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu. GV có thể lựa chọn một sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài học.

– Ở mỗi tiết học, GV có thể gợi lại kiến thức để HS tập trung vào nội dung cụ thể của tiết học. Ví dụ, về nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, GV có thể sử dụng lược đồ nước Mỹ hoặc lược đồ thế giới rồi yêu cầu HS giới thiệu và nhận xét về vị trí địa lý của nước Mỹ (phía đông giáp Đại Tây Dương, phía tây giáp Thái Bình Dương, phía bắc giáp Ca-na-đa, phía nam giáp với Mê-hi-cô). Từ đó, dẫn dắt HS tìm hiểu về nước Mỹ.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về nước Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

* Mục tiêu

- Biết được những nét chính về sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giải thích được nguyên nhân của sự phát triển đó.
- Trình bày được suy nghĩ về những thành tựu tiêu biểu của nền khoa học – kĩ thuật Mỹ sau chiến tranh.
- Nêu được những nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

* Phương thức hoạt động

a) Tình hình kinh tế

- GV tổ chức HS tìm hiểu về kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai theo nội dung trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và đặt câu hỏi: Hãy cho biết vì sao sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất.

- GV có thể tổ chức HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi, sau đó trình bày kết quả làm việc trước lớp.

b) Sự phát triển khoa học – kĩ thuật của Mỹ sau chiến tranh

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và trả lời câu hỏi: Trình bày suy nghĩ của em về những thành tựu chủ yếu của nền khoa học – kĩ thuật Mỹ.

- HS làm việc cá nhân/cặp đôi/nhóm sau đó báo cáo kết quả trước lớp, GV vừa góp ý, sửa chữa và kết luận.

c) Chính sách đối ngoại của Mỹ sau chiến tranh

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và nêu những nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

- GV có thể tổ chức HS thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ.

- Đại diện các nhóm báo cáo kết quả. GV đánh giá kết quả thực hiện của mỗi nhóm và chốt ý.

* Gợi ý sản phẩm

– Nét chính về sự phát triển kinh tế của Mỹ:

Trong khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mỹ vươn lên mạnh mẽ, trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất thế giới, là trung tâm kinh tế – tài chính duy nhất trên thế giới. Nguyên nhân của sự phát triển đó là vì Mỹ đã giàu lên từ sau hai cuộc

chiến tranh thế giới (không bị chiến tranh tàn phá, lại buôn bán vũ khí cho hai bên tham chiến); có lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú; áp dụng thành công những thành tựu của cách mạng khoa học – kĩ thuật; trình độ tập trung tư bản cao và sức cạnh tranh lớn; biện pháp điều tiết hiệu quả của nhà nước.

– *Có thể nêu một vài suy nghĩ như:*

Nước Mĩ là nơi khởi đầu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai diễn ra từ nửa sau thế kỷ XX. Mĩ cũng là nước đi đầu về khoa học – kĩ thuật và công nghệ thế giới, thu được nhiều thành tựu kì diệu trong tất cả các lĩnh vực.

– *Nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai:*

+ Mĩ triển khai “Chiến lược toàn cầu” nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.

+ Để thực hiện các mục tiêu trên, Mĩ sử dụng nhiều biện pháp khác nhau: Khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh, gây tình trạng đối đầu căng thẳng với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

+ Mĩ đã tiến hành “viện trợ” để lôi kéo, khống chế các nước nhận viện trợ. Lập các khối quân sự ở hầu hết các khu vực, trực tiếp gây ra hoặc tiếp tay cho nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, đảo chính lật đổ ở nhiều nơi trên thế giới.

2. Tìm hiểu về Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai

* Mục tiêu

- Biết được những nét chính về tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Nêu được những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh và ý nghĩa của những cải cách đó.
- Trình bày được bước phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản, nguyên nhân dẫn đến bước phát triển đó.
- Nêu được chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh. Giải thích được vì sao Nhật Bản lại liên minh chặt chẽ với Mĩ.

* Phương thức hoạt động

a) Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh

GV giao nhiệm vụ cho HS. Đọc thông tin, quan sát lược đồ và cho biết: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản đã gặp phải những khó khăn gì? Họ đã làm gì để vượt qua những khó khăn đó?

HS báo cáo kết quả làm việc với các thầy cô giáo. GV đánh giá, nhận xét và kết luận.

b) Nhật Bản khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh

Yêu cầu HS đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình để trả lời câu hỏi: Những biểu hiện nào chứng tỏ bước phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản? Vì sao có sự phát triển đó?

HS báo cáo kết quả với thầy cô. GV nhận xét và chốt ý.

GV có thể nêu câu hỏi liên hệ với công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

c) Chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh

GV yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và trả lời câu hỏi: Trình bày chính sách đối ngoại chủ yếu của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vì sao Nhật Bản liên minh chặt chẽ với Mĩ?

HS hoạt động cá nhân, sau đó GV mời một số HS phát biểu ý kiến, GV nhận xét và chốt ý.

*** Gợi ý sản phẩm**

– Nét chính về tình hình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai:

+ Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, Nhật Bản là nước bại trận và bị quân đội nước ngoài chiếm đóng mất hết thuộc địa, kinh tế bị tàn phá hết sức nặng nề.Thêm vào đó, tình trạng thất nghiệp trầm trọng, thiếu lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng...

+ Sau chiến tranh, Nhật Bản đã tiến hành một số cải cách tiến bộ: ban hành Hiến pháp mới (1946) mang tính dân chủ, thực hiện cải cách ruộng đất,...

+ Xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt và trùng trị tội phạm chiến tranh, giải thể các công ty độc quyền lớn.

+ Những cải cách này đã mang lại luồng không khí mới, giúp Nhật Bản phát triển mạnh mẽ sau này.

– Những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau chiến tranh và ý nghĩa của những cải cách đó:

+ Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật Bản bước vào giai đoạn phát triển “thần kì”, tốc độ tăng trưởng cao liên tục, Nhật Bản trở thành một siêu cường kinh tế (sau Mĩ).

+ Nền kinh tế Nhật Bản có được bước phát triển “thần kì” là vì:

• Truyền thống văn hóa, giáo dục của người Nhật – sẵn sàng tiếp thu những giá trị tiên bộ của thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

• Vai trò lãnh đạo, quản lý có hiệu quả của Nhà nước trong việc đề ra chiến lược phát triển, nắm bắt thời cơ và có sự điều tiết cần thiết để đưa nền kinh tế tăng trưởng liên tục.

• Các công ty thế giới của Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao.

- Con người Nhật Bản được đào tạo chu đáo: có ý thức tổ chức kỉ luật, được trang bị kiến thức và nghiệp vụ, cần cù và tiết kiệm, ý thức cộng đồng...
- Luôn áp dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại, không ngừng nâng cao năng suất, cải tiến mẫu mã, hạ giá thành sản phẩm.
- Chi phí cho quốc phòng ít nên có điều kiện tập trung cho phát triển kinh tế.
- Tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài như nguồn viện trợ Mĩ, các cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953) và Việt Nam (1954 – 1975) để làm giàu.

– *Bước phát triển thần kì của nền kinh tế Nhật Bản, nguyên nhân dẫn đến bước phát triển đó:*

Sau chiến tranh, Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ, kí Hiệp ước Hiệp ước An ninh Mĩ – Nhật, để Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Nhật Bản. Hiệp ước An ninh Mĩ – Nhật đã được gia hạn vào các năm 1960, 1970, 1997.

– *Chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh:*

Từ nhiều thập niên qua, các giới cầm quyền Nhật Bản thi hành nhiều chính sách đối ngoại mềm mỏng về chính trị và tập trung vào phát triển các quan hệ kinh tế đối ngoại như trao đổi buôn bán, tiến hành đầu tư và viện trợ cho các nước, đặc biệt đối với các nước Đông Nam Á.

3. Tìm hiểu về các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai

*** Mục tiêu**

– Biết được những nét chính về tình hình Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai và quá trình khôi phục kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước Tây Âu nửa sau thế kỉ XX.

– Trình bày được sự liên kết khu vực Tây Âu, sự phát triển của cộng đồng châu Âu nửa sau thế kỉ XX.

– Đánh giá được vai trò của Liên minh châu Âu (EU).

*** Phương thức hoạt động**

a) Tình hình chung

GV sử dụng lược đồ châu Âu hoặc lược đồ hành chính thế giới, mời một HS xác định vị trí các nước Tây Âu. Sau khi nhận xét, đánh giá cách trình bày của HS, GV có thể giới thiệu lại rồi yêu cầu các em đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một và trả lời câu hỏi: Hãy nêu những nét nổi bật của tình hình Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000. Nét nổi bật nhất là gì?

GV gọi từ 2 đến 3 HS phát biểu ý kiến, sau đó GV nhận xét, đánh giá và chốt ý.

b) Sự liên kết khu vực

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một: Nêu những nét chính về sự thành lập và phát triển của Liên minh châu Âu. Đánh giá của em về tổ chức khu vực đó.

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi. Sau đó, GV mời đại diện HS báo cáo kết quả làm việc trước lớp. GV nhận xét, đánh giá và có thể phân tích, mở rộng thêm kiến thức. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát để hỗ trợ khi các em gặp khó khăn.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Nét nổi bật của tình hình Tây Âu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 và quá trình khôi phục kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước Tây Âu nửa sau thế kỷ XX:*

+ Châu Âu là chiến trường khốc liệt nhất trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhiều nước Tây Âu bị phát xít chiếm đóng và bị tàn phá rất nặng nề. Chiến tranh kết thúc, để khôi phục nền kinh tế đất nước, năm 1948, 16 nước Tây Âu đã nhận viện trợ kinh tế của Mỹ theo “Kế hoạch Mác-san”. Kinh tế các nước Tây Âu được phục hồi nhưng ngày càng lệ thuộc Mỹ.

+ Về đối ngoại, ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhiều nước Tây Âu đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nhằm khôi phục ách thống trị đối với các thuộc địa trước đây.

+ Trong bối cảnh “Chiến tranh lạnh” giữa hai phe, các nước Tây Âu đã tham gia khối quân sự NATO do Mỹ lập ra (4-1949) nhằm chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

+ Sau khi nước Đức bại trận, Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô đã phân chia lãnh thổ nước Đức thành bốn khu vực chiếm đóng. Khu vực chiếm đóng của Mỹ, Anh, Pháp đã hợp nhất lại và thành lập nhà nước Cộng hòa Liên bang Đức (9-1949) và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Tháng 10-1949, khu vực phía đông nước Đức, nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức được thành lập. Tháng 10-1990, Cộng hòa Dân chủ Đức đã sáp nhập với Cộng hòa Liên bang Đức thành nước Đức thống nhất.

– Sự liên kết khu vực Tây Âu, sự phát triển của cộng đồng châu Âu nửa sau thế kỷ XX:

+ Các nước Tây Âu đều có chung một nền văn minh, với một nền kinh tế không khác biệt nhau lắm, từ lâu đã có sự liên hệ, trao đổi kinh tế, văn hóa với nhau. Trong xu thế toàn cầu hóa, hợp tác hóa, đặc biệt dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật thì việc liên kết với nhau để cùng phát triển là một xu thế tất yếu.

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu được Mỹ viện trợ kinh tế theo “Kế hoạch Mác-san” để phục hưng đất nước, đổi lại họ ngày càng lệ thuộc vào Mỹ. Từ năm 1950 trở đi, nền kinh tế các nước Tây Âu đã được phục hồi và bước vào quá trình phát triển; họ không muốn bị lệ thuộc vào Mỹ, nhưng muốn thoát khỏi ảnh hưởng của Mỹ, họ phải liên kết lại với nhau, cùng nhau phát triển đi lên.

+ Từ tháng 4–1951, sáu nước gồm Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan và Lúc-xăm-bua cùng nhau thành lập *Cộng đồng than, thép châu Âu*.

+ Tháng 3–1957, sáu nước này lại thành lập *Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu* rồi *Cộng đồng kinh tế châu Âu* nhằm hình thành một thị trường chung để xoá dần hàng rào thuế quan giữa các nước, tiến tới tự do lưu thông hàng hoá.

+ Năm 1967, ba cộng đồng trên (*Cộng đồng than, thép châu Âu; Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu*) sáp nhập với nhau thành *Cộng đồng châu Âu* (viết tắt là EC).

Sau 10 năm chuẩn bị, tháng 12–1991, các nước thành viên EC họp hội nghị cấp cao tại Ma-xtrich (Hà Lan) và thông qua hai quyết định quan trọng:

+ Thống nhất châu Âu thành một thị trường chung về kinh tế, sử dụng đồng tiền chung duy nhất cho toàn châu Âu.

+ Xây dựng một liên minh chính trị, mở rộng liên kết về chính sách đối ngoại và an ninh, tiến tới một nhà nước chung châu Âu.

Hội nghị đánh dấu quá trình liên kết quốc tế ở châu Âu.

+ Ngày 1–1–1993, Cộng đồng châu Âu (EC) chính thức đổi tên thành *Liên minh châu Âu* (EU) với 15 thành viên. Cơ cấu tổ chức của Liên minh EU gồm năm cơ quan chính là Hội đồng châu Âu, Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Toà án châu Âu và một số uỷ ban chuyên môn khác.

+ Tháng 3–1995, bảy nước trong Liên minh châu Âu tuyên bố huỷ bỏ sự kiểm soát việc đi lại giữa các quốc gia với nhau.

+ Từ ngày 1–1–1999, đồng tiền chung châu Âu chính thức được phát hành với tên gọi mới là đồng ơrô (EURO).

– *Vai trò của Liên minh châu Âu (EU)*: Cho đến nay, sau nhiều năm thành lập và hoạt động, Liên minh châu Âu đã trở thành một liên minh quốc tế – chính trị lớn nhất hành tinh, có tổ chức chặt chẽ và là một trong ba trung tâm kinh tế, tài chính của thế giới (Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản). Cho đến năm 2004, số nước thành viên của tổ chức này đã lên tới 25 nước, năm 2007 lên 28 nước.

Năm 1990, Việt Nam thiết lập quan hệ với Liên minh châu Âu, mở ra thời kì mới trong quan hệ giữa Việt Nam và EU.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Củng cố, hệ thống hoá kiến thức mới cho HS, nhất là tình hình chung về Mĩ, Nhật Bản và các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, những bước phát triển thăng trầm về của kinh tế Mĩ, Nhật Bản, quá trình khôi phục kinh tế và liên kết khu vực Tây Âu nửa sau thế kỉ XX.

2. Phương thức hoạt động

GV dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một để tổ chức luyện tập cho HS sau mỗi tiết học. Cần lựa chọn những bài tập phù hợp với nội dung và khả năng nhận thức của HS.

Có thể sáng tạo, bổ sung thêm những bài tập luyện tập phát triển năng lực cho HS, từ năng lực thu thập tư liệu, tài liệu sự kiện đến đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng kiến thức. Ví dụ: Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nhà cầm quyền Mĩ đã làm như thế nào để thực hiện tham vọng bá chủ thế giới?

Với tiềm lực về kinh tế và quân sự to lớn, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới. Chiến lược toàn cầu của Mĩ được triển khai qua nhiều học thuyết cụ thể của các đời tổng thống Mĩ. Chiến lược toàn cầu nhằm ba mục tiêu cơ bản là: *một là*, ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới; *hai là*: đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hòa bình dân chủ trên thế giới; *ba là*, khống chế, chi phối các nước tư bản đồng minh của Mĩ.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Mĩ đã có những hành động là:

– Ở khu vực châu Âu

+ Ngày 12–3–1947, trong thông điệp của Tổng thống Truman đọc trước Quốc hội Mĩ đã khẳng định: Sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ và yêu cầu Nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kì, biến hai nước đó thành căn cứ tiền phương chống Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và mặt khác còn nhằm chuẩn bị điều kiện chiếm đóng vùng Trung Đông.

+ Tháng 6–1947, Mĩ đề ra kế hoạch Mác-san với khoản viện trợ 17 tỉ USD giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế sau chiến tranh. Qua kế hoạch này, Mĩ nhằm tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và các nước Đông Âu.

+ Ngày 4–4–1949, Mĩ thành lập khối quân sự – Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây do Mĩ cầm đầu nhằm chống Liên Xô và các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa.

– Ở khu vực châu Á

+ Trong những năm 1950–1953, Mĩ trực tiếp tham gia cuộc chiến tranh Triều Tiên, nhằm xoá bỏ nhà nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Triều Tiên.

+ Từ năm 1950 đến năm 1954, Mĩ viện trợ và can thiệp vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp.

+ Từ năm 1954 đến năm 1975, Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhằm biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ.

+ Việc hoà hoãn với Liên Xô, Trung Quốc – hai nước XHCN lớn nhất vào đầu những năm 70 (thế kỉ XX) là nhằm thực hiện mưu đồ dễ bắc đòn áp, đẩy lùi phong trào cách mạng, đấu tranh ở các nước.

+ Giới cầm quyền Mĩ đã vấp phải nhiều khó khăn và thất bại như các phong trào đấu tranh ngay ở nước Mĩ và nặng nề nhất là thất bại của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954 – 1975).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

– Biết vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống nhất là những sự kiện hiện tượng lớn, gần gũi với HS.

– Tạo hứng thú học lịch sử hơn cho HS.

– Bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan cho HS.

2. Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

– Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập một, tổ chức, hướng dẫn HS vận dụng kiến thức phù hợp với điều kiện từng trường, khả năng học tập của các em.

– Mặc dù không bắt buộc tất cả HS hoàn thành các bài tập vận dụng, song GV nên động viên, khuyến khích các em thực hiện trong quá trình tự học ở nhà.

– Những em có sản phẩm tốt nên động viên, khen thưởng và nếu có điều kiện cho các em trình bày trước lớp.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

– Giúp HS mở rộng kiến thức đã học ở trong lớp thông qua các hoạt động tự học, hoạt động xã hội, giao tiếp với người thân và bạn bè.

– Phát triển một số kỹ năng học tập lịch sử như sưu tầm tư liệu, liên hệ, vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

– Tạo hứng thú, say mê học tập lịch sử cho HS.

2. Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

– Đây cũng là hoạt động không bắt buộc với tất cả HS song nếu em nào hoàn thành, báo cáo sản phẩm, GV cần động viên khích lệ trước cả lớp và sửa chữa cho các em.

– Không có sản phẩm duy nhất đúng khi các em thực hiện hoạt động mở rộng này. Vì vậy cần tôn trọng sản phẩm của các em, GV có thể điều chỉnh, bổ sung để kết quả của các em tốt hơn.

BÀI 14. TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Nêu được những quyết định quan trọng và hệ quả của Hội nghị I-an-ta.
- Trình bày được sự thành lập và nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc.
- Trình bày được cuộc "Chiến tranh lạnh" và những xu thế phát triển của thế giới sau "Chiến tranh lạnh".
- Rèn luyện kĩ năng trình bày, giải thích, phân tích, đánh giá, khai thác tranh ảnh, lược đồ lịch sử.
- Giáo dục tinh thần đoàn kết, mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc, lên án cuộc chạy đua vũ trang giữa các nước.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học này được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động nhằm gợi lại những kiến thức đã biết và tạo mâu thuẫn nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học, đó là: Hội nghị I-an-ta được triệu tập và những quyết định, hệ quả của hội nghị; sự thành lập và nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc, cuộc "Chiến tranh lạnh" và những xu thế phát triển của thế giới sau "Chiến tranh lạnh". Trong bài học, GV cần vận dụng sáng tạo linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Với việc HS quan sát lược đồ “Sự phân chia khu vực ảnh hưởng trên thế giới theo trật tự hai cực I-an-ta” các em có thể biết được thế giới bị phân chia theo hai cực, hai phe: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, các em chưa thể biết đầy đủ và chi tiết tại sao thế giới lại bị phân chia thành hai cực, sự kiện nào dẫn đến việc thế giới bị phân chia như vậy, nội dung và những quyết định của sự kiện đó. Từ đó kích thích sự tò mò, lòng khát khao mong muốn tìm hiểu những điều chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức mới của bài học.

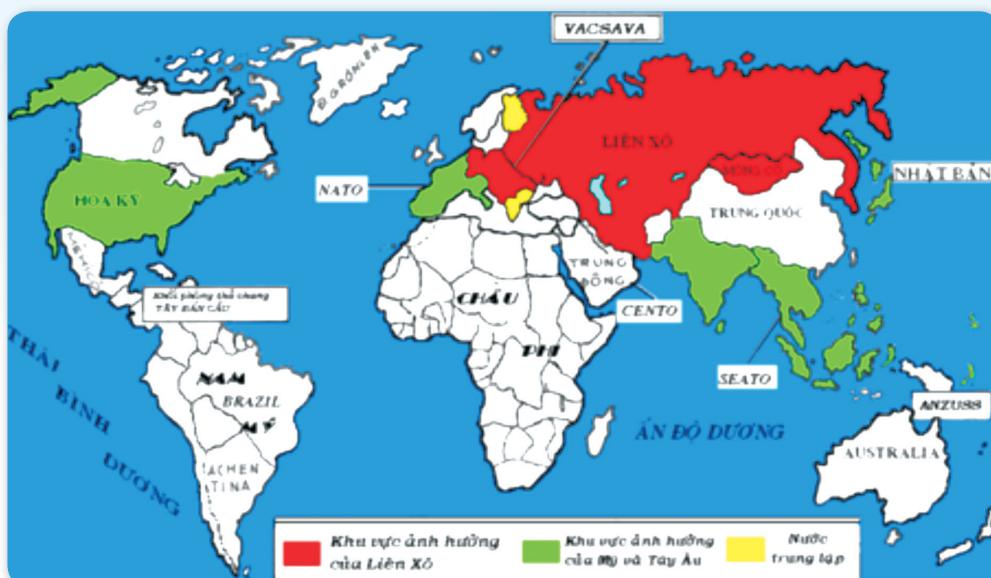
2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS (theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một). Cụ thể như sau:

Quan sát lược đồ, hãy:

+ Cho biết thế giới được phân chia thành những khu vực ảnh hưởng khác nhau là do chi phối bởi sự kiện lịch sử nào.

+ Nêu những hiểu biết của mình về những sự kiện đó.



Hình 1. Sự phân chia khu vực ảnh hưởng trên thế giới theo trật tự hai cực lanta

– GV có thể chỉ trên lược đồ chú giải những khu vực ảnh hưởng của Liên Xô, khu vực ảnh hưởng của Mĩ và Tây Âu.

– Tùy theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

3. Gợi ý sản phẩm

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV lựa chọn 01 sản phẩm nào đó của HS để làm tinh huống kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu sự hình thành trật tự thế giới mới

* Mục tiêu

Trình bày được những quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta và hệ quả của những quyết định đó.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

+ Nêu tên từng nhân vật trong hình 2 (tài liệu HDH KHXH 9, tập một) và cho biết họ đến từ đâu, để làm gì?

+ Nêu những quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta và hệ quả của những quyết định đó.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân sau đó trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về tên các nhân vật đứng đầu ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh tham gia Hội nghị I-an-ta và những quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta.

– Sau khi trình bày xong những quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta, GV tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại về hệ quả của những quyết định của Hội nghị I-an-ta.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Các nhân vật trong hình 2 từ trái sang phải là nguyên thủ các quốc gia Anh, Mĩ, Liên Xô: Sớc-sin, Ru-dơ-ven và Xta-lin.

Các nguyên thủ các nước này đến Hội nghị I-an-ta giải quyết những vấn đề cấp bách khi cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn kết thúc như: nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít, phân chia khu vực ảnh hưởng giữa các cường quốc,...

– Những quyết định quan trọng của Hội nghị I-an-ta và hệ quả của những quyết định đó:

+ Hội nghị đã thông qua các quyết định quan trọng về việc phân chia khu vực ảnh hưởng giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

+ Ở châu Âu: Liên Xô chiếm đóng và kiểm soát vùng Đông nước Đức và phía Đông châu Âu (Đông Âu): vùng Tây nước Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Anh.

+ Ở châu Á: duy trì nguyên trạng Mông Cổ, trả lại cho Liên Xô phía Nam đảo Xa-kha-lin, trao trả cho Trung Quốc những phần đất đai đã bị Nhật Bản chiếm đóng trước đây. Triều Tiên được công nhận là một quốc gia độc lập nhưng tạm thời chịu sự kiểm soát của quân đội Liên Xô và Mĩ. Các vùng còn lại của châu Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

+ Toàn bộ những thỏa thuận quy định trên đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, mà lịch sử gọi là Trật tự hai cực I-an-ta do Liên Xô và Mĩ đứng đầu hai cực.

2.Tìm hiểu sự thành lập Liên hợp quốc

* **Mục tiêu**

Trình bày được những nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc và vai trò của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay; nêu được những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam.

* Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

- Nêu những nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc.
- Cho biết vai trò của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay.

Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng kĩ thuật "khăn trải bàn", cho HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi để tìm hiểu những nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc được xác định trong Hiến chương khi thành lập; vai trò của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay.

– Về hình 3. “Một cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc”, GV có thể cung cấp thêm thông tin để HS có những hiểu biết về các kì họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc như sau:

Kì họp thường niên của Đại hội đồng thường bắt đầu vào ngày thứ ba của tháng 9 và kết thúc vào giữa tháng 12 với chức danh Chủ tịch Đại hội đồng Liên hợp quốc được bầu vào lúc khởi đầu của mỗi kì họp. Đại hội đồng biểu quyết bằng cách bỏ phiếu trong các vấn đề quan trọng – đề xuất hoà bình và an ninh; tuyển chọn thành viên cho các cơ quan; thu nhận, đình chỉ và trực xuất thành viên và các vấn đề ngân sách – cần được thông qua bởi đa số, 2/3 số đại biểu có mặt và bỏ phiếu. Các vấn đề khác được quyết định bởi đa số quá bán. Mỗi quốc gia thành viên chỉ có một phiếu. Ngoại trừ việc thông qua các vấn đề về ngân sách, bao gồm việc chấp nhận một thang bậc thẩm định, nghị quyết của Đại hội đồng không có giá trị ràng buộc đối với thành viên. Đại hội đồng có thể đề xuất về các sự việc trong khuôn khổ của Liên hợp quốc, ngoại trừ các vấn đề liên quan đến hoà bình và an ninh thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng Bảo an. Trên lý thuyết, quy chế 1 quốc gia 1 lá phiếu cho phép các nước nhỏ với dân số tổng cộng chỉ chiếm 8% dân số thế giới có khả năng thông qua nghị quyết với đa số, 2/3 trên tổng số phiếu.

– Thông tin bổ sung để giúp HS có những hiểu biết về hình 4 “Quốc kì nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tung bay trước trụ sở Liên hợp quốc trong lễ kết nạp Việt Nam làm thành viên Liên hợp quốc ngày 20–9–1977”: 9 giờ sáng ngày 20–9–1977, lễ thượng cờ Việt Nam được chính thức tổ chức tại cửa chính trụ sở Liên hợp quốc. Chủ tịch Đại Hội đồng, Tổng Thư kí, đoàn đại biểu Việt Nam do Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh dẫn đầu cùng đại diện Việt kiều và bạn bè Mĩ đã dự buổi lễ. Luật sư Mĩ Pi-tơ Uây-xơ nhận xét: “Việt Nam đã hi sinh đấu tranh gian khổ để mở đường cho chính mình và trước đó đã tạo điều kiện cho hàng loạt các nước khác vào Liên hợp quốc”. Đúng như dư luận quốc tế đã thừa nhận, Việt Nam đã vào Liên hợp quốc “bằng cổng trước”.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- *Những nhiệm vụ chính của tổ chức Liên hợp quốc:*
 - + Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
 - + Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của các dân tộc.
 - + Thực hiện sự hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hoá, xã hội và nhân đạo...
- *Vai trò của Liên hợp quốc từ khi thành lập đến nay:*
 - + Trong hơn nửa thế kỷ qua, Liên hợp quốc đã có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoà bình an ninh thế giới.
 - + Đầu tranh xoá bỏ chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
 - + Giúp đỡ các nước phát triển kinh tế, văn hoá, nhất là đối với các nước Á, Phi và Mĩ La-tinh.

3. Tìm hiểu cuộc “Chiến tranh lạnh”

* Mục tiêu

Trình bày được khái niệm “Chiến tranh lạnh”, nêu được những biểu hiện và hậu quả của “Chiến tranh lạnh”.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :
 - + Cho biết thế nào là “Chiến tranh lạnh”.
 - + Nêu những biểu hiện và hậu quả của “Chiến tranh lạnh”.
- Trong hoạt động này, GV có thể sử dụng phương pháp dạy học trao đổi, đàm thoại và sử dụng đồ dùng trực quan để khai thác tranh ảnh. GV tổ chức hoạt động học tập cá nhân, sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm và báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.
- GV giải thích rõ khái niệm “Chiến tranh lạnh”.
- “Hình 5. Xe tăng Liên Xô đối mặt với xe tăng Mĩ tại chốt gác Cha-li (giữa Đông và Tây Béc-lin) năm 1961” là một trong những minh chứng cho sự đối đầu giữa Mĩ và Liên Xô đại diện cho hai phe: TBCN và XHCN trong cuộc Chiến tranh lạnh.

Thông tin bổ sung:

Ngay sau khi bức tường Béc-lin được dựng lên, căng thẳng giữa quân đội Mĩ và Liên Xô tại trạm kiểm soát Cha-li đã dẫn đến một tình huống được cho là căng thẳng nhất của cuộc Chiến tranh lạnh ở châu Âu.

Tháng 10–1961, biên phòng Đông Đức bắt đầu từ chối cho phép các nhà ngoại giao Mĩ đi vào Đông Đức theo thoả thuận với Nga.

Ngày 22–10, một nhà ngoại giao cấp cao Mĩ ở Tây Béc-lin bị lính canh phía Đông Đức chặn đường yêu cầu kiểm tra hộ chiếu khi đang đến nhà hát opera ở Đông Đức và bị buộc phải quay trở lại.

Ngày 26–10, không chịu khuất phục dễ dàng và muốn chứng tỏ quyết tâm duy trì quyền tiếp cận Đông Đức của Mĩ và đồng minh, chính quyền Oa-sinh-tơn đã điều 10 xe tăng M-48A1 và ba xe thiết giáp chở quân đến trạm kiểm soát Cha-li, nơi thường chỉ có quân cảnh Mĩ canh gác.

Các cỗ chiến xa này dừng cách khu vực biên giới Đông Đức và Tây Đức khoảng 75m và nổ máy inh ỏi tạo thành cột khói đen trên không trung.

Đối phó với động thái được cho là khiêu khích này, Liên Xô lập tức điều hàng chục xe tăng T-55 đến gần trạm kiểm soát Cha-li, đối đầu với xe tăng Mĩ. Xe tăng hai bên chĩa pháo vào nhau và "thi gan" trong suốt 16 giờ căng thẳng.

Cùng thời gian này, các nhân viên quân sự và ngoại giao Mĩ dưới sự hộ tống của quân cảnh tiếp tục băng qua trạm kiểm soát, thực hiện quyền đi lại vào lãnh thổ Đông Đức. Tình hình lúc đó được đánh giá đặc biệt nghiêm trọng bởi Chiến tranh thế giới thứ ba sẽ bùng nổ nếu một bên có các động thái tiếp tục leo thang căng thẳng.

Tuy nhiên, chính quyền Mĩ đã ra chỉ thị nhắc nhở lãnh đạo quân đội Mĩ rằng Béc-lin không phải là một "lợi ích sống còn" đến mức liều lĩnh gây chiến với Liên Xô. Sau đó, Tổng thống Ken-nor-đi chấp thuận mở một kênh liên lạc bí mật để thuyết phục lãnh đạo Liên Xô rút xe tăng về và đảm bảo Mĩ cũng tuân thủ rút quân theo quy định.

Sáng 28–10, các xe tăng Liên Xô rút lui trước và ngay sau đó Mĩ cũng rút quân. Cuộc đối đầu tại trạm kiểm soát Cha-li kết thúc.

Kể từ đó, các quan chức ngoại giao phương Tây và nhân viên quân sự được quyền tự do đi lại để đến nhà hát opera ở Đông Béc-lin trong khi các nhà ngoại giao Liên Xô cũng có quyền tương tự ở Tây Béc-lin.

(Theo VN Express ngày 23–6–2016)

* Gợi ý sản phẩm

– *Chiến tranh lạnh* là chính sách thù địch về mọi mặt của Mĩ và các nước đế quốc trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

– *Những biểu hiện và hậu quả của “Chiến tranh lạnh”:*

+ Mĩ và các nước đã ráo riết chạy đua vũ trang, tăng cường ngân sách quân sự cùng các căn cứ quân sự bao quanh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, tiến hành nhiều cuộc chiến tranh đòn áp cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc.

+ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa buộc phải tăng ngân sách quốc phòng, củng cố khả năng phòng thủ của mình.

+ Hậu quả: sự căng thẳng của tình hình thế giới, những chi phí khổng lồ, cực kì tốn kém cho chạy đua vũ trang và chiến tranh xâm lược,...

4. Tìm hiểu tình hình thế giới sau “Chiến tranh lạnh”

* Mục tiêu

Nêu được lí do Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh” và các xu thế phát triển của thế giới sau “Chiến tranh lạnh”.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, hãy:

+ Cho biết tại sao Mĩ và Liên xô tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh”.

+ Nêu các xu thế phát triển của thế giới sau “Chiến tranh lạnh”.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Về hai nhân vật Tổng thống Mĩ Bu-sơ (cha) và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goóc-ba-chóp (theo kênh hình 6, tài liệu HDH KHXH 9, tập một), nếu có điều kiện GV có thể giới thiệu, nếu không, GV cho HS tự tìm hiểu ở hoạt động tìm tòi mở rộng.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– *Mĩ và Liên xô tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh” là vì:*

+ Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài quá tốn kém, làm suy giảm sức mạnh của cả Mĩ và Liên Xô.

+ Mĩ và Liên Xô đang đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn từ nhiều phía.

+ Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và Tây Âu,... Các nước này đã trở thành những đối thủ cạnh tranh gay gắt đối với Mĩ, Liên Xô.

+ Mĩ và Liên Xô thấy rằng muốn vươn lên phát triển cần phải chấm dứt tình trạng đối đầu để tập trung phát triển, củng cố vị thế của mình.

+ Hai nước Liên Xô và Mĩ cần hợp tác với nhau để góp phần giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu như xung đột, chiến tranh, môi trường, bệnh dịch,...

– Xu thế phát triển của thế giới sau “Chiến tranh lạnh”:

Sau khi "Chiến tranh lạnh" kết thúc, tình hình thế giới có nhiều biến chuyển và diễn ra theo các xu hướng như sau:

+ Một là, xu thế hoà hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế.

+ Hai là, sự tan rã của Trật tự hai cực I-an-ta và thế giới đang tiến tới xác lập một trật tự thế giới mới, đa cực, nhiều trung tâm.

+ Ba là, hầu hết các nước đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.

+ Bốn là, từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, ở nhiều khu vực lại xảy ra những vụ xung đột quân sự hoặc nội chiến giữa các phe phái (như ở Liên bang Nam Tư cũ, châu Phi và một số nước ở Trung Á,...).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về: việc phân chia khu vực ảnh hưởng của Hội nghị I-an-ta giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ; sự thành lập tổ chức Liên hợp quốc; những biểu hiện và hậu quả của "Chiến tranh lạnh", nguyên nhân Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" và các xu thế phát triển của thế giới ngày nay.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo:

– Lập bảng thống kê việc phân chia khu vực ảnh hưởng của Hội nghị I-an-ta giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ theo yêu cầu sau:

| Khu vực | Ảnh hưởng của Liên Xô | Ảnh hưởng của Mĩ và các nước phương Tây |
|---------|-----------------------|---|
| Châu Âu | | |
| Châu Á | | |

Yêu cầu này nhằm củng cố kiến thức về những quyết định của Hội nghị I-an-ta. Với việc điền những nội dung phù hợp vào bảng thống kê trên, HS phải dựa vào những kiến thức đã học về việc phân chia khu vực ảnh hưởng của Hội nghị I-an-ta giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

Việc hoàn thành bảng theo từng khu vực: châu Âu, châu Á,... giúp HS củng cố, hệ thống hoá những kiến thức đã học về nội dung này.

– Những quyết định của Hội nghị Ianta đã ảnh hưởng như thế nào đến mối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay?

Với câu hỏi này, HS phải nêu được những quyết định của Hội nghị I-an-ta ảnh hưởng đến mối quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Hãy cho biết thời cơ và thách thức của Việt Nam trước những biến đổi của tình hình thế giới sau "Chiến tranh lạnh".

Với câu hỏi này, HS phải trình bày được thời cơ và thách thức của Việt Nam trước những biến đổi của thế giới sau "Chiến tranh lạnh".

3. Gợi ý sản phẩm

– *Lập bảng thống kê việc phân chia khu vực ảnh hưởng của Hội nghị I-an-ta giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ:*

| Khu vực | Ảnh hưởng của Liên Xô | Ảnh hưởng của Mĩ và các nước phương Tây |
|---------|--|--|
| Châu Âu | Liên Xô chiếm đóng và kiểm soát vùng Đông nước Đức và phía Đông châu Âu (Đông Âu). | Vùng Tây nước Đức và Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mĩ và Anh. |
| Châu Á | Duy trì nguyên trạng Mông Cổ trả lại cho Liên Xô phía nam đảo Xa-kha-lin... | Các vùng còn lại của châu Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây. |

– *Những quyết định của Hội nghị I-an-ta đã ảnh hưởng đến mối quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay như sau:*

+ Toàn bộ những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó của ba cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới – *trật tự hai cực I-an-ta*.

+ Với việc hình thành trật tự hai cực I-an-ta thế giới đã phân chia thành hai phe TBCN và XHCN với đối lập nhau về hệ tư tưởng, chế độ xã hội, kinh tế, chính sách đối ngoại.

+ Cùng với việc hình thành trật tự hai cực I-an-ta đã dẫn đến cuộc "Chiến tranh lạnh" từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai giữa Mĩ và Liên Xô đến cuối những năm 80 của thế kỷ XX.

+ Quan hệ quốc tế từ sau khi hình thành trật tự hai cực I-an-ta đến khi Liên Xô tan rã đều bị chi phối bởi những vấn đề liên quan đến *Trật tự hai cực I-an-ta*.

– *Thời cơ và thách thức của Việt Nam trước những biến đổi của tình hình thế giới sau "Chiến tranh lạnh"*:

+ Cơ hội: Việt Nam có thể tận dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật để phát triển kinh tế; tận dụng xu thế toàn cầu hóa để tăng cường hợp tác với các nước; là cơ hội để Việt Nam vươn ra hội nhập với khu vực và thế giới bên ngoài.

+ Thách thức: Nếu không tận dụng cơ hội phát triển sẽ bị tụt hậu; hội nhập sẽ dễ hoà tan, đánh mất bản sắc dân tộc.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

– Nếu những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam mà em biết.

– Kể tên các cuộc chiến tranh do Mĩ gây ra để đàm áp cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của các dân tộc trong thời kì "Chiến tranh lạnh".

Để tìm hiểu những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam và kể tên các cuộc chiến tranh do Mĩ gây ra, GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi hoặc nhóm rồi báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

3. Gợi ý sản phẩm

– *Những việc làm của Liên hợp quốc giúp đỡ Việt Nam*:

Đây là câu hỏi đòi hỏi HS phải có vốn hiểu biết thực tế rộng để trả lời. GV có thể gợi ý một số nội dung trả lời như:

Liên hợp quốc đã có nhiều việc làm thiết thực để giúp đỡ nhân dân Việt Nam trên nhiều mặt: kinh tế, giáo dục, văn hoá, môi trường, nhân đạo, y tế,... thông qua các tổ chức của Liên hợp quốc có mặt ở Việt Nam: FAO (Tổ chức nông — lương thực), UNICEF (Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc),...

– *Kể tên các cuộc chiến tranh do Mĩ gây ra để đàm áp cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của các dân tộc trong thời kì "Chiến tranh lạnh"*: chiến tranh xâm lược Việt Nam, dính líu vào cuộc chiến tranh ở Trung Đông,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.

2. Phương thức hoạt động

– Đây cũng là hoạt động không bắt buộc tất cả HS phải hoàn thành, song GV nên khuyến khích các em tự học, theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một:

- + Tìm hiểu thêm các tư liệu về các sự kiện, nội dung của bài học như: Hội nghị I-an-ta, bức tường Béc-lin, vai trò của tổ chức Liên hợp quốc, "Chiến tranh lạnh",...
- + Sưu tầm các hình ảnh về Hội nghị I-an-ta, bức tường Béc-lin,....
- GV hướng dẫn các em có thể lựa chọn một trong số các nội dung trên để tìm hiểu.
- HS có thể viết báo cáo (đoạn văn, trình chiếu, bộ sưu tập ảnh,...), sau đó chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...
- GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

BÀI 15. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm, những thành tựu chủ yếu, đánh giá được tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật diễn ra từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.
- Nhận biết được những biểu hiện toàn cầu hóa và tác động của nó đối với nhân loại.
- Lí giải được toàn cầu hóa là xu thế tất yếu của thời đại mới.
- Nhận thức được những cơ hội và thách thức từ xu thế toàn cầu hóa đối với các dân tộc trên thế giới, nhất là đối với Việt Nam.
- Rèn luyện kĩ năng thuyết trình nội dung lịch sử, quan sát tranh ảnh lịch sử, thu thập và xử lý thông tin, phân tích, đánh giá,...
- Biết tận dụng cơ hội để học tập, bắt kịp với thế giới trong xu thế mới; có ý thức bảo vệ và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc trong xu thế hội nhập.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học này được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động nhằm gợi lại những kiến thức đã biết và tạo mâu thuẫn nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học: Lí giải về nguồn gốc và những đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại; xu thế toàn cầu hoá và những biểu hiện của nó. Phân tích, đánh giá được tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật, xu thế toàn cầu hóa đối với xã hội loài người. Trong bài học, GV cần vận dụng sáng tạo linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết về sự kiện lịch sử được đề cập đến từ đó kích thích sự hứng thú, khát khao, mong muốn tìm hiểu những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS (theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một).
- Tùy theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức hoạt động cho HS theo cá nhân hoặc cặp đôi.

3. Gợi ý sản phẩm

– Mỗi HS/nhóm HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu. GV có thể lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS để làm tinh huống kết nối vào bài mới. HS muốn tìm hiểu đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học. Hoặc có thể có những HS không biết được nội dung của những hình ảnh trên, GV gợi ý, sau đó dẫn dắt các em vào tìm hiểu những nội dung cụ thể của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC – KĨ THUẬT NỬA CUỐI THẾ KỶ XX

1. Tìm hiểu về nguồn gốc, đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật nửa cuối thế kỷ XX

* Mục tiêu

Nêu được nguồn gốc và đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật nửa cuối thế kỉ XX.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy:
- + Cho biết cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật xuất phát từ những nguyên nhân nào.
- + Nêu đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật từ giữa thế kỉ XX. Tại sao có đặc điểm đó?
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại theo cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của bài học.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý, trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- *Nguyên nhân dẫn đến cách mạng khoa học – kĩ thuật cuối thế kỉ XX:*
Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại được bắt đầu từ những năm 40 của thế kỉ XX, khởi đầu ở nước Mỹ, bắt nguồn từ những đòi hỏi của cuộc sống, nhằm đáp ứng những nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người; do sự bùng nổ về dân số, sự cạn kiệt của tài nguyên thiên nhiên,...

– Đặc điểm nổi bật cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại:

- + Vấn đề cấp thiết mà cuộc cách mạng lần này giải quyết là phải sản xuất và chế tạo ra những công cụ sản xuất mới có năng suất cao, tìm ra vật liệu mới, năng lượng mới,... thay thế dần nguồn tài nguyên thiên nhiên của nhân loại đang bị vơi cạn. Vì thế, đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ những kết quả nghiên cứu của khoa học. Khoa học đã tham gia trực tiếp vào sản xuất, trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ kĩ thuật và công nghệ.

- + Từ năm 1973 đến nay, cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực công nghệ, có sự biến đổi về chất và kết hợp chặt chẽ với những phát minh lớn lao, được ứng dụng trong sản xuất có hiệu quả, thúc đẩy nhanh chóng nền kinh tế và sinh hoạt xã hội,... nên còn được gọi là cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

+ Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại có những đặc điểm đó là vì: khoa học chính là động lực của sự phát triển và là yếu tố thúc đẩy sản xuất phát triển.

2. Khám phá những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật nửa cuối thế kỷ XX

* Mục tiêu

Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật nửa cuối thế kỷ XX.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình, hãy:

+ Giới thiệu những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật nửa cuối thế kỷ XX.

+ Cho biết em ấn tượng nhất với thành tựu nào. Tại sao?

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để HS hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Hình ảnh về các thành tựu của cuộc cách mạng được sắp xếp theo các lĩnh vực.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– *Bảng thống kê những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật:*

| STT | Các lĩnh vực | Thành tựu |
|-----|----------------------|---|
| 1 | Khoa học cơ bản | Đánh dấu những bước nhảy vọt trong Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học,... |
| 2 | Công cụ sản xuất mới | Máy tính điện tử, máy tự động, hệ thống máy tự động. |
| 3 | Vật liệu mới | Chất dẻo pô-li-me, vật liệu na-no, vật liệu com-po-sit,... |
| 4 | Nguồn năng lượng mới | Năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng thuỷ triều. |
| 5 | Cách mạng xanh | Lai tạo giống mới, phân bón hoá học, cơ khí hoá,... |

| | | |
|---|-------------------------------------|---|
| 6 | Giao thông và thông tin liên lạc | Máy bay siêu thanh, tàu siêu tốc, điện thoại thông minh,... |
| 7 | Chinh phục vũ trụ | Phóng thành công vệ tinh nhân tạo, con người bay vào vũ trụ, đặt chân lên Mặt Trăng. |

3. Đánh giá tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật nửa cuối thế kỷ XX

* Mục tiêu

Trình bày và đánh giá được những tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với cuộc sống của con người. Chứng minh được cách mạng khoa học – kĩ thuật có những tác động tích cực về nhiều mặt nhưng cũng đe dọa sự sống con người.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình, hãy:
- + Chỉ ra những tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật đối với cuộc sống của con người.
- + Chứng minh: Cách mạng khoa học – kĩ thuật có những tác động tích cực về nhiều mặt nhưng cũng đe dọa sự sống của con người.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. GV có thể vận dụng những kĩ thuật thảo luận nhóm, thuyết trình, hùng biện,... để tạo cơ hội cho HS chia sẻ những hiểu biết, suy nghĩ của cá nhân trong học tập.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– *Những tác động :*

- + Tích cực: tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật còn tạo nên sự thay đổi về cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu hoá.
- + Tiêu cực: tình trạng ô nhiễm môi trường, hiện tượng Trái Đất nóng dần lên, tai nạn giao thông, các dịch bệnh mới, các loại vũ khí có sức huỷ diệt lớn,...

Những tác động tích cực và tiêu cực mà HS nêu ra ở trên cũng chính là dẫn chứng để chứng minh: Cách mạng khoa học – kĩ thuật có những tác động tích cực về nhiều mặt nhưng cũng đe dọa sự sống con người.

II. XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

1. Tìm hiểu về xu thế toàn cầu hoá và những biểu hiện của nó

* Mục tiêu

Trình bày được khái niệm "toàn cầu hoá" và biểu hiện của nó.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình, hãy cho biết:
 - + Thế nào là xu thế toàn cầu hoá.
 - + Xu thế toàn cầu hoá được biểu hiện như thế nào.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để HS hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- *Xu thế toàn cầu hoá*: là quá trình tăng lên mạnh mẽ của những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, quốc gia và dân tộc trên thế giới.

- *Biểu hiện của toàn cầu hóa*: sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế; sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia; sự sáp nhập, hợp nhất của các công ty vừa và nhỏ thành những tập đoàn lớn nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước và nước ngoài; sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

2. Đánh giá tác động của xu thế toàn cầu hoá

* Mục tiêu

Đánh giá được tác động của xu thế toàn cầu hoá đối với xã hội loài người.

Hiểu được toàn cầu hoá vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra thách thức đối với các dân tộc trên thế giới trong đó có Việt Nam.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy:

- + Xác định những tác động của xu thế toàn cầu hoá đối với xã hội loài người.
- + Giải thích tại sao nói toàn cầu hoá vừa tạo ra thời cơ, vừa đặt ra thách thức đối với các dân tộc. Việt Nam cần phải làm gì trước xu thế toàn cầu hoá?
 - Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi/nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
 - GV lưu ý HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để HS hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này.
 - Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi, nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- Toàn cầu hoá có tác động nhiều mặt đối với nền sản xuất thế giới và cuộc sống của con người. Tác động tích cực là thúc đẩy nhanh xã hội hoá lực lượng sản xuất, đem lại sự tăng trưởng cao về kinh tế. Tuy nhiên toàn cầu hoá cũng có tác động tiêu cực như: làm tăng thêm hố sâu ngăn cách giữa người giàu và người nghèo ở các nước, dễ làm mai một bản sắc văn hoá dân tộc,...
- Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.
 - + Thời cơ: tạo điều kiện phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá, góp phần giải quyết các vấn đề toàn cầu.
 - + Thách thức: ô nhiễm môi trường, dễ đánh mất chủ quyền quốc gia, bản sắc văn hoá dân tộc,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỷ XX.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập một và chủ yếu cho HS làm việc cá nhân. Trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo.

3. Gợi ý sản phẩm

Với câu hỏi 1, gợi ý sản phẩm là:

1.1. B

1.2. B

1.3. D

1.4. D

Với câu hỏi 2, gợi ý sản phẩm là:

1: c, d, e

2: a, b, g

Với câu hỏi 3, 4: HS thảo luận và đưa ra ý kiến cá nhân, khuyến khích HS thể hiện quan điểm, suy nghĩ của mình.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập một:

- Internet có tác động gì đến bản thân em? Theo em, nên sử dụng Internet trong học tập như thế nào cho tốt?
- Em có thể làm gì để khắc phục những hạn chế của Internet.

3. Gợi ý sản phẩm

– Đây là những câu hỏi mở nên GV hướng dẫn HS trình bày theo ý hiểu của mình. Yêu cầu HS đưa ra những chứng cứ, lập luận để chứng minh quan điểm của mình.

– HS có thể đề xuất những giải pháp khắc phục những hạn chế của Internet theo quan điểm của các em.

– Lưu ý:

+ Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

+ HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, gửi thư điện tử,...

+ GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.

2. Phương thức hoạt động

– Tìm hiểu và giới thiệu một số thành tựu gần đây của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ (sự phát triển, nâng cấp liên tục của điện thoại, máy tính điện tử, y học, khoa học vũ trụ,...).

- Tìm hiểu thêm về tính nhân văn trong các phát minh khoa học – kĩ thuật.
- Tìm hiểu về tác động của Internet nói chung và mạng xã hội nói riêng đối với mối quan hệ giữa con người với con người hiện nay.
- Qua những tác động tiêu cực của cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại, em hãy viết một lá thư kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ môi trường sống hiện nay (hoặc một lá thư gửi lời xin lỗi tới thiên nhiên).
- Để tìm hiểu sâu sắc hơn về cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật, em tìm đọc một số cuốn sách và trang web sau:
 - + Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Konrad – Adenauer – Stiftung, *Toàn cầu hóa và tác động đối với sự hội nhập của Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2003.
 - + Thoms L.Friedman, *Thế giới phẳng – Tóm lược lịch sử thế giới kỉ XXI*, Nxb Trẻ, Hà Nội, 2005.
 - + Trần Văn Tùng, *Tính hai mặt của toàn cầu hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2000.
 - GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

BÀI 16. TÂY NGUYÊN

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; hiểu Tây Nguyên có vị trí địa lí quan trọng đối với phát triển kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố một số ngành kinh tế chủ yếu của vùng: sản xuất nông sản hàng hoá, khai thác và trồng rừng, phát triển thuỷ điện, du lịch.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn với các chức năng chủ yếu của từng trung tâm.
- Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế và số liệu thống kê để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của vùng.
- Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng) nối tiếp nhau theo một lôgic chặt chẽ. Mỗi hoạt động được thiết kế theo tiến trình của các phương pháp dạy học tích cực và phương pháp dạy học đặc thù của môn học (quan sát tranh ảnh, sử dụng lược đồ và biểu đồ), phù hợp với nội dung môn học nói chung và với nội dung bài học nói riêng.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là: Tây Nguyên nằm ở vị trí nào của Việt Nam? Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội ảnh hưởng đến phát triển kinh tế Tây Nguyên như thế nào? Tình hình phát triển kinh tế của vùng?

Để giải quyết vấn đề trên, bài học có các nội dung như: vị trí địa lý và giới hạn của Tây Nguyên; các tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn để phát triển kinh tế – xã hội, tình hình phát triển kinh tế của vùng. Qua bài học này, HS có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn như ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Tây Nguyên; HS cũng có thể tìm hiểu thêm một số vấn đề gần gũi với các kiến thức mới đã học trong bài như: tìm hiểu về một số địa điểm du lịch ở Tây Nguyên, di sản thế giới Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS, làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Nhằm huy động kiến thức thực tiễn của HS, để từ đó HS có thể có đưa ra được những nhận xét hoặc nêu được một vài đặc điểm về tự nhiên và con người Tây Nguyên. Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. GV có thể hướng dẫn thêm cho HS cụ thể như sau: những đặc trưng nổi bật về địa hình, đất đai, khí hậu, hình thức cư trú, văn hoá,...

– Tuỳ theo đặc điểm lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi. HS viết ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi ra giấy nháp.

3. Gợi ý sản phẩm

- Câu trả lời của HS, trong đó ghi các ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi về những nội dung đã tìm hiểu.
- GV lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS, tổ chức thảo luận để làm tinh huống kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

*** Mục tiêu**

Xác định được vị trí, giới hạn của vùng Tây Nguyên và nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Nhìn chung câu hỏi ở mục này yêu cầu HS phải suy luận, vì vậy GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm để trả lời. Đồng thời GV cần làm rõ yêu cầu của các câu hỏi thông qua một vài gợi ý.
 - Với câu hỏi của mục này, GV có thể gợi ý HS như sau: nêu vị trí địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội, an ninh quốc phòng). Đặc điểm của vị trí địa lí, giới hạn có ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế – xã hội và giao lưu kinh tế với các vùng xung quanh?
 - Kết thúc hoạt động này, HS báo cáo kết quả. GV mời 1 HS thảo luận với cả lớp.
 - GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Vị trí địa lí*: tiếp giáp với Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Phía tây, vùng Tây Nguyên giáp với Hạ Lào và Đông Bắc Cam-pu-chia. Đây là vùng duy nhất của nước ta không giáp biển.

– *Ý nghĩa*: Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng đối với cả nước về kinh tế cũng như quốc phòng. Vị trí ngã ba biên giới giữa 3 nước, Tây Nguyên có nhiều điều kiện để mở rộng giao lưu kinh tế, văn hoá với các vùng trong nước và các nước trong Tiểu vùng Mê Công. Giáp với vùng Đông Nam Bộ thuận lợi trong việc tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiêu thụ nông sản.

2. Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng; những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Các câu hỏi ở phần này không khó, GV có thể cho HS làm việc cặp đôi, yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp đọc thông tin để rút ra nhận xét, đồng thời cũng yêu cầu HS quan sát hình 2 để xác định các vùng đất badan, các mỏ bôxit – hai tài nguyên quan trọng của Tây Nguyên.
- GV chọn 1 HS hoàn thành sản phẩm trên bảng; GV lấy sản phẩm đó để tổ chức cho cả lớp thảo luận.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- *Tài nguyên thiên nhiên và thế mạnh kinh tế vùng Tây Nguyên:*

| Tài nguyên thiên nhiên | Thế mạnh kinh tế |
|---|---|
| Địa hình, đất đai: địa hình cao nguyên xếp tầng, có mặt bằng rộng lớn. Đất chủ yếu là đất badan màu mỡ, diện tích 1,36 triệu ha (chiếm 66% diện tích đất badan cả nước), phân bố tập trung. | Thuận lợi phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn. |
| Khí hậu: Khí hậu cận xích đạo với một mùa mưa và một mùa khô. Khí hậu trên các cao nguyên mát mẻ. | Phát triển nhiều loại cây trồng, đặc biệt là cây công nghiệp; phát triển du lịch. |
| Nước: là nơi bắt nguồn của nhiều hệ thống sông lớn: sông Ba, Đồng Nai, Srêpôk, XêXan,... trữ lượng thuỷ điện chiếm 21% cả nước. | Phát triển thuỷ điện, thuỷ lợi, du lịch. |
| Khoáng sản: bôxit trữ lượng hơn 3 tỉ tấn. | Phát triển công nghiệp khai khoáng. |
| Rừng: diện tích gần 3 triệu ha (chiếm 29,2% diện tích rừng của cả nước), trong rừng có nhiều loại gỗ quý như pơ mu, sến, táo,... | Phát triển lâm nghiệp, du lịch sinh thái. |

- *Hạn chế:*

- + Mùa khô kéo dài gây thiếu nước nghiêm trọng cho cả sản xuất và sinh hoạt.
- + Nguy cơ cháy rừng cao vào mùa khô.

3. Tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê.

* Phương thức hoạt động

– So sánh các tiêu chí trong bảng số liệu giữa vùng Tây Nguyên với cả nước. Từ kết quả so sánh, kết hợp với đọc thông tin, trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của vùng Tây Nguyên. GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đây là nhiệm vụ không khó, HS dựa vào thông tin và khai thác từ bảng số liệu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

– Nêu ảnh hưởng của đặc điểm dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế. GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Ở mục này có câu hỏi yêu cầu HS phải suy luận để trả lời. Vì vậy, GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm. Với câu hỏi này, GV gợi ý HS huy động những kiến thức đã học về đặc điểm dân cư, xã hội để phân tích.

– GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– *Phần lớn các tiêu chí về dân cư, xã hội của Tây Nguyên đều thấp hơn mức trung bình của cả nước.*

– *Dân cư:*

+ Vùng có mật độ dân cư thưa thớt nhất nước ta.

+ Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao hơn mức trung bình cả nước, năm 2014 là 1,28%.

+ Tuổi thọ thấp hơn mức trung bình của cả nước.

– *Xã hội:*

+ Tỉ lệ hộ nghèo cao (đứng thứ 2 so với cả nước, sau vùng Trung du miền núi Bắc Bộ).

+ Thu nhập bình quân đầu người thấp hơn mức trung bình cả nước.

+ Tỉ lệ người biết chữ thấp.

– *Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế:*

+ Thiếu lao động lành nghề.

+ Cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, khó khăn trong trao đổi hàng hoá, giao lưu kinh tế.

4. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

a) Nông nghiệp

* Mục tiêu

Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và đặc trưng ngành nông nghiệp của vùng: có vai trò quan trọng hàng đầu, sản xuất nông sản hàng hoá, khai thác và trồng rừng,...; rèn luyện kỹ năng đọc biểu đồ và lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời các câu hỏi.

* Gợi ý sản phẩm

– *Nhận xét:* Tỉ lệ diện tích cà phê của Tây Nguyên so với cả nước tăng từ 79,0% năm 1995 lên 89,4% năm 2014 (573,1 nghìn ha). Tỉ lệ sản lượng cà phê của Tây Nguyên cũng tăng từ 85,7% năm 1995 lên 92,9% năm 2014.

– *Những vùng trồng nhiều cà phê (dẫn chứng).*

– *Tây Nguyên là vùng trồng cà phê nhiều nhất nước ta vì:*

+ Có điều kiện tự nhiên thích hợp để phát triển cây cà phê: đất badan màu mỡ, diện tích chưa được khai phá còn nhiều, địa hình có nhiều mặt bằng để sản xuất, khí hậu xích đạo,...

+ Phát triển cây cà phê mang lại hiệu quả kinh tế cao cho vùng.

+ Phát triển cây cà phê có ý nghĩa giảm nghèo, giải quyết việc làm, thúc đẩy kinh tế phát triển, định canh, định cư, bảo vệ môi trường.

– *Khó khăn trong sản xuất nông nghiệp:* thiếu nước vào mùa khô, giá nông sản có nhiều biến động.

b) Công nghiệp

* Mục tiêu

Trình bày được thế mạnh, đặc điểm phát triển công nghiệp, các ngành công nghiệp chính của vùng; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời các câu hỏi giải thích vì sao công nghiệp chế biến nông, lâm sản ở Tây Nguyên phát triển khá nhanh. Với câu hỏi về thuỷ điện và nêu sự phân bố các ngành công nghiệp, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm để trả lời.

* Gợi ý sản phẩm

– *Các ngành công nghiệp chính:* chế biến nông, lâm sản; thuỷ điện, công nghiệp khai khoáng.

– *Tên các nhà máy thuỷ điện (nêu cụ thể).*

| Tên nhà máy | Phân bố |
|-----------------------|--------------|
| Thuỷ điện Y-a-ly | Sông Xê Xan |
| Thuỷ điện Đrây H'ling | Sông Xrê Pôk |
| Thuỷ điện Xê Xan | Sông Xê Xan |
| ... | ... |

– Ý nghĩa của việc phát triển thuỷ điện:

- + Khai thác hiệu quả tiềm năng tự nhiên.
- + Cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt.
- + Phát triển thuỷ lợi, nuôi trồng thuỷ sản và du lịch.

– Giải thích vì sao công nghiệp chế biến nông, lâm sản ở Tây Nguyên phát triển khá nhanh?

- + Do sản xuất nông nghiệp phát triển nhanh, nhiều sản phẩm hàng hoá (dẫn chứng).
- + Tài nguyên rừng phong phú, đa dạng.

c) Dịch vụ và các trung tâm kinh tế

* Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm phát triển các ngành dịch vụ.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn.
- Rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS, quan sát lược đồ, đọc thông tin để trả lời các câu hỏi.
- GV đánh giá và chốt kiến thức ở từng nội dung.

* Gợi ý sản phẩm

– *Trình bày đặc điểm phát triển và phân bố ngành dịch vụ ở Tây Nguyên. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).*

– *Xác định các trung tâm kinh tế của vùng: Buôn Ma Thuột, Đà Lạt, Plây Ku.*

– *Tại sao nói Tây Nguyên có thế mạnh về du lịch?*

- + Tây Nguyên giàu tiềm năng tự nhiên để phát triển du lịch: khí hậu cận xích đạo, có sự phân hoá theo độ cao, khí hậu ở các cao nguyên mát mẻ, kết hợp với thiên nhiên phong

cảnh đẹp của thành phố Đà Lạt, hồ Lăk, Biển Hồ, núi Lang Biang, các vườn quốc gia tạo nên thế mạnh phát triển du lịch sinh thái.

+ Là địa bàn cư trú của nhiều thành phần dân tộc, các dân tộc có truyền thống đoàn kết, có bản sắc văn hoá đa dạng, phong phú và giàu kinh nghiệm sản xuất, góp phần tạo ra các sản phẩm du lịch phong phú.

+ Vị trí nằm gần các vùng kinh tế phát triển, thu hút số lượng khách du lịch đông đảo.

+ Vùng có nhiều thành phố là những trung tâm du lịch nổi tiếng: Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Plei K'ru,...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

– Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa học được về tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế vùng Tây Nguyên, đồng thời giúp HS phân tích được mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế.

– Rèn luyện kỹ năng tính toán và vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– Câu 1 rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ cột; câu 2 rèn luyện kỹ năng tính toán và nhận xét. Cả hai câu hỏi này, GV có thể yêu cầu HS làm việc cá nhân.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1.

– *Vẽ biểu đồ thanh ngang thể hiện độ che phủ rừng theo các tỉnh và nhận xét.* Yêu cầu: chính xác, đẹp, có tên biểu đồ.

– *Nhận xét:*

+ Tây Nguyên là vùng có độ che phủ rừng đứng thứ 3 cả nước. Năm 2014, độ che phủ rừng của vùng là 45,8%, sau vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ (51,9%), Trung du và miền núi Bắc Bộ (50,5%); cao hơn trung bình cả nước (40,4%).

+ Hai tỉnh có độ che phủ lớn nhất là tỉnh Kon Tum và Lâm Đồng, tỉnh có độ che phủ thấp nhất là Đăk Lăk (38,7%), thấp hơn mức trung bình của cả nước.

Câu 2.

– *Tính tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Tây Nguyên so với cả nước (cả nước = 100%)*

Tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên so với cả nước

(Đơn vị: %)

| Năm | 2002 | 2005 | 2010 | 2014 |
|------------|--------|--------|--------|--------|
| Tây Nguyên | 0,88 | 0,73 | 0,77 | 0,66 |
| Cả nước | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |

– *Nhận xét và giải thích:* Giá trị sản xuất công nghiệp của Tây Nguyên chiếm tỉ trọng rất thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước và thay đổi không đáng kể, chứng tỏ tốc độ tăng trưởng công nghiệp của Tây Nguyên chậm hơn mức trung bình của cả nước.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài, có thể trao đổi với người thân hoặc sưu tầm tư liệu nói về các giải pháp để phát triển có hiệu quả và bền vững cây cà phê ở Tây Nguyên.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu về nội dung tìm hiểu với các ý chính:

- Quy hoạch vùng sản xuất.
- Giải pháp về thị trường: ổn định thị trường xuất khẩu, tìm kiếm thị trường mới,...
- Phát triển công nghiệp chế biến,..

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về du lịch hoặc di sản văn hoá thế giới của Tây Nguyên. Qua đó, HS sẽ hiểu biết thêm về tự nhiên, văn hoá của vùng Tây Nguyên.

2. Phương thức hoạt động

- GV cho HS chọn một trong hai nội dung để tìm hiểu.

- Sau khi HS thu thập tư liệu, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 17. ĐÔNG NAM BỘ

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ của vùng trên bản đồ; nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và và tác động của chúng đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.
- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng: công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP, công nghiệp có cơ cấu đa dạng với nhiều ngành quan trọng; sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn.
- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế và số liệu thống kê để nhận xét đặc điểm tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của vùng.
- Có ý thức trách nhiệm đối với vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng) nối tiếp nhau theo một lôgic chặt chẽ. Mỗi hoạt động được thiết kế theo tiến trình của các phương pháp dạy học tích cực và phương pháp dạy học đặc thù của môn học (quan sát tranh ảnh, sử dụng lược đồ và biểu đồ), phù hợp với nội dung môn học nói chung và với nội dung bài học nói riêng.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là: Đông Nam Bộ nằm ở vị trí nào của Việt Nam? Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội ảnh hưởng đến phát triển kinh tế Đông Nam Bộ như thế nào? Tình hình phát triển kinh tế của vùng?

Để giải quyết vấn đề trên, bài học có các nội dung như: vị trí địa lý và giới hạn của Đông Nam Bộ; các tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn để phát triển kinh tế – xã hội, tình hình phát triển kinh tế của vùng. Qua bài học này, HS có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải thích vì sao Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển nhất nước ta hoặc tại sao sản xuất điện lại phát triển mạnh ở vùng này; HS cũng có thể tìm hiểu thêm được một số vấn đề gần gũi với các kiến thức mới đã học trong bài như tìm hiểu về một hoạt động kinh tế biển ở Đông Nam Bộ.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS, làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Huy động kiến thức thực tiễn của HS, để HS có thể có đưa ra được những hiểu biết của mình về vùng Đông Nam Bộ. Từ đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. GV có thể hướng dẫn thêm cho HS như sau: những đặc trưng nổi bật của vùng, vùng có những điểm du lịch nào mà em biết?

– Tuỳ theo đặc điểm lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi. HS viết ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi ra giấy nháp.

– GV tổ chức thảo luận cả lớp và dắt dẫn vào nội dung bài mới.

3. Gợi ý sản phẩm

– Các bản viết nháp của HS, trong đó ghi các ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi về những nội dung đã tìm hiểu.

– GV lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS, yêu cầu HS trình bày, sau đó kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ

*** Mục tiêu**

Xác định được vị trí, giới hạn của vùng Đông Nam Bộ và nêu ý nghĩa của vị trí địa lý đối với phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Nhìn chung câu hỏi ở mục này yêu cầu HS phải suy luận, vì vậy GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm để trả lời. Đồng thời GV cần làm rõ yêu cầu của các câu hỏi thông qua một vài gợi ý.
- Kết thúc hoạt động này, HS phải trình bày kết quả và thảo luận với cả lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm là báo cáo kết quả làm việc của các cặp hoặc nhóm với các nội dung về vị trí địa lí và vai trò của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế – xã hội của vùng. GV lưu ý HS vùng Đông Nam Bộ có 1 huyện đảo là Côn Đảo thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng; những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Các câu hỏi ở phần này không khó, GV có thể cho HS làm việc cá nhân, yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp đọc thông tin để rút ra nhận xét.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– Điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế vùng Đông Nam Bộ:

| Điều kiện tự nhiên | Thế mạnh kinh tế |
|--|--|
| Địa hình, đất đai: địa hình khá bằng phẳng, đất badan phân bố ở các vùng đồi thấp, đất phù cỗ xám bạc màu phân bố ở các đồng bằng. | Phát triển cây công nghiệp quy mô lớn và phân bố các ngành kinh tế. |
| Khí hậu: cận xích đạo, thời tiết khá ổn định. | Phát triển cây công nghiệp. |
| Sông ngòi: mạng lưới sông ngòi dày đặc, tiềm năng lớn về thuỷ điện (tổng trữ năng của thuỷ điện 2,7 triệu KW). | Phát triển thuỷ điện, phát triển giao thông, cung cấp nước tưới cho cây công nghiệp. |

| | |
|--|---|
| Tài nguyên biển: vùng biển ấm, ngư trường rộng lớn, hải sản phong phú, gần đường hàng hải quốc tế. | Phát triển kinh tế biển: đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, khai thác khoáng sản, giao thông biển, du lịch biển,... |
| Khoáng sản: dầu khí ở thềm lục địa có trữ lượng lớn, dự báo khoảng 3 – 4 tỉ tấn dầu thô và khoảng 500 tỉ m ³ khí. | Khai thác chế biến dầu, sản xuất điện, xuất khẩu,... |

– *Khó khăn về tự nhiên.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

3. Tim hiểu đặc điểm dân cư, xã hội

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê.

* Phương thức hoạt động

– So sánh các tiêu chí trong bảng số liệu giữa vùng Đông Nam Bộ với cả nước. Từ kết quả so sánh, kết hợp với đọc thông tin, trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của vùng Đông Nam Bộ. GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đây là nhiệm vụ không khó, HS dựa vào thông tin và khai thác số liệu từ bảng số liệu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

– Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?

GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Ở mục này có câu hỏi yêu cầu HS phải suy luận để trả lời. Vì vậy, GV nên tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm. Với câu hỏi này, GV gợi ý HS huy động những kiến thức đã học về đặc điểm dân cư, xã hội để phân tích.

* Gợi ý sản phẩm

– *So sánh các tiêu chí:* Các tiêu chí quan trọng của Đông Nam Bộ đều cao hơn mức trung bình cả nước như: thu nhập bình quân đầu người, tỉ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ, tuổi thọ trung bình, mật độ dân số; các tiêu chí thấp hơn mức bình quân của cả nước là tỉ lệ tăng dân số tự nhiên và tỉ lệ hộ nghèo.

– *Đặc điểm dân cư – xã hội Đông Nam Bộ.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

– *Giải thích vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?*

+ Đông Nam Bộ là vùng giàu tiềm năng phát triển kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng tốt,...

+ Đông Nam Bộ là một trong những vùng phát triển kinh tế mạnh nhất nước ta. Sự phát triển kinh tế năng động, thu nhập bình quân đầu người cao,... là những vấn đề thu hút lao động từ các vùng khác tới.

+ Việc phát triển mạnh các ngành công nghiệp, dịch vụ cùng với hình thành nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất,... có ý nghĩa thu hút lao động cả nước.

+ Hiện nay, do sức ép của dân số thất nghiệp và thiếu việc làm mà lao động từ nhiều vùng đổ về Đông Nam Bộ để tìm kiếm cơ hội việc làm với hi vọng có thu nhập khá hơn, đời sống văn minh hơn.

4. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

a) Công nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm ngành công nghiệp của vùng: công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP, công nghiệp có cơ cấu đa dạng với nhiều ngành quan trọng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê và đọc lược đồ.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS phân tích bảng số liệu và đọc lược đồ, thông tin để trả lời các câu hỏi. HS làm việc cá nhân.

– GV tổ chức cho HS thảo luận chung cả lớp và đánh giá, chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Nhận xét tỉ trọng công nghiệp – xây dựng trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và cả nước:* Công nghiệp – xây dựng chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng (53,1% năm 2014), cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước (cả nước 36,9%). Đây là vùng có cơ cấu kinh tế tiến bộ nhất so với các vùng trong cả nước.

– Đặc điểm nổi bật về phát triển và phân bố công nghiệp:

+ Về phát triển: phát triển nhanh, quy mô giá trị lớn,..

+ Về phân bố: tập trung ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

b) Nông nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm nổi bật ngành nông nghiệp của vùng: chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng, là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước,...; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê và đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- HS vừa đọc thông tin vừa khai thác thông tin trên lược đồ để trả lời. HS có thể làm việc theo cặp đôi.
- GV gọi 1 cặp đôi lên báo cáo và thảo luận với cả lớp.
- GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- *Đặc điểm nổi bật ngành nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ:*
 - + Là vùng trọng điểm sản xuất cây công nghiệp xuất khẩu của cả nước.
 - + Phát triển cả cây công nghiệp lâu năm, hàng năm và cây ăn quả.
 - + Chăn nuôi khá phát triển; nuôi thuỷ sản nước ngọt, nước lợ, nước mặn đem lại hiệu quả cao.
 - + Do thiếu nước tưới vào mùa khô, nên vấn đề thủy lợi rất cần chú ý; phát triển nông nghiệp cần đi đôi với bảo vệ môi trường.
- *Kể tên một số cây công nghiệp và sự phân bố của chúng* (đọc lược đồ hình 3).
- *Xác định vùng trồng lúa, chăn nuôi lợn và gia cầm* (đọc lược đồ hình 3).

c) Dịch vụ

* Mục tiêu

Trình bày được vai trò và sự phát triển dịch vụ của vùng; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê và đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV có thể tổ chức cho HS hoạt động nhóm và hướng dẫn HS, quan sát lược đồ, đọc thông tin để trả lời các câu hỏi.
 - Đối với câu hỏi về vai trò ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ, HS vừa phân tích bảng số liệu và đọc thông tin trong hộp để trả lời. Ở hoạt động này, GV có thể đổi vị trí câu 2 *nhận xét một số tiêu chí dịch vụ của Đông Nam Bộ so với cả nước* lên trước. Đối với câu *trình bày đặc điểm nổi bật của ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ*, GV có thể hướng dẫn HS theo cấu trúc: vai trò trong GDP; về giao thông vận tải; về xuất nhập khẩu; về du lịch; về thu hút đầu tư nước ngoài.
 - GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả, thảo luận và đánh giá, chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– Nhận xét một số chỉ tiêu dịch vụ của Đông Nam Bộ so với cả nước: các chỉ tiêu dịch vụ của Đông Nam Bộ chiếm tỉ trọng cao so với cả nước. Tổng mức bán lẻ hàng hoá của vùng đã chiếm 1/3 tổng mức bán lẻ hàng hoá của cả nước, số lượt hành khách vận chuyển đang tăng tỉ trọng và chiếm gần 1/3 số lượt hành khách vận chuyển của cả nước; tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển của vùng cũng chiếm 18,2% cả nước.

– Vai trò ngành dịch vụ: đóng góp lớn vào GDP vùng, góp phần giải quyết nhiều vấn đề xã hội trong vùng: việc làm, tăng thu nhập,... phát triển khá đa dạng (dẫn chứng).

– Đặc điểm nổi bật của ngành dịch vụ: cơ cấu đa dạng, giá trị lớn,...

5. Tìm hiểu các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

* Mục tiêu

– Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn và chức năng kinh tế chủ yếu của các trung tâm.

– Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

– Rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê và đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời câu hỏi 1.

– Đối với câu hỏi 2, GV hướng dẫn HS xử lý số liệu ở bảng 4: cả nước = 100%, tính tỉ trọng về diện tích, số dân và GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam so với cả nước; Bốn vùng kinh tế trọng điểm = 100%, tính tỉ trọng về diện tích, số dân và GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam so với bốn vùng. So sánh GDP/người của vùng với cả nước và 4 vùng kinh tế trọng điểm.

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả, thảo luận và đánh giá, chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– Kể tên các trung tâm kinh tế ở Đông Nam Bộ (xem lược đồ và đọc thông tin tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

– So sánh diện tích, số dân, GDP và GDP/người giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với 4 vùng kinh tế trọng điểm và cả nước: sau khi tính toán xong, so sánh các tiêu chí trong bảng giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với cả nước và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với 4 vùng kinh tế trọng điểm, từ đó rút ra nhận xét về vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa học được về tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế vùng Đông Nam Bộ; rèn luyện kỹ năng vẽ lược đồ và phân tích số liệu.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Câu 2 rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ cột chồng (dân số thành thị và nông thôn cho từng năm) HS có thể làm việc cá nhân. GV có thể gọi 1 HS lên bảng vẽ hoặc GV vẽ minh họa cho HS một năm.
- HS thực hiện trên lớp, nếu không đủ thời gian, HS có thể thực hiện ở nhà.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1. Vì sao Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn của cả nước?

– Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp: địa hình tương đối bằng phẳng, vùng đồi badan lượn sóng, đồng bằng bằng phẳng, liền kề, đất phù sa cổ xám bạc màu; khí hậu cận xích đạo thích hợp cho trồng cây công nghiệp nhiệt đới; vùng có hệ thống sông có ý nghĩa cung cấp nước tưới cho cây công nghiệp.

– Điều kiện thuận lợi về kinh tế – xã hội: dân cư, nguồn lao động dồi dào, lao động có kinh nghiệm trồng cây công nghiệp; đã xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật có trình độ nhất định; thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn; phát triển cây công nghiệp gắn với giải quyết việc làm, cải thiện đời sống người dân.

Câu 2.

- *Vẽ biểu đồ:* Yêu cầu chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.
- *Nhận xét:*
 - + Quy mô dân số, dân số nông thôn và dân số thành thị đều tăng (dẫn chứng).
 - + Tỉ trọng dân số có sự thay đổi (dẫn chứng).

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Giúp HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học trong bài để giải thích vì sao TP. Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

2. Phương thức hoạt động

- GV hướng dẫn HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học và sưu tầm thêm tư liệu để giải quyết nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm là bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu với các ý chính:

- Vị trí địa lí thuận lợi.
- Cơ sở vật chất – kĩ thuật, cơ sở hạ tầng tốt nhất cả nước.
- Đông dân, trình độ dân trí cao, thu hút lao động có kĩ thuật, tay nghề.
- Có nhiều cơ chế chính sách thông thoáng.
- Có khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài lớn,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin về 1 ngành kinh tế biển của Đông Nam Bộ. Qua đó, HS sẽ hiểu biết thêm về kinh tế biển của vùng Đông Nam Bộ.

2. Phương thức hoạt động

- GV hướng dẫn HS thu thập tư liệu, tài liệu, hình ảnh,... về ngành công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ và sắp xếp chúng theo tiến trình thời gian.
- HS thực hiện ở nhà.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 18. ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và tác động của chúng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và tác động của chúng đến sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng.

- Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế của vùng: vùng trọng điểm lương thực thực phẩm, đảm bảo an toàn lương thực cho cả nước và xuất khẩu nông sản lớn nhất. Công nghiệp dịch vụ bắt đầu phát triển.
- Nêu được tên các trung tâm kinh tế lớn.
- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long.
- Sử dụng bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế và số liệu thống kê để nhận xét đặc điểm tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của vùng.
- Có ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng) nối tiếp nhau theo một lôgic chặt chẽ. Mỗi hoạt động được thiết kế theo tiến trình của các phương pháp dạy học tích cực và phương pháp dạy học đặc thù của môn học (quan sát tranh ảnh, sử dụng lược đồ và biểu đồ), phù hợp với nội dung môn học nói chung và với nội dung bài học nói riêng.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là: Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở vị trí nào của Việt Nam? Đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội ảnh hưởng đến phát triển kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long như thế nào? Tình hình phát triển kinh tế của vùng?

Để giải quyết vấn đề trên, bài học có các nội dung như: vị trí địa lý và giới hạn của Đồng bằng sông Cửu Long; các tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn để phát triển kinh tế – xã hội, tình hình phát triển kinh tế của vùng. Qua bài học này, HS có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải thích vai trò của rừng ngập mặn ở vùng; HS cũng có thể tìm hiểu thêm được một số vấn đề gần gũi với các kiến thức mới đã học trong bài như tìm hiểu về chợ nổi ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học để tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS, làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Huy động kiến thức thực tiễn của HS, để từ đó HS có thể đưa ra được những hiểu biết về phong cảnh đẹp, hoặc truyền thống văn hoá, thương mại, ẩm thực ở Đồng bằng sông Cửu Long. Qua đó, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Tuỳ theo đặc điểm lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi. HS viết ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi ra giấy nháp.

3. Gợi ý sản phẩm

- Các bản viết nháp của HS, trong đó ghi các ý kiến của cá nhân hoặc cặp đôi về những nội dung đã tìm hiểu.
- GV lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS, yêu cầu HS trình bày, sau đó kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

*** Mục tiêu**

Xác định được vị trí, giới hạn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và nêu ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân để trả lời. Đồng thời GV cần làm rõ yêu cầu của các câu hỏi thông qua một vài gợi ý đối với HS.
- HS báo cáo kết quả thảo luận; GV đánh giá, chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

- *Vị trí địa lí vùng Đồng bằng sông Cửu Long* (GV lưu ý với HS về tên của vùng: Cửu Long là đoạn cuối của sông Mê Công chảy trên lãnh thổ Việt Nam theo hai dòng lớn là sông Tiền và sông Hậu, đổ ra biển Đông qua 9 cửa. Do đó, người dân ở đây gọi là Cửu Long, tức là sông của chín con rồng. Trên bản đồ Việt Nam tuy không có sông Cửu Long mà chỉ thấy tên hai dòng chảy gọi là sông Tiền và sông Hậu được ước lệ là sông Cửu Long như đã nêu trên).

– Ý nghĩa của vị trí địa lí:

- + Đồng bằng sông Cửu Long có bờ biển dài trên 700 km, khoảng 360 nghìn km² vùng đắc quyền kinh tế, giáp Biển Đông và vịnh Thái Lan, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế biển.
- + Nằm giữa một vùng kinh tế năng động và phát triển, liền kề với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một vùng phát triển kinh tế năng động nhất cả nước, bên cạnh các nước Đông Nam Á, là những thị trường và đối tác đầu tư quan trọng.

+ Năm trong khu vực có đường giao thông hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng giữa Nam Á và Đông Á, giữa châu Úc và các quần đảo khác trong Thái Bình Dương. Vị trí này hết sức quan trọng cho giao lưu quốc tế.

+ Giáp Tây Nguyên, Đông Nam Bộ là những vùng có nguồn tài nguyên khoáng sản, rừng phong phú, có nguồn dầu khí, điện lớn.

2. Khám phá điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng; những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội; rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Các câu hỏi ở phần này không khó, GV có thể cho HS làm việc cặp đôi, yêu cầu HS quan sát lược đồ, kết hợp đọc thông tin để rút ra nhận xét.
- HS báo cáo kết quả thảo luận; GV đánh giá, chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- Điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

| Điều kiện tự nhiên | Thế mạnh kinh tế |
|--|--|
| Địa hình, đất đai: địa hình thấp và bằng phẳng; diện tích gần 4 triệu ha, trong đó đất phù sa ngọt 1,2 triệu ha, đất phèn, đất mặn 2,5 triệu ha. | Thuận lợi cho sản xuất lương thực với quy mô lớn. |
| Khí hậu: nóng ẩm, lượng mưa dồi dào, thời tiết, khí hậu tương đối ổn định. | Thuận lợi phát triển nông nghiệp, năng suất cao, có thể sản xuất được 3 vụ mỗi năm. |
| Nước: có hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt, vùng nước mặn, nước lợ, cửa sông, ven biển rộng lớn. | Cung cấp phù sa cho đồng ruộng, cung cấp nước tưới để cải tạo đất phèn, đất mặn, là địa bàn đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản, phát triển giao thông đường sông. |
| Rừng: rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau chiếm diện tích lớn nhất nước ta, trong rừng giàu nguồn lợi động thực vật. | Bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển nuôi trồng thuỷ sản. |
| Biển và hải đảo: nguồn cá tôm và hải sản quý phong phú; biển ấm quanh năm, ngư trường rộng lớn, nhiều đảo và quần đảo. | Thuận lợi cho khai thác, nuôi trồng thuỷ sản, du lịch biển,... |

- Khó khăn về tự nhiên. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

3. Tìm hiểu đặc điểm dân cư, xã hội

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của vùng; rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu thống kê.

*** Phương thức hoạt động**

– So sánh các tiêu chí trong bảng số liệu giữa vùng Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước. Từ kết quả so sánh, kết hợp với đọc thông tin, trình bày đặc điểm dân cư và xã hội của vùng.

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. HS dựa vào thông tin và khai thác số liệu từ bảng số liệu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai có thể hoàn thành được nhiệm vụ.

– HS báo cáo kết quả thảo luận; GV đánh giá, chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

– So sánh các tiêu chí về dân cư và xã hội giữa vùng Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai nêu tên các tiêu chí cao hơn và thấp hơn mức trung bình cả nước).

– *Đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội ở Đồng bằng sông Cửu Long.*

+ Dân cư:

- Vùng đông dân, chiếm 19,2% dân số cả nước, chỉ sau Đồng bằng sông Hồng; mật độ dân số cao gấp 1,6 lần so với mật độ dân số cả nước.

- Tỉ lệ già tăng dân số thấp hơn mức trung bình của cả nước; tuổi thọ trung bình 74,6 tuổi, cao hơn tuổi thọ trung bình của cả nước.

- Là địa bàn cư trú của nhiều thành phần dân tộc: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,...; vùng có tốc độ đô thị hóa chậm, năm 2014, tỉ lệ dân thành thị mới chỉ chiếm 24,9% dân số toàn vùng (cả nước 33,1%).

+ Xã hội: Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ hộ nghèo là 7,9%; thu nhập bình quân đầu người là 2327 nghìn đồng/người/tháng, thấp hơn mức trung bình của cả nước (cả nước 2637 nghìn đồng/người/tháng); mật bằng dân trí của vùng chưa cao, tỉ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ đạt 92,6% (cả nước là 94,7%) năm 2014.

4. Tìm hiểu tình hình phát triển kinh tế

a) Nông nghiệp

*** Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm phát triển nông nghiệp của vùng: là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời là vùng xuất khẩu nông sản hàng đầu của cả nước; rèn luyện kĩ năng phân tích số liệu thống kê và lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS tính tỉ trọng diện tích lúa, sản lượng lúa và sản lượng thuỷ sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước (cả nước = 100%) và nhận xét. Từ nhận xét đó, kết hợp với đọc thông tin, HS trả lời câu hỏi: Trình bày những thành tựu nổi bật trong sản xuất lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long.

– Với câu hỏi *vai trò của nghề trồng rừng*, GV hướng dẫn HS đọc tài liệu HDH KHXH 9, tập hai để trả lời.

– HS báo cáo kết quả thảo luận; GV đánh giá, chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– *Tính tỉ lệ (%) diện tích lúa, sản lượng lúa và sản lượng thuỷ sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước và nhận xét*: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm của nước ta. Đồng bằng sông Cửu Long chiếm 54,4% diện tích trồng lúa; 56,1% sản lượng lúa và 57,2% sản lượng thuỷ sản của cả nước (năm 2014). Ý nghĩa của việc sản xuất lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long: phát huy thế mạnh của vùng, đảm bảo an ninh lương thực cho vùng và cả nước, tạo ra mặt hàng xuất khẩu chủ lực, giải quyết việc làm, tăng thu nhập,...

– *Vai trò của nghề rừng*. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

b) Công nghiệp

* Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm phát triển ngành công nghiệp của vùng: bắt đầu phát triển mạnh; các ngành chủ yếu là công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng, điện, hoá chất,...; rèn luyện kỹ năng phân tích số liệu thống kê và lược đồ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời các câu hỏi. GV gợi ý cho HS nhớ lại phần sản xuất nông nghiệp để giải thích tại sao công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm lại chiếm tỉ trọng cao.
- HS báo cáo kết quả, thảo luận; GV đánh giá, chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

– *Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

– Xác định các trung tâm công nghiệp với các ngành sản xuất chính của vùng: HS xem lược đồ, nêu tên các trung tâm công nghiệp với các ngành sản xuất chính (Cần Thơ, Cà Mau, Mỹ Tho, Tân An, Sóc Trăng, Long Xuyên, Hà Tiên, Rạch Giá).

– Ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP của các ngành công nghiệp: do đây là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất, là nguồn nguyên liệu dồi dào cho công nghiệp chế biến; nông sản qua chế biến sẽ được bảo quản, lưu kho dài hơn, khả năng xuất khẩu lớn hơn, tăng giá trị nông sản.

c) **Dịch vụ**

* **Mục tiêu**

Trình bày được đặc điểm phát triển một số ngành dịch vụ quan trọng của vùng: xuất, nhập khẩu, vận tải thuỷ, du lịch,...

* **Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS đọc thông tin để trả lời câu hỏi.
- HS báo cáo kết quả, thảo luận; GV đánh giá, chốt kiến thức.

* **Gợi ý sản phẩm**

- *Kể tên các ngành dịch vụ chủ yếu.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).
- *Vai trò của ngành dịch vụ trong cơ cấu GDP của vùng:* góp phần khai thác tốt hơn các tiềm năng và lợi thế của vùng; thúc đẩy các ngành sản xuất khác phát triển,...
- *Hạn chế cần khắc phục trong phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long:* chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh còn hạn chế,...

5. **Tìm hiểu các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

* **Mục tiêu**

- Nêu tên các trung tâm kinh tế của vùng.
- Nhận biết vị trí, giới hạn và vai trò của vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

– Rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.

* **Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và hướng dẫn HS, quan sát lược đồ, đọc thông tin để xác định các trung tâm kinh tế của vùng; xác định các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

– HS báo cáo kết quả, thảo luận; GV đánh giá, chốt kiến thức.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Kể tên các trung tâm kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

– *Nêu tên các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.* (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

– *Đặc điểm nổi bật về kinh tế – xã hội ở vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long:*

+ Là vùng mới được thành lập.

+ Có thế mạnh về sản xuất lúa gạo; đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản.

+ Công nghiệp bước đầu phát triển.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức vừa học được về tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời giúp HS phân tích được mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế. Rèn luyện kĩ năng xử lí số liệu và vẽ biểu đồ.

2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– Câu 2. GV hướng dẫn HS tính tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước (lấy cả nước = 100%). Vẽ 3 hình tròn.

– Trên cơ sở tính toán, so sánh tỉ trọng của hai đồng bằng với cả nước xem chiếm bao nhiêu %.

– Dựa vào điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội để giải thích nguyên nhân.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1. Ý nghĩa của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long?

– Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích đất phèn, đất mặn lớn: 2,5 triệu ha, chiếm 62% diện tích của vùng.

– Việc cải tạo đất mặn, đất phèn góp phần đưa thêm diện tích đất vào sử dụng, tăng diện tích đất canh tác.

- Việc đẩy mạnh cải tạo đất phèn, đất mặn để nuôi thuỷ sản làm cho vị trí của vùng trong sản xuất thuỷ sản của cả nước được nâng cao.

Câu 2.

- *Xử lí số liệu:*

Cơ cấu sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi và tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng so với cả nước, năm 2014

(Đơn vị: %)

| Sản lượng | Cá biển khai thác | Cá nuôi | Tôm nuôi |
|-------------------------|-------------------|---------|----------|
| Đồng bằng sông Cửu Long | 37,3 | 71,6 | 80,2 |
| Đồng bằng sông Hồng | 5,0 | 15,2 | 1,8 |
| Cả nước | 100,0 | 100,0 | 100,0 |

- *Vẽ biểu đồ:* Yêu cầu chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.
- *So sánh:* Tỉ trọng sản lượng cá biển khai thác, cá nuôi, tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long đều lớn hơn nhiều so với Đồng bằng sông Hồng.
- *Giải thích nguyên nhân:*
 - + Hai đồng bằng có diện tích mặt nước lớn, đặc biệt là Đồng bằng sông Cửu Long.
 - + Người dân có kinh nghiệm nuôi trồng thuỷ sản; vùng đã xây dựng được các cơ sở chế biến sản phẩm, chế biến thức ăn cho tôm cá và quy hoạch các khu vực nuôi tôm cá.
 - + Thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn (EU, Nhật Bản, Bắc Mĩ).
 - + Nuôi tôm, cá đem lại thu nhập lớn, giải quyết việc làm cho lao động.

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS mở rộng kiến thức của nội dung bài học bằng cách thu thập các thông tin du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long và viết thành bài hướng dẫn khách du lịch, hoặc tìm hiểu về một chợ nổi của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Qua đó, HS sẽ hiểu biết thêm về đặc điểm thiên nhiên, con người ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phương thức hoạt động

- GV hướng dẫn HS nội dung cần tìm hiểu.
- Sau khi HS thu thập tư liệu ở nhà, GV có thể cho HS trao đổi sản phẩm hoặc treo sản phẩm vào góc học tập để các bạn cùng đọc và tham khảo.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể là các bài viết, tư liệu, tranh ảnh hoặc video clip về các nội dung đã tìm hiểu.

BÀI 19. PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ BIỂN VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN ĐẢO

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển nước ta; kể tên, xác định được vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào Nam trên bản đồ.
- Trình bày được các hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng.
- Trình bày được nguyên nhân dẫn tới sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển đảo ở nước ta; một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển, đảo.
- Phân tích bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế của các đảo, quần đảo của Việt Nam, tình hình phát triển của ngành dầu khí.
- Có ý thức bảo vệ chủ quyền biển – đảo nước ta; ý thức bảo vệ môi trường biển – đảo.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học gồm 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng) nối tiếp nhau theo một lôgic chặt chẽ. Mỗi hoạt động được thiết kế theo tiến trình của các phương pháp dạy học tích cực và phương pháp dạy học đặc thù của môn học (quan sát tranh ảnh, sử dụng lược đồ và biểu đồ), phù hợp với nội dung môn học nói chung và với nội dung bài học nói riêng.

Vấn đề HS cần phải tìm hiểu và giải quyết trong bài là: Phần chủ quyền biển đảo nước ta? Vấn đề phát triển tổng hợp và phát triển bền vững kinh tế biển?

Để giải quyết vấn đề trên, bài học có các nội dung như: biển đảo nước ta; các ngành kinh tế biển, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đảo. HS có thể vận dụng kiến thức đã học để giải thích sự khác biệt về kinh tế biển của nước ta với một số nước trong khu vực. HS cũng có thể tìm hiểu thêm được một số vấn đề gần gũi với các kiến thức mới đã học trong bài như: tìm hiểu về những hoạt động kinh tế biển đem lại nguồn lợi nhuận cao ít ảnh hưởng đến môi trường.

Khi dạy bài này, GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, đặc biệt là các phương pháp dạy học đặc thù của bộ môn như sử dụng lược đồ, tranh ảnh. GV cần tổ chức các hoạt động học tập cho phù hợp với đối tượng HS và điều kiện dạy học (lớp học, phương tiện dạy học...), làm sao HS được hoạt động, tương tác, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm thực hiện được mục tiêu và nội dung của bài học.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Gợi lại những kiến thức đã có về kinh tế biển, đảo nước ta huy động kỹ năng sử dụng lược đồ của HS, giúp HS kết nối kiến thức đã có với kiến thức của bài học mới.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV có thể tổ chức trò chơi ai nhanh hơn (dựa vào câu hỏi gợi ý để đặt các câu hỏi nhỏ hơn). GV có thể chia lớp thành hai đội lớn để chơi trò chơi tiếp sức (từng thành viên trong đội lần lượt ghi một từ lên bảng đến khi hết thời gian quy định).

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể rất khác nhau, nhưng nó giúp HS có những ý niệm ban đầu về vấn đề sắp được tìm hiểu trong bài học. Từ đó, GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về biển và đảo Việt Nam

*** Mục tiêu**

Xác định được vị trí, phạm vi vùng biển nước ta; kể tên, xác định được vị trí một số đảo và quần đảo lớn từ Bắc vào Nam trên bản đồ.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Yêu cầu của nhiệm vụ không khó, HS chỉ cần đọc và khai thác thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai có thể hoàn thành được nhiệm vụ.
- HS thảo luận và báo cáo kết quả tìm hiểu được; GV đánh giá và chốt kiến thức.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Vị trí, phạm vi vùng biển nước ta. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).
- Số lượng và vị trí của các đảo (tổng số đảo và quần đảo, các đảo, quần đảo có diện tích lớn, đông dân, xa bờ). (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

2. Tìm hiểu tình hình phát triển tổng hợp kinh tế biển

* Mục tiêu

- Trình bày được các hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển.
- Phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng.
- Phân tích lược đồ, sơ đồ, số liệu thống kê để nhận biết tiềm năng kinh tế của các đảo.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Nếu có điều kiện GV hỗ trợ thêm cho HS phần kinh hình; gợi ý HS liên hệ với các nội dung đã học để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV phân tích thêm cho HS về hai khái niệm thường gặp khi tìm hiểu về kinh tế biển: Phát triển tổng hợp là sự phát triển nhiều ngành, giữa các ngành có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ nhau để cùng phát triển và sự phát triển của một ngành không được kìm hãm hoặc gây thiệt hại cho các ngành khác.
- HS thảo luận, báo cáo kết quả tìm hiểu; GV đánh giá, chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- Các hoạt động khai thác tài nguyên biển đảo và các ngành kinh tế biển

| Ngành kinh tế biển | Tiềm năng để phát triển | Hiện trạng phát triển |
|---|---|--|
| Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản | <ul style="list-style-type: none">– Vùng biển nước ta giàu có: hơn 2000 loài cá, trong đó khoảng 110 loài có giá trị kinh tế (cá nục, cá trích, cá thu, cá ngừ, cá hồng,...); 100 loài tôm (có giá trị xuất khẩu cao: tôm he, tôm hùm, tôm rồng).– Ven bờ có nhiều vũng, vịnh, đầm phá, cửa sông, vùng rừng ngập mặn,... thuận lợi cho nuôi trồng hải sản. | <ul style="list-style-type: none">– Sản lượng khai thác (dẫn chứng).– Công suất đội tàu, số tàu khai thác thuỷ sản biển có công suất từ 90 CV trở lên tăng. |

| Ngành kinh tế biển | Tiềm năng để phát triển | Hiện trạng phát triển |
|---|--|--|
| Du lịch biển – đảo | <ul style="list-style-type: none"> – Dọc bờ biển có 120 bãi cát rộng, dài, đẹp. – Nhiều đảo ven bờ có phong cảnh kì thú. – Có vịnh Hạ Long là Di sản thiên nhiên thế giới. | <ul style="list-style-type: none"> – Một số trung tâm du lịch đang phát triển nhanh (dẫn chứng). – Chủ yếu khai thác hoạt động tắm biển (kể tên các bãi tắm) |
| Khai thác và chế biến khoáng sản biển | <ul style="list-style-type: none"> – Các mỏ dầu khí có trữ lượng lớn, nhất là ở thềm lục địa phía Nam. – Biển mặn, nhiều nắng, thuận lợi cho nghề làm muối, đặc biệt ở ven biển Nam Trung Bộ. – Có titan ở các bãi cát dọc bờ biển, cát chế biến thuỷ tinh (Vân Hải, Cam Ranh). | <ul style="list-style-type: none"> – Nghề làm muối phát triển lâu đời, nổi tiếng ở ven biển Nam Trung Bộ (Sa Huỳnh, Cà Ná). – Khai thác titan xuất khẩu từ các bãi cát dọc bờ biển, khai thác cát chế biến thuỷ tinh. – Khai thác và chế biến dầu khí. + Sản lượng dầu khí ổn định. + Công nghiệp hoá dầu hình thành từ năm 2010. + Chế biến khí phục vụ cho phát điện, sản xuất phân đạm. |
| Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển | <ul style="list-style-type: none"> – Gần nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng. – Ven biển có nhiều vũng, vịnh, cửa sông có thể xây dựng cảng. | <ul style="list-style-type: none"> – Có tổng cộng 44 cảng biển các loại, với khoảng 219 cảng biển. – Đội tàu biển quốc gia được tăng cường mạnh mẽ, công suất cảng biển tăng mạnh. – Cả nước hình thành ba cụm cơ khí đóng tàu lớn ở Bắc Bộ, Nam Bộ, Trung Bộ. – Dịch vụ hàng hải phát triển toàn diện. |

3. Tìm hiểu vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường biển – đảo

* Mục tiêu

Trình bày được nguyên nhân dẫn tới sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển – đảo ở nước ta; một số phương hướng bảo vệ tài nguyên và môi trường biển – đảo.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- GV có thể cho HS sưu tầm tư liệu ở nhà để bổ sung cho các thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- HS thảo luận, báo cáo kết quả tìm hiểu; GV đánh giá và chốt kiến thức.

* Gợi ý sản phẩm

- Một số nguyên nhân dẫn tới sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển:
 - + Nguyên nhân làm giảm sút tài nguyên: khai thác bùn bãi, vô tổ chức và dùng các phương thức có tính huỷ diệt (nổ mìn, rà điện,...); quá nhiều lao động và phương tiện đánh bắt nhỏ, thủ công tập trung dày đặc ở vùng biển ven bờ.
 - + Nguyên nhân ô nhiễm môi trường: Các chất độc hại từ trên bờ theo nước sông đổ ra biển, xả nước thải của các nhà máy ven biển, các hoạt động giao thông trên biển và khai thác dầu khí được tăng cường, việc vận chuyển dầu khí và các sự cố đắm tàu, thủng tàu, tràn dầu, việc rửa tàu.
- Kết quả:
 - + Nguồn lợi sinh vật bị suy giảm.
 - + Ảnh hưởng đến đời sống con người, hoạt động du lịch biển.
- Phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển. (Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Củng cố và khắc sâu lại kiến thức đã học về một số ngành kinh tế biển. Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ, phân tích số liệu thống kê, đọc lược đồ.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS lần lượt thực hiện từng nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS có thể trao đổi, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ.
 - Hết một nhiệm vụ sẽ yêu cầu HS báo cáo để bổ sung và chỉnh sửa sản phẩm.
 - GV định hướng cho HS cách vẽ biểu đồ (vẽ cột ghép hoặc 3 đường biểu diễn) và cách phân tích biểu đồ hoặc bảng số liệu để rút ra những kết luận cần thiết như:

- + Phân tích diễn biến của cả 3 đối tượng.
- + Diễn biến của từng đối tượng qua các năm.

3. Gợi ý sản phẩm

Câu 1.

- *Vẽ biểu đồ*: Yêu cầu chính xác, đẹp, có tên và chú giải biểu đồ.
- *Nhận xét*: Sản lượng dầu thô khai thác, dầu thô xuất khẩu, xăng dầu nhập khẩu của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014 có biến động. Trong đó:
 - + Sản lượng dầu thô khai thác: có biến động nhiều nhất.
 - + Sản lượng dầu thô xuất khẩu: có xu hướng giảm.
 - + Sản lượng xăng dầu nhập khẩu: biến động ít hơn.

Câu 2. Ý nghĩa của phát triển tổng hợp kinh tế biển:

- Khai thác có hiệu quả tài nguyên biển, đảo.
- Góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo,...

Câu 3. Xác định một số cảng biển và bến tắm (Căn cứ vào kí hiệu trong bảng chú giải)

- Cảng biển (kể tên).
- Bến tắm (kể tên).

D-E. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Mục tiêu

Giúp HS biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn của cuộc sống; tăng cường năng lực tìm kiếm và xử lý thông tin.

2. Phương thức hoạt động

- GV hướng dẫn HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ để tìm hiểu.
- GV hướng dẫn HS về nhà tra cứu, tìm hiểu thông tin, kết hợp trao đổi với người thân để tích luỹ các tư liệu và sắp xếp lại thành các chủ đề, chủ điểm hay tiến trình thời gian.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm của HS rất khác nhau, tuỳ theo vấn đề HS chọn, GV khuyến khích HS thực hiện và trao đổi sản phẩm với nhau.

BÀI 20. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Nhận biết được vị trí địa lí của tỉnh (thành phố) trên bản đồ; nêu ý nghĩa của nó đối với phát triển kinh tế – xã hội.
- Nêu được giới hạn, diện tích của tỉnh (thành phố); các đơn vị hành chính và trung tâm kinh tế chính trị của tỉnh (thành phố).
- Trình bày được đặc điểm địa hình, khí hậu, thuỷ văn, đất, thực vật, khoáng sản của tỉnh (thành phố). Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh (thành phố).
- Trình bày được đặc điểm dân cư: số dân, sự gia tăng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của dân cư và lao động trong việc phát triển kinh tế – xã hội.
- Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương.
- Có khả năng thực hiện những nghiên cứu nhỏ (đề xuất ý tưởng, tìm kiếm, xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau và viết báo cáo).
- Có năng lực làm việc nhóm và cá nhân thông qua việc xây dựng dự án địa lí địa phương.
- Có tình yêu quê hương, đất nước và tự hào truyền thống địa phương.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được tổ chức theo hình thức dạy học dự án. Tuỳ tình hình nguồn tài liệu của địa phương, khả năng của HS mà GV có thể điều chỉnh hình thức dạy học cho phù hợp; GV có thể chia thành từng mục như dạy địa lí các vùng kinh tế, sử dụng các phương pháp như nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác, sử dụng các phương pháp trực quan (bản đồ, biểu đồ, phân tích tranh ảnh,...) nhằm giúp HS có những kiến thức cơ bản về địa lí địa phương (tỉnh, thành phố theo mục tiêu bài học). Khi điều chỉnh hình thức dạy học, GV cần sử dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật dạy học và các hình thức tổ chức hoạt động học tập.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Gợi lại những kiến thức đã có về đặc điểm địa lí của địa phương tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với học bài mới.

2. Phương thức hoạt động

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi ra giấy những hiểu biết của mình theo yêu cầu của câu hỏi trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– Gọi vài HS báo cáo kết quả trước lớp; GV có thể đặt câu hỏi, tại sao em lại cho rằng đó là điểm nổi bật của tỉnh (thành phố) nơi em đang sống. Lúc này sẽ tạo điều kiện để HS phát huy kĩ năng tư duy phán đoán, suy luận.

3. Gợi ý sản phẩm

Sản phẩm có thể rất khác nhau, nhưng nó giúp HS có những ý niệm ban đầu về vấn đề sắp được tìm hiểu trong bài học. Từ đó, GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Xác định nội dung cần tìm hiểu và chia nhóm

*** Mục tiêu**

- Giúp HS định hướng được các nội dung cần trình bày khi học chủ đề địa lí địa phương.
- Chia nhóm HS hợp lí về sở thích, số lượng, cân đối nam nữ,...

*** Phương thức hoạt động**

– GV phổ biến nội dung chung và hình thức học tập chủ đề, hướng dẫn hội đồng tự quản chia nhóm đảm bảo các tiêu chí GV đề ra.

– Trước khi triển khai dạy học dự án, GV cần nghiên cứu nguồn tư liệu về địa lí địa phương để chỉ dẫn cho HS.

– Sau khi cho HS đọc và nhận biết mục tiêu, nội dung của chủ đề, GV cho HS lựa chọn 1 trong 3 nội dung để tìm hiểu. Những em có cùng ý tưởng về nội dung được tập hợp trong một nhóm. Nên chia lớp thành 3 nhóm có số HS bằng nhau. Nếu có sự chênh lệch, GV nên tư vấn để HS điều chỉnh nhóm. Hoạt động chia nhóm nên giao cho Hội đồng tự quản của lớp thực hiện, song GV yêu cầu HS giải quyết nhanh. Nếu số HS trong lớp quá đông (trên 40 HS), GV nên yêu cầu HS chia thành 6 nhóm để hai nhóm cùng thực hiện đồng thời 1 nội dung. Cách tổ chức này cũng có ưu việt, HS có nhóm cùng nhiệm vụ sẽ thi đua nhau thực hiện tốt nhiệm vụ và từng thành viên trong mỗi nhóm có nhiệm vụ rõ ràng để thực hiện, HS không ỉ vào bạn.

*** Gợi ý sản phẩm**

Có biên bản phân chia nhóm và phân chia nội dung học tập cho từng nhóm.

2. Xây dựng kế hoạch làm việc, các nhóm thực hiện kế hoạch và viết báo cáo

*** Mục tiêu**

Như tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

* Phương thức hoạt động

– Tài liệu đã trình bày khá kĩ nội dung chi tiết HS cần tìm hiểu. Tuy nhiên, có thể HS chưa hiểu ý tưởng của bảng gợi ý. GV nên hướng dẫn HS phân công các bạn trong nhóm thực hiện các công việc cụ thể; gợi ý từng loại thông tin nên tìm ở đâu và cách thu thập thông tin. Ví dụ, về vị trí địa lí, phân công cho bạn A và B, đề nghị các em nghiên cứu tư liệu trên thư viện hoặc do GV cung cấp kết hợp với về hỏi ông/bà, cha/mẹ; từ cha/mẹ, có thể hỏi tiếp ai trong địa phương biết vấn đề này; các em cần ghi chép lại kết quả tìm hiểu.

– Các tiết theo thời khoá biểu, GV chia thời gian gấp gỡ từng nhóm, tư vấn và giải đáp thắc mắc.

* Lưu ý:

– Đối với hình thức dạy học dự án, tuỳ theo nguồn tài liệu hiện có của địa phương:

+ GV có thể hỗ trợ HS phần kinh hình (bản đồ tự nhiên, dân cư, kinh tế chung của tỉnh (thành phố) – in khổ lớn (nếu có).

+ GV hỗ trợ HS khâu hoàn thiện sản phẩm nhóm bằng các gợi ý cụ thể, có thể điều chỉnh hoặc bổ sung yêu cầu cho HS như:

- Vị trí địa lí: nằm ở vùng nào? Giáp với các tỉnh, thành phố nào? Có biên giới với nước nào? Vị trí địa lí như vậy có ý nghĩa gì trong việc phát triển kinh tế – xã hội? Diện tích của tỉnh (thành phố) so với các địa phương khác trong cả nước lớn, hay nhỏ?

- Địa hình: ảnh hưởng của địa hình tới khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực vật; tác động của địa hình tới việc lập kế hoạch sản xuất, xây dựng, thiết kế các công trình thuỷ lợi, giao thông, cũng như việc bảo vệ và sử dụng đất đai.

- Khí hậu: phân tích vai trò của khí hậu tới đặc điểm của các thành phần tự nhiên khác, đặc biệt là sông ngòi và thực vật.

- Thuỷ văn: dựa vào bản đồ để mô tả hệ thống sông ngòi của địa phương (nơi bắt nguồn, nơi chảy qua, hướng chảy, chiều dài, các phụ lưu, chi lưu,...).

- Thổ nhưỡng: phân tích cơ cấu sử dụng đất của địa phương (qua biểu đồ là tốt nhất), từ đó đề ra hướng khai thác và bảo vệ đất.

- Động, thực vật: đánh giá tiềm năng, triển vọng, hướng sử dụng và bảo vệ rừng, bảo vệ những động vật quý hiếm.

- Khoáng sản: định hướng nhóm nêu được minh chứng tiềm năng khoáng sản là một động lực, một thế mạnh của địa phương, góp phần thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế – xã hội nhưng không mang ý nghĩa quyết định.

- Dân cư: việc nghiên cứu các nội dung theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai nhằm giải quyết 2 yêu cầu lớn; một là thấy rõ sự phát triển và phân bố dân cư, lao động của địa phương để có kế hoạch điều chỉnh; hai là sử dụng sức lao động và giải quyết vấn đề lao động của địa phương.

- Kinh tế: về đặc điểm chung của nền kinh tế địa phương, GV có thể yêu cầu HS trình bày về cơ cấu nền kinh tế (tương quan giữa các ngành, sự chuyển biến về cơ cấu, các ngành trọng điểm,...); sự phân bố hợp lý hay chưa hợp lý. Thứ tự trình bày các ngành kinh tế tuỳ thuộc vào vai trò của ngành trong nền kinh tế địa phương. Mức độ chi tiết trong khi trình bày từng ngành cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng trước hết là vào vai trò của ngành ở địa phương.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Kế hoạch tìm hiểu địa lý địa phương theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai hoặc có thể triển khai như sau:*

| TT | Thời gian | Công việc | Sản phẩm | Trách nhiệm |
|----|---------------|---|---|---|
| 1 | Tuần thứ nhất | <ul style="list-style-type: none"> HS chọn nội dung. Tạo nhóm. Phân công việc cho thành viên. Thành viên nhận biết nhiệm vụ, cách làm. Thành viên thực hiện nhiệm vụ (chủ yếu thu thập thông tin). | <ul style="list-style-type: none"> Đăng ký chọn nội dung của HS. Lớp có 3/6 nhóm. Danh sách từng nhóm. Thành viên chấp nhận nhiệm vụ (xem thêm phụ lục dưới đây). Báo cáo cá nhân theo nhiệm vụ được phân công. Các ghi chép thô từ tìm hiểu thực tế. | <ul style="list-style-type: none"> GV và Ban tự quản lớp. Nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm. |
| 2 | Tuần thứ hai | <ul style="list-style-type: none"> Thành viên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> Thu thập thông tin. Xử lý thông tin. Thu thập hiện vật. | <ul style="list-style-type: none"> Tổng hợp các ghi chép thô. Trao đổi, xử lý thông tin trong nhóm. Báo cáo tổng hợp kết quả của các thành viên. | Nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm. |

| | | | | |
|---|----------------|---|---|---|
| 3 | Tuần thứ ba | <ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra lại kết quả, so sánh với nhiệm vụ được giao. – Hoàn tất sản phẩm (báo cáo viết, vẽ; hiện vật). – Chuẩn bị sản phẩm để trình bày trước lớp. | <ul style="list-style-type: none"> – Báo cáo nhóm: bài viết, ảnh chụp (nếu có), tranh vẽ, bài trình bày trên powerpoint (nếu có). – Hiện vật. | Nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm. |
| 4 | Ngày trình bày | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày sản phẩm trên vị trí được bố trí. – Đại diện nhóm báo cáo, nhóm bạn bình luận. | <ul style="list-style-type: none"> – Các thành viên nhóm khác ghi chép, bổ sung nội dung của nhóm bạn trong vở ghi của cá nhân. – Sản phẩm của nhóm (trình bày đủ nội dung, đẹp, hấp dẫn, hình thức phong phú). – Bài ghi đầy đủ 3 nội dung tìm hiểu về quê hương của mỗi cá nhân. | GV và Ban tự quản, các nhóm trưởng. |

– *Gợi ý khác về bảng phân công nhiệm vụ của thành viên trong nhóm*

(Ví dụ nhóm được phân công nội dung 1)

| Thành viên | Công việc | Ghi chú |
|-------------|--|---|
| Nhóm trưởng | <ul style="list-style-type: none"> – Điều hành nhóm. – Tìm hiểu vị trí và lãnh thổ của tỉnh (thành phố). | <ul style="list-style-type: none"> – Tuỳ số lượng thành viên trong nhóm và công việc để phân công cho phù hợp. – Có thể bố trí thành nhóm 2 – 3 HS để cùng nhau đi tìm các thông tin. |
| Bạn A | <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu sự phân chia hành chính của tỉnh (thành phố). | |
| Bạn B | <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu địa hình của tỉnh (thành phố). | |

– *Sản phẩm chung của nhóm:* đa dạng, thể hiện được các nội dung tài liệu HDH KHXH 9, tập hai đề ra.

– Từng HS lưu giữ các nội dung đã sưu tầm để làm minh chứng cho hoạt động cá nhân. Giúp HS ý thức được việc biến kiến thức ở tài liệu thành kiến thức của mình là rất quan trọng.

3. Các nhóm giới thiệu sản phẩm trước lớp và hoàn thiện kết quả nghiên cứu dự án

*** Mục tiêu**

Giúp HS bổ sung các kiến thức còn thiếu theo mục tiêu của tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

*** Phương thức hoạt động**

Kết quả các nhóm thu thập được có thể tổ chức thành cuộc triển lãm nhỏ trong lớp. Cách trình bày báo cáo nên đa dạng, có thể gồm báo cáo viết, tranh vẽ, sản phẩm thực của một nghề ở địa phương,... Đại diện các nhóm cần được trình bày báo cáo và các bạn ở các nhóm khác phải ghi chép lại báo cáo của nhóm bạn để cuối cùng mỗi em đều có một báo cáo về địa lí địa phương. Công việc này không thể thực hiện trong thời gian ngắn, nên GV cần hướng dẫn cho HS bắt đầu công việc chọn nội dung, tạo nhóm phân công thành viên và tiến hành công việc tìm tư liệu từ trước 3 tuần. Các tuần tiếp theo HS tổng hợp thông tin, phân tích và viết báo cáo. Đến thời điểm học chủ đề này, HS trình bày sản phẩm và hoàn tất báo cáo về địa phương qua tổng hợp các báo cáo của nhóm bạn vào báo cáo của nhóm mình.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Sản phẩm chung của nhóm: đa dạng, thể hiện được các nội dung tài liệu HDH KHXH 9, tập hai đề ra.
- Sản phẩm của từng HS: báo cáo đầy đủ về địa lí địa phương.
- Tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau (có thể tham khảo phụ lục).

C. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

*** Mục tiêu**

Giúp HS ham muốn tìm hiểu thêm những nội dung liên quan đến bài học.

*** Phương thức hoạt động**

- Khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ.
- Lưu ý: không nhất thiết phải thực hiện nhiệm vụ như tài liệu HDH KHXH 9, tập hai; HS có thể lựa chọn một vấn đề khác có liên quan đến bài học mà HS thấy hứng thú để tìm hiểu sâu hơn.

BÀI 21. VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Mục tiêu

Sau bài học, HS:

- Trình bày được nguyên nhân, mục đích, đặc điểm và nội dung của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp; nét chính của phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1919 – 1930: hoạt động của tư sản dân tộc, tiểu tư sản, hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1919 – 1930, chủ trương và hoạt động của các tổ chức cách mạng, các tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam trong những năm 1926 – 1929.
- Phân tích được thủ đoạn thâm độc về chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp; tình hình phân hoá xã hội Việt Nam do chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai và thái độ chính trị, khả năng cách mạng của các giai cấp.
- Đánh giá được vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các tổ chức cách mạng, các tổ chức cộng sản trong sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam những năm 20 của thế kỉ XX.
- Bày tỏ thái độ căm phẫn trước những chính sách bóc lột thâm độc, xảo quyệt của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân ta; đồng cảm trước những vất vả, cơ cực của người lao động dưới ách thống trị của chế độ thực dân phong kiến. Bồi dưỡng lòng yêu nước, kính yêu và khâm phục các nhà yêu nước, cách mạng tiền bối, đặc biệt là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng, khai thác bản đồ, kênh hình trong học tập lịch sử; kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá, khái quát vấn đề lịch sử.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động nhằm gợi lại những kiến thức đã biết hoặc cả những vấn đề mà HS chưa biết, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào nội dung kiến thức cần tìm hiểu của bài học: tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất; những tác động của tình hình thế giới đến cách mạng Việt Nam; những nét chính về phong trào cách mạng Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930. GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết về các sự kiện, vấn đề lịch sử được đề cập đến, như một số nét nổi bật của tình hình Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1930 và sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, từ đó kích thích sự hứng thú, khát khao tìm hiểu những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát các hình ảnh (theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai) và cho biết: Các hình ảnh đó nói lên điều gì về tình hình nước ta những năm đầu thế kỷ XX? GV gợi ý HS quan sát hình ảnh, đọc kỹ cả các chú thích hình để kết nối thông tin và hình thành một bức tranh chung về tình hình nước ta trong thời gian đó. Tuỳ theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp đôi hoặc nhóm để tạo ra những sản phẩm riêng của nhóm/cá nhân.

3. Gợi ý sản phẩm

Mỗi HS/nhóm HS có thể trình bày hiểu biết của mình ở các mức độ khác nhau (cũng có thể có HS không biết). Những hiểu biết đó cũng có thể chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu. HS muốn biết được đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học. GV nhận xét phần trình bày của HS và kết nối vào bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Tìm hiểu chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai và các chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục của thực dân Pháp

a) Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp

*** Mục tiêu**

Nêu được nguyên nhân, mục đích và những nội dung chính của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai mà thực dân Pháp thực hiện ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- + Với câu hỏi 1, HS dựa vào nội dung trong tài liệu để trả lời.
- + Với câu hỏi 2, HS dựa vào lược đồ để chỉ ra các nguồn lợi của tư bản Pháp trong cuộc khai thác lần thứ hai ở Việt Nam. HS có thể lập bảng theo gợi ý sau:

| Nguồn lợi | Địa phương |
|-----------|------------|
| | |

- + Với câu hỏi 3, thông qua kiến thức đã có được, HS nêu nhận xét về chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, hoặc thảo luận theo cặp/nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

Trong quá trình HS làm việc, GV cần bao quát chú ý đến tất cả các nhóm/HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai nhằm bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.
- Dựa vào lược đồ, cho biết các nguồn lợi của tư bản Pháp ở Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

| Nguồn lợi | Địa phương |
|---|------------|
| Rượu, giấy, diêm, đường, gạch, xay xát gạo | Hà Nội |
| Thiếc, chì, kẽm, von-pho-ram | Cao Bằng |
| Than | Quảng Ninh |
| Sợi, vải, thuỷ tinh, sửa chữa tàu thuỷ, xi măng | Hải Phòng |
| ... | ... |

- Nêu nhận xét về chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp.
 - + Tăng cường đầu tư vốn vào Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam.
 - + Đầu tư chủ yếu vào những ngành thu lợi nhuận nhanh, hoặc đòi hỏi ít vốn (đồn điền cao su, khai thác mỏ).
 - + Không phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp phát triển què quặt.
 - + Tài chính, thương nghiệp do tư bản Pháp độc quyền.
- Mục đích: thu lợi nhuận cao, cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp.

b) Các chính sách chính trị, văn hoá, giáo dục

*** Mục tiêu**

Trình bày được những chính sách sách về chính trị, văn hoá, giáo dục mà thực dân Pháp thực hiện ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và mục đích của các chính sách đó.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
 - + Với câu hỏi 1, HS có thể quan sát sơ đồ (hình 9, tr. 54) và dựa vào nội dung trong tài liệu để trả lời.
 - + Với câu hỏi 2, HS cũng cần liên hệ với kiến thức đã hình thành ở trên để có sự kết nối, suy luận về lí do thực dân Pháp hạn chế mở trường học ở Việt Nam cũng là nhằm phục vụ cho chính sách cai trị, bóc lột của thực dân Pháp.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân, hoặc thảo luận theo cặp/nhóm, ghi kết quả ra giấy, sau đó đại diện một vài nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp, các nhóm khác góp ý, bổ sung và hoàn thiện câu trả lời.

Trong quá trình HS làm việc, GV cần bao quát chú ý đến tất cả các nhóm/HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi HS gặp khó khăn.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Cho biết chính sách “chia để trị” của thực dân Pháp ở Đông Dương biểu hiện như thế nào.
- + Chia nước ta làm ba kì với ba chế độ cai trị khác nhau.
- + Gây chia rẽ về dân tộc, tôn giáo,...
- + Nhằm mục đích phục vụ cho công cuộc khai thác bóc lột và củng cố bộ máy cai trị ở Việt Nam.
- Giải thích tại sao thực dân Pháp hạn chế mở trường học ở Việt Nam.

Nhằm thực hiện chính sách ngu dân để dễ bề cai trị.

2. Tìm hiểu sự phân hoá trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

*** Mục tiêu**

Trình bày được sự phân hoá các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Giải thích tại sao giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là động lực to lớn của cách mạng.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV có thể tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận nhóm, hỏi GV những điều HS chưa hiểu.

+ Với câu hỏi 1, HS làm việc cá nhân, đọc kỹ các thông tin trong tài liệu, ghi kết quả làm việc ra giấy. Để hiểu sâu sắc vấn đề, HS có thể suy nghĩ về nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá các giai cấp xã hội ở Việt Nam (liên hệ với kiến thức đã học ở phần trước để trả lời).

+ Với câu hỏi 2, GV định hướng để HS đánh giá được vai trò động lực của các giai cấp công nhân và nông dân đối với cách mạng.

– GV có thể gọi một vài HS báo cáo kết quả trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Cho biết các giai cấp trong xã hội Việt Nam có sự phân hoá như thế nào sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.*

+ *Giai cấp địa chủ phong kiến tiếp tục phân hoá.* Một bộ phận nhỏ trung và tiểu địa chủ có tinh thần yêu nước, chống thực dân Pháp và phản động tay sai.

+ *Giai cấp tư sản* ra đời sau chiến tranh, phân hoá thành hai bộ phận: tư sản mại bản làm tay sai cho thực dân Pháp, tư sản dân tộc ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ chống đế quốc và phong kiến.

+ *Tầng lớp tiểu tư sản* thành thị ngày càng tăng nhanh về số lượng. Trong đó, bộ phận trí thức, sinh viên, học sinh có điều kiện tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng văn hoá tiến bộ từ bên ngoài nên có tinh thần cách mạng và là một lực lượng của cách mạng.

+ *Giai cấp nông dân* chiếm trên 90% dân số, bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Họ bị bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hăng hái và đồng đảo của cách mạng.

+ *Giai cấp công nhân* phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Họ bị áp bức bóc lột nặng nề, có quan hệ gắn bó mật thiết với nông dân, được thừa hưởng truyền thống yêu nước của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản nên đã nhanh chóng vươn lên thành một động lực của phong trào cách mạng theo khuynh hướng tiên tiến của thời đại.

– *Nguyên nhân dẫn đến sự phân hoá:* do tác động của tình hình kinh tế, chính trị ở Việt Nam khi thực dân Pháp thực hiện cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai và những tác động của tình hình thế giới đối với Việt Nam.

– *Giải thích tại sao giai cấp công dân và giai cấp nông dân là động lực to lớn của cách mạng.*

+ *Giai cấp nông dân* chiếm trên 90% dân số, bị thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Họ bị bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn. Đây là lực lượng hăng hái và đồng đảo của cách mạng.

+ *Giai cấp công nhân* phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Họ bị áp bức bóc lột nặng nề, có quan hệ gắn bó mật thiết với nông dân, được thừa hưởng truyền thống yêu nước của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản nên đã nhanh chóng vươn lên thành một động lực của phong trào cách mạng theo khuynh hướng tiên tiến của thời đại.

II. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1925

1. Tìm hiểu những tác động của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới đến cách mạng Việt Nam

* Mục tiêu

Chỉ ra được các sự kiện lịch sử thế giới có tác động tích cực đến cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
 - + Với ý 1 của câu hỏi, HS khai thác nội dung tài liệu là có thể trả lời được.
 - + Với ý 2, HS căn cứ vào các sự kiện được lựa chọn để xác định sự kiện có tác động trực tiếp nhất và giải thích rõ vì sao.
- GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc theo cặp đôi. HS trao đổi thảo luận về kết quả làm việc. GV có thể gọi 1 – 2 đại diện HS trả lời, các HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

* Gợi ý sản phẩm

- Các sự kiện nào của lịch sử thế giới có tác động tích cực đến cách mạng Việt Nam?
 - + Cách mạng tháng Mười Nga.
 - + Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản) được thành lập ở Mát-xcơ-va.
 - + Nhiều đảng cộng sản được thành lập, đặc biệt là Đảng Cộng sản Pháp (1920), Đảng Cộng sản Trung Quốc (1921),...
 - Sự kiện có tác động trực tiếp nhất: Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.
 - Giải thích:
 - + Nước ta là thuộc địa của Pháp, Đảng Cộng sản Pháp thành lập, đề ra chủ trương, đường lối đấu tranh tích cực, gắn kết với phong trào công nhân trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa, tác động tích cực đến cách mạng nước ta.
 - + Trung Quốc là nước láng giềng, Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập càng tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Việt Nam...

2. Tìm hiểu phong trào của tư sản, tiểu tư sản và công nhân Việt Nam trong những năm 1919 – 1925

*** Mục tiêu**

Trình bày được nét chính về các phong trào dân tộc dân chủ công khai, phong trào công nhân Việt Nam trong những năm 1919 – 1925. Chỉ ra những điểm tích cực và hạn chế, hoặc điểm mới của từng phong trào.

*** Phương thức hoạt động**

– Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức cho HS hoạt động học tập cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp, có thể thực hiện theo trình tự trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

Gợi ý thêm một số phương pháp, kĩ thuật dạy học phần này như sau:

– GV có thể tổ chức cho HS hoạt động theo cặp/nhóm, hướng dẫn HS thiết kế sơ đồ tư duy với ba nhánh chính là phong trào của giai cấp tư sản, phong trào của tầng lớp tiểu tư sản, phong trào của giai cấp công nhân. Các cặp đôi/nhóm HS thể hiện thiết kế của mình kết hợp với thuyết trình trên sản phẩm.

Với hoạt động trải nghiệm này, GV có thể kết hợp với quá trình tự đánh giá bằng cách vận dụng kĩ thuật đánh giá 3 – 2 – 1.

Ví dụ: Sau khi nhóm bạn trình bày, các HS khác nhận xét về báo cáo của nhóm bằng kĩ thuật 3 – 2 – 1, đó là: dành cho nhóm bạn 3 lời khen, 2 lời góp ý và 1 nhận xét.

*** Gợi ý sản phẩm**

Các sản phẩm của cặp đôi/nhóm là sơ đồ tư duy, tập trung vào một số vấn đề sau:

– *Mục tiêu và tính chất của các cuộc đấu tranh trong phong trào dân tộc dân chủ công khai những năm 1919 – 1925. Chỉ ra những điểm tích cực và hạn chế của phong trào.*

+ Phong trào của giai cấp tư sản: phát động các phong trào như chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá (1919), đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ của tư bản Pháp (1923), dùng báo chí để bênh vực quyền lợi cho mình; thành lập chính đảng để tập hợp lực lượng (Đảng Lập hiến) với một số khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ để tranh thủ sự ủng hộ của quần chúng nhằm gây áp lực với Pháp. Tuy nhiên, họ lại sẵn sàng thoả hiệp khi được ban phát cho một số quyền lợi.

+ Phong trào của tiểu tư sản trí thức: thành lập những tổ chức chính trị như Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên,...; xuất bản những tờ báo tiền bối (*Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê*; lập ra những nhà xuất bản tiền bối: Cường học thư xá,

Nam đồng thư xã; tổ chức những sự kiện gây tiếng vang lớn: tiếng bom tại Sa Diện (Quảng Châu, Trung Quốc) của Phạm Hồng Thái (1924), cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền thả Phan Bội Châu (1925) và đám tang Phan Châu Trinh (1926).

– *Trong phong trào công nhân nước ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8–1925) có điểm gì mới?*

Mục đích cuộc bãi công là ngăn cản tàu chiến Pháp chở binh lính sang tham gia đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc. Bãi công thắng lợi buộc nhà chức trách Pháp phải chấp nhận tăng lương 10% cho công nhân, đồng thời đánh dấu một bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam từ tự phát chuyển sang tự giác.

3. Tìm hiểu những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1917 – 1925

*** Mục tiêu**

Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1917 – 1925. Chỉ ra được con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác và mới so với các nhà yêu nước tiền bối; ý nghĩa những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1917 – 1925 đối với cách mạng Việt Nam.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– HS thực hiện nhiệm vụ. GV có thể tổ chức cho HS trao đổi thảo luận nhóm, hỏi GV những điều HS chưa hiểu.

– Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

Lưu ý HS: HS làm việc cá nhân, quan sát kĩ kênh hình, đọc kĩ các thông tin, sau đó có thể thảo luận cặp/nhóm về các hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1917 – 1925 (theo các giai đoạn: 1917 – 1923, 1923 – 1924, 1924 – 1925) và ý nghĩa to lớn của các hoạt động đó.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác và mới so với các nhà yêu nước tiền bối.*

+ Ra nước ngoài (sang phương Tây) tìm hiểu tình hình thực tiễn (các nước tư bản).

+ Sống và hoạt động trong phong trào công nhân.

+ Tìm hiểu về các phong trào cách mạng (tư sản, vô sản).

– *Trong quá trình hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc thành lập các tờ báo, viết sách, báo nhằm mục đích gì?*

- + Lên án, vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân đế quốc.
- + Tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê-nin và truyền bá đường lối cứu nước theo con đường cách mạng vô sản về nước,...
- Nguyễn Ái Quốc trở về Trung Quốc hoạt động nhằm mục đích: trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- *Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1917 – 1925 có ý nghĩa*: tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin và đường lối cứu nước theo con đường cách mạng vô sản về nước, bước đầu chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức đưa đến sự thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam.

III. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

1. Tìm hiểu sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

*** Mục tiêu**

Trình bày được những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình trực tiếp chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam, những hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong những năm 1925 – 1928.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.
- HS thực hiện nhiệm vụ. GV có thể tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận nhóm, hỏi GV những điều HS chưa hiểu.
- Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

Lưu ý HS: HS làm việc cá nhân, quan sát kĩ khenh hình, đọc kĩ các thông tin, sau đó có thể thảo luận cặp/nhóm về những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam như thế nào. Hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong những năm 1925 – 1928. Các nhóm thống nhất nội dung, viết kết quả thảo luận ra giấy và cử đại diện báo cáo (nếu được yêu cầu).

*** Gợi ý sản phẩm**

- *Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam như thế nào?*
 - + Tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925, với nòng cốt là Cộng sản đoàn), xuất bản báo *Thanh niên*.
 - + Trực tiếp mở các lớp huấn luyện chính trị để đào tạo cán bộ cách mạng.

– Hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong những năm 1925 – 1928.

+ Tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu và in thành sách *Đường Kách mệnh*.

+ Bí mật chuyển tác phẩm *Đường Kách mệnh* và báo *Thanh niên* về trong nước.

+ Gây dựng tổ chức cơ sở ở hầu khắp cả nước.

+ Năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hoá”, đưa hội viên của Hội vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống và lao động với công nhân để tự rèn luyện mình, đồng thời truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tổ chức, lãnh đạo công nhân đấu tranh.

2. Tìm hiểu sự ra đời và hoạt động của Tân Việt Cách mạng đảng

* Mục tiêu

Trình bày được sự ra đời và những hoạt động chủ yếu của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

* Gợi ý sản phẩm

– *Tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng được thành lập như thế nào?*

+ Đầu những năm 20 của thế kỷ XX, một số sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và nhóm từ chính trị ở Trung Kì đã thành lập Hội Phục Việt. Sau nhiều lần đổi tên, cuối cùng lấy tên là *Tân Việt Cách mạng đảng* (Đảng Tân Việt, 7–1928).

+ Đảng Tân Việt tập hợp những trí thức trẻ, thanh niên tiêu tư sản yêu nước, hoạt động chủ yếu ở Trung Kì.

– *Vì sao trong nội bộ Đảng Tân Việt diễn ra sự phân hoá?*

+ Ra đời và hoạt động trong điều kiện Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát triển mạnh, lí luận và tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin có ảnh hưởng to lớn, cuốn hút nhiều đảng viên trẻ, tiên tiến của Đảng Tân Việt đi theo.

+ Nội bộ Đảng diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng cách mạng: vô sản và tư sản, cuối cùng khuynh hướng theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế.

+ Một số đảng viên của Tân Việt đã chuyển sang Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập một chính đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

3. Tìm hiểu sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929

*** Mục tiêu**

Nêu tên ba tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam năm 1929, thời gian thành lập. Nêu được ý nghĩa và hạn chế của việc ra đời ba tổ chức cộng sản.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo yêu cầu trong sách HDH KHXH 9, tập hai.
- GV có thể tổ chức cho HS trao đổi thảo luận nhóm, hỏi GV những điều HS chưa hiểu.
- Trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, hỗ trợ (nếu cần).

Lưu ý HS: HS làm việc cá nhân, đọc kỹ các thông tin, kết hợp quan sát kinh hình, sau đó có thể thảo luận cặp/nhóm về sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929 và ý nghĩa cũng như hạn chế của việc ra đời ba tổ chức cộng sản. Các nhóm thống nhất nội dung, viết kết quả thảo luận ra giấy và cử đại diện báo cáo trước lớp.

*** Gợi ý sản phẩm**

- *Cho biết ba tổ chức cộng sản được thành lập ở Việt Nam năm 1929.*

Đông Dương Cộng sản đảng (Bắc Kì, tháng 6–1929), An Nam Cộng sản đảng (do các hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Trung Quốc và Nam Kì thành lập, tháng 8–1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn (tháng 9–1929).

- *Nêu ý nghĩa và hạn chế của việc ra đời ba tổ chức cộng sản.*

+ Ý nghĩa: phản ánh xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam; trực tiếp chuẩn bị, đưa đến sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930).

+ Hạn chế: hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, đưa đến nguy cơ chia rẽ trong phong trào cách mạng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mà HS đã được lĩnh hội về phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1919 – 1930.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá nhân, trong quá trình làm việc, HS có thể trao đổi với bạn hoặc hỏi thầy/cô giáo.

- HS dựa vào kiến thức đã học để thực hiện bài tập:

Thực dân Pháp thực hiện chính sách hạn chế phát triển công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng ở Việt Nam vì

- A. Việt Nam không có điều kiện để phát triển công nghiệp.
- B. Pháp muốn xây dựng Việt Nam thành thuộc địa có nền nông nghiệp và dịch vụ phát triển.
- C. đầu tư phát triển công nghiệp đòi hỏi nguồn vốn lớn.
- D. muốn cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp.

– HS dựa vào kiến thức đã học để hoàn thiện các bảng sau:

+ Về tình hình phân hoá giai cấp xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

| Giai cấp/tầng lớp | Phân hóa | Địa vị kinh tế | Thái độ chính trị |
|--------------------|----------|----------------|-------------------|
| Địa chủ phong kiến | | | |
| Tư sản | | | |
| Tiểu tư sản | | | |
| Nông dân | | | |
| Công nhân | | | |

+ Về hoạt động của tư sản dân tộc và tiểu tư sản trong những năm 1919 – 1926

| Yêu cầu | Tư sản dân tộc | Tiểu tư sản |
|------------------|----------------|-------------|
| Mục tiêu | | |
| Tổ chức | | |
| Hoạt động | | |
| Tính chất | | |
| Ưu điểm/ hạn chế | | |

+ Về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến cuối năm 1924

| Thời gian | Hoạt động | Ý nghĩa |
|-----------|-----------|---------|
| Năm 1919 | | |
| Năm 1920 | | |

| | | |
|-------------|--|--|
| Năm 1921 | | |
| Năm 1923 | | |
| Năm 1924 | | |
| → Đánh giá: | | |

– Các tổ chức cách mạng được thành lập ở Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là tổ chức nào? Hãy so sánh các tổ chức cách mạng đó theo các tiêu chí: thời gian thành lập, thành phần tham gia, đường lối hoạt động, địa bàn hoạt động, ý nghĩa.

3. Gợi ý sản phẩm

– Đáp án: D.

– Hoàn thành bảng:

+ Về tình hình phân hoá giai cấp xã hội ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất

| Giai cấp/tầng lớp | Phân hóa | Địa vị kinh tế | Thái độ chính trị |
|--------------------|--|---|--|
| Địa chủ phong kiến | <ul style="list-style-type: none"> – Đại địa chủ – Địa chủ vừa, địa chủ nhỏ. | Có nhiều ruộng đất, đầy mạnh bóc lột kinh tế đối với nông dân | <ul style="list-style-type: none"> – Câu kết chặt chẽ với thực dân Pháp. – Ít nhiều có tinh thần yêu nước, tham gia các phong trào khi có điều kiện. |
| Tư sản | <ul style="list-style-type: none"> – Tư sản mại bản – Tư sản dân tộc | | <ul style="list-style-type: none"> – Làm tay sai cho thực dân Pháp. – Ít nhiều có tinh thần dân tộc, dân chủ. |
| Tiểu tư sản | Ngày càng tăng nhanh số lượng gồm nhiều bộ phận | Bị bóc lột, chèn ép, bạc đãi, đói sống bắp bênh. | |
| Nông dân | | Bị bóc lột nặng nề, bần cùng hoá, phá sản | Là lực lượng hăng hái và đồng đảo của cách mạng. |
| Công nhân | | Bị bóc lột nặng nề. | Nhanh chóng vươn lên thành động lực của phong trào cách mạng theo khuynh hướng tiên tiến của thời đại. |

+ Về hoạt động của tư sản dân tộc và tiêu tư sản trong những năm 1919 – 1926

| Yêu cầu | Tư sản dân tộc | Tiêu tư sản |
|------------------|--|---|
| Mục tiêu | Đòi quyền tự do dân chủ, quyền lợi kinh tế | Đòi quyền tự do dân chủ, truyền bá tư tưởng tiến bộ và cách mạng. |
| Tổ chức | Đảng Lập hiến (Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long); nhóm Nam phong (Phạm Quỳnh),... | Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục việt, Đảng Thanh niên. |
| Hoạt động | <ul style="list-style-type: none"> – Tổ chức chong trào “chấn hưng nội hoá”, “bài trừ ngoại hoá”, chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng gạo tại Nam Kì của Pháp (1923). – Ân hành báo chí để tuyên truyền, bênh vực quyền lợi cho mình. – Thành lập chính đảng. | <ul style="list-style-type: none"> – Xuất bản báo chí: <i>Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê, Tiếng dân</i>; lập các nhà xuất bản: Nam đồng thư xã...; – Đầu tranh đòi Pháp trả tự do cho Phan Bội Châu (1925), truy điệu Phan Châu Trinh (1926); bãi khoá, mít tinh, tiếng bom Sa Diện,... |
| Tính chất | Dân chủ tư sản | Yêu nước, dân chủ |
| Ưu điểm/ hạn chế | <ul style="list-style-type: none"> – Tích cực đấu tranh chống sự cạnh tranh, chèn ép của tư bản nước ngoài. – Hạn chế: đòi quyền lợi kinh tế, chính trị cho giai cấp mình, khi được nhượng bộ thì sẵn sàng thoả hiệp. | <ul style="list-style-type: none"> – Tích cực: thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng dân tộc, dân chủ, tư tưởng cách mạng mới. – Đôi khi còn mang tính xốc nỗi, áu trĩ... |

+ Về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 đến cuối năm 1924

| Thời gian | Hoạt động | Ý nghĩa |
|-----------|---|---|
| Năm 1919 | <ul style="list-style-type: none"> – Gửi bản <i>Yêu sách 8 điểm</i> đến Hội nghị Véc-xai, đòi Chính phủ Pháp và các nước đồng minh thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. | Giúp Người hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc và xác định rõ: muốn cứu nước, giải phóng dân tộc, chỉ trông cậy vào lực lượng của bản thân mình. |

| | | |
|----------|--|---|
| Năm 1920 | <ul style="list-style-type: none"> – Đọc bản <i>Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa</i> của Lê-nin. – Tham dự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp, tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. | Đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đi theo con đường cách mạng vô sản. |
| Năm 1921 | Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa; làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo <i>Người cùng khổ</i> ; viết bài cho các báo: <i>Nhân đạo</i> , <i>Đời sống công nhân</i> ; viết cuốn <i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i> (1925). | <ul style="list-style-type: none"> – Tố cáo tội ác chủ nghĩa thực dân đế quốc nói chung, thực dân Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nỗi dậy đấu tranh giải phóng. – Tiếp tục xác định và truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản vào Việt Nam. |
| Năm 1923 | Rời Pháp sang Liên Xô, dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (10–1923), viết bài cho báo <i>Sự thật</i> , tạp chí <i>Thư tín quốc tế</i> . | |
| Năm 1924 | <ul style="list-style-type: none"> – Tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản. – Về Quảng Châu (Trung Quốc). | |

→ Là quá trình tích cực chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập chính đảng vô sản ở Việt Nam sau này.

- Các tổ chức cách mạng được thành lập ở Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là tổ chức nào?
 - + Ba tổ chức: Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
 - + So sánh về các tổ chức cách mạng đó theo các tiêu chí: thời gian thành lập, thành phần tham gia, đường lối hoạt động, địa bàn hoạt động, ý nghĩa.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

- Hãy cho biết di tích lịch sử, đường phố hoặc trường học nào liên quan đến các sự kiện, nhân vật lịch sử xuất hiện trong bài học ở địa phương em hoặc em biết.
- Viết bài giới thiệu ngắn gọn về một di tích hoặc nhân vật lịch sử liên quan đến giai đoạn này mà em thích nhất.
- Tại sao một số tổ chức hoặc chính đảng được thành lập đều thành lập và ánh hành một tờ báo? Nêu tên một số tờ báo được xuất bản liên quan đến các tổ chức cách mạng được thành lập trong những năm 1925 – 1930 ở Việt Nam. Tờ báo nào vẫn được duy trì đến nay?

3. Gợi ý sản phẩm

Phản này, GV hướng dẫn HS liên hệ với thực tế ở địa phương và thực tế hiện nay để trả lời câu hỏi.

Lưu ý:

Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử,...

GV đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi,...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

1. Sưu tầm một vài hình ảnh hiện nay của tờ báo được đề cập trong yêu cầu 3 (phản Hoạt động vận dụng).

2. Tìm đọc một số cuốn sách sau:

- Trịnh Đình Tùng (Chủ biên), *Tư liệu Lịch sử 9*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007.
- *Kể chuyện Bác Hồ*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
- Trần Dân Tiên, *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Văn nghệ, H.1956.
- *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000 (về những nội dung liên quan đến tờ báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường Kách mệnh*).

BÀI 22. VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Hiểu được Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta trong những năm 20 của thế kỷ XX.
- Đánh giá được ý nghĩa to lớn của sự kiện thành lập Đảng.
- Trình bày được nguyên nhân, diễn biến chính, ý nghĩa của cách mạng 1930 – 1931, phong trào dân chủ 1936 – 1939 và cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- Nêu được những nét chính về cao trào kháng Nhật cứu nước từ tháng 3-1945 và diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- Hiểu và đánh giá được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Biết sưu tầm tư liệu, tái hiện được các sự kiện lớn của lịch sử dân tộc từ năm 1930 đến năm 1945.
- Nâng cao năng lực phân tích, đánh giá thông qua xem xét các sự kiện lịch sử quan trọng.
- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trân trọng những giá trị lịch sử, sự hi sinh lớn lao của các thế hệ cách mạng cho độc lập tự do của dân tộc.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học với các nội dung cơ bản đó là: sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930; phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh; phong trào dân chủ 1936 – 1939; cao trào cách mạng 1939 – 1945 và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Trong tài liệu HDH KHXH 9 bao gồm 5 hoạt động (khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng) vì vậy ở mỗi tiết học, GV nên vận dụng cả 5 hoạt động đó phù hợp với từng nội dung. Bài học có nội dung hết sức phong phú, vì vậy trong quá trình dạy học GV cần lựa chọn kiến thức cơ bản, có điểm nhấn, giúp cho HS hiểu được trọng tâm của bài. Nhìn chung, với mỗi giai đoạn/vấn đề cần nhấn mạnh những nội dung chính đó là bối cảnh lịch sử, chủ trương, đường lối của Đảng, diễn biến chính, kết quả và ý nghĩa lịch sử.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Thu hút sự chú ý của HS ngay đầu giờ học.
- Định hướng những nội dung cơ bản của bài, giúp các em hiểu rõ cần phải trả lời được vấn đề gì qua bài học.
- Xác định đúng tinh thần, thái độ cho HS tham gia vào quá trình học tập: cá nhân, cặp đôi, nhóm, cả lớp,... trao đổi, thảo luận, nêu quan điểm của mình.

2. Phương thức hoạt động

Có nhiều cách khởi động bài học: bằng câu hỏi nêu vấn đề, sử dụng những tranh ảnh phản ánh nội dung lịch sử trong bài, hay đoạn phim tư liệu kích thích sự chú ý của HS. Việc khởi động bài học như thế nào là do sự sáng tạo của người GV căn cứ vào những điều kiện dạy học và khả năng của HS. Ví dụ: Hàng năm, nước ta kỉ niệm ngày thành lập Đảng vào ngày nào? Em biết gì về Đảng Cộng sản Việt Nam? Sự ra đời của Đảng có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng nước ta?... Sau khi một vài HS phát biểu (đúng, sai không quan trọng), GV dẫn dắt HS vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

*** Mục tiêu**

- Biết được những nét chính về tình hình cách mạng nước ta ngay trước khi thành lập Đảng.
- Trình bày được vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Đánh giá được tầm quan trọng của Hội nghị thành lập Đảng đối với cách mạng nước ta lúc bấy giờ.

*** Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm**

a) Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

GV yêu cầu HS đọc bài viết trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai để trả lời câu hỏi: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trong hoàn cảnh nào, do ai sáng lập. Sự kiện Đảng ra đời có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Sau khi HS trình bày, GV nhận xét và chốt ý.

– Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản (1929) là một xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam. Các tổ chức cộng sản đã nhanh chóng xây dựng cơ sở Đảng tại nhiều địa phương, tích cực lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng, làm cho phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ.

– Tuy nhiên, ba tổ chức cộng sản nói trên lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau. Tình hình đó nếu kéo dài sẽ có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn.

– Yêu cầu cấp thiết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất.

– Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, có quyền quyết định mọi vấn đề của cách mạng Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

– Hội nghị họp từ ngày 6–1–1930 đến ngày 7–2–1930 tại Cửu Long (Hương Cảng – Trung Quốc) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

– Thông qua Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

– Cương lĩnh đã vạch rõ cách mạng Việt Nam phải trải qua hai giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền (hay cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) và cách mạng XHCN; nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là: đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và phản cách mạng làm cho nước Việt Nam độc lập tự do; lực lượng công nhân, nông dân liên lạc với tiểu tư sản, trung nông; cách mạng phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo; cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới.

b) *Luận cương chính trị (10–1930)*

Nội dung này không quan trọng đối với HS lớp 9 nên GV có thể giới thiệu ngắn gọn:

Tháng 10–1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành lâm thời họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) quyết định đổi tên Đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương, cử Ban Chấp hành Trung ương chính thức, do Trần Phú làm Tổng Bí thư, thông qua Luận cương chính trị do Trần Phú khởi thảo.

c) *Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng*

Đây là nội dung cơ bản của bài. GV nên tổ chức cho HS trao đổi thảo luận để các em tự rút ra ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng. Có thể gợi ý để HS so sánh tình hình cách mạng Việt Nam với trước khi thành lập Đảng về giai cấp lãnh đạo, đường lối, lực lượng, hình thức và phương pháp đấu tranh. Sau khi các em đã trao đổi, tranh luận, GV chốt ý:

– Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp ở Việt Nam trong thời đại mới.

– Khẳng định giai cấp vô sản Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng đã tập hợp, đoàn kết được đông đảo quần chúng nhân dân đi theo.

– Chấm dứt thời kì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ đây, cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong là Đảng Cộng sản.

– Với đường lối cách mạng đúng đắn, khoa học, sáng tạo, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối cứu nước.

2. **Tìm hiểu về phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1931**

* Mục tiêu

– Trình bày được nguyên nhân, diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

– Giải thích được tại sao nói Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

* Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

a) **Nguyên nhân bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931**

Yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai và tìm ra nguyên nhân dẫn đến phong trào cách mạng 1930 – 1931.

HS báo cáo kết quả làm việc. GV nhận xét, sửa chữa và chốt ý:

– Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã tác động đến Việt Nam làm cho các ngành kinh tế nông nghiệp, công nghiệp đều bị suy sụp, xuất khẩu đình đốn, hàng hoá khan hiếm.

– Về xã hội: đời sống của các tầng lớp, giai cấp đều khó khăn: công nhân bị sa thải, số người có việc thì lương thấp; nông dân bị cướp ruộng đất, nạn sưu cao thuế nặng hành hành, họ bị bần cùng không lối thoát; các tầng lớp thợ thủ công, nhà buôn bị thất nghiệp, nhiều cửa hàng, cửa hiệu phải đóng cửa.

– Về chính trị: Tháng 2-1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại, thực dân Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp cách mạng.

– Tháng 2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, kịp thời lãnh đạo nhân dân bước vào thời kì đấu tranh mới. Đây là nguyên nhân chủ yếu có ý nghĩa quyết định, bởi vì có sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh của nhân dân ta mới mang tính tự giác trên quy mô rộng cả nước.

b) Diễn biến chính của phong trào cách mạng 1930 – 1931

- Dựa trên lược đồ, GV thuyết trình diễn biến chính của phong trào.
 - + Từ tháng 2 đến tháng 4–1930, diễn ra các cuộc bão công của 3000 công nhân đòn điền cao su Phú Riềng, của 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định và 400 công nhân nhà máy cưa và nhà máy diêm Bến Thuỷ. Phong trào đấu tranh của nông dân đã diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh.
 - + Tháng 5–1930, phong trào phát triển mạnh. Ngày 1–5–1930, lần đầu tiên nhân dân Việt Nam kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động. Khắp nơi diễn ra các hình thức đấu tranh để kỉ niệm như mít tinh, biểu tình, bão công, bão khoá, bão thị, treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, căng khẩu hiệu.
 - + Tháng 9–1930, phong trào phát triển mạnh nhất ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 12–9–1930 của nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An) kéo đến huyện lỵ, phá nhà lao, đốt huyện đường, vây lính khổ xanh, ủng hộ cuộc bão công của công nhân Bến Thuỷ. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bộ máy chính quyền thực dân phong kiến bị té liệt, tan rã ở nhiều thôn, xã. Chính quyền Xô viết được thành lập ở nhiều vùng nông thôn thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

– GV yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai và giải thích vì sao Xô viết Nghệ – Tĩnh được coi là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931. Đánh giá của em về kết quả và ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

– Sau khi HS trao đổi, thảo luận, GV chốt ý về kết quả, ý nghĩa của phong trào:

Đến đầu năm 1931, thực dân Pháp đã tiến hành khủng bố tàn bạo. Nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng bị phá vỡ, hàng vạn cán bộ, đảng viên, chiến sĩ yêu nước bị bắt, bị tù đày hoặc bị giết. Phong trào tuy thất bại song có ý nghĩa lịch sử to lớn. Nó chứng tỏ tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của nhân dân Việt Nam; khẳng định năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng. Đây là phong trào đấu tranh đầu tiên do Đảng lãnh đạo có ý nghĩa quyết định đến tình hình phát triển của cách mạng Việt Nam, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

3. Tìm hiểu cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939

*** Mục tiêu:**

- HS biết được những nét chính về bối cảnh lịch sử diễn ra cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939.
- Trình bày được phong trào dân chủ 1936 – 1939 đã chuẩn bị về lực lượng, hình thức đấu tranh cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Giải thích được những điểm giống và khác nhau giữa phong trào cách mạng 1930 – 1931 với phong trào dân chủ 1936 – 1939 về mục tiêu, lực lượng tham gia, hình thức và phương pháp đấu tranh.

* Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

– Yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai và trả lời câu hỏi: Phong trào dân chủ 1936 – 1939 diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử nào? Nếu diễn biến chính và ý nghĩa lịch sử của phong trào.

– Tổ chức HS trao đổi, thảo luận, có thể gợi ý để các em tập trung tìm hiểu về tình hình thế giới, trong nước, những cuộc đấu tranh lớn.

– Sau khi nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, GV chốt ý:

+ Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933), chủ nghĩa phát xít đã xuất hiện ở Đức, Ý-ta-li-a, Nhật Bản. Sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít đã trở thành mối nguy cơ dẫn tới cuộc chiến tranh thế giới mới.

+ Tháng 7-1935, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Đại hội chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân ở các nước nhằm tập hợp lực lượng dân chủ chống phát xít và nguy cơ chiến tranh do chúng gây ra.

+ Năm 1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, lén cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã thi hành cải cách tiến bộ ở thuộc địa, nói rộng một số quyền tự do, dân chủ,... Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả, tìm cách hoạt động trở lại.

+ Ở Việt Nam, hậu quả cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài, tác động không chỉ đến các tầng lớp nhân dân lao động mà cả tư sản, địa chủ vừa và nhỏ. Bọn cầm quyền vẫn tiếp tục thi hành chính sách bóc lột, vơ vét, khủng bố và đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân. Yêu cầu cải thiện đời sống và thực hiện các quyền tự do dân chủ được đặt ra.

+ Căn cứ vào sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, tháng 7-1936 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị ở Thượng Hải (Trung Quốc) để định ra đường lối đấu tranh trong thời kì mới.

+ Xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động Pháp và tay sai không chịu thi hành chính sách của Mặt trận Nhân dân Pháp tại các thuộc địa.

+ Hoãn khẩu hiệu “Đánh đổ đế quốc Pháp, Đông Dương hoàn toàn độc lập”, “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”, nêu khẩu hiệu “Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình”.

+ Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (đến tháng 3-1938, đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương), nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ chống phát xít, bảo vệ hoà bình.

+ Hình thức, phương pháp đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai...

Về diễn biến:

+ Giữa năm 1936, diễn ra cuộc vận động Đông Dương Đại hội. Đây là cuộc vận động công khai, hợp pháp đầu tiên ở nước ta.

+ Đầu năm 1937, nhân dịp đón phái viên của Chính phủ Pháp và Toàn quyền mới của xứ Đông Dương, nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, đưa “dân nguyện”... đã diễn ra, trong đó công nhân, nông dân là lực lượng đông đảo và hăng hái nhất. Đặc biệt là phong trào công nhân với cuộc tổng bãi công của công nhân than Hòn Gai (11–1936) và cuộc bãi công của công nhân xe lửa Trường Thi (Vinh) tháng 7–1937. Ngày Quốc tế Lao động 1–5–1938, tại Khu Đấu xảo (Hà Nội) đã diễn ra mít tinh khổng lồ của 2,5 vạn người.

+ Từ cuối năm 1938, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp do Đảng Xã hội Pháp đứng đầu ngày càng thiên về hữu. Theo đó, bọn thực dân Pháp phản động ngóc đầu dậy phản công lại Mặt trận dân chủ Đông Dương, cấm những hoạt động cách mạng và khủng bố những chiến sĩ tham gia phong trào. Phong trào đấu tranh công khai bị thu hẹp dần và đến tháng 9–1939 khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ thì chấm dứt.

Ý nghĩa:

Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là một cao trào cách mạng dân tộc dân chủ rộng lớn, có ý nghĩa lịch sử to lớn.

Qua phong trào, tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đường lối của Đảng được tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng. Cán bộ, đảng viên được rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, trình độ công tác. Quần chúng được giác ngộ, tập dượt đấu tranh, đội quân chính trị của quần chúng được tập hợp.

4. Tìm hiểu tình hình Việt Nam trong những năm 1939 – 1945 và những cuộc đấu tranh đầu tiên

* Mục tiêu

– Giúp HS biết được những nét lớn về tình hình nước ta trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Trình bày được nguyên nhân bùng nổ, ý nghĩa của hai cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì.

* Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

– Tổ chức HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai và trả lời câu hỏi: Tình hình Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ hai có gì đáng chú ý. Vì sao thực dân Pháp và phát xít Nhật thoả hiệp với nhau để cùng thống trị Đông Dương? Ý nghĩa lịch sử của hai cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì.

– Tổ chức cho HS trao đổi thảo luận. GV chốt ý:

+ Tháng 9–1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu, tháng 6–1940, quân Đức kéo vào nước Pháp. Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức. Ở Viễn Đông, lợi dụng sự thất bại của đế quốc Pháp, tháng 9–1940, Nhật vào miền Bắc Việt Nam, Pháp đầu hàng Nhật. Phát xít Nhật câu kết với thực dân Pháp nô dịch nhân dân ta.

+ Hậu quả của chính sách áp bức, bóc lột của Nhật – Pháp làm cho đời sống của nhân dân ta vô cùng cực khổ, điêu đứng. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc ở Việt Nam với đế quốc Pháp – Nhật trở nên sâu sắc.

– GV sử dụng lược đồ, tường thuật diễn biến cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và khởi nghĩa Nam Kì.

+ Quân Nhật đánh vào Lạng Sơn, Pháp thua, chạy qua châu Bắc Sơn (Lạng Sơn). Nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã nổi dậy tự vũ trang, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng (27–9–1940), thành lập đội du kích Bắc Sơn. Đây là cuộc khởi nghĩa mở đầu phong trào đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc trong giai đoạn mới. Tuy thất bại song khởi nghĩa Bắc Sơn là tiếng súng mở đầu thời kì khởi nghĩa vũ trang giành độc lập dân tộc.

+ Cùng lúc này, nhân dân Nam Kì bất bình trước việc binh lính người Việt bị thực dân Pháp bắt ra trận làm bia đỡ đạn cho chúng chống quân xâm lược Xiêm (Thái Lan) ở biên giới Lào – Campuchia, nhiều binh lính đã bỏ trốn hoặc bí mật liên lạc với Đảng bộ Nam Kì. Trước tình thế cấp bách, Đảng bộ Nam Kì quyết định khởi nghĩa dù chưa có sự đồng ý của Trung ương Đảng.

+ Ngày 23–11–1940, cuộc khởi nghĩa bùng nổ ở hầu khắp các tỉnh Nam Kì. Nghĩa quân đã triệt hạ một số đồn bốt giặc, phá huỷ nhiều đường giao thông, thành lập chính quyền nhân dân. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa này. Do sự chuẩn bị chưa chín muồi, kế hoạch khởi nghĩa bị lộ nên đã bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, cơ sở Đảng bị tổn thất nặng nề.

+ Cuộc khởi nghĩa đã chứng tỏ tinh thần yêu nước, sẵn sàng đứng lên chống quân thù của các tầng lớp nhân dân Nam Kì.

5. Tìm hiểu cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

* Mục tiêu

– HS biết được sự ra đời của Mặt trận Việt Minh, vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Trình bày được những nét chính về cao trào kháng Nhật cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

* Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

a) *Mặt trận Việt Minh ra đời (19–5–1941)*

Yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát kinh hình, hãy cho biết: Mặt trận Việt Minh ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào. Vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Sau khi HS đã phát biểu ý kiến, thảo luận, GV nhận xét và chốt ý:

+ Trước sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, ngày 28–1–1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, họp từ ngày 10 đến 19–5–1941 tại Pác Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, giảm tức, chia lại ruộng công” tiến tới thực hiện “Người cày có ruộng”.

+ Ngày 19–5–1941, Hội nghị quyết định thành lập *Việt Nam Độc lập đồng minh* (Việt Minh), bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là *Hội Cứu quốc*. Mặt trận Việt Minh đã tổ chức, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị cho cách mạng Việt Nam. Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị, công tác xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng cũng được Đảng đặc biệt coi trọng.

b) *Cao trào kháng Nhật, cứu nước tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945*

Yêu cầu HS đọc thông tin, quan sát lược đồ trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai và trả lời câu hỏi: Tại sao Nhật đảo chính Pháp? Đảng Cộng sản Đông Dương đã có chủ trương như thế nào để đưa cách mạng đi lên?

HS báo cáo kết quả làm việc. GV nhận xét, đánh giá và chốt ý:

+ Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Nước Pháp được giải phóng. Ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương, quân Đồng minh phản công, giáng cho phát xít Nhật những đòn nặng nề. Phát xít Nhật rơi vào tình thế thất bại, buộc chúng phải làm đảo chính lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương.

+ Ngày 9–3–1945, Nhật đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một số biện pháp nhằm củng cố quyền thống trị của chúng ở Đông Dương.

+ Trước tình hình đó, ngay trong ngày 9–3–1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng, ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, xác định phát xít Nhật là kẻ thù chính của cách mạng nước ta. Hội nghị quyết định thay khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp – Nhật” bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật”. Hội nghị quyết định phát động cao trào “Kháng Nhật, cứu nước” làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

+ Từ tháng 3–1945, cách mạng chuyển sang cao trào, đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở nhiều địa phương. Ở Cao – Bắc – Lạng, Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và Cứu quốc quân giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện. Ở thành phố, Việt Minh thẳng tay trừu trị Việt gian. Ở nông thôn, phong trào “phá kho thóc giải quyết nạn đói” thu hút hàng triệu người tham gia. Có nơi quần chúng đã giành được chính quyền. Không khí cách mạng hừng hực trong cả nước báo hiệu cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã đến.

6. Tìm hiểu Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

* Mục tiêu

- Biết được bối cảnh cụ thể của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa.
- Hiểu rõ những điều kiện khách quan và chủ quan của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.
- Trình bày được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

* Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

Yêu cầu HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, quan sát kênh hình, hãy cho biết: Lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố trong hoàn cảnh nào. Diễn biến chính, ý nghĩa và nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Tổ chức HS trao đổi, thảo luận và chốt ý:

– *Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945:*

- + Nhận được thông tin Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh, ngày 13–8–1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát động lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Từ ngày 14 đến ngày 15–8–1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (Tuyên Quang). Hội nghị đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào Việt Nam. Tiếp đó, từ ngày 16 đến ngày 17–8–1945, Đại hội quốc dân ở Tân Trào (Tuyên Quang) đã tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước nỗ lực Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Chiều 16–8–1945, theo lệnh của Uỷ ban Khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng Thái Nguyên, mở đường về Hà Nội.

+ Sáng 19–8, cả Hà Nội tràn ngập khí thế cách mạng. Cuộc mít tinh tại Nhà hát lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức nhanh chóng chuyển thành biểu tình, chia ra làm nhiều đoàn đi chiếm các công sở của chính quyền bù nhìn. Quân Nhật không dám chống lại. Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội.

+ Ngày 23–8, nhân dân Huế khởi nghĩa giành thắng lợi. Ngày 25–8, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn. Ngày 28–8, Tổng khởi nghĩa thành công trên cả nước. Ngày 30–8, vua Bảo Đại thoái vị, chế độ phong kiến sụp đổ.

+ Ngày 2–9–1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố với đồng bào cả nước và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

– *Ý nghĩa lịch sử:*

+ Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là một sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Nó phá tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, đồng thời lật nhào chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót ngàn năm. Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một nước độc lập dưới chế độ dân chủ cộng hoà, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ thành người dân độc lập, tự do, làm chủ đất nước. Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc – kỉ nguyên độc lập, tự do.

+ Về mặt quốc tế: Đây là thắng lợi đầu tiên của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân, cỗ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các thuộc địa trên thế giới, đặc biệt là nhân dân châu Á và châu Phi, góp phần vào thắng lợi chung của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới.

– *Nguyên nhân thắng lợi:*

+ Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước sâu sắc, đã đấu tranh kiên cường bất khuất từ ngàn xưa cho độc lập, tự do. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phát cao cờ cứu nước thì toàn dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

+ Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có khối liên minh công nông vững chắc, tập hợp được mọi lực lượng yêu nước trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, lại biết kết hợp tài tình đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đấu tranh du kích với khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, tiến tới phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn với thành thị, đánh đổ hoàn toàn bộ máy cai trị của đế quốc và phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân.

+ Cách mạng tháng Tám giành thắng lợi tương đối nhanh, ít đổ máu, một phần là nhờ có hoàn cảnh quốc tế thuận lợi. Chiến tranh thế giới thứ hai đi vào hồi kết thúc, Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đã đánh bại phát xít Đức – Nhật, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta giành thắng lợi.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

– Củng cố, hệ thống hoá những kiến thức cơ bản của chủ đề cho HS, nhấn mạnh những kiến thức cơ bản trọng tâm như việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; hoàn cảnh lịch sử, chủ trương của Đảng, ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 – 1931, phong trào dân chủ 1936 – 1939, cao trào cách mạng tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

– So sánh tìm ra những điểm giống và khác nhau của 3 phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945 trên các mặt: hoàn cảnh lịch sử, chủ trương đường lối của Đảng, mục tiêu, lực lượng tham gia, hình thức và phương pháp đấu tranh.

– Ghi nhớ, giải thích, đánh giá được một số sự kiện cơ bản.

– Rút ra được những bài học kinh nghiệm và liên hệ với ngày nay.

2. Phương thức hoạt động và gợi ý sản phẩm

– Dựa vào tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, sử dụng bài tập luyện tập phù hợp với nội dung của từng tiết học.

– Nêu bổ sung thêm các dạng bài tập, kết hợp cả bài tập trắc nghiệm khách quan với bài tập tự luận để rèn luyện năng lực trình bày cho HS. Ví dụ: Về 4 tổ chức lớn do Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh sáng lập trong những năm từ năm 1930 đến năm 1945 (Đảng Cộng sản Việt Nam; Mặt trận Việt Minh (5–1941), Quân đội nhân dân Việt Nam (22–12–1944), nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2–9–1945). GV có thể gợi ý để HS nêu rõ vai trò các tổ chức đó tới tận ngày nay.

D-E. HOẠT ĐỘNG VĂN DỤNG VÀ TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Kể tên những địa danh (trường học, đường phố, làng, xã) nơi em sinh sống mang tên những nhà cách mạng tiền bối (Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai).

– Sưu tầm tranh ảnh, tiểu sử các nhà cách mạng: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ...

– Sưu tầm tranh ảnh và những mẫu chuyện về Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kì 1941 – 1945.

BÀI 23. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Biết được những thuận lợi, khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ sau ngày 2–9–1945 đến trước ngày 19–12–1946.
- Trình bày, nhận xét được những chủ trương, biện pháp của Đảng và Chính phủ ta trong việc giải quyết những khó khăn.
- Nêu và nhận xét được nội dung cơ bản của Hiệp định Sơ bộ (6–3–1946) và Hiệp định Gio-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương.
- Lí giải được vì sao Đảng và Chính phủ ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; xác định được đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng.
- Nêu được khái quát những kế hoạch xâm lược nước ta của thực dân Pháp và từng bước quân dân ta đánh bại quân Pháp từ năm 1946 đến năm 1954, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của từng chiến thắng và của cuộc kháng chiến.
- Rèn luyện và nâng cao các kỹ năng trình bày, khái quát, phân tích, so sánh, nhận xét,... các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa gợi lại những kiến thức đã biết vừa tạo mẫu thuẫn nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học: Xác định được tình hình đất nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 và những chủ trương, biện pháp khắc phục khó khăn. Giải thích nguyên nhân dẫn tới cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) của Việt Nam. Nhận định sự phát triển của cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đánh giá vai trò các chiến thắng, các hiệp định, nhân vật tiêu biểu trong cuộc kháng chiến. Trong bài học, GV cần vận dụng sáng tạo linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mẫu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết về sự kiện lịch sử được đề cập đến, từ đó kích thích sự hứng thú, khát khao, mong muốn tìm hiểu những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS (theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).
- Tuỳ theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

3. Gợi ý sản phẩm

– Mỗi HS có thể trình bày hiểu biết của mình ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, những hiểu biết đó có thể chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu. HS muốn tìm hiểu đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

– Có thể có những HS không biết được nội dung của những hình ảnh trên, GV gợi ý để HS nhớ lại những hình ảnh đó liên quan đến cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

– GV nhận xét sau đó dẫn dắt các em vào tìm hiểu những nội dung cụ thể của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ THÀNH QUẢ CỦA CÁCH MẠNG (TỪ NGÀY 2-9-1945 ĐẾN NGÀY 19-12-1946)

1. Tìm hiểu về tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

*** Mục tiêu**

Nêu được tình hình Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy:
 - + Cho biết tại sao sau Cách mạng tháng Tám, nước ta đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.
 - + Vẽ sơ đồ tư duy về những thuận lợi và khó khăn của nước ta sau Cách mạng tháng Tám.
 - Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
 - Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Hình 4. "Quân Anh đến Sài Gòn" giúp các em thấy được những thử thách của nước ta lúc bấy giờ. Hình 5. "Nhân dân Nam Bộ" trong những ngày đầu kháng chiến để thấy được tinh thần đấu tranh của nhân dân ta.
 - Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– Sau Cách mạng tháng Tám, nước ta đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” vì: chính quyền non trẻ của ta phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách:

+ Cùng lúc ta phải đối phó với nhiều kẻ thù: Phía Bắc, quân Trung Hoa Dân quốc, kéo theo sau là tay sai Việt Quốc, Việt Cách; Phía Nam, quân Anh, theo sau là quân Pháp, trong khi cả nước còn 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp.

+ Trong khi đó, trong nước: “giặc đói”, “giặc dốt”, tài chính trống rỗng, chính quyền non trẻ thường xuyên bị nội phản quấy nhiễu, đe dọa,...

– Vẽ sơ đồ tư duy những thuận lợi và khó khăn của ta sau cách mạng tháng Tám. HS tự sáng tạo hình thức sơ đồ theo cách riêng của từng nhóm, GV gợi ý HS đảm bảo các nội dung chính trong sơ đồ.

2. Tìm hiểu về bước đầu xây dựng, củng cố chế độ mới và cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Bước đầu xây dựng và củng cố chế độ mới

* Mục tiêu

Trình bày được những biện pháp xây dựng và củng cố chế độ mới của Đảng và Chính phủ ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

+ Cho biết Đảng, Chính phủ đã thực hiện những chủ trương, biện pháp gì để kiến quốc sau Cách mạng tháng Tám 1945. Hãy lập bảng thống kê (hoặc vẽ sơ đồ tư duy) các biện pháp giải quyết khó khăn của Chính phủ trong giai đoạn này.

+ Qua những biện pháp giải quyết khó khăn của Đảng, Chính phủ ta, em thấy yếu tố nào là quan trọng nhất giúp đất nước thoát khỏi khó khăn? Vì sao?

– Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập ở cá nhân, trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp, tạo cơ hội cho các em được lựa chọn, trình bày và bảo vệ quan điểm của mình.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS, cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– Những chủ trương, biện pháp của Đảng và Chính phủ để xây dựng, củng cố chế độ mới, giải quyết những khó khăn trước mắt:

+ Về xây dựng chính quyền: Tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (6–1–1946) trong cả nước và Hội đồng nhân dân các cấp ở các địa phương. Kết quả: gần 90% (Hà Nội 92%) cử tri đi bỏ phiếu, bầu được 333 đại biểu vào Quốc hội khoá đầu tiên.

+ Với nạn đói: Biện pháp trước mắt là kêu gọi nhân dân “nhường cơm sẻ áo”, lập “hũ gạo cứu đói”, tổ chức “Ngày đồng tâm”. Chính phủ tích cực phân phối thóc gạo giữa các địa phương trong toàn quốc, ra sắc lệnh nghiêm trị những kẻ đầu cơ, tích trữ thóc gạo. Về lâu dài, Chính phủ đề ra chính sách “tăng gia sản xuất”, ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác của chế độ cũ, quy định ngày làm 8 giờ, ra thông tư giảm tô 25%, giảm thuế ruộng đất 20%, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công một cách công bằng, dân chủ.

+ Với giặc đốt: Ngày 8–9–1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ để phụ trách việc xoá nạn mù chữ. Đồng thời, trường học các cấp phổ thông và đại học sớm được khai giảng. Kết quả trong một năm, toàn quốc đã tổ chức gần 76.000 lớp học và hơn 2,5 triệu người biết đọc, biết viết. Tiếng Việt được dùng giảng dạy trong các trường phổ thông và đại học.

+ Với khó khăn về tài chính: Để khắc phục tình trạng ngân sách trống rỗng, Chính phủ phát động “Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập”,... nhằm động viên sự đóng góp của đồng bào toàn quốc ủng hộ nền độc lập của đất nước. Chỉ trong thời gian ngắn, nhân dân đã tự nguyện đóng góp được 370kg vàng, 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập, 40 triệu đồng cho Quỹ đảm phụ Quốc phòng. Mặt khác, Chính phủ đã phát hành tiền mới. Cuối năm 1946, Quốc hội quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

– Lập bảng thống kê hoặc sơ đồ tư duy theo cách hiểu của các em. GV sửa chữa, góp ý.

– HS lựa chọn 1 giải pháp mà theo các em là quan trọng nhất (ví dụ: về xây dựng chính quyền,...) và giải thích, lập luận.

b) Cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoại, bảo vệ chính quyền cách mạng

*** Mục tiêu**

Trình bày được sách lược của Đảng, Chính phủ ta đối với giặc ngoại xâm và nội phản trong giai đoạn 1945 – 1946.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh, hãy cho biết:

+ Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã làm gì để chống ngoại xâm, nội phản.

+ Giải thích vì sao lúc đầu ta chủ trương đánh Pháp ở miền Nam, hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc, sau đó lại hoà hoãn với Pháp.

+ Lí do khiến Đảng và Chính phủ ta ký Hiệp định Sơ bộ (6–3–1946) và Tạm ước 14–9–1946 là gì.

– Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập ở cá nhân, trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp, tạo cơ hội các em thể hiện mình ở các vị trí khác nhau trong xã hội.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS, cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Đảng ta đã tiến hành cuộc đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao để chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ chính quyền cách mạng: Trước nhất là củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân, luyện tập quân sự, chuẩn bị vũ khí; thứ hai, tăng cường đoàn kết lực lượng dân tộc, ngày 29–5–1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam được thành lập bên cạnh Mặt trận Việt Minh.

– GV có thể giải thích cho HS hiểu được: với kẻ thù, Đảng chủ trương mềm dẻo trong sách lược đánh Pháp ở miền Nam, hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc,... vì:

- + Tránh một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù.
- + Đảng xác định Pháp là kẻ thù nguy hiểm nhất.
- + Ta cần có thời gian để xây dựng lực lượng,...

II. NHỮNG THẮNG LỢI QUÂN SỰ TIÊU BIỂU TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM (1946 – 1954)

1. Tìm hiểu cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ

* **Mục tiêu**

Trình bày được hoàn cảnh cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ và nội dung Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thông tin trả lời câu hỏi: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến trong hoàn cảnh nào. Nêu nội dung Lời kêu gọi đó.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận cặp đôi hoặc làm việc cá nhân.

– GV có thể mở rộng kiến thức cho HS bằng cách yêu cầu HS liên hệ với một số lời kêu gọi khác trong lịch sử khi đất nước bị giặc ngoại xâm đe doạ.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Hoàn cảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến:

Pháp phá hoại Hiệp định Sơ bộ ngày 6–3–1946 và Tạm ước ngày 14–9–1946, âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa. Thực dân Pháp liên tiếp gây ra những cuộc xung đột vũ trang, tàn sát nhiều đồng bào ta. Ngày 18–12–1946, Pháp gửi tối hậu thư buộc ta phải giải tán lực lượng tự vệ và giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng, nếu ta không chấp nhận thì chúng sẽ hành động. Trước tình hình đó, Trung ương Đảng quyết định phát động toàn quốc kháng chiến.

– Nội dung chính của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (theo sách HDH KHXH 9, tập hai, tr. 91).

2. Tìm hiểu đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng

* **Mục tiêu**

Trình bày được nội dung đường lối kháng chiến của Đảng.

* **Phương thức hoạt động**

– GV tổ chức cho HS đọc thông tin trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, trao đổi, thảo luận về yêu cầu đặt ra và báo cáo trước lớp.

– GV có thể mở rộng kiến thức cho HS bằng cách đặt câu hỏi: Các em hiểu như thế nào là kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh?

* **Gợi ý sản phẩm**

Đường lối kháng chiến của Đảng: Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

3. Tìm hiểu về cuộc chiến đấu 60 ngày đêm ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16

* **Mục tiêu**

Trình bày được về cuộc chiến đấu 60 ngày đêm ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16.

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình ảnh, hãy: Trình bày tóm tắt diễn biến cuộc chiến đấu bảo vệ thủ đô Hà Nội trong 60 ngày đêm (từ ngày 19–12–1946 đến ngày 17–2–1947) của Trung đoàn Thủ đô và ý nghĩa của cuộc chiến đấu đó.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại theo cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về các sự kiện lịch sử: cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, về Trung đoàn Thủ đô, về các chiến sĩ cảm tử quân,... GV có thể vận dụng các kĩ thuật kể chuyện, thuyết trình, triển lãm,...

– Trong quá trình HS làm việc, GV cần chú ý đến các HS và cặp đôi/nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* **Gợi ý sản phẩm**

– Trình bày tóm tắt diễn biến cuộc chiến đấu bảo vệ thủ đô Hà Nội:

Khoảng 8 giờ tối 19–12–1946, công nhân Nhà máy điện Yên Phụ phá máy, tắt điện, cuộc chiến đấu bắt đầu. Lực lượng vũ trang của ta đồng loạt tiến công các vị trí của quân Pháp. Nhân dân khiêng đồ đạc vứt ra đường làm thành các chướng ngại vật hoặc chiến luỹ để chiến đấu. Người già, trẻ em nhanh chóng tản cư ra ngoại thành. Lực lượng vũ trang “Quyết tử quân” được sự hỗ trợ của nhân dân đã chiến đấu anh dũng, quyết liệt, ngăn từng bước tiến của giặc,... Trong khói lửa của cuộc chiến đấu, Trung đoàn Thủ đô đã ra đời. Sau hai tháng chiến đấu, lực lượng của ta rút khỏi thành phố về vùng tự do một cách an toàn.

– Ý nghĩa của cuộc chiến đấu: Giam chân địch trong thành phố để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến, di chuyển kho tàng, công xưởng về chiến khu, bảo vệ an toàn cho Trung ương Đảng, trở lại căn cứ địa, lãnh đạo khoáng chiến lâu dài.

4. Tìm hiểu chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947

* **Mục tiêu**

Trình bày được những nét chính của chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947.

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát các hình ảnh, hãy:

+ Nêu âm mưu và hành động của Pháp khi tấn công lên Việt Bắc.

+ Trình bày chủ trương của ta trong chiến dịch Việt Bắc.

+ Trình bày trên lược đồ các hướng tấn công của Pháp và cuộc chiến đấu của ta trong chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.

Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại để HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về âm mưu, hành động của Pháp, diễn biến, ý nghĩa chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947... GV có thể hướng dẫn HS sử dụng lược đồ kết hợp với thuyết trình... để các em thể hiện khả năng của mình.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* **Gợi ý sản phẩm**

– *Âm mưu và hành động của Pháp*: Tháng 3–1947, Pháp thực hiện kế hoạch tiến công Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và quân chủ lực, triệt đường liên lạc quốc tế của ta, nhanh chóng giành thắng lợi quân sự, lập chính phủ bù nhìn và kết thúc nhanh chiến tranh. Chúng huy động 12.000 quân và hầu hết máy bay ở Đông Dương tiến công Việt Bắc theo ba hướng:

+ Sáng ngày 07–10–1947: Quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn,...
Quân bộ từ Lạng Sơn theo Đường số 4 lên Cao Bằng, vòng xuống Bắc Cạn; theo đường số 3, bao vây phía đông và bắc Việt Bắc.

+ Ngày 09–10–1947, quân bộ và lính thủy đánh bộ Pháp từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang, Chiêm Hoá, đánh Đài Thị, bao vây phía tây căn cứ địa Việt Bắc.

– *Chủ trương của ta*: Đảng chỉ thị: “*Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp*” (15–10–1947). Trên khắp các mặt trận ở Việt Bắc, quân dân ta anh dũng chiến đấu, đẩy lui ở các hướng tiến công của địch. Ở các mặt trận khác, phối hợp với Việt Bắc, quân dân ta đã kiềm chế, không cho địch tập trung binh lực vào các chiến trường chính. Kết quả ngày 19–12–1947, Pháp phải rút khỏi Việt Bắc.

– GV hướng dẫn HS dựa vào đoạn thông tin và lược đồ để trình bày diễn biến chính của chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.

5. Tìm hiểu chiến dịch Biên giới thu – đông 1950

* Mục tiêu

Trình bày được những nét chính của chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình ảnh, hãy:
 - + Giải thích vì sao ta chủ động mở chiến dịch Biên giới năm 1950.
 - + Trình bày diễn biến cuộc tiến công của quân ta trong chiến dịch Biên giới trên lược đồ và ý nghĩa của chiến dịch.
 - Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại để HS làm việc cá nhân hoặc nhóm để tìm hiểu về chiến dịch Biên giới năm 1950.
 - Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– *Ta chủ động mở chiến dịch Biên giới vì*: Liên Xô, Trung Quốc và các nước Đông Âu công nhận và đặt ngoại giao với Việt Nam. Quân đội ta ngày càng trưởng thành; hậu phương ngày càng vững mạnh.

+ Bước vào năm 1950, tình hình thế giới có nhiều thay đổi có lợi cho cuộc kháng chiến của ta. Tại Đông Dương, Pháp thua liên tiếp, Mĩ từng bước can thiệp sâu và “dính líu trực tiếp” vào cuộc chiến tranh. Với sự viện trợ của Mĩ, Pháp thực hiện “Kế hoạch Rové”, mục tiêu cắt đứt các đường liên lạc của ta và chuẩn bị tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc lần 2.

Trên cơ sở tình hình và phá âm mưu của địch, ta chủ động mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch; giải phóng một phần biên giới, mở đường liên lạc với Trung Quốc và thế giới dân chủ; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

– *Diễn biến chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950:*

Ngày 16–9–1950, ta mở đầu chiến dịch bằng trận đánh vào vị trí Đông Khê theo lối công kiên, sau hai ngày giành thắng lợi. Mất Đông Khê, Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng cô lập, quân Pháp được lệnh rút khỏi Cao Bằng theo Đường số 4. Địch thực hiện cuộc “hành quân kép”. Quân ta liên tục bao vây, chặn đánh địch và tiêu diệt hai binh đoàn này của Pháp (từ ngày 1–10 đến ngày 8–10–1950), buộc địch phải rút chạy. Kết thúc chiến dịch, ta đạt được cả ba mục tiêu đề ra làm phán kết hoạch Rove của Pháp.

Sau chiến dịch Biên giới, quân ta liên tiếp giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, đẩy địch ngày càng lún sâu vào thế bị động, đối phó.

6. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2–1951)

* Mục tiêu

Trình bày được nội dung chính của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

* Phương thức hoạt động

– GV tổ chức cho HS khai thác thông tin thông qua làm việc cá nhân (hoặc cặp đôi) để tóm lược nội dung chính của Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng.

– Mở rộng kiến thức: GV giải thích cho HS tại sao Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng được đánh giá là Đại hội của kháng chiến thắng lợi.

* Gợi ý sản phẩm

Nội dung chính của Đại hội:

– Thông qua hai báo cáo: *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và *Báo cáo bàn về cách mạng Việt Nam* của Tổng Bí thư Trường Chinh.

– Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

– Bầu Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư...

7. Tìm hiểu Chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ

a) Chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954

* Mục tiêu

Trình bày được nội dung của Kế hoạch Na-va, những nét chính của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và giải thích được vì sao nói cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân bước đầu làm phá sản Kế hoạch Na-va của Pháp – Mĩ.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát các hình ảnh, hãy:
 - + Trình bày nội dung kế hoạch Na-va.
 - + Trình bày cuộc Tiến công Đông – Xuân 1953 – 1954 trên lược đồ.
 - + Cho biết vì sao nói cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va của Pháp – Mĩ.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại để HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về âm mưu mới của Pháp – Mĩ, chủ trương của ta trong chiến cuộc Đông – Xuân 1953 – 1954. GV có thể hướng dẫn HS thảo luận thuyết trình theo nhóm, sử dụng lược đồ,... để HS rèn luyện các kỹ năng bộ môn.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS, cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– *Nội dung:* Kế hoạch Na-va được thực hiện theo hai bước như trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

– *Cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta trên lược đồ:*

+ Trên cơ sở đánh giá đúng tương quan lực lượng hai bên qua các chiến dịch từ năm 1950 đến năm 1953, tháng 9–1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp thông qua Kế hoạch tác chiến Đông – Xuân 1953 – 1954:

Phương hướng chiến lược: tập trung lực lượng mở những cuộc tấn công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà ở đó địch tương đối yếu nhưng chúng không thể bỏ, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta; nhằm tạo cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch.

Phương châm: tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt, đánh chắc, tiến chắc.

Quyết tâm chiến lược phải đập tan Kế hoạch Na-va ngay từ bước đầu. Vì vậy, trong Đông – Xuân 1953 – 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương, buộc Pháp phải phân tán thành năm nơi.

– *Cuộc tấn công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của ta đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va của Pháp – Mĩ vì:*

- + Pháp – Mĩ phải phân tán lực lượng đối phó với ta.
- + Điện Biên Phủ từ chỗ không có trong kế hoạch Na-va thì sau chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 trở thành trung tâm của kế hoạch Na-va.
- + Chuyển từ đồng bằng lên miền núi (Điện Biên Phủ).

b) Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

*** Mục tiêu**

Trình bày được những nét chính về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, hãy :
 - + Giới thiệu về tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của Pháp. Lí giải vì sao Pháp – Mĩ coi Điện Biên Phủ là “pháo đài bất khả xâm phạm”?
 - + Nêu suy nghĩ của em khi quan sát hình 34, 35.
 - + Trình bày diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ trên lược đồ.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại để HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về chiến dịch Điện Biên Phủ. GV có thể sử dụng kĩ thuật thảo luận, thuyết trình theo nhóm, sử dụng lược đồ, ... để HS rèn luyện các kĩ năng bộ môn.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

*** Gợi ý sản phẩm**

- GV giải thích và lí giải vì sao Pháp – Mĩ coi Điện Biên Phủ là pháo đài bất khả xâm phạm:
- + Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ: được Mĩ giúp đỡ, Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Lực lượng địch ở đây lúc cao nhất là 16.200 quân, được bố trí làm 49 cứ điểm, chia thành ba phân khu: phân khu Trung tâm có sở chỉ huy và sân bay Mường Thanh, phân khu Bắc, phân khu Nam.
- + Tập đoàn Điện Biên Phủ được xây dựng kiên cố, không có sức mạnh nào có thể công phá, nên Pháp – Mĩ đã coi Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm".
- HS có thể quan sát các hình 34, 35 và trình bày suy nghĩ về tinh thần chuẩn bị và chiến đấu trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đó là hai nguyên nhân quan trọng dẫn đến quân Pháp phải đầu hàng.

– Diễn biến Chiến dịch Điện Biên Phủ trên lược đồ:

Chiến dịch diễn ra ba đợt: Đợt 1 (từ 13–3 đến 17–3–1954): Ta tiêu diệt phân khu phía Bắc của địch; Đợt 2 (từ 30–3 đến 26–4–1954): Quân ta tiến công vào khu đông Mường Thanh cửa ngõ của trung tâm địch; Đợt 3 (từ 1–5 đến 7–5–1954): Bộ đội ta đánh các điểm cao còn lại ở phía đông và tổng công kích vào khu trung tâm Mường Thanh, khu Nam Hồng Cúm. Sau gần hai tháng chiến đấu liên tục và quyết liệt của bộ đội ta, Chiến dịch Điện Biên Phủ hoàn toàn thắng lợi. Cùng thời gian, các chiến trường toàn quốc đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm tiêu hao, giam chân, phân tán lực lượng địch, tạo điều kiện cho Điện Biên Phủ giành toàn thắng.

III. HIỆP ĐỊNH GIO-NE-VO VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HOÀ BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

*** Mục tiêu**

Trình bày được những nội dung chính của Hiệp định Gio-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát các hình ảnh trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, hãy :

+ Nêu nội dung chính và ý nghĩa của Hiệp định Gio-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

+ So sánh và nhận xét quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam trong Hiệp định Sơ bộ (6–3–1946), Hiệp định Gio-ne-vơ (21–7–1954).

+ Nêu những hạn chế của Hiệp định Gio-ne-vơ.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại để HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm để phân tích nội dung Hiệp định Gio-ne-vơ. GV có thể sử dụng kĩ thuật thảo luận, thuyết trình theo nhóm,... để HS rèn luyện các kĩ năng bộ môn.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Nội dung Hiệp định Gio-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương*

+ Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

- + Hai bên tham chiến (lực lượng kháng chiến ở các nước Đông Dương và lực lượng quân xâm lược Pháp) cùng ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.
- + Hai bên tham chiến thực hiện cuộc di chuyển, tập kết quân đội ở hai vùng: Quân đội cách mạng Việt Nam và quân đội xâm lược Pháp tập kết ở hai miền Bắc và Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời.
- + Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước, sẽ tổ chức vào tháng 7-1956 dưới kiểm soát của một Ủy ban quốc tế...

– *Ý nghĩa của Hiệp định Gio-ne-vơ:*

Hiệp định Gio-ne-vơ cùng với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp của Mĩ ở Việt Nam, Lào và Campuchia.

Với Hiệp định Gio-ne-vơ 1954 về Đông Dương, Pháp buộc phải rút hết quân đội về nước; Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương; miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

– *So sánh quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam:*

Hiệp định Sơ bộ: Pháp mới công nhận Việt Nam là quốc gia tự do, nằm trong Khối liên hiệp Pháp.

Hiệp định Gio-ne-vơ: Pháp đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam là: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

– *Nhận xét về quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam:*

- + Quyền dân tộc cơ bản trong Hiệp định Sơ bộ còn bị hạn chế vì phụ thuộc Pháp.
- + Quyền dân tộc cơ bản trong Hiệp định Gio-ne-vơ đã được Pháp và các nước tham dự cam kết tôn trọng. Đó là thắng lợi lớn trên mặt trận ngoại giao của Việt Nam.
- + Đây là văn bản pháp lí quốc tế, ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương, được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng. Cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Gio-ne-vơ đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kì và gian khổ kéo dài 9 năm, lập lại hoà bình ở cả Việt Nam, Lào, Campuchia.

– *Hạn chế của Hiệp định Gio-ne-vơ:* Việt Nam chưa được thống nhất vì mới giải phóng được miền Bắc, còn miền Nam vẫn phải tiếp tục cuộc kháng chiến chống Mĩ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

IV. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

*** Mục tiêu**

Trình bày được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, hãy cho biết:

+ Vì sao cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) giành thắng lợi.

+ Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Việt Nam và ảnh hưởng như thế nào đến phong trào cách mạng thế giới? Ý nghĩa nào là quan trọng nhất? Vì sao?

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại để HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp. GV có thể sử dụng kĩ thuật tranh luận, phản biện để các em đưa ra ý kiến của cá nhân mình khi lựa chọn nguyên nhân quan trọng nhất.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS, cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi là vì:*

+ *Thứ nhất*, cuộc kháng chiến có sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn. Đó là kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực自救 sinh; với chiến lược, chiến thuật của chiến tranh nhân dân, kết hợp hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến phù hợp với điều kiện nước ta; đoàn kết dân tộc và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới.

+ *Thứ hai*, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi là do toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, dũng cảm chiến đấu vì độc lập, tự do. Với tinh thần “thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, quân, dân ta đã vượt mọi khó khăn, gian khổ, không quản ngại hi sinh, nêu cao truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng để chiến đấu giành thắng lợi.

+ *Thứ ba*, đó là thắng lợi của tình đoàn kết giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung.

+ *Thứ tư*, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có sự giúp đỡ, ủng hộ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân khác, của nhân dân Pháp và nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới.

– *Ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp*

+ *Đối với nước ta:*

- Thực dân Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương về mặt pháp lý, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai và ách thống trị trong gần một thế kỷ trên đất nước ta.

- Miền Bắc Việt Nam được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ *Đối với thế giới:*

- Tiếp theo Cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi là một đòn mạnh giáng vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

- Đây là thắng lợi của nhân dân ta, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình dân chủ trên thế giới. Vì vậy, nó có tác dụng cỗ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, trước hết là các nước châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.

– HS có thể chọn 1 ý nghĩa và giải thích vì sao theo các em là quan trọng nhất.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai và tổ chức cho HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi với bạn:
 - GV hướng dẫn HS hoàn thành bảng theo yêu cầu vào vở về những biện pháp giải quyết khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sau ngày 2-9-1945.

– Ghép nối mốc thời gian với các sự kiện sao cho phù hợp.

1. Ngày 19–12–1946

a) Chiến dịch Việt Bắc

2. Thu – đông 1947

b) Chiến dịch Biên giới

3. Thu – đông 1950

c) Toàn quốc kháng chiến

4. Đông – xuân 1953 – 1954

d) Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi

5. Ngày 7–5–1954

e) Tiến công chiến lược

6. Ngày 21–7–1954

g) Hiệp định Gio-ne-vơ về Đông Dương được kí kết

– Lập bảng thống kê các chiến thắng quân sự của ta từng bước đánh bại thực dân Pháp (1946 – 1954) theo các nội dung: thời gian, chiến thắng tiêu biểu, ý nghĩa.

3. Gợi ý sản phẩm

– *Hoàn thành bảng về những khó khăn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau ngày 2–9–1945.*

| Những khó khăn | Biện pháp giải quyết | Kết quả |
|---------------------|---|--|
| Chính quyền non trẻ | Ngày 6–1–1946, tiến hành Tổng tuyển cử trong cả nước bầu Quốc hội đầu tiên. Thông qua Chính phủ kháng chiến. | Có hơn 90% cử tri đi bầu, bầu được 333 đại biểu Quốc Hội. Xây dựng chính quyền vững chắc. |

| | | |
|---------------------------|--|---|
| Giặc đói | Trước mắt : kêu gọi "nhường cơm sẻ áo", "lập hũ gạo cứu đói"... Chính phủ tích cực phân phối thóc gạo giữa các địa phương trong toàn quốc, ra sắc lệnh nghiêm trị những kẻ đầu cơ, tích trữ thóc gạo. | |
| | Lâu dài : đề ra chính sách “tăng gia sản xuất”, ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác của chế độ cũ, giảm tô 25%, giảm thuế ruộng đất 20%, tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công ... | Giải quyết nạn đói, tăng cường sản xuất. |
| Giặc dốt | Trước mắt : Ngày 8–9–1945, thành lập Nha bình dân học vụ để phụ trách việc xoá nạn mù chữ. | Nhanh chóng xóa nạn mù chữ. Tiếng Việt được dùng giảng dạy trong các trường phổ thông và đại học. |
| | Lâu dài : mở trường học các cấp phổ thông và đại học. | |
| Tài chính | Trước mắt : Kêu gọi sự đóng góp của nhân dân qua “Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập”,... | Khắc phục tình trạng ngân khố trống rỗng, dần ổn định tài chính. |
| | Lâu dài : Chính phủ đã phát hành tiền mới. | |
| Giặc ngoại xâm – nội phản | Trước ngày 6–3–1946 : Đánh Pháp hoà Tưởng. Nội phản: trùng trị nghiêm khắc. | Tránh được cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, tạo thời gian cho ta chuẩn bị kháng chiến. |
| | Sau ngày 6–3–1946 : Hòa Pháp đuổi Tưởng. Nội phản: trùng trị nghiêm khắc. | |

– *Nối các sự kiện sao cho phù hợp*

2 – d) ; 3 – a) ; 4 – b) ; 5 – f) ; 6 – e) ; 7 – g)

– *Lập bảng thống kê các chiến thắng quân sự của ta từng bước đánh bại thực dân Pháp (1946 – 1954) theo các nội dung: thời gian, chiến thắng tiêu biểu, ý nghĩa.*

| Thời gian | Chiến thắng tiêu biểu | Ý nghĩa |
|-------------|--|--|
| 1945 – 1946 | Chiến đấu ở các đô thị Bắc vĩ tuyến 16 | Đánh tiêu hao sinh lực địch, cản bước tiến kẻ thù, tạo điều kiện cho cơ quan đầu não của ta rút về vùng an toàn. |
| 1947 | Chiến dịch Việt Bắc | Buộc Pháp phải đánh lâu dài với ta. |
| 1950 | Chiến dịch Biên giới | Ta giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ. |
| 1953 – 1954 | Tiến công chiến lược Đông – Xuân năm 1953 – 1954 | Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava của Pháp – Mĩ. |
| 1954 | Chiến dịch Điện Biên Phủ | Đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

– Tiểu sử và giới thiệu một số nhân vật lịch sử liên quan đến cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). Ví dụ:

+ Về Đại tướng Võ Nguyên Giáp: tìm hiểu lí do vì sao Võ Nguyên Giáp được phong hàm Đại tướng. Tìm đọc Hồi kí *Chiến đấu trong vòng vây* của Võ Nguyên Giáp, tìm hiểu những cách đánh và nhân vật làm nên chiến thắng của chiến dịch Việt Bắc.

+ Những tấm gương tiêu biểu trong kháng chiến chống Pháp: La Văn Cầu, “Lượm”, Phan Đình Giót,...

– Những tên tướng Pháp bại trận tại Việt Nam trong những năm 1945 – 1954.

* Lưu ý:

– Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyến khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

– HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử...

– Đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học.

– Tìm đọc các cuốn sách:

+ *Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp – người anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010.

+ *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với chiến dịch Điện Biên Phủ*, NXB Quân đội, Hà Nội, 2004.

+ Phạm Quế Dương, *Mười danh tướng thế giới*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1994.

+ *Hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp* – Hữu Mai thể hiện, NXB Quân đội, Hà Nội, 2001.

– Các trang web:

<http://btlsqsvn.org.vn/showid.php?id=1405>

<http://btctlsdienbienphu.svhttdldienbien.gov.vn/Article/188/An-tuong-Bao-tang-Chien-thang-Dien-Bien-Phu.html>

BÀI 24. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1975

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

– Xác định được hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng hai miền Nam – Bắc Việt Nam sau Hiệp định Gio-ne-vơ 1954 về Đông Dương.

– Tái hiện được những nét chính về cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống các chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ (1954 – 1975); hiểu rõ vai trò của hậu phương miền Bắc trong giai đoạn này.

– Đánh giá được vai trò của Đảng trong việc lãnh đạo nhân dân hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược giai đoạn 1954 – 1975.

– Phân biệt được các thuật ngữ, khái niệm cơ bản: nhiệm vụ chiến lược, chiến tranh thực dân kiểu mới, chiến tranh đặc biệt,...

– Rèn luyện các kỹ năng: đọc hiểu thông tin, sử dụng kênh hình, rút ra bài học lịch sử, kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong học tập lịch sử.

– Khâm phục tinh thần lao động sản xuất, anh dũng chiến đấu và ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta; chống lại các luận điệu xuyên tạc và có thái độ khách quan khi đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử; bồi dưỡng ý thức tự học.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa gợi lại những kiến thức đã biết vừa tạo mâu thuẫn nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học, đó là: Tình hình và hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng hai miền Nam – Bắc Việt Nam sau Hiệp định Gio-ne-vơ 1954 về Đông Dương; những nét chính về âm mưu, thủ đoạn của các chiến lược chiến tranh mà Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam; cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống các chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ (1954 – 1975); vai trò của hậu phương miền Bắc trong giai đoạn 1954 – 1975; vai trò của Đảng lãnh đạo nhân dân hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược giai đoạn 1954 – 1975. Trong bài học GV cần vận dụng sáng tạo linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Hoạt động khởi động nhằm tạo ra mâu thuẫn nhận thức giữa những kiến thức đã biết và chưa biết về sự kiện lịch sử được đề cập đến từ đó kích thích sự hứng thú, khát khao, mong muốn tìm hiểu những vấn đề chưa biết ở hoạt động hình thành kiến thức của bài học.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS (theo tài liệu HDH KHXH 9, tập hai).
- Tùy theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

3. Gợi ý sản phẩm

– Mỗi HS có thể trình bày hiểu biết của mình ở với các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, những hiểu biết đó chưa đầy đủ, chưa có hệ thống mà chỉ là những hiểu biết ban đầu. Cũng có thể có những HS không biết được nội dung của những hình ảnh trên, GV gợi ý để HS biết được những hình ảnh đó liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975).

– HS muốn tìm hiểu đầy đủ, chi tiết những nội dung đó thì cần phải tìm hiểu nội dung của bài học.

– GV dẫn dắt các em vào tìm hiểu những nội dung cụ thể của bài học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I. TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GENEVE 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

1. Mục tiêu

Trình bày được tình hình Việt Nam sau Hiệp định Geneva 1954 về Đông Dương.

2. Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh, hãy:
 - + Tóm tắt tình hình Việt Nam sau Hiệp định Geneva năm 1954 về Đông Dương.
 - + Giải thích vì sao hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam – Bắc để tổ chức Tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước (theo quy định của Hiệp định Geneva 1954 về Đông Dương) không được thực hiện.
 - + Suy đoán về nhiệm vụ chiến lược đặt ra cho cách mạng hai miền Nam – Bắc sau Hiệp định Geneva về Đông Dương.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Hình ảnh "Toàn lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hải Phòng (15-5-1955)" để các em biết được thời điểm miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

3. Gợi ý sản phẩm

- *Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Geneva 1954 về Đông Dương:*
 - + Ngày 10-10-1954, quân Pháp rút khỏi Hà Nội. Giữa tháng 5-1955, quân Pháp rút khỏi Hải Phòng, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng.
 - + Khi rút quân, Pháp mang theo hoặc phá hỏng nhiều máy móc, thiết bị; dù dỗ, cưỡng ép nhiều đồng bào công giáo vào Nam để thực hiện ý đồ phá hoại cách mạng.
 - + Ở miền Nam, Mỹ thay Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam.
 - *Hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam – Bắc để tổ chức Tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước (theo quy định của Hiệp định Geneva 1954 về Đông Dương) không được thực hiện vì:*

Mĩ vào thay Pháp dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

– *Nhiệm vụ chiến lược đặt ra cho cách mạng hai miền Nam – Bắc sau Hiệp định Geneva-về Đông Dương.*

+ Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

+ Miền Nam tiếp tục chiến đấu chống Mĩ xâm lược, giải phóng đất nước.

II. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CÁC CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC THỰC DÂN KIỀU MỚI CỦA MĨ (1954 – 1973)

1. Tìm hiểu cuộc đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới “Đồng khởi” (1959 – 1960) của nhân dân miền Nam

*** Mục tiêu**

Trình bày được cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chống chế độ Mĩ – Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới “Đồng khởi” (1959 – 1960).

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy:

+ Nêu nhiệm vụ và hình thức đấu tranh của cách mạng miền Nam giai đoạn 1954 – 1959.

+ Cho biết ý kiến về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Geneva 1954 về Đông Dương được kí kết.

+ Phân tích nguyên nhân, điều kiện dẫn tới phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) ở miền Nam.

+ Trình bày diễn biến chính của phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) trên lược đồ.

+ Cho biết vì sao nói phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) thắng lợi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng kỹ thuật "khăn trải bàn". HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi để trả lời các nội dung sau: nhiệm vụ và hình thức đấu tranh của cách mạng miền Nam (1954 – 1959); về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Geneva 1954 về Đông Dương; nguyên nhân, điều kiện dẫn tới phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960); diễn biến chính của phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) trên lược đồ; lí giải được phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) thắng lợi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam.

– GV tổ chức cho HS khai thác kênh hình: *Đồng bào miền Nam xuống đường biểu tình hòa bình chống Mĩ – Diệm* (1959) để biết được cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam,...

* Gợi ý sản phẩm

– *Nhiệm vụ và hình thức đấu tranh của cách mạng miền Nam (1954 – 1959)*:

Chuyển từ đấu tranh vũ trang thời kì chống Pháp sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Gioanevo, bảo vệ hoà bình và phát triển lực lượng cách mạng.

– *Ý kiến về phong trào đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của nhân dân miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Gioanevo 1954 về Đông Dương*.

+ Phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam lúc đầu là bằng biện pháp hoà bình.

+ Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Gioanevo.

– *Nguyên nhân, điều kiện dẫn tới phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960)*.

+ Trong những năm 1957 – 1959, Mĩ – Diệm tăng cường khủng bố, đàn áp cách mạng miền Nam; ra sắc lệnh "đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật", thực hiện "đạo luật 10/59" công khai chém giết những người vô tội khắp miền Nam...

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (đầu năm 1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường đấu tranh chính trị là chủ yếu kết hợp với đấu tranh vũ trang, đánh đổ ách thống trị của Mĩ – Diệm.

– *Diễn biến chính của phong trào Đồng khởi (1959 – 1960) trên lược đồ*.

+ Ngày 17-1-1960, "Đồng khởi" nổ ra ở huyện Mỏ Cày (Bến Tre), sau đó nhanh chóng lan ra toàn tỉnh, phá vỡ từng mảng lớn chính quyền của địch ở thôn, xã.

+ Từ Bến Tre, phong trào "Đồng khởi" như nước vỡ bờ, nhanh chóng lan ra khắp các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở Nam Trung Bộ.

– *Phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) thắng lợi đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam là vì:*

+ Trước "Đồng khởi" ta chỉ đấu tranh bằng biện pháp hoà bình.

+ Từ sau phong trào "Đồng khởi", ta đã sử dụng bạo lực cách mạng để đánh đổ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân.

2. Tìm hiểu về cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961 – 1965)

* Mục tiêu

Trình bày được cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ (1961 – 1965).

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy:
 - + Nêu âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam (1961 – 1965).
 - + Tóm tắt những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong việc làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 – 1965).
 - + Cho biết ý kiến về tinh thần đấu tranh chống chế độ Mĩ – Điểm của “đội quân tóc dài”, học sinh, sinh viên và các tín đồ Phật giáo miền Nam.
 - Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi hoặc nhóm để nêu âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam (1961 – 1965) và tóm tắt những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 – 1965).
 - Sau đó, GV tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại để nêu ý kiến về tinh thần đấu tranh chống chế độ Mĩ – Điểm của “đội quân tóc dài”, học sinh, sinh viên và các tín đồ Phật giáo miền Nam.
 - GV tổ chức cho HS khai thác kênh hình: *Chiến thuật “trực thăng vận” của Mĩ* để biết được vũ khí và trang bị kĩ thuật mà Mĩ sử dụng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”...
 - Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- *Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam (1961 – 1965).*
 - + Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” – một chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ, được tiến hành bằng quân đội tay sai, do “cố vấn” Mĩ chỉ huy cùng với vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mĩ.
 - + Mở các cuộc hành quân càn quét, tiêu diệt lực lượng cách mạng, tiến hành dồn dân lập “áp chiến lược”, nhằm tách dân khỏi cách mạng, tiến tới bình định miền Nam.
 - *Những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam làm thất bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ (1961 – 1965):*
 - + Trên mặt trận chống phá “bình định”, ta và địch đấu tranh giằng co giữa lập và phá “áp chiến lược”.
 - + Trên mặt trận quân sự, quân và dân ta giành thắng lợi vang dội ở Ấp Bắc (Mĩ Tho) ngày 2-1-1963.

- + Các cuộc đấu tranh chính trị của tăng ni, Phật tử, của quần chúng nhân dân,... đã làm cho Mĩ phải làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền của anh em Diệm – Nhu (1–11–1963)...
- + Với các chiến thắng Bình Giã (Bà Rịa), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà),... trong đông – xuân 1964 – 1965 trên khắp miền Nam đã từng bước làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ.

– *Tinh thần đấu tranh chống chế độ Mĩ – Diệm của "đội quân tóc dài", học sinh, sinh viên và các tín đồ Phật giáo miền Nam:*

- + Thể hiện tinh thần toàn dân đánh giặc của nhân dân ta ở khắp miền Nam.
- + Thể hiện quyết tâm đánh giặc không sợ hi sinh.

3. Tìm hiểu cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 – 1968)

* Mục tiêu

Trình bày được cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ (1965 – 1968).

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy:
- + Chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa hai chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 – 1968) và "Chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam.
- + Giới thiệu những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong những năm 1965 – 1967 góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.
- + Nêu suy nghĩ về nhận định: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Thông qua hình ảnh “Quân Mĩ đổ bộ xuống Vạn Tường (8 – 1965)”,... HS biết được tính chất khốc liệt của cuộc chiến tranh khi Mĩ trực tiếp tham chiến ở chiến trường miền Nam.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– *Những điểm giống và khác nhau giữa hai chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 – 1968) và “Chiến tranh đặc biệt (1961 – 1965) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam.*

Những điểm giống nhau:

+ Đều là những chiến lược chiến tranh xâm lược của Mĩ, nhằm chiếm đất, giành dân, đặt ách thống trị thực dân mới ở miền Nam Việt Nam.

+ Đều hoạt động phá hoại miền Bắc; kết hợp hoạt động quân sự với chính trị – ngoại giao.

Những điểm khác nhau:

| Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" | Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">– Lực lượng tham gia chiến tranh duy nhất là quân đội tay sai.– Vai trò của Mĩ trên chiến trường là "cố vấn" chỉ huy.– Vừa chiến tranh ở miền Nam vừa hoạt động phá hoại miền Bắc thông qua đội ngũ gián điệp, biệt kích. | <ul style="list-style-type: none">– Lực lượng tham gia chiến tranh là quân Mĩ, quân đồng minh của Mĩ, quân đội tay sai.– Mĩ vừa trực tiếp chiến đấu vừa có "cố vấn" chỉ huy.– Vừa chiến tranh ở miền Nam vừa mở rộng chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc. |

– *Những thắng lợi tiêu biểu của quân dân miền Nam trong những năm 1965 – 1967 góp làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.*

+ Mở đầu là thắng lợi ở Vạn Tường – Quảng Ngãi (8–1965). Chiến thắng Vạn Tường mở đầu cho cao trào "Tìm Mĩ mà đánh, lùng nguy mà diệt" trên khắp miền Nam.

+ Tiếp theo, quân dân miền Nam đánh bại các cuộc hành quân càn quét lớn của Mĩ trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

+ Phá vỡ từng mảng "áp chiến lược".

4. Tìm hiểu cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969 – 1973)

* Mục tiêu

Trình bày được cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" của Mĩ (1969 – 1973).

* Phương thức hoạt động

– Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

+ Lí giải vì sao bước sang năm 1969, Mĩ lại chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và mở rộng thành "Đông Dương hoá chiến tranh".

+ Cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

+ Tóm tắt những thắng lợi về chính trị, quân sự và ngoại giao của quân dân ba nước Việt Nam – Lào – Campuchia trong việc làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mĩ.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để HS hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Hình ảnh *Tổng thống R. Ních-xơn chỉ vào tấm bản đồ Đông Dương yêu cầu quân đội Mĩ tấn công căn cứ ở Campuchia (4 – 1970)* thể hiện quy mô của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh" giúp cho HS thấy được lúc này chiến tranh xâm lược của Mĩ không chỉ diễn ra trên đất nước Việt Nam mà còn lan rộng ra cả các nước Đông Dương. Hình ảnh *Mĩ rải chất độc hóa học xuống vùng Đồng bằng sông Cửu Long* phản ánh tính chất khốc liệt của chiến tranh...

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– Lí giải vì sao bước sang năm 1969, Mĩ lại chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và mở rộng thành "Đông Dương hoá chiến tranh".

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, thực hiện "Đông Dương hoá chiến tranh".

– Cho biết âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và "Đông Dương hoá chiến tranh".

+ Âm mưu, thủ đoạn của Mĩ là cực kì thâm độc: quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ rút dần khỏi chiến tranh để giảm bớt xương máu người Mĩ trên chiến trường, đồng thời tăng cường lực lượng quân đội Sài Gòn, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần và vẫn do Mĩ chỉ huy bằng hệ thống "cố vấn" quân sự. Thực chất, đó là sự tiếp tục thực hiện âm mưu "dùng người Việt đánh người Việt" của Mĩ.

+ Dùng quân đội Sài Gòn được sử dụng như là lực lượng xung kích trong các cuộc hành quân mở rộng xâm lược Campuchia (1970), Lào (1971), thực hiện âm mưu "dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương,...

- Tóm tắt thắng lợi về chính trị, quân sự và ngoại giao của quân dân ba nước Việt Nam
- Lào – Campuchia làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mĩ.

+ Trên mặt trận chính trị : Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời (6–1969), Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp (4–1970) để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mĩ.

+ Trên mặt trận quân sự: Quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn (từ tháng 4 đến tháng 6–1970). Từ tháng 2 đến tháng 3–1971, quân đội Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã đập tan cuộc hành quân mang tên "Lam Sơn – 719" của 4,5 vạn quân Mĩ và quân đội Sài Gòn nhằm chiếm giữ Đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

+ Khắp các đô thị, phong trào của các tầng lớp nhân dân diễn ra liên tục. Đặc biệt ở Huế, Sài Gòn, phong trào học sinh, sinh viên diễn ra rầm rộ.

III. MIỀN BẮC TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

1. Tìm hiểu về miền Bắc trong những năm đầu sau Hiệp định Gio-ne-vơ 1954 về Đông Dương

*** Mục tiêu**

Nêu được nhiệm vụ và công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

+ Nêu nhiệm vụ và thành tựu chính của miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1960.

+ Đánh giá về tác động của công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng kĩ thuật "khăn trải bàn". HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi để nêu nhiệm vụ, thành tựu chính của miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1960 và đánh giá về tác động của công cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc.

– GV tổ chức cho HS khai thác kênh hình: *Nông dân vui mừng được chia ruộng trong cải cách ruộng đất phản ánh kết quả của công cuộc cải cách ruộng đất và niềm vui của người nông dân khi được làm chủ thửa ruộng của mình.*

*** Gợi ý sản phẩm**

– Nhiệm vụ và thành tựu chính của miền Bắc từ năm 1954 đến năm 1960.

+ Sau Hiệp định Giơnevo 1954 về Đông Dương, miền Bắc có nhiệm vụ phải nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, sau đó tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho miền Nam.

+ Qua 5 đợt cải cách ruộng đất, có khoảng 81 vạn ha ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ lấy từ tay giai cấp địa chủ chia cho 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu "Người cày có ruộng" đã trở thành hiện thực.

– *Tác động của cải cách ruộng đất ở miền Bắc.*

+ Sau cải cách, bộ mặt nông thôn miền Bắc thay đổi, giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ. Giai cấp nông dân được giải phóng trở thành người chủ ở nông thôn. Khối công nông liên minh được củng cố.

+ Thành công này đã góp phần thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh ở miền Bắc.

2. **Tim hiểu Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960)**

* **Mục tiêu**

Trình bày được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960)

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

+ *Nêu hoàn cảnh diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.*

+ *Trình bày và nhận xét về hai nhiệm vụ chiến lược được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng xác định cho hai miền Bắc – Nam.*

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu về hoàn cảnh diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng.

– Sau đó, cho HS trình bày và nhận xét về hai nhiệm vụ chiến lược được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng xác định cho hai miền Bắc – Nam.

– Trong quá trình HS làm việc, GV có thể gợi ý hoặc trợ giúp HS khi các em gặp khó khăn.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin để HS hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Hình ảnh về *Đoàn chủ tịch Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960)* phản ánh quan cảnh của Đại hội...

* Gợi ý sản phẩm

– *Đại hội toàn đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng diễn ra trong hoàn cảnh:*

+ Miền Bắc giành được những thắng lợi quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế.

+ Ở miền Nam, cách mạng có bước phát triển nhảy vọt với phong trào "Đồng khởi".

– *Hai nhiệm vụ chiến lược được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng xác định cho hai miền Bắc – Nam là:*

+ Hai nhiệm vụ chiến lược được Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng xác định cho hai miền Bắc – Nam là đúng đắn, phù hợp và sáng tạo.

+ Miền Bắc tiến hành cách mạng XHCN. Miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

+ Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

3. Tìm hiểu về miền Bắc trong những năm 1960 – 1975

* Mục tiêu

Trình bày được những nhiệm vụ mà cách mạng miền Bắc đạt được trong những năm 1960 – 1975.

* Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, quan sát kênh hình, hãy :

+ Làm sáng tỏ nhận định : Giai đoạn 1960 – 1975, miền Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960) đề ra.

+ Trình bày âm mưu và hành động của đế quốc Mĩ trong hai lần gây chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta.

+ Đánh giá về tác động của hai lần Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– *Giai đoạn 1960 – 1975, miền Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 – 1960) đề ra:*

- + Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965).
- + Miền Bắc sản xuất, thực hiện vai trò hậu phương và nghĩa vụ quốc tế.
- + Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ (1965 – 1968).
- + Miền Bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ (1972 – 1973).

– *Âm mưu và hành động của đế quốc Mĩ trong hai lần gây chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta:*

+ Mĩ âm mưu phá tiềng lực kinh tế, quốc phòng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam; uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta, tạo ưu thế trên bàn đàm phán ở Hội nghị Pari....

+ Không quân và hải quân Mĩ đánh phá miền Bắc vào mọi thời điểm trong ngày, ném bom cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, đèn, chùa, nhà thờ... phong toả cảng Hải Phòng cùng các cửa sông, luồng lạch, vùng biển miền Bắc nước ta.

- + Mĩ sử dụng các loại máy bay hiện đại nhất đánh phá miền Bắc.

– *Tác động của hai lần Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta:*

+ Ngăn cản, ảnh hưởng đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
+ Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.
+ Phá hoại, tàn phá nhiều cơ sở vật chất, máy móc, cầu cống, đường giao thông... miền Bắc.

IV. TÌM HIỂU HIỆP ĐỊNH PA RI NĂM 1973 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Trình bày được nội dung Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và đánh giá được những tác động của việc ký Hiệp định Pari năm 1973 về Việt Nam.

2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy :

- + Nêu nội dung cơ bản của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.
- + Đánh giá tác động của việc ký Hiệp định Pari năm 1973 đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta.

- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, sau đó trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi hoặc nhóm để tìm hiểu nội dung cơ bản của Hiệp định.
- Sau đó, GV tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại để đánh giá tác động của việc kí Hiệp định Pari năm 1973 đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta.
- Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để HS hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này.
- Trong quá trình HS làm việc, GV có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

3. Gợi ý sản phẩm

- *Nội dung cơ bản của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam:*
 - + Hoa Kì và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
 - + Hoa Kì rút hết quân đội của mình và quân đồng minh, huỷ bỏ các căn cứ quân sự Mĩ, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.
 - + Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.
 - + Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.
 - + Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.
- *Tác động của việc kí Hiệp định Pari năm 1973 đối với cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta:*
 - + Là bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
 - + Buộc Mĩ phải rút quân về nước, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

V. GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VẸN LÃNH THỔ TỐ QUỐC (1973 – 1975)

1. Tìm hiểu cuộc đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari năm 1973, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam

*** Mục tiêu**

Trình bày được cuộc đấu tranh chống Mĩ và chính quyền Sài Gòn sau Hiệp định Pari năm 1973, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình, hãy:
 - + Lí giải vì sao sau Hiệp định Pari năm 1973, Đảng vẫn xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiếp tục con đường bạo lực cách mạng.
 - + Đánh giá tác động của chiến thắng Phước Long (6–1–1975).
- Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học của bộ môn và kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức hoạt động học tập cá nhân và trao đổi cặp đôi hoặc nhóm, sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Tiếp đó, GV tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại để tìm hiểu được những tác động của chiến thắng Phước Long (6–1–1975).
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS và cặp đôi hoặc nhóm để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

- Sau Hiệp định Pari 1973, Đảng vẫn xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiếp tục con đường bạo lực cách mạng vì:
 - + Mãi vẫn để lại hơn 2 vạn cỗ vấn quân sự, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ cho chính quyền Sài Gòn.
 - + Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pari, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, liên tiếp mở những cuộc hành quân “bình định – lấn chiếm” vùng giải phóng của ta. Đây thực chất là hành động tiếp tục chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Ních-xơn.
- Tác động của chiến thắng Phước Long (6–1–1975):
 - + Chiến thắng Phước Long đã tạo ra thời cơ mới cho quân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.
 - + Mãi không có khả năng đưa quân trở lại chiến trường miền Nam.

2. Tìm hiểu về chiến dịch giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

* Mục tiêu

Trình bày được cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 giải phóng miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.

* Phương thức hoạt động

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình, hãy:
 - + Xác định điều kiện, thời cơ để Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam. Nêu nội dung của kế hoạch đó.
 - + Tóm tắt diễn biến chính cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 trên lược đồ.
 - + Phân tích ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.
- Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này.
- Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* Gợi ý sản phẩm

– Điều kiện, thời cơ để Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam và nội dung của kế hoạch đó:

- + Cuối năm 1974 – đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ (từ sau Hiệp định Pari, Mĩ rút quân) có lợi cho cách mạng. Chiến thắng Phước Long (6–1–1975) với sự phản ứng yếu ớt của quân đội Sài Gòn và việc quân Mĩ ít có khả năng quay lại.
- + Bộ Chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975 và 1976, nhưng Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh: "Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975"...

– Diễn biến chính cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975:

+ Chiến dịch Tây Nguyên (từ 4–3 đến 24–3):

Ngày 10–3–1975, quân ta đánh trận mở màn then chốt ở Buôn Ma Thuột và nhanh chóng giành thắng lợi, địch phải rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên về duyên hải miền Trung, bị quân ta truy kích tiêu diệt, đến ngày 24–3–1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

+ Chiến dịch Huế – Đà Nẵng (từ 21–3 đến 29–3):

Ngày 21–3, quân ta tiến công Huế và chặn đường rút chạy của địch. Ngày 26–3, quân ta giải phóng Huế. Sáng 29–3, quân ta tiến công thành phố Đà Nẵng. Đến 3 giờ chiều, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

Từ cuối tháng 3 đến tháng 4, nhân dân các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam Bộ nổi dậy giải phóng.

+ *Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26–4 đến 30–4):*

Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh.

5 giờ chiều 26–4, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh. 10 giờ 45 ngày 30–4, xe tăng ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập. Tổng thống Việt Nam Cộng hoà Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

11 giờ 30 phút, lá cờ cách mạng tung bay trên Dinh Độc lập, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

– *Ý nghĩa lịch sử của chiến dịch Hồ Chí Minh 1975:*

+ Là chiến thắng kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, được ví như các chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đồng Đa của thế kỉ XX.

+ Là đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

+ Thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng ta.

3. Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975)

*** Mục tiêu**

Nêu, phân tích, đánh giá được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình, hãy:

+ Nêu và phân tích ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

+ Đánh giá vai trò của Đảng trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại ở các cặp đôi sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

*** Gợi ý sản phẩm**

– *Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975):*

a) Ý nghĩa lịch sử

+ Đã kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mĩ, cứu nước và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước.

+ Mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

+ Tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và thế giới, là nguồn cỗ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc.

b) Nguyên nhân thắng lợi

+ Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo.

+ Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm.

+ Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh.

+ Sự đoàn kết giúp đỡ nhau của ba dân tộc ở Đông Dương ; sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

– Vai trò của Đảng trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975):

+ Đảng đề đường lối chiến lược đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng miền Nam thông qua Nghị quyết Trung ương lần thứ 15, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, chủ trương kế hoạch giải phóng miền Nam...

+ Trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước đến thắng lợi.

+ Thực hiện tranh thủ sự ủng hộ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và quốc tế.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức của nội dung bài học: Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng hai miền Nam – Bắc Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương; những nét chính về cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam chống các chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mĩ (1954 – 1975); vai trò của hậu phương miền Bắc trong giai đoạn này; vai trò của Đảng lãnh đạo nhân dân hai miền thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược giai đoạn 1954 – 1975.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành các bài tập theo yêu cầu trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai.

3. Gợi ý sản phẩm

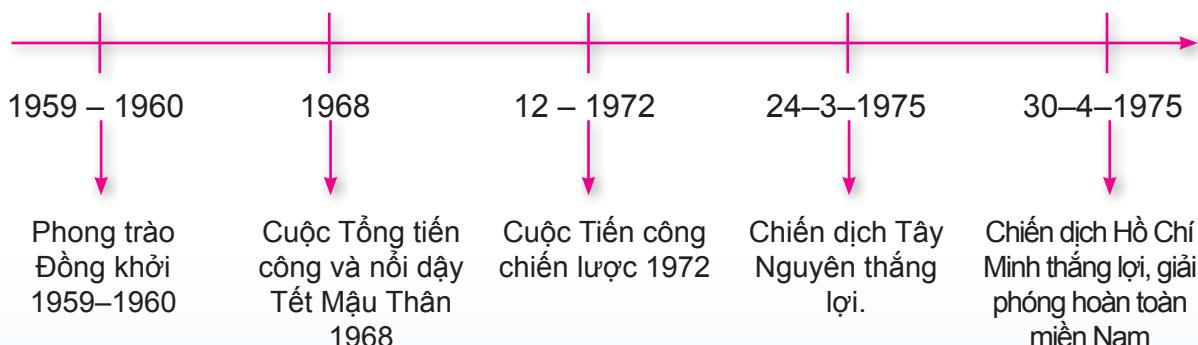
– Vì sao sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, nước Việt Nam lại bị chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị – xã hội khác nhau?

Vì sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết, đế quốc Mĩ liền nhảy vào cuộc chiến, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

– Nhiệm vụ của cách mạng hai miền Bắc – Nam:

Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Cách mạng hai miền có quan hệ gắn bó mật thiết và tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

– Vẽ trục thời gian (theo mẫu) và điền những thắng lợi có tính chất bước ngoặt của nhân dân hai miền Nam – Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 – 1975).



– Bảng tóm tắt về các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Việt Nam (1954 – 1975).

| Thời gian | Chiến lược | Âm mưu | Thắng lợi có tính chất bước ngoặt của nhân dân ta |
|-------------|-----------------------------------|--|---|
| 1954 – 1960 | Chiến lược chiến tranh đơn phương | Biển miền Nam thành thuộc địa kiểu mới... chiến dịch tống cộng, diệt cộng... | Phong trào “Đồng khởi” 1959 – 1960 |

| | | | |
|-------------|---|---|---|
| 1961 – 1965 | Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” | Âm mưu cơ bản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt” | Chiến thắng Ấp Bắc (Mĩ Tho) 1963, Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước)... |
| 1965 – 1968 | Chiến lược “chiến tranh cục bộ”. | Thực hiện chiến lược “tìm diệt”, cố giành lại thế chủ động trên chiến trường và đẩy ta lâm vào thế phòng ngự, bị phân tán nhỏ rồi tàn lụi dần... | Thắng lợi ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) 1965, thắng lợi hai mùa khô 1965 – 1966, 1966 – 1967, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. |
| 1969 – 1973 | Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” | Dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương, rút dần quân Mĩ về nước, thực hiện “thay đổi màu da trên xác chết”. | Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, Hiệp định Pari 1973 về lập lại hoà bình Việt Nam được kí kết. |
| 1973 – 1975 | Tiếp tục chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”. | Phá hoại Hiệp định Pari, tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, liên tiếp mở những cuộc hành quân “bình định – lấn chiếm”... | Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 thắng lợi. |

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

1. Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập và thực tiễn.

2. Phương thức hoạt động

– GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành các bài tập trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai vào vở.

– Nêu suy nghĩ, nhận xét khi quan sát những hình ảnh liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của nhân dân Việt Nam (1954 – 1975) trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, tr. 156 – 158.

– Theo em, đất nước Việt Nam sẽ phát triển như thế nào nếu không bị chia cắt, không bị chiến tranh tàn phá?

– Nếu em là Bộ trưởng Quốc phòng Mĩ trong thời gian từ năm 1954 đến năm 1975, em có tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam không? Vì sao?

– Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước có góp phần làm “xói mòn” trật tự “hai cực” I-an-ta không? Vì sao?

3. Gợi ý sản phẩm

Đây là những câu hỏi mở nên GV hướng dẫn HS trình bày theo ý hiểu của mình như tán đồng hay không tán đồng? Đồng thời đưa ra những chứng cứ, lập luận để chứng minh.

* Lưu ý:

– Hoạt động này không bắt buộc tất cả HS đều phải làm việc và làm việc như nhau, mà khuyết khích HS thực hiện và trao đổi, chia sẻ sản phẩm với nhau.

– HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử...

– Đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Nhằm giúp những HS có mong muốn, nhu cầu tìm hiểu thêm các nội dung, nhân vật lịch sử có liên quan đến bài học. Với những yêu cầu sau:

1. Sưu tầm tranh ảnh, mẫu chuyện về các chiến lược chiến tranh xâm lược của Mĩ ở Việt Nam và cuộc chiến đấu chống Mĩ của nhân dân ta (1954 – 1975).

2. Tìm đọc (tra cứu trên Internet) cuốn sách "Why Viet Nam?" (Tại sao Việt Nam?) của L.A.Patti để góp phần lý giải câu hỏi "Vì sao Mĩ thua ở Việt Nam?".

3. Xem phim tài liệu lịch sử về cuộc chiến tranh Mĩ xâm lược Việt Nam (1954 – 1975), gồm 3 tập (đã chiếu trên VTV1, hoặc tìm kiếm trên Internet) : Tập 1 – Cội rễ của chiến tranh ; Tập 2 – Bí ẩn về vũ khí ; Tập 3 – Bí ẩn về con người.

- GV hướng dẫn các em có thể lựa chọn một trong số các nội dung dưới đây để tìm hiểu.
- HS có thể viết báo cáo (đoạn văn, trình chiếu hay bộ sưu tập ảnh...)
- HS chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử...
- Đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

BÀI 25. VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Mục tiêu

Sau bài học, HS :

- Nêu được tình hình của nước ta sau Đại thắng Xuân 1975 và việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 – 1976).
- Trình bày được hoàn cảnh, đường lối và những thành tựu của công cuộc thực hiện đường lối đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 2000.
- Rèn luyện kỹ năng trình bày, kỹ năng giải thích, phân tích, đánh giá, khai thác tranh ảnh lịch sử.
- Giáo dục tinh thần yêu nước, đoàn kết, dám nghĩ dám làm, sáng tạo, quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới.

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

Bài học này được thiết kế theo chuỗi hoạt động gồm: khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng, tìm tòi mở rộng. Hoạt động khởi động vừa gợi lại những kiến thức đã biết và tạo mâu thuẫn nhận thức cho HS, trên cơ sở đó dẫn dắt (kết nối) với nội dung kiến thức mới mà HS cần tìm hiểu của bài học, đó là: Tình hình của nước ta sau Đại thắng Xuân 1975 và việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 – 1976). Hoàn cảnh, đường lối và những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước (1986 – 2000).

Trong bài học, GV cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học đặc trưng của bộ môn và kỹ thuật dạy học tích cực để tổ chức các hoạt động học tập cho HS nhằm đạt được mục tiêu đặt ra.

II. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

Với việc HS quan sát hình 1 và 2, tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, tr. 159 để trả lời câu hỏi, HS có thể có những hiểu biết ban đầu về cuộc bầu cử Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước năm 1976 và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng tại Hội trường Ba Đình (Hà Nội), mở đầu thời kì đổi mới đất nước. Tuy nhiên, HS chưa thể có những hiểu biết đầy đủ về nội dung cụ thể và ý nghĩa, ảnh hưởng của hai sự kiện trên, từ đó kích thích sự mong muốn, khát khao tìm hiểu những nội dung đó, các em muốn biết thì phải đi vào giải quyết những nhiệm vụ của bài học ở các hoạt động tiếp theo.

2. Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS:

Quan sát kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai, tr. 159 và cho biết:

– Các hình ảnh đó gợi cho em nhớ đến những sự kiện nào của đất nước? Nêu những hiểu biết của em về những sự kiện đó.

– Sự kiện đó có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nước ta sau năm 1975.

Tùy theo tình hình của lớp học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cá nhân hoặc cặp đôi.

3. Gợi ý sản phẩm

Mỗi HS có thể trình bày sản phẩm với các mức độ khác nhau, GV nhận xét và có thể lựa chọn 1 sản phẩm nào đó của HS để làm tình huống kết nối vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu tình hình hai miền Bắc – Nam sau Đại thắng Xuân 1975

*** Mục tiêu**

Trình bày được tình hình hai miền Bắc – Nam sau Đại thắng Xuân 1975.

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát kênh hình, hãy: Nêu những thuận lợi và khó khăn của tình hình hai miền Bắc – Nam sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1975.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng phương pháp trao đổi đàm thoại cặp đôi, sau đó các cặp báo cáo kết quả làm việc trước lớp.

– Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Hình ảnh “Người dân miền Bắc tìm kiếm tài sản còn sót lại trong đống đổ nát sau cuộc không kích của máy bay Mĩ” và “Những cánh rừng bị phá huỷ vì chất độc hoá học của Mĩ”, giúp HS biết được hậu quả nặng nề từ cuộc chiến tranh của Mĩ đối với cả miền Bắc và miền Nam sau giải phóng.

– Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các cặp đôi để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

* **Gợi ý sản phẩm**

Nêu những thuận lợi và khó khăn của tình hình hai miền Bắc – Nam sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước năm 1975.

– Thuận lợi: Miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, xây dựng được cơ sở vật chất – kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn ở trung ương bị sụp đổ; trong chừng mực nhất định, miền Nam có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản.

– Khó khăn: Ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ còn để lại hậu quả nặng nề. Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá, ruộng đất bị bỏ hoang, đội ngũ thất nghiệp lên tới hàng triệu người... Ở miền Nam, những di hại xã hội cũ vẫn còn tồn tại.

2. Tìm hiểu việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

* **Mục tiêu**

Trình bày được việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

* **Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát kênh hình, hãy cho biết:

+ Tại sao sau Đại thắng Xuân 1975, nước ta cần thống nhất về mặt nhà nước.

+ Việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước sau Đại thắng Xuân 1975 diễn ra như thế nào? Nêu ý nghĩa.

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng kĩ thuật "khăn trải bàn". HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi để giải thích tại sao sau Đại thắng Xuân 1975, nước ta cần thống nhất về mặt nhà nước và công việc thống nhất về mặt nhà nước đã diễn ra như thế nào, đồng thời nêu được ý nghĩa của công việc thống nhất về mặt nhà nước.

– GV tổ chức cho HS khai thác kênh hình: "Đoàn tàu Thống nhất" và "Kì họp thứ nhất, Quốc hội khoá VI nước Việt Nam thống nhất" là biểu tượng của sự thống nhất đất nước về mọi mặt.

Thông tin bổ sung về hình ảnh “Đoàn tàu Thống nhất”:

Sau khi thống nhất đất nước, ngày 14–11–1975, Chính phủ đã quyết định khẩn trương khôi phục tuyến đường sắt Bắc – Nam nối Thủ đô Hà Nội với Thành phố Hồ Chí Minh. Phải mất hơn một năm làm việc quên mình không kể ngày đêm với núi công việc khổng lồ, hơn 6 vạn cán bộ, công nhân, bộ đội và nhân dân dọc tuyến đường sắt mới nối lại được tuyến đường sắt dài 1.730 km để chứng kiến giây phút cảm động: ngày 31–12–1976, hai con tàu mang tên Thống nhất rước ảnh Bác Hồ xuất phát cùng một giờ tại hai đầu Tổ quốc là ga Hà Nội và ga Sài Gòn, khai thông tuyến đường sắt huyết mạch Bắc – Nam trong niềm phấn khởi của đồng bào cả nước.

Sau gần 80 giờ lăn bánh, ngày 3–1–1977, cả hai đoàn tàu về đến ga Hà Nội và Sài Gòn trong nụ cười, nước mắt hân hoan của nhân dân Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ga Sài Gòn, một cuộc mít tinh lớn được tổ chức để đón tàu Thống nhất với sự tham dự của đồng chí Võ Văn Kiệt – Bí thư Thành ủy, Thượng tướng Trần Văn Trà – Chủ tịch Ủy ban Quân quản Thành phố Hồ Chí Minh cùng nhiều đồng chí lãnh đạo và nhân dân thành phố trong biển cờ hoa rực rỡ.

* **Gợi ý sản phẩm**

- *Tại sao sau Đại thắng Xuân 1975, nước ta cần thống nhất về mặt nhà nước?*
 - + Sau Đại thắng Xuân 1975, mỗi miền Bắc – Nam vẫn còn tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
 - + Nguyên vong chính đáng của nhân dân cả nước là cần thống nhất về mặt nhà nước.
 - *Công việc thống nhất về mặt nhà nước sau Đại thắng Xuân 1975 diễn ra như thế nào? Nếu ý nghĩa.*
 - + Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp tại sài Gòn (11–1975), đã hoàn toàn nhất trí về chủ trương thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
 - + Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước (25–4–1976).
 - + Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội (6–7–1976): thông qua chính sách đổi nội và đổi ngoại, lấy tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định Quốc huy, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.
 - + Ở địa phương được tổ chức thành ba cấp chính quyền: cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện và tương đương, cấp xã và tương đương...
 - + Với kết quả của kì họp thứ nhất Quốc hội khoá VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành, tạo cơ sở để đất nước phát triển.

3. Tìm hiểu đường lối đổi mới của Đảng

*** Mục tiêu**

Nêu được đường lối đổi mới của Đảng.

*** Phương thức hoạt động**

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin, kết hợp quan sát hình ảnh, hãy:
 - + Cho biết cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta chuyển sang thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước và thế giới như thế nào.
 - + Nêu nội dung của đường lối đổi mới của Đảng. Theo em, tại sao trong công cuộc đổi mới, đổi mới kinh tế được coi là nhiệm vụ trọng tâm?
 - Trong hoạt động này, GV cần sử dụng các phương pháp dạy học bộ môn và các kĩ thuật dạy học tích cực để tổ chức cho HS hoạt động cá nhân và trao đổi cặp đôi hoặc nhóm sau đó báo cáo kết quả làm việc trước lớp về nội dung: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta chuyển sang thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước và thế giới như thế nào và nêu nội dung của đường lối đổi mới của Đảng ta.
 - Tiếp đó, GV tổ chức cho HS trao đổi đàm thoại, trả lời câu hỏi để giải thích được lí do trong công cuộc đổi mới đất nước thì đổi mới về kinh tế là trọng tâm.
 - Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến từng cá nhân và cặp đôi hoặc nhóm HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.
 - GV giải thích rõ khái niệm: “Đổi mới”.
 - Để khai thác kênh hình, GV hướng dẫn HS quan sát các kênh hình trong tài liệu HDH KHXH 9, tập hai. Đó là nguồn thông tin mà HS cần khai thác để hiểu sâu sắc hơn nội dung của hoạt động này. Hình “Các đồng chí Trường Chinh và Nguyễn Văn Linh trò chuyện với các thành viên trong ban soạn thảo văn kiện Đại hội VI” giúp cho HS biết được một trong những công việc quan trọng của đổi mới là soạn thảo văn kiện trước khi Đại hội.

*** Gợi ý sản phẩm**

- Cho biết cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta chuyển sang thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh đất nước và thế giới như thế nào?
 - + Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng về kinh tế – xã hội. Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.
 - + Đổi mới còn xuất phát từ những thay đổi trong tình hình thế giới: sự suy yếu của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, tác động của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

– Nếu nội dung đường lối đổi mới của Đảng. Theo em, tại sao trong công cuộc đổi mới thì đổi mới kinh tế được coi là nhiệm vụ trọng tâm?

+ Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (12–1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (6–1991), Đại hội VIII (6–1996), Đại hội IX (4–2001).

+ Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

+ Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, đổi mới về kinh tế phải gắn liền với đổi mới chính trị, nhưng trọng tâm là đổi mới về kinh tế.

4. Tìm hiểu Việt Nam trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000)

*** Mục tiêu**

Trình bày được những thành tựu và khó khăn, tồn tại trong 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000).

*** Phương thức hoạt động**

– GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc thông tin kết hợp quan sát hình ảnh, hãy:

+ Cho biết nhân dân ta đạt được những thành tựu gì trong việc thực hiện ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000).

+ Nếu những khó khăn, tồn tại về kinh tế – văn hóa sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000).

– Trong hoạt động này, GV có thể tổ chức cho HS sử dụng kỹ thuật "khăn trải bàn". HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi để tìm hiểu về những thành tựu trong việc thực hiện ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000) của công cuộc đổi mới. Sau đó, trao đổi đàm thoại để nêu được những khó khăn, tồn tại về kinh tế – văn hóa sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000).

– Đối với HS khá giỏi, GV có thể yêu cầu các em trả lời câu hỏi: Trong những thành tựu đổi mới của giai đoạn 1986 – 2000, theo em thành tựu nào nổi bật nhất? Tại sao?

– GV tổ chức cho HS khai thác kênh hình: “Xuất khẩu gạo tại cảng Sài Gòn”, “Khai thác dầu ở mỏ Bạch Hổ trên Biển Đông”, “Lễ kết nạp Việt Nam là thành viên thứ bảy của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)” để hiểu sâu sắc hơn nội dung bài học.

*** Gợi ý sản phẩm**

– Nhân dân ta đạt được những thành tựu trong việc thực hiện ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 – 1990, 1991 – 1995, 1996 – 2000):

Kế hoạch 5 năm 1986 – 1990:

- Thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu đạt được những thành tựu cơ bản.
 - + Về lương thực – thực phẩm, đến năm 1990 đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu.
 - + Hàng hoá trên thị trường dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.
 - Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, hàng xuất khẩu tăng gấp ba lần.

Kế hoạch 5 năm 1991 – 1995:

- + Cả nước phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, đưa nước ta về cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.
- + Trong 5 năm, nền kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hằng năm là 8,2% ; lạm phát bị đẩy lùi, kinh tế đối ngoại phát triển.
- + Quan hệ đối ngoại được mở rộng: Tháng 7–1995, Việt Nam và Mĩ bình thường hoá quan hệ ngoại giao. Cũng trong tháng này, Việt Nam chính thức gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Kế hoạch 5 năm 1996 – 2000:

- + Mục tiêu đề ra là tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết bức xúc về xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.
 - + Tổng sản phẩm trong nước bình quân tăng hằng năm là 7%; công nghiệp tăng bình quân hằng năm là 13,5%; nông nghiệp là 5,7%.
 - + Hoạt động xuất nhập khẩu không ngừng tăng lên. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đạt khoảng 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.
 - + Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.
- *Những khó khăn, tồn tại về kinh tế – văn hoá sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000):*
- + Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.
 - + Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên rất nghiêm trọng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

*** Mục tiêu**

Nhằm củng cố, hệ thống hoá, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về yêu cầu cần phải tiến hành công việc thống nhất đất nước

về mặt nhà nước sau Đại thắng Xuân 1975; kết quả, ý nghĩa của công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước và hệ thống hoá, củng cố các thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 2000.

* Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS làm các bài tập sau vào vở:

1. Tại sao sau Đại thắng Xuân 1975, nước ta lại phải tiến hành việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước? Trình bày kết quả, ý nghĩa của công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

2. Lập bảng thống kê các thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1986 đến năm 2000 theo nội dung sau:

| Kế hoạch Nhà nước 5 năm: | Thành tựu |
|--------------------------|-----------|
| 1986 – 1990 | |
| 1991 – 1995 | |
| 1996 – 2000 | |

* Gợi ý sản phẩm

– Sau Đại thắng Xuân 1975, nước ta phải tiến hành công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước là do:

- + Mỗi miền Bắc – Nam vẫn tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.
- + Nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước là cần thống nhất về mặt nhà nước.
- Kết quả: Chúng ta đã hoàn thành được công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước: Quốc hội thống nhất lấy tên nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định Quốc huy, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn – Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ý nghĩa: Đánh dấu việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành, tạo cơ sở để đất nước phát triển.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* Mục tiêu

Nhằm vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề liên quan đến thực tiễn:

- Về ảnh hưởng, tác động của công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đến sự phát triển của nước ta sau này.
- Những thách thức và triển vọng của công cuộc đổi mới ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

* Phương thức hoạt động

GV giao nhiệm vụ cho HS hoàn thành các bài tập sau vào vở:

1. Công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước hoàn thành có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nước ta sau này?
2. Hãy cho biết những thách thức và triển vọng của công cuộc đổi mới ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

* Gợi ý sản phẩm

– *Công cuộc thống nhất đất nước về mặt nhà nước hoàn thành có ảnh hưởng đến sự phát triển của nước ta sau này.*

+ Có nhà nước chung thống nhất, là cơ sở cho việc điều hành, quyết định những chính sách đối nội, đối ngoại thống nhất cho cả nước.

+ Tạo điều kiện cho kinh tế – xã hội phát triển, hỗ trợ lẫn nhau giữa các vùng miền trong cả nước.

+ Tạo điều kiện phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, tăng cường khả năng quốc phòng – an ninh và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

– *Những thách thức và triển vọng của công cuộc đổi mới ở nước ta trong giai đoạn hiện nay:*

Triển vọng:

+ Phát huy được sức mạnh cả dân tộc để phát triển mọi mặt, nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp.

+ Tiếp thu những thành tựu khoa học – công nghệ tiên tiến của thế giới để phát triển kinh tế.

+ Tăng cường mở rộng giao lưu buôn bán với các nước để phát triển.

Thách thức:

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của các nước trong khu vực và thế giới.

+ Không nắm bắt cơ hội sẽ bị tụt hậu.

+ Hội nhập dễ hoà tan, đánh mất bản sắc truyền thống dân tộc.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– GV giao nhiệm vụ cho HS:

1. Tìm hiểu thêm các tư liệu liên quan đến bài học như: Cuộc bầu cử Quốc hội khoá VI của nước Việt Nam thống nhất năm 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12–1986) và được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6–1991), lần thứ VIII (6–1996), lần thứ IX (4–2001).

2. Sưu tầm các hình ảnh về thành tựu của công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, giao thông vận tải.

– GV hướng dẫn HS có thể lựa chọn một trong số các nội dung trên:

+ Có thể viết báo cáo (đoạn văn, trình chiếu hay bộ sưu tập ảnh...).

+ Chia sẻ với bạn bè bằng việc: trao đổi sản phẩm cho bạn, trưng bày, triển lãm sản phẩm, gửi thư điện tử...

– Đánh giá sản phẩm của HS: nhận xét, tuyên dương, khen ngợi...

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI BÁO CÁO

Tên nhóm: Số lượng thành viên:

Nội dung nhóm trình bày:

Thang đánh giá: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Khá; 4 = Tốt; 5 = Xuất sắc

| Tiêu chí | Yêu cầu | | Đánh giá |
|-------------------|---------|---|----------|
| Bố cục | 1 | Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem | |
| | 2 | Cấu trúc mạch lạc, lô gíc | |
| | 3 | Nội dung phù hợp với tiêu đề | |
| Nội dung | 4 | Nội dung chính rõ ràng, khoa học | |
| | 5 | Các ý chính có sự liên kết | |
| | 6 | Có liên hệ với thực tiễn | |
| | 7 | Có sự kết nối với kiến thức đã học | |
| | 8 | Sử dụng kiến thức của nhiều môn học | |
| Lời nói, cử chỉ | 9 | Giọng nói rõ ràng, khúc chiết; âm lượng vừa phải, đủ nghe | |
| | 10 | Tốc độ trình bày vừa phải, hợp lý | |
| | 11 | Ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu, phù hợp lứa tuổi | |
| | 12 | Thể hiện được cảm hứng, sự tự tin, nhiệt tình khi trình bày | |
| | 13 | Có giao tiếp bằng cử chỉ, ánh mắt với người tham dự | |
| Sử dụng công nghệ | 14 | Thiết kế sáng tạo, màu sắc hài hoà, thẩm mỹ cao | |
| | 15 | Phông chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lý | |
| | 16 | Hiệu ứng hình ảnh dễ nhìn, dễ đọc | |

| | | | |
|--------------------|----|---|--|
| Tổ chức, tương tác | 17 | Cách dẫn dắt vấn đề thu hút sự chú ý của người dự; không bị lệ thuộc vào phương tiện. | |
| | 18 | Có nhiều HS trong nhóm tham gia trình bày | |
| | 19 | Trả lời các câu hỏi thêm từ người dự | |
| | 20 | Phân bổ thời gian hợp lý | |

Điểm trung bình (Cộng tổng điểm chia cho 20 nếu sử dụng công nghệ, chia cho 17 nếu không sử dụng công nghệ)

Chữ ký người đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG NHÓM PHÂN CÔNG

Họ và tên:

Thuộc nhóm:

Nhiệm vụ nhóm:

Nhiệm vụ cá nhân:

Thang đánh giá: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Khá; 4 = Tốt; 5 = Xuất sắc

| Tiêu chí | Yêu cầu | | Đánh giá |
|-----------------|---------|--|----------|
| Thái độ học tập | 1 | Có ghi chép cá nhân | |
| | 2 | Nội dung ghi chép hợp lý | |
| | 3 | Tuân thủ theo sự điều hành người điều hành | |
| | 4 | Tích cực, tự giác trong học tập | |
| | 5 | Thể hiện sự ham hiểu biết, nếu có câu hỏi với GV phải là câu hỏi liên quan đến nội dung của chủ đề | |

| | | | |
|--------------------|----|---|--|
| Tổ chức, tương tác | 6 | Thể hiện được vai trò của cá nhân trong nhóm | |
| | 7 | Có ý kiến để nhận được phân công hợp lý trong nhóm | |
| | 8 | Có tinh thần giúp đỡ, hỗ trợ thành viên khác | |
| | 9 | Thực hiện đúng các quy định do nhóm đề ra | |
| | 10 | Cá nhân có đóng góp ý kiến trong nhóm | |
| | 11 | Cá nhân tham gia vào tất cả các giai đoạn làm việc nhóm | |
| | 12 | Có sự sáng tạo trong hoạt động | |
| Sưu tầm tài liệu | 13 | Hoàn thành nhiệm vụ được giao | |
| | 14 | Nguồn tài liệu phong phú, gắn với thực tế | |
| | 15 | Tài liệu thuộc nhiều lĩnh vực bổ sung cho nhiệm vụ của bản thân | |

Điểm trung bình (Cộng tổng điểm và chia cho 15):

Chữ ký người đánh giá

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔ CHỨC

Họ và tên:

Thuộc nhóm:

Thang đánh giá: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Khá; 4 = Tốt; 5 = Xuất sắc

| Tiêu chí | Yêu cầu | | Đánh giá |
|----------|---------|---|----------|
| Tổ chức | 1 | Có khả năng điều hành các bạn | |
| | 2 | Quan tâm đến khách mời và người tham dự | |
| | 3 | Diễn biến chương trình phù hợp với buổi báo cáo | |

| | | | |
|---------------------|----|---|--|
| Chất lượng sản phẩm | 4 | Sử dụng kiến thức của nhiều môn học để hoàn thành khâu tổ chức | |
| | 5 | Có đủ sản phẩm theo yêu cầu | |
| | 6 | Trang trí phù hợp với lứa tuổi | |
| | 7 | Thể hiện được cảm hứng, sự tự tin, nhiệt tình trong sản phẩm | |
| Tổ chức, tương tác | 11 | Cách dẫn dắt vấn đề thu hút sự chú ý của người dự; không bị lệ thuộc vào phương tiện. | |
| | 12 | Có nhiều HS trong nhóm tham gia trình bày | |
| | 13 | Quan tâm đến sự khác biệt của từng nhóm | |
| | 14 | Phân bố thời gian hợp lý cho các tiết mục giải trí | |
| | 15 | Nhiều người biết đến chương trình | |

Điểm trung bình (cộng tổng điểm và chia cho 15):

Chữ ký người đánh giá

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|-------|
| Lời nói đầu | 3 |
| PHẦN THỨ NHẤT. HƯỚNG DẪN VẬN DỤNG PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC LỚP 9 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI | 5 |
| PHẦN THỨ HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI HỌC MINH HOẠ | 13 |
| Bài 1. Dân cư | 13 |
| Bài 2. Lao động việc làm và chất lượng cuộc sống | 20 |
| Bài 3. Sự phát triển nền kinh tế Việt Nam | 25 |
| Bài 4. Địa lí nông nghiệp | 30 |
| Bài 5. Địa lí công nghiệp | 40 |
| Bài 6. Địa lí dịch vụ | 49 |
| Bài 7. Trung du và miền núi Bắc Bộ | 58 |
| Bài 8. Đồng bằng sông Hồng | 68 |
| Bài 9. Bắc Trung Bộ | 77 |
| Bài 10. Duyên hải Nam Trung Bộ | 86 |
| Bài 11. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991) | 95 |
| Bài 12. Các nước Á, Phi, Mĩ Latinh từ năm 1945 đến nay | 103 |
| Bài 13. Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu từ năm 1945 đến nay | 119 |
| Bài 14. Trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai | 129 |
| Bài 15. Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hoá nửa sau thế kỉ XX | 139 |
| Bài 16. Tây Nguyên | 147 |
| Bài 17. Đông Nam Bộ | 156 |
| Bài 18. Đồng bằng sông Cửu Long | 164 |

| | |
|---|-----|
| Bài 19. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo | 173 |
| Bài 20. Địa lí địa phương | 179 |
| Bài 21. Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930 | 185 |
| Bài 22. Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 | 201 |
| Bài 23. Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954 | 213 |
| Bài 24. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 | 231 |
| Bài 25. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000 | 252 |
| PHỤ LỤC | 262 |

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch Hội đồng thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung :
Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo :
Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học VŨ ĐÌNH CHUẨN
Phó Tổng biên tập NGUYỄN HIỀN TRANG
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập nội dung và sửa bản in :
NÔNG THỊ HUỆ - ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG
LÊ ANH TUẤN - TRƯƠNG THỊ THU HIỀN

Trình bày bìa :
ĐINH THANH LIÊM

Thiết kế sách và chế bản :
NGUYỄN HỒNG PHONG

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI LỚP 9

Mã số : T9K09A7

Mã số ISBN: 978-604-0-11105-0

In bản, (QĐ.....), khổ 19 x 27 cm, tại
In tại..... Địa chỉ
Cơ sở in Địa chỉ
Số ĐKXB : 3016-2017/CXBIPH/8-1199/GD
Số QĐXB :/QĐ-GD ngày tháng..... năm
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2017.